

GIÁO DỤC

SỐ 45/2023

NGHỆ THUẬT

Tạp chí của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương
NUAE JOURNAL OF ARTS EDUCATION



Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương là cơ sở đào tạo hàng đầu về giáo dục nghệ thuật. Với những điều kiện thuận lợi, đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị cùng với đội ngũ giảng viên vững mạnh, Nhà trường đã và đang đào tạo nhiều ngành nghề ở các trình độ khác nhau, tạo được nhiều uy tín trong cả nước.

Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương đã thực hiện Đề án tự chủ tuyển sinh từ năm 2013, Nhà trường luôn tạo điều kiện tốt nhất cho thí sinh nếu có nguyện vọng đăng ký dự thi và học tập tại Trường.



Giờ thực hành in độc bản



Giờ thực hành Thanh nhạc



Trình diễn mẫu Thiết kế thời trang



CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO CỦA NHÀ TRƯỜNG

I. Trình độ tiến sĩ (02 chuyên ngành)

- Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc
- Văn hoá học

II. Trình độ thạc sĩ (04 chuyên ngành)

- Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc
- Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Mỹ thuật
- Quản lý văn hoá
- Mỹ thuật ứng dụng

III. Trình độ đại học (10 ngành và 04 chuyên ngành)

1. Ngành Sư phạm Âm nhạc
2. Chuyên ngành Sư phạm Âm nhạc Mầm non
3. Ngành Sư phạm Mỹ thuật
4. Chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật Mầm non
5. Ngành Quản lý văn hóa
6. Chuyên ngành Quản lý văn hóa nghệ thuật
7. Chuyên ngành Quản lý văn hóa Du lịch
8. Ngành Thiết kế Thời trang
9. Ngành Công nghệ May
10. Ngành Thiết kế Đồ họa
11. Ngành Hội họa
12. Ngành Thanh nhạc
13. Ngành Piano
14. Ngành Diễn viên Kịch - Điện ảnh



Sinh viên Sông Thao giải 3 Sao Mai 2015

GIÁO DỤC

NGHỆ THUẬT

Hội đồng biên tập
PGS.TS. ĐÀO ĐĂNG PHƯƠNG - CHỦ TỊCH
GS.TSKH. PHẠM LÊ HÒA - ỦY VIÊN
GS.TS. NGUYỄN VĂN ĐÌNH - ỦY VIÊN
PGS.TS. NGUYỄN HỮU THỨC - ỦY VIÊN
PGS.TS. TRẦN ĐÌNH TUẤN - ỦY VIÊN

Quyền Tổng biên tập
PGS. TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

Phó Tổng biên tập
ThS. LÊ MẠNH HÙNG

Trưởng ban biên tập
TS. LÊ THỊ MỸ HẠNH

Thiết kế mỹ thuật
ThS. TẠ ANH NGỌC

Tòa soạn và trị sự
TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW
SỐ 18, NGÕ 55, ĐƯỜNG TRẦN PHÚ,
HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI

Liên hệ
ĐIỆN THOẠI: 024. 62516 417
FAX: 024. 38544 468
EMAIL: bbt.tapchi@spnttw.edu.vn
WEBSITE: www.spnttw.edu.vn

Giấy phép hoạt động số 1493/GP-BTTTT ngày
09/10/2008 do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp
và Giấy phép 240/GP-BTTTT được cấp lại ngày
05/08/2014

Ảnh bìa: **Tạ Anh Ngọc**



SỨ MẠNG, MỤC TIÊU CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

I. SỨ MẠNG

Đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực cấp cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Văn hóa, Giáo dục nghệ thuật đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.

II. MỤC TIÊU

Phát triển nhà trường trở thành trung tâm đào tạo theo hướng ứng dụng và nghiên cứu khoa học chất lượng cao về lĩnh vực Văn hoá, Giáo dục nghệ thuật, được xếp hạng trong nước, khu vực và quốc tế; thực hiện tốt trách nhiệm kết nối vì sự phát triển cộng đồng.

CONTENTS

VĂN HÓA

- >>> **Nguyễn Văn Định:** Một vài suy nghĩ về biến đổi văn hóa
SOME THINKINGS ON CULTURE CHANGE 6
- >>> **Phạm Phương Thủy:** Bàn về khái niệm, tiêu chí và giải pháp xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh ở Việt Nam
DISCUSS THE CONCEPT, CRITERIA AND SOLUTION TO BUILD A HEALTHY CULTURAL MARKET IN VIETNAM 10
- >>> **Ngô Anh Đào:** Chiếc quạt trong văn hoá Trung Hoa
FANS IN CHINESE CULTURE 15
- >>> **Bùi Cẩm Anh:** Những giá trị tiêu biểu của di tích quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng
TYPICAL VALUES OF SPECIAL NATIONAL MONUMENTS TRAN HUNG DAO FOREST, NGUYEN BINH DISTRICT, CAO BANG PROVINCE 20
- >>> **Trần Thị Hồng Hạnh:** Xây dựng văn hóa ứng xử trong môi trường học đường của Học viện Nông Nghiệp Việt Nam
BUILDING A CULTURE OF BEHAVIOR IN THE SCHOOL ENVIRONMENT AT THE VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY OF AGRICULTURE 24
- >>> **Phạm Văn Hân:** Một số giải pháp quản lý hoạt động văn hóa tại trung tâm văn hóa nghệ thuật tỉnh Kon Tum
SOME SOLUTIONS FOR MANAGEMENT OF CULTURAL ACTIVITIES AT KON TUM PROVINCE'S CULTURE ARTS CENTER 27
- >>> **Dương Thị Hồng Hạnh:** Quản lý hoạt động của các câu lạc bộ nghệ thuật tại “Bích Câu đạo quán” – những vấn đề đang đặt ra
MANAGEMENT OF ART CLUB ACTIVITIES AT “BICH CAU DAO QUAN” – ISSUES BEING 31
- >>> **Hoàng Thị Lệ:** Hoạt động quản lý nhà nước về di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng
CURRENT SITUATION OF STATE MANAGEMENT ACTIVITIES ABOUT HISTORY - CULTURAL RITES IN HOA AN DISTRICT, CAO BANG PROVINCE 36

NGHỆ THUẬT

- >>> **Văn Thị Minh Hương:** Mối liên hệ giữa âm nhạc cung đình các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam
RELATIONSHIP BETWEEN FAMILY MUSIC OF CHINA, JAPAN, KOREA, VIETNAM 39
- >>> **Nguyễn Văn Điệp:** Nhận diện một số tính đối thoại của âm nhạc chèo trong vở diễn Quan Âm Thị Kính
IDENTIFY SOME DIALOGUES OF CHEO MUSIC IN THE PLAY QUAN AM THI KINH 48
- >>> **Mai Thanh Bình:** Đánh giá tác phẩm chuyển soạn từ ca khúc cho đàn electronic keyboard
ELECTRONIC KEYBOARD PERFORMANCE WORKS REVIEW 52

NGHỆ THUẬT

NUAE JOURNAL OF ARTS EDUCATION

Head of Editorial Board

ASSOC.PROF.DR. DAO DANG PHUONG - CHAIRMAN
PROF.DR.SC. PHAM LE HOA - COUNCILOR
PROF.DR. NGUYEN VAN DINH - COUNCILOR
ASSOC.PROF.DR. NGUYEN HUU THUC - COUNCILOR
ASSOC.PROF.DR. TRAN DINH TUAN - COUNCILOR

Interim Editor-in-chief

ASSOC.PROF.DR. NGUYEN THI PHUONG THAO

Deputy Editor-in-chief

LE MANH HUNG, M.A

Chief Editor

LE THI MY HANH, DR

Art Designer

TA ANH NGOC, M.A

Office

NATIONAL UNIVERSITY OF ART
EDUCATION,
NO. 18, LANE. 55, TRAN PHU,
HA DONG, HA NOI

Contact

TELEPHONE: 024. 62516 417
FAX: 024. 38544 468
EMAIL: bbt.tapchi@spnttw.edu.vn
WEBSITE: www.spnttw.edu.vn

Giấy phép hoạt động số 1493/GP-BTTTT ngày
09/10/2008 do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp
và Giấy phép 240/GP-BTTTT được cấp lại ngày
05/08/2014

>>> **Hoàng Tiến Thành:** Nghệ thuật tạo hình trong tranh của hoạ sĩ Lê Phổ vận dụng vào dạy học mỹ thuật tại cấp trung học cơ sở

PLASTIC ART IN PAINTINGS BY THE PAINTER LE PHO, APPLIED IN TEACHING FINE ARTS AT NGUYEN PHONG SAC SECONDARY SCHOOL, HANOI **56**

>>> **Lê Thị Lý :** Những giá trị tiêu biểu của di tích quốc gia đền - chùa Chi Đông, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

TYPICAL VALUES OF NATIONAL RITES CHI DONG TEMPLE - PAGODA, CHI DONG TOWN, ME LINH DISTRICT, HANOI CITY **59**

>>> **Nguyễn Quang Huy, Đào Thị Thúy Anh:** Nghiên cứu nghệ thuật tranh hoành tráng MeXiCo vận dụng vào giảng dạy học phần trang trí ứng dụng khoa SPMT – trường ĐHSP Nghệ Thuật TW

STUDYING THE ART OF MEMBERSHIP MEXICO APPLICATION IN TEACHING APPLICATION DECORATION SECTION DEPARTMENT OF SPMT – NATIONAL UNIVERSITY OF FINE ARTS EDUCATION **62**

GIÁO DỤC

>>> **Võ Văn Lạc:** Đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Mỹ thuật ứng dụng

ISSUES OF TRAINING ON DOCTORAL LEVEL MAJOR OF APPLIED FINE ARTS **67**

>>> **Nguyễn Thị Lê, Trương Hùng Minh:** Rèn luyện kỹ năng hát bài hát tiếng anh cho trẻ 5-6 tuổi

TEACHING SINGING SKILLS TO PRACTICE ENGLISH SONGS FOR 5-6-YEAR-OLD CHILDREN **74**

>>> **Dương Vũ Bình Minh:** Một vài nét về tác phẩm sắc xuân của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân

SOME CHARACTERISTICS OF SAC XUAN'S WORD OF MUSIC DO HONG QUAN **78**

>>> **Lương Thị Hằng My:** Nâng cao chất lượng giáo dục giá trị văn hóa truyền thống qua hoạt động trải nghiệm làng nghề cho học sinh trung học phổ thông vùng Đồng Bằng sông Hồng

EXPERIENCING TRADE VILLAGES AS A WAY TO ENHANCE THE QUALITY OF EDUCATING TRADITIONAL CULTURAL VALUES FOR HIGH-SCHOOL STUDENTS IN THE RED RIVER DELTA **82**

>>> **Đặng Thu Hương:** Vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin vào thiết kế bài giảng điện tử cho học phần Công nghệ cắt may tại Trường Đại Học Mỹ Thuật Công Nghiệp

THE ROLE OF INFORMATION TECHNOLOGY APPLICATION IN THE DESIGN OF ELECTRONIC LESSONS FOR CUTTING SEWING TECHNOLOGY MODULE AT UNIVERSITY OF INDUSTRIAL ARTS **87**

>>> **Nguyễn Thị Thanh Hương:** Vai trò giáo dục của nhân viên công tác xã hội trong hỗ trợ phụ huynh có con mắc chứng tự kỷ tại trường mầm non

THE EDUCATIONAL ROLE OF SOCIAL WORKERS IN SUPPORTING PARENTS OF CHILDREN WITH AUTISM AT KINDERGARTEN **91**

>>> **Nguyễn Thị Phương Thanh:** Trị liệu nghệ thuật đối với trẻ tự kỷ - tiếp cận từ góc nhìn của ngành Công tác xã hội

ART THERAPY FOR CHILDREN WITH AUTISM APPROACHES FROM THE PERSPECTIVE OF SOCIAL WORK **95**

>>> **Trần Quốc Việt, Trần Yến Nhi:** Hiện tượng ca sĩ việt hát lệch chuẩn tiếng Việt và lời ca

THE PHENOMENON MISPRONOUNCE VIETNAMESE AND LYRICS WHILE SINGING OF VIETNAMESE SINGER **98**

>>> **Nguyễn Thúy Hà, Vũ Việt Hoàng:** Ứng dụng công nghệ thông tin vào một số dạng bài tập thực hành mỹ thuật trong dạy học online cho học sinh tiểu học

USING INFORMATION TECHNOLOGY IN TEACHING ONLINE SOME TYPES OF ARTISTIC PRACTICE EXERCISES TO ELEMENTARY STUDENTS LESSONS FOR CUTTING SEWING TECHNOLOGY MODULE AT UNIVERSITY OF INDUSTRIAL ARTS **104**

>>> **Nguyễn Thị Thu Hằng :** Đánh giá hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy thanh nhạc cho ngành Sư Phạm Âm nhạc, trường Đại Học Sư Phạm Tghệ Thuật TW

ASSESSMENT OF INFORMATION TECHNOLOGY APPLICATION ACTIVITIES IN VOCAL TEACHING FOR MUSIC PEDAGOGY, NATIONAL UNIVERSITY OF ARTS EDUCATION **107**

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ BIẾN ĐỔI VĂN HÓA

NGUYỄN VĂN ĐỊNH

Email: nguyenvandinh1972@gmail.com

Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

SOME THINKINGS ON CULTURE CHANGE

TÓM TẮT

Biến đổi văn hóa là vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Hiện có nhiều lý thuyết về biến đổi văn hóa được trình bày theo các cách tiếp cận khác nhau. Bài viết này chúng tôi đề cập đến một số vấn đề về biến đổi văn hóa của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước.

Từ khóa: Biến đổi văn hóa, tiếp xúc văn hóa, văn hóa

ABSTRACT

Cultural change is a matter of interest to many researchers. There are now many theories of cultural transformation presented in different approaches. In this article, we address some of the issues of cultural transformation of researchers at home and abroad

Keywords: Culture, transformation, cultural transformation, cultural contact

1. Đặt vấn đề

Văn hóa là một lĩnh vực rộng lớn, vô cùng phong phú và đa dạng. Văn hóa theo nghĩa rộng nhất là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lao động tạo nên bản sắc của từng dân tộc, từng xã hội. Văn hóa là sự hiểu biết, khả năng sáng tạo mà con người tích lũy được trong quá trình học tập, lao động và đấu tranh. Những hiểu biết chỉ trở thành văn hóa khi nó trở thành nền tảng cho hành vi ứng xử trong quan hệ giữa người với người, với xã hội, với tự nhiên và chính bản thân mình. Văn hóa hướng con người tới giá trị chân - thiện - mỹ, là mục tiêu của phát triển kinh tế xã hội, thể hiện trình độ của con người và xã hội. Văn hóa là động lực, là nguồn sức mạnh nội sinh cho sự phát triển. Văn hóa khơi dậy tiềm năng sáng tạo của con người, văn hóa dựa vào các giá trị tốt đẹp để phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của các nhân tố khách quan và chủ quan đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

Cuộc sống luôn vận động và phát triển, văn hóa cũng không nằm ngoài quy luật đó. Trải qua thời gian văn hóa đã có những tiếp biến, biến đổi nhất định. Nhưng những hằng số văn hóa chứa đựng các tinh hoa văn

hóa luôn được giữ vững tạo nên bản sắc của mỗi quốc gia, dân tộc.

2. Biến đổi văn hóa

Trước khi bàn về sự biến đổi văn hóa, chúng tôi xin trao đổi một số vấn đề về cấu trúc văn hóa. Theo một số nhà nghiên cứu, nếu như quan sát trên cấu trúc bề mặt thì người ta sẽ thấy mọi sự sáng tạo văn hóa đều được thực hiện thông qua các hoạt động xã hội của con người. Văn hóa như là những gì diễn ra hằng ngày trong cuộc sống, và vì thế hoạt động văn hóa được bao chứa trong các hoạt động xã hội cũng như hoạt động chính trị, kinh tế. Trong điều kiện đó, xét trên bình diện sáng tạo và hoạt động văn hóa, tính xã hội sẽ nổi bật dưới con mắt của các nhà xã hội học. Nếu người ta quan sát cấu trúc chiều sâu, ít biến đổi như những hằng số, người ta sẽ thấy văn hóa với những hệ giá trị của nó sẽ là động lực, là cái gốc điều chỉnh mọi sinh hoạt đời sống và giữ tính liên tục và ổn định xã hội. Như vậy, văn hóa được quan niệm như là những hệ giá trị xã hội mang tính kế thừa. Khi nói tới văn hóa như là những giá trị do con người tạo ra trong quá trình ứng xử với tự nhiên và xã hội và chính bản thân mình theo quy luật của cái đẹp thì

văn hóa lại nằm trong chiều sâu tâm thức của người bản ngữ, định hướng cho sự lựa chọn khác nhau của các cộng đồng tộc người thuộc các nền văn hóa khác nhau.

Mối quan hệ tương tác giữa cấu trúc bề mặt và cấu trúc chiều sâu diễn ra như sau: Cấu trúc chiều sâu đóng vai trò định hướng và điều chỉnh những biến đổi trên bề mặt; còn các yếu tố trên bề mặt, trong quá trình biến đổi, dần dần thâm thấu và tác động đến cấu trúc chiều sâu, làm cho cấu trúc này cũng phải biến đổi theo, dù rất chậm rãi. Do đó, văn hóa không phải là cái gì nhất thành bất biến mà cũng như mọi sự vật đều biến đổi.

Cấu trúc chiều sâu là cái kết tinh, lắng đọng ẩn dưới cơ tầng, đóng vai trò định hướng điều chỉnh mọi sự biến đổi trên cấu trúc bề mặt, quy định bản sắc văn hóa của mỗi cộng đồng và nhân cách của mỗi cá nhân, định hình nền văn hóa của mỗi dân tộc trong không gian và thời gian. Cái ít biến đổi mà ta gọi là hằng số, là yếu tố tĩnh của văn hóa nằm trong tâm thức của con người, chính là các hệ thống giá trị. Tuy phân biệt thành nhiều hệ giá trị nhưng những hệ giá trị ấy đều liên quan mật thiết với nhau như mối quan hệ biện chứng âm dương vậy. Giá trị và chuẩn mực xã hội không hoàn toàn đồng nhất vì giá trị của những gì do con người sáng tạo đều được đánh giá bằng thước đo của chuẩn mực theo bậc thang của chúng. Giá trị mang tính khái quát, là những đối tượng lợi ích của con người và định hướng cho sự ứng xử cộng đồng hay cá nhân, là những biểu thị các quan hệ thực tiễn của con người đối với các sự vật và các hiện tượng xung quanh. Còn chuẩn mực là cái được chọn làm căn cứ để đối chiếu, để đánh giá, để hướng theo nó làm cho đúng và đồng thời là vật được chọn làm mẫu để đo lường.

Chúng tôi quan niệm rằng, ở một sự vật hiện tượng, biến đổi là sự thay đổi ít hay nhiều. Đã có nhiều lý thuyết về biến đổi văn hóa. Đầu thế kỷ XX, ra đời thuyết tiến hóa đơn tuyến với các đại diện như Henry Sumner (1822-1888), Sir John Lubbock (1834-1913), Lewis Herry Morgan (1818-1881). Thuyết này cho rằng toàn bộ các xã hội đều trải qua các giai đoạn như nhau. Do xã hội các nước tiên tiến phát triển với những nhịp độ khác nhau, với nhịp độ chậm hơn sẽ ở mức thấp hơn so với các xã hội tiến hóa với nhịp độ nhanh. Các nhà tiến hóa đơn tuyến cho rằng văn hóa vật chất, phương thức sinh tồn, quan hệ họ hàng và niềm tin tôn giáo quan hệ chặt chẽ với nhau; thí dụ phương thức sinh tồn thay đổi sẽ kéo theo sự thay đổi về quan hệ họ hàng và niềm tin tôn giáo. Vào những năm 40 và 50 của thế kỷ XX, trong khoa nhân học Mỹ xuất hiện tư tưởng về tân tiến hóa với những đại diện như Julian Steward (1902-972), Leslie White (1900-1975) và George Peter Murdok (1897-1985). Cả Steward và White đều chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa

Mác và họ quan tâm đến kỹ thuật và môi trường trước những biến đổi văn hóa. Với cách tiếp cận sinh thái học, Steward quan tâm đến sự thích nghi của các nền văn hóa riêng trong những môi trường cụ thể. White đề xướng thuyết tiến hóa tổng thể về văn hóa. Murdok phân tích xuyên văn hóa quy mô lớn và hoàn thiện phương pháp so sánh trong nhân học(1).

Ở Việt Nam, có nhiều tác giả tiếp thu tư tưởng học thuật nước ngoài trong khi bàn về biến đổi văn hóa. GS.TS Phạm Đức Dương là một nhà nghiên cứu văn hóa quen thuộc ở Việt Nam và ông cũng là người viết tập trung về lý thuyết này. Theo Phạm Đức Dương một trong những nguyên nhân của sự biến đổi văn hóa là do sự giao lưu, tiếp xúc với các nền văn hóa khác. Ở đây có sự gặp gỡ giữa các kiểu lựa chọn khác nhau và tất yếu diễn ra sự giao thoa văn hóa, dẫn đến những tiếp biến văn hóa với tốc độ khác nhau. Chính những quy luật này quy định sự biến đổi văn hóa của các dân tộc trong chiều dài lịch sử mà không xóa đi những đặc trưng văn hóa của mỗi dân tộc. Do đó, một nền văn hóa khép kín, bị biệt lập, tất yếu sẽ dẫn đến sự suy thoái, thậm chí bị tiêu diệt. Một nền văn hóa muốn tồn tại, phát triển, phải là nền văn hóa mở. Khi các quan hệ trong nước và quốc tế được mở rộng, các nền văn hóa lại có điều kiện tiếp xúc, giao lưu để tạo thêm sức sống cho mình. Trong quá trình tiếp xúc văn hóa, bao giờ cũng xảy ra hai khuynh hướng trái ngược nhau. Một xu hướng là bảo thủ, cố khép kín hàng rào văn hóa của mình, không chấp nhận cái lạ, cái mới, cái khác mình, không chịu đổi mới. Xu hướng khác là lai căng mất gốc, sùng ngoại, tiếp thu không có chọn lọc, coi khinh những giá trị văn hóa dân tộc. Cả hai xu hướng này đều dẫn tới một nền văn hóa nghèo nàn, thiếu sức sống. Một dân tộc có bản lĩnh với một nền văn hóa có nội lực mạnh thường tạo ra những điều kiện thuận lợi để văn hóa có thể tiếp xúc rộng rãi với các nền văn hóa khác nhằm tiếp thu những giá trị mới tinh hoa của nhân loại, bổ sung cho nền văn hóa dân tộc và phát huy những giá trị truyền thống để đi vào hiện đại. Tiếp xúc và giao lưu văn hóa là sự gặp gỡ, trao đổi, vay mượn và có sự tác động qua lại giữa hai nền văn hóa. Khi nói tới tiếp xúc là nói tới sự tiếp xúc giữa hai mô hình văn hóa và ảnh hưởng của một nền văn hóa này đối với một nền văn hóa khác trong một thời gian dài, trên một quy mô rộng, làm biến đổi cấu trúc và cơ chế vận hành của văn hóa đi vay mượn.

Trong tiếp xúc văn hóa có sự phân biệt giữa bị áp đặt và tự nguyện, giữa yếu tố nội sinh và yếu tố ngoại sinh, có độ khúc xạ dẫn đến sự biến đổi mô hình, với quy luật nội tại mang tính đặc thù. GS Phạm Đức Dương viết: “Còn sự giao lưu văn hóa không mang tính toàn diện mà chỉ là sự gặp gỡ từng yếu tố riêng lẻ, mang tính gián tiếp và để lại những dấu vết bên ngoài (chứ không phải là những dấu ấn bên trong) có tác

dụng làm phong phú hơn, đa dạng hóa nền văn hóa nhưng không tác động đến cấu trúc văn hóa. Đương nhiên, giữa tiếp xúc và giao lưu văn hóa có thể diễn ra đồng thời và có mối quan hệ tác động qua lại”(2). Theo tác giả, sự thay đổi mô hình văn hóa của một dân tộc được bắt đầu với sự xuất hiện những yếu tố ngoại sinh thuộc mô hình vay mượn và quan hệ của chúng với những yếu tố nội sinh thuộc mô hình bản địa. Sự biến cải mô hình cũ để tạo nên một cấu trúc mới hiện đại diễn ra trong quá trình tiếp xúc. Vì thế, nói tới sự biến đổi mô hình là nói tới sự biến đổi cấu trúc có hệ thống chứ không phải từng yếu tố riêng lẻ. Đây là điều khu biệt với quá trình giao lưu văn hóa. Biến đổi văn hóa khác với những biến đổi chính trị, kinh tế là những biến đổi mang tính bột phát, cách mạng (révolution). Sự biến đổi văn hóa mang tính tiệm tiến (évolution). Vì văn hóa là sự kế thừa và phải thỏa mãn những nhu cầu bất biến của con người. Văn hóa biến đổi trước và kéo dài sau những biến đổi chính trị, kinh tế, kỹ thuật(2). Nhìn chung, luận điểm này là đúng, song có lẽ chưa đúng với những trường hợp khi đất nước chuyển từ trạng thái thời bình sang thời chiến, một cuộc chiến kéo dài mấy chục năm hoặc một cộng đồng phải trải qua những biến động chính trị dữ dội và đột ngột như cải cách ruộng đất ở Việt Nam (những năm 50 của thế kỷ XX), cách mạng văn hóa của Trung Quốc (những năm 60-70 của thế kỷ XX).

Những luận giải của GS Phạm Đức Dương chủ yếu bàn về sự biến đổi văn hóa của một dân tộc. Chúng tôi nghĩ, ngoài sự biến đổi văn hóa của một cộng đồng dân tộc còn có sự biến đổi văn hóa của một cộng đồng nhỏ hơn dân tộc, thí dụ văn hóa làng, văn hóa vùng. GS Phạm Đức Dương cho rằng biến đổi văn hóa là tất yếu: Quy luật vận động và biến đổi là chung cho muôn loài, là thuộc tính quan trọng nhất, là phương thức tồn tại của vật chất, điều đó có nghĩa là cái bất biến của sự sống là sự vận động và biến đổi. Dưới hình thức chung nhất, vận động và sự biến đổi nói chung là sự tác động qua lại giữa các khách thể vật chất. Con người và văn hóa cũng không nằm ngoài quy luật vận động của tạo hóa(2). Xin được hệ thống hóa các nguyên nhân dẫn đến biến đổi văn hóa.

Đối với mỗi sự vật, thực thể văn hóa việc biến đổi là do:

- Bản thân mỗi sự vật, hiện tượng luôn luôn vận động và biến đổi (theo chủ nghĩa duy vật biện chứng).

- Mâu thuẫn đối kháng trong lòng sự vật là nguyên nhân thúc đẩy sự biến đổi. Trong xã hội phân chia giai cấp, đấu tranh giai cấp là động lực của sự phát triển xã hội(3).

- Kỹ thuật thay đổi dẫn đến biến đổi. Thí dụ từ khi con người chế tạo ra máy móc, thay cho lao động thủ

công, sự biến đổi mạnh mẽ trong sản xuất kéo theo sự biến đổi trong quan hệ xã hội. Các nguyên nhân nêu trên xuất hiện trong lòng sự vật. Còn có nguyên nhân bên ngoài dẫn đến biến đổi văn hóa. Đó là sự tiếp xúc văn hóa và sự tiếp biến văn hóa (acculturation). Tiếp xúc văn hóa và tiếp biến văn hóa là hai quá trình có liên quan nhưng khác nhau. Tiếp biến văn hóa chỉ có được khi có tiếp xúc văn hóa, song không phải tiếp xúc văn hóa nào cũng dẫn đến tiếp biến văn hóa. GS Nguyễn Xuân Kính cho rằng tiếp xúc văn hóa bao gồm tiếp xúc trực tiếp và tiếp xúc gián tiếp, tiếp xúc lâu dài và tiếp xúc ngắn ngủi, tiếp xúc qua đường bộ và tiếp xúc qua đường biển, tiếp xúc tự nguyện và tiếp xúc cưỡng bức. Do tiếp xúc với người Khome, người Việt ở Nam Bộ tiếp thu chiếc khăn rằn, tiếp xúc với người Chăm, người Việt biết muối cá thành mắm và chế biến nước mắm(4). Về tiếp biến văn hóa, theo GS Hà Văn Tấn, năm 1936, các nhà khoa học Mỹ là R. Redifield, R.Linton, M. Herkovits đã định nghĩa thuật ngữ này như sau: “Dưới từ acculturation, ta hiểu là hiện tượng xảy ra khi những nhóm người có văn hóa khác nhau, tiếp xúc lâu dài và trực tiếp, gây ra sự biến đổi mô thức (parttern) văn hóa ban đầu của một hay cả hai nhóm” (5). Trong một nghìn năm Bắc thuộc, văn hóa Việt tiếp xúc bắt buộc và cả tiếp xúc tự nguyện với văn hóa Hán. Tầng lớp thống trị phương Bắc bắt dân Việt phải học chữ Hán, ăn mặc, làm ruộng, tổ chức xã hội (dùng họ của người Hán, cưới xin theo phong tục người Hán,...), thực hiện những cuộc di cư ồ ạt sang nước ta. Trong thời kỳ quân chủ độc lập, nước ta tiếp tục tiếp thu văn hóa Hán: tổ chức nhà nước, học tập và thi cử, hết sức coi trọng Nho giáo,...

Có thể nói, đến thời quân chủ, người Việt đã thay đổi từ mô hình nhà nước sơ khai đậm chất công xã của văn hóa Đông Sơn sang mô hình văn hóa của một nhà nước quân chủ phương Đông tập quyền. Chính quá trình tiếp xúc trực tiếp và lâu dài với văn hóa Hán đã dẫn đến kết quả tiếp biến văn hóa như vậy. Khi tiếp xúc lâu dài và trực tiếp với văn hóa Pháp, văn hóa của người Việt nói chung, giáo dục và thi cử nói riêng có sự thay đổi cơ bản: Từ nền giáo dục và thi cử Nho học chuyển sang nền giáo dục kiểu mới (bỏ chữ Hán, dùng chữ Pháp, chữ quốc ngữ, nội dung học tập và việc thi cử hoàn toàn khác,...). Chính quá trình tiếp xúc văn hóa lâu dài, trực tiếp đã dẫn đến tiếp biến văn hóa về giáo dục như vậy. Có thể thấy một sự vật có thể thay đổi do cả nguyên nhân nội tại và nguyên nhân bên ngoài. Thí dụ, nền giáo dục Nho học từ thời Lý Trần qua thời Lê Mạc đến Nguyễn là có thay đổi: thời Lý các khoa thi tổ chức không định kỳ, đến thời Nguyễn, vua Minh Mệnh định phép thi hương, thi hội, cứ ba năm có một khoa thi, đổi hương cống thành cử nhân, sinh đồ thành tú tài,... Đó là sự thay đổi từ bên trong. Còn đến thời Nguyễn mô hình giáo dục Nho học bị xóa bỏ, chuyển sang mô hình giáo dục của

CULTURE

Pháp là sự thay đổi căn bản, toàn diện do nguyên nhân bên ngoài. Theo GS Phạm Đức Dương, biến đổi văn hóa khác với những biến đổi chính trị, kinh tế là những biến đổi mang tính bột phát, cách mạng (révolution). Sự biến đổi văn hóa mang tính tiệm tiến (évolution). Vì văn hóa là sự kế thừa và phải thỏa mãn những nhu cầu bất biến của con người. Văn hóa biến đổi trước và kéo dài sau những biến đổi chính trị, kinh tế, kỹ thuật.

3. Kết luận

Trong xã hội hiện nay, biến đổi văn hóa là một vấn đề được rất nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Tìm ra những nguyên nhân, bối cảnh, lý giải sự biến đổi văn hóa chính là vấn đề để các quốc gia, dân tộc có những chính sách phù hợp để phát triển đặc biệt là việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp. Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII nêu rõ: “Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Hơn 50 dân tộc sống trên đất nước ta đều có những giá trị và sắc thái văn hóa riêng. Các giá trị và sắc thái đó bổ sung cho nhau, làm phong phú nền văn hóa Việt Nam và cùng cố sự thống nhất dân tộc là cơ sở để giữ vững sự bình đẳng và phát huy tính đa dạng văn hóa của các dân tộc anh em”. Trải qua thời gian những giá trị văn hóa của các dân tộc có những biến đổi nhất định, đó là quy luật tất yếu của cuộc sống. Nhưng tinh thần, bản sắc văn hóa của các dân tộc Việt Nam sẽ là những yếu tố quan trọng để chúng ta hội nhập, xây dựng và phát triển đất nước ngày càng tươi đẹp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1) R. Jon McGee, Richard L. Warms (2003), *Anthropological Theory An Introductory History*, 3rd edition, McGraw - Hill, New York.
- (2) Phạm Đức Dương (2013), *Văn hóa học dẫn luận*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- (3) Khoa Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (1997), *Triết học Mác - Lênin, tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- (4) Nguyễn Xuân Kính chủ biên (2014), *Con người, môi trường và văn hóa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội
- (5) Hà Văn Tấn (1981), “Giao lưu văn hóa ở người Việt cổ”, *Tạp chí Nghiên cứu nghệ thuật*, tr.19-21

BÀN VỀ KHÁI NIỆM, TIÊU CHÍ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG THỊ TRƯỜNG VĂN HÓA LÀNH MẠNH Ở VIỆT NAM

| PHẠM PHƯƠNG THÙY

Email: thuyphuongdhvh@gmail.com

Trường Đại học Văn hoá Thành phố Hồ Chí Minh

DISCUSS THE CONCEPT, CRITERIA AND SOLUTION TO BUILD A HEALTHY CULTURAL MARKET IN VIETNAM

TÓM TẮT



ABSTRACT

Văn hóa có vai trò quan trọng đối với sự phát triển và hoàn thiện nhân cách, lối sống tốt đẹp của con người. Trên cơ sở định hướng của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong đó có mục tiêu “xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh”; bài viết sẽ tập trung làm rõ cơ sở lý luận về thị trường văn hóa lành mạnh và xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh ở Việt Nam.

Từ khóa: Thị trường văn hóa lành mạnh, xây dựng, phát triển

Culture plays an important role in the development and perfection of the human's personality and good lifestyle. On the basis of the Communist Party of Vietnam's direction on developing culture and people, including the goal of "build a healthy cultural market"; The article will focus on clarifying the theoretical basis of the healthy cultural market and building a healthy cultural market in Vietnam.

Keywords: Healthy cultural market, building, development

Từ khi Việt Nam tiếp xúc với nền kinh tế thị trường, Đảng Cộng sản và Nhà nước XHCN Việt Nam đẩy mạnh thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giao lưu hội nhập quốc tế; giới nghiên cứu trong nước đã bắt đầu quan tâm đến việc xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh với các cách tiếp cận của khoa học văn hóa, khoa học quản lý, khoa học kinh tế... Tuy nhiên, việc xác định cơ sở lý luận về xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh tính từ thời điểm lần đầu tiên quan điểm này được chính thức đề cập

đến trong Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 9 BCH Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014) cho đến nay vẫn chưa đạt được những bước tiến quan trọng.

Để công cuộc xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh ở Việt Nam đạt hiệu quả cao hơn, gắn bó với thực tiễn cuộc sống hơn, rất cần có sự xem xét, bổ sung những vấn đề lý luận phù hợp với bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội hiện tại.

1. Về khái niệm thị trường văn hóa lành mạnh

Cùng với sự phát triển của sản xuất hàng hoá, khái niệm thị trường ngày càng trở nên phong phú và đa dạng. Trong công trình Kinh tế học vi mô (sách dịch) viết: “Thị trường là một tập hợp những người mua và người bán tác động qua lại lẫn nhau dẫn đến khả năng trao đổi” (Robert S. Pindyck & Daniel L. Rubinfeld, 1999, tr.23). Cuốn sách Quản trị marketing (sách dịch) đưa ra khái niệm: “Thị trường bao gồm tất cả các khách hàng hiện tại và tiềm ẩn cùng có một nhu cầu hay mong muốn cụ thể, sẵn sàng và có khả năng tham gia trao đổi để thỏa mãn nhu cầu hay mong muốn đó” (Philip Kotler, 2013, tr.20). Vậy, hiểu một cách khái quát: Thị trường là nơi diễn ra hoạt động trao đổi ở đó nhu cầu của người mua và người bán được thỏa mãn thông qua quá trình tương tác theo quy luật thị trường.

Hoạt động sản xuất (sáng tạo) văn hóa khởi phát là hoạt động tự thân của cá nhân. Dưới sự thôi thúc của nội tâm, các nghệ sĩ xây dựng thế giới nghệ thuật riêng qua từng tác phẩm. Cho dù cách biểu đạt khác nhau nhưng thế giới nghệ thuật ấy luôn lấy chất liệu từ đời sống cộng đồng. Bởi vậy, giá trị tác phẩm không còn chỉ có ý nghĩa riêng với người nghệ sĩ nữa. Từ đây, xuất hiện nhu cầu của xã hội trong việc thưởng thức, tiếp nhận các giá trị tác phẩm do người nghệ sĩ sáng tạo. Lúc này, hoạt động mua bán, trao đổi diễn ra, là cơ sở cho sự hình thành thị trường văn hóa.

Về khái niệm thị trường văn hóa, cuốn Giáo trình Kinh tế học văn hóa nêu định nghĩa như sau: “Thị trường văn hóa là nơi diễn ra các hoạt động trao đổi, mua bán, lưu thông các hàng hóa văn hóa tinh thần” (Lê Ngọc Tông, 2016, tr.42). Theo tác giả của bài viết Điều tiết và quản lý thị trường văn hóa thì: “Thị trường văn hóa là nơi diễn ra quá trình tương tác giữa bên cung và bên cầu, trong đó các sản phẩm và dịch vụ văn hóa được lưu thông và thực hiện tuân theo các quy luật của kinh tế thị trường” (Tùng Thị Loan, 2014). Trong bài Thị trường văn hóa, khái niệm và đặc trưng, thị trường văn hóa được hiểu: “Là quá trình, trong đó một bên là các nhà cung cấp, phân phối, một bên là công chúng thực hiện trao đổi, mua bán một hay nhiều sản phẩm, dịch vụ văn hóa bằng những cách thức khác nhau để xác định giá cả, số lượng, phương thức thanh toán và phương thức thụ hưởng phù hợp” (Đỗ Thị Quyên, 2017). Trên cơ sở kế thừa và bổ sung, tác giả bài viết cho rằng: Thị trường văn hóa là nơi diễn ra hoạt động sáng tạo, sản xuất, phổ biến, hưởng thụ sản phẩm/dịch vụ văn hóa.

Nghị quyết 33/NQ-TW của Ban Chấp hành TW Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI đề ra năm mục tiêu cụ thể, trong đó có mục tiêu “xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh”. Để góp phần làm rõ cơ sở lý luận cho

việc thực hiện mục tiêu này, chúng ta sẽ bắt đầu từ việc làm rõ khái niệm thị trường âm nhạc lành mạnh. Theo Từ điển Tiếng Việt của Viện ngôn ngữ học, lành mạnh có nghĩa là: không có những biểu hiện xấu (Hoàng Phê, 2003). Trong cuốn Đại Từ điển Tiếng Việt, lành mạnh được diễn giải là: có những biểu hiện tốt và không nhiễm điều xấu (Nguyễn Như Ý, 2013). Tham khảo từ điển mở Wiktionary thì “lành mạnh” thuộc loại từ “tính từ” và mang ý nghĩa là: có ích cho thân thể và tâm hồn¹.

Trên cơ sở khái niệm thị trường văn hóa và giải nghĩa cụm từ lành mạnh được trình bày ở trên, tác giả bài viết xin đưa ra quan niệm về thị trường văn hóa lành mạnh như sau: Là nơi diễn ra hoạt động sáng tạo, sản xuất, phổ biến, trao đổi, hưởng thụ sản phẩm/dịch vụ văn hóa; trong đó, các hoạt động và sản phẩm/dịch vụ văn hóa phải phù hợp với giá trị, chuẩn mực đạo đức tốt đẹp của dân tộc, thích ứng với các quy luật của kinh tế thị trường và tuân thủ quy định của luật pháp.

2. Tiêu chí của thị trường văn hóa lành mạnh ở Việt Nam

Nếu mục tiêu của quản lý kinh tế thường được quy vào những tiêu chuẩn để xác định như: nhịp độ phát triển đều đặn, mức độ thất nghiệp, cân bằng cán cân thanh toán... thì mục tiêu quản lý văn hoá thường thể hiện ở tính nhân văn và chất lượng. Do đó muốn xác định được tiêu chí xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh cần phải tranh luận với những vấn đề về chất lượng cuộc sống tinh thần, sự tác động đến nhân cách, sự bảo tồn văn hoá dân tộc...

Thị trường văn hóa bao gồm các yếu tố như: người sáng tạo, sản xuất (bên cung); người tiêu dùng, thụ hưởng (bên cầu); sản phẩm/dịch vụ văn hóa; không gian (nơi) và các hoạt động (trao đổi, phổ biến, cạnh tranh...). Như vậy, một thị trường văn hóa lành mạnh khi các yếu tố cấu thành nên nó đạt được sự lành mạnh. Từ đây, chúng ta có thể xác định một số tiêu chí đánh giá sự lành mạnh của thị trường văn hóa như sau:

Thứ nhất, nghệ sĩ và công chúng có thị hiếu lành mạnh

Có thể hiểu, thị hiếu lành mạnh là một thị hiếu thẩm mỹ có sự hoà hợp của yếu tố cá nhân với xã hội; lý trí với tình cảm. Trong đó, không nên tuyệt đối hoá một yếu tố nào. Nếu tuyệt đối hoá yếu tố cá nhân tức là phủ nhận sự can thiệp kịp thời, đúng đắn của xã hội đối với những thị hiếu thẩm mỹ lai căng, lập dị. Còn nếu tuyệt đối hoá yếu tố xã hội sẽ dẫn đến đồng nhất sở thích của mọi người, thủ tiêu cá tính sáng tạo, làm cho đời sống thẩm mỹ của cá nhân và xã hội trở nên nghèo nàn, nhàm chán, không có điều kiện để phát triển. Hay, nếu tuyệt đối hoá yếu tố cảm xúc sẽ mất đi tính định hướng, đúng đắn; tuyệt đối hoá yếu tố

lý trí thì thị hiếu sẽ mất đi tính riêng biệt, độc đáo.

Đối với người nghệ sĩ, thị hiếu lành mạnh là khả năng lựa chọn, đánh giá trước các hiện tượng thẩm mỹ; nó thể hiện qua cách cảm thụ nhanh nhạy, chính xác, sâu sắc về đối tượng và cách sáng tác, trình bày bằng “những thủ pháp nghệ thuật nhằm hướng tâm hồn con người tới chỗ cao đẹp, bồi dưỡng tình cảm và nhân cách của con người” (Viện Văn hóa, 1987, tr.28) nhưng vẫn đảm bảo sự phù hợp với giá trị, chuẩn mực của xã hội và pháp luật của nhà nước.

Còn đối với công chúng, thị hiếu lành mạnh bộc lộ ở năng lực lựa chọn và quá trình thưởng thức sản phẩm “có sự rung động, cảm xúc của tâm hồn” (Viện Văn hóa, 1987, tr.29) đồng thời không đi ngược lại giá trị, chuẩn mực của xã hội hay pháp luật của nhà nước.

Nói chung, thị hiếu lành mạnh hình thành qua thời gian đào sâu tìm tòi, nghiền ngẫm của mỗi người. Nhờ có sự tích lũy kinh nghiệm thẩm mỹ mà họ có thể phân biệt, đánh giá một cách đúng đắn cái thật hay giả, xấu hay tốt, giá trị hay không giá trị. Và, khi thị hiếu của người nghệ sĩ lành mạnh sẽ tạo nên một thị hiếu tốt đẹp trong công chúng và ngược lại. Bởi trong mối quan hệ cung cầu trên thị trường văn hóa, “nghệ thuật nào công chúng ấy” và “công chúng nào nghệ thuật ấy” (Viện Văn hóa, 1987, tr. 33).

Thứ hai, sản phẩm/dịch vụ văn hóa lành mạnh
Sản phẩm hay dịch vụ văn hóa là yếu tố quan trọng tạo nên tính lành mạnh của thị trường văn hóa. Tiêu chí để đánh giá sản phẩm/dịch vụ văn hóa lành mạnh đó là: sản phẩm/dịch vụ phải phản ánh được các hiện tượng hay đối tượng của cuộc sống một cách chính xác, sâu sắc; sản phẩm/dịch vụ phải được thể hiện bằng các thủ pháp nghệ thuật có tính thẩm mỹ; sản phẩm/dịch vụ phải phù hợp với các giá trị, chuẩn mực đạo đức xã hội và sản phẩm/dịch vụ không vi phạm pháp luật của nhà nước.

Thứ ba, không gian thị trường tạo điều kiện phát huy tiềm năng sáng tạo
Không gian thị trường tạo điều kiện cho người nghệ sĩ chủ động sáng tạo trong quá trình sáng tác, sản xuất các sản phẩm văn hóa nghệ thuật, trong cách thức truyền đạt, phổ biến; khuyến khích học tập, nghiên cứu tìm cái mới, cái hay và tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của nhân loại đồng thời sáng tạo trong phương thức truyền bá những sản phẩm mang bản sắc văn hóa Việt Nam ra cộng đồng quốc tế nhằm mở rộng thị phần, đem lại hiệu quả về văn hóa, xã hội và kinh tế. Không gian này cần đạt được một số tiêu chí cụ thể như: không có những rào cản từ cơ chế hành chính; không có trở ngại nhân tạo nào đối với sự gia nhập thị trường của mọi cá nhân, tổ chức; có

những hoạt động cụ thể, thiết thực để tôn vinh, khích lệ người nghệ sĩ; có cơ chế và lộ trình đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa của hoạt động lao động sáng tạo văn hóa.

Thứ tư, yếu tố văn hóa và kinh tế được cân đối hài hòa
Trong nền kinh tế thị trường, các yếu tố như hệ thống truyền thông, hệ thống phân phối, tư vấn và chăm sóc khách hàng... đã tạo nên tính hàng hóa cho sản phẩm văn hóa. Và khi trở thành hàng hóa thì sản phẩm văn hóa cũng chịu ảnh hưởng của quy luật kinh tế thị trường. Nhưng trước đó, vì sản phẩm văn hóa là kết quả của quá trình lao động, sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật nên nó cần đáp ứng tiêu chuẩn về giá trị chân - thiện - mỹ và tính dân tộc – khoa học – đại chúng.

Quá trình xây dựng và phát triển thị trường văn hóa, nếu chúng ta coi trọng yếu tố văn hóa mà xem nhẹ yếu tố thị trường sẽ hạn chế sự phong phú, đa dạng của sản phẩm văn hóa nghệ thuật, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế, chính trị, xã hội của sản phẩm với công chúng và yếu tố văn hóa cũng chưa chắc được toàn diện khi mà nhu cầu của công chúng không được thỏa mãn tối đa. Ngược lại, nếu nhấn mạnh yếu tố thị trường thì các giá trị văn hóa, nghệ thuật sẽ bị xem nhẹ, bị lấn át dẫn đến tình trạng thương mại hóa và mất cân bằng tiêu dùng văn hóa, ảnh hưởng tới đời sống tinh thần. Như vậy để đạt được tính lành mạnh, các hoạt động diễn ra trong thị trường văn hóa cần đảm bảo vừa phù hợp với các quy luật của kinh tế vừa đáp ứng các yêu cầu về giá trị, chuẩn mực văn hóa của quốc gia, dân tộc.

Thứ năm, hoạt động cạnh tranh trên thị trường văn hóa diễn ra một cách lành mạnh
Cạnh tranh là đặc trưng vốn có của thị trường, là sự tìm kiếm lợi thế về nguồn vốn, hàng hóa, khách hàng... giữa các lực lượng sản xuất, phân phối sản phẩm/dịch vụ. Trong thị trường văn hóa, sự cạnh tranh không đơn thuần ảnh hưởng đến vấn đề kinh tế mà còn tác động mạnh mẽ đến vấn đề an ninh, chính trị, xã hội. Vì vậy, cạnh tranh lành mạnh trở thành một tiêu chí quan trọng trong quá trình xây dựng thị trường văn hóa ở Việt Nam.

Cạnh tranh lành mạnh (workable competition) là một hình thức cạnh tranh của thị trường mà ở đó người sản xuất có khả năng đem đến cho người tiêu dùng những lựa chọn thay thế thực sự. Thuật ngữ này được nhà kinh tế học John Maurice Clark đề xuất thay thế cho thuật ngữ “cạnh tranh hoàn hảo” (perfect competition) vào những năm 1940. Thị trường văn hóa có sự cạnh tranh lành mạnh sẽ được biểu hiện qua các khía cạnh:

Một là, các chủ thể sản xuất, sáng tạo sản phẩm

văn hóa sử dụng chính những tiềm năng, năng lực của mình để cạnh tranh và phát triển; không sử dụng các chiến thuật, các hành động để cô lập hoặc lôi kéo đối tác nhằm làm ảnh hưởng đến các “đối thủ” đang cùng cạnh tranh; mục đích của sự cạnh tranh là thu hút khán giả có thị hiếu thẩm mỹ phù hợp với sản phẩm mà họ tạo ra; các chủ thể không làm trái với quy định của pháp luật khi kinh doanh sản phẩm văn hóa.

Hai là, không để cá nhân hay tổ chức nào chi phối hoặc nếu có là nhiều cá nhân, tổ chức cùng chi phối trên thị trường. Điều này có nghĩa là số lượng chủ thể tham gia trên thị trường phải đa dạng, có tiềm lực tương xứng, có định mức về giá cả và chất lượng sản phẩm của mình.

Ba là, nhạy cảm và nắm bắt nhanh nhu cầu, thị hiếu của công chúng đối với các dòng sản phẩm văn hóa khác nhau. Theo đó, các cá nhân, tổ chức sản xuất, sáng tạo cần có sự chủ động trong việc nghiên cứu xu hướng thị trường và phát triển các sản phẩm phù hợp. Không chỉ dừng lại ở việc đáp ứng tốt nhu cầu mà còn nỗ lực trong việc đưa ra những chỉ dẫn cho xu hướng tiêu dùng văn hóa của công chúng.

3. Một số giải pháp xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh ở Việt Nam

Từ các tiêu chí đã diễn giải ở trên, tác giả bài viết xin đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần xây dựng và phát triển thị trường văn hóa lành mạnh ở Việt Nam.

Thứ nhất, đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân lực sáng tạo, sản xuất sản phẩm văn hóa. Các cơ sở đào tạo lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật cần tập trung đổi mới chương trình, giáo trình, phương pháp đào tạo hướng tới mục tiêu đầu ra là: nhân tài đủ khả năng tham gia vào thị trường văn hóa khu vực và quốc tế; nhân lực có trình độ cao phục vụ nhu cầu xã hội và yêu cầu hội nhập. Trong xu thế xây dựng và phát triển nền công nghiệp văn hóa hiện nay, có bốn yếu tố then chốt đó là: tài năng, vốn văn hóa, công nghệ và kỹ năng kinh doanh. Theo đó, chương trình đào tạo cần có sự cân đối ba nhóm vấn đề: cung cấp kiến thức về văn hóa, nghệ thuật; rèn luyện kỹ năng nắm bắt xu hướng thị trường, thị hiếu công chúng, truyền thông giới thiệu sản phẩm; định hướng, hình thành đạo đức nghề nghiệp và ý thức công dân trong việc gìn giữ, bảo vệ nền văn hóa quốc gia.

Thứ hai, tăng cường công tác giáo dục nghệ thuật, nâng cao thị hiếu thẩm mỹ cho công chúng.

Khi bước vào ngưỡng cửa của giao lưu, hội nhập, nhiều loại hình văn hóa, nghệ thuật nước ngoài xâm nhập thị trường văn hóa Việt Nam đòi hỏi mỗi công chúng phải có “năng lực” tự phân loại, tự xác định sản phẩm văn hóa, nghệ thuật nào là phù hợp lứa tuổi, đáp ứng giá trị và chuẩn mực xã hội. Như vậy, nâng

cao năng lực thẩm mỹ trong lựa chọn và hưởng thụ văn hóa cho công chúng là đòi hỏi tất yếu. Điều này nên bắt đầu từ chương trình giáo dục nghệ thuật cho giới trẻ từ bậc mầm non đến đại học. Trước hết, cần phân bổ lại nội dung các chương trình giáo dục về nghệ thuật (mỹ thuật, âm nhạc...) theo hướng cân bằng giữa các loại hình nghệ thuật hiện đại với các loại hình nghệ thuật hàn lâm, truyền thống. Tiếp đến, cần thực hiện phân loại sở thích/năng khiếu nghệ thuật trước khi tiến hành hoạt động giáo dục chứ không bắt buộc người học tiếp nhận kiến thức về tất cả các lĩnh vực nghệ thuật. Bởi vì, việc giáo dục, định hướng phát huy hiệu quả tốt nhất khi người học yêu thích và tự giác học tập. Ngoài ra, cần đa dạng hóa hoạt động học tập của người học bằng nhiều hình thức như trò chơi, vận động, cuộc thi...; đầu tư không gian học nghệ thuật tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động thực hành....

Thứ ba, xây dựng và thực hiện hiệu quả chính sách đãi ngộ, tôn vinh

Vấn đề thực hiện chính sách đối với nguồn nhân lực còn hạn chế. Thực tế là, đào tạo thì nhiều nhưng việc sử dụng không hợp lý đã ít nhiều làm “thui chột” tài năng nghệ thuật dẫn đến một số người được đào tạo bài bản nhưng không sống được với nghề phải bỏ nghề hoặc bị “thương mại hóa”, hạ thấp giá trị tác phẩm văn hóa nghệ thuật. Trong khi, sự phát triển của thị trường văn hóa và ngành công nghiệp văn hóa được thể hiện qua chỉ số cung – cầu, chỉ số đóng góp của thị trường cho thu nhập quốc gia. Ví như, hầu các nghệ sĩ được phần đông công chúng yêu thích, có nhiều sản phẩm đạt mức doanh thu cao, thực hiện đóng góp thuế thu nhập cá nhân và trả tiền tác quyền nghiêm túc nhưng chưa từng nhận được sự đãi ngộ, tôn vinh nào từ các cấp quản lý. Đây là lý do cần thay đổi về quan niệm và cách thực hiện chế độ chính sách đãi ngộ, tôn vinh nghệ sĩ hiện nay.

Thứ tư, tăng cường đầu tư cho thị trường văn hóa

Phát triển thị trường văn hóa lành mạnh đòi hỏi phải có sự đầu tư tương xứng. Về đầu tư tài chính cho thị trường văn hóa, cần đáp ứng ba chính đó là: xác định tỉ lệ đầu tư thỏa đáng cho văn hóa; xây dựng cơ chế sử dụng vốn có định hướng tập trung vào các loại hình sản phẩm văn hóa được ưu tiên và xã hội có nhu cầu lớn; đẩy mạnh và cụ thể hóa chính sách xã hội hóa văn hóa để khuyến khích các thành phần ngoài nhà nước tham gia, thúc đẩy sự đa dạng của thị trường văn hóa. Về đầu tư cơ sở vật chất, cần chú ý đến quy mô phù hợp và công năng của từng công trình văn hóa; nên quy hoạch thành các tổ hợp công trình phục vụ hoạt động văn hóa theo các khu vực quận, huyện, thành phố với phương án thiết kế tối ưu để có thể phục vụ cho nhiều loại hình sản phẩm/dịch vụ văn hóa nghệ thuật khác nhau. Ngoài ra, còn cần đầu tư

Thứ năm, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy sự cạnh tranh lành mạnh trên thị trường văn hóa.

Kiên quyết đấu tranh với các hoạt động kinh doanh văn hóa phi pháp, bảo đảm tính hợp pháp của chủ thể kinh doanh trên thị trường trong hoạt động xuất nhập hàng hóa văn hóa và giao dịch giữa người kinh doanh và người tiêu dùng. Cần thúc đẩy sự cởi mở, tranh luận, phản biện tích cực trong các diễn đàn, hội nghị, cuộc họp chính thống để các chủ thể kinh doanh văn hóa được nói lên ý kiến thực sự của mình từ đó hạn chế những căng thẳng, mâu thuẫn. Bên cạnh đó, cần xây dựng và áp dụng các chính sách, chế tài mang tính thưởng, phạt rõ ràng nhằm loại bỏ dần hành vi cạnh tranh bất hợp pháp trên thị trường văn hóa. Ngoài ra, có thể bổ sung qui định về việc cho phép các đơn vị văn hóa nghệ thuật tư nhân được đăng ký hoạt động đa chức năng: vừa vừa có thể vận hành như tổ chức từ thiện, tổ chức phi lợi nhuận đồng thời cũng có thể vận hành như tổ chức kinh doanh.

Xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh trở thành mục tiêu quan trọng gắn liền với đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của cộng đồng. Tuy nhiên, xuất phát từ những giá trị, chuẩn mực văn hóa và thể chế chính trị quốc gia mà tính lành mạnh của thị trường văn hóa ở Việt Nam có những đặc trưng riêng cần được nhận diện. Những năm qua, cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường là xu thế hội nhập, mở rộng quan hệ giao lưu hợp tác quốc tế, sự phát triển của dân trí, của đời sống vật chất đã làm nhu cầu văn hóa nghệ thuật của người dân ngày càng đa dạng. Điều đó ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình xây dựng thị trường văn hóa Việt Nam, bao gồm cả những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực. Trước thực tế này, để thúc đẩy thị trường văn hóa hoàn thiện, phát triển lành mạnh đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ các nguồn lực, các khía cạnh, trong đó không thể thiếu vai trò nền tảng của lý luận. Qua bài viết, tác giả hy vọng rằng người đọc đã phần nào tìm thấy những quan điểm lý thuyết có giá trị tham khảo cho quá trình tìm hiểu về xây thị trường văn hóa ở Việt Nam.

CHÚ THÍCH

¹https://vi.wiktionary.org/wiki/l%C3%A0nh_m%E1%BA%A1nh#Ti%E1%BA%BFng_Vi%E1%BB%87t

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Từ Thị Loan (2014). *Điều tiết và quản lý thị trường văn hóa*. Truy cập ngày 6/4/2023 tại: <https://nhandan.vn/dieu-tiet-va-quan-ly-thi-truong-van-hoa-post205241.html>
2. Hoàng Phê (chủ biên) (2003). *Từ điển Tiếng Việt*. Đà Nẵng. NXB Đà Nẵng.
3. Philip Kotler (2013). *Quản trị marketing (sách dịch)*. Hà Nội. NXB Lao động
4. Đỗ Thị Quyên (2017). *Thị trường văn hóa, khái niệm và đặc trưng*. Truy cập ngày 6/4/2023 tại: <https://vhnt.org.vn/thi-truong-van-hoa-khai-niem-va-dac-trung/>
5. Robert S. Pindyck, Daniel L. Rubinfeld (1999). *Kinh tế học vi mô (sách dịch)*. ĐHKTQD. NXB Thống kê
6. Lê Ngọc Tòng (2016). *Giáo trình Kinh tế học văn hóa*. Hà Nội. NXB Lý luận Chính trị,
7. Viện Văn hóa (1987). *Thỏa mãn nhu cầu văn hóa và nâng cao thị hiếu nghệ thuật*. Hà Nội. NXB Văn hóa.
8. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (2013). *Đại từ điển Tiếng Việt*. Tp. Hồ Chí Minh. NXB Đại học Quốc gia Tp. HCM.

CHIẾC QUẠT TRONG VĂN HOÁ TRUNG HOA

NGÔ ANH ĐÀO

Email: anhdao81@hcmussh.edu.vn

Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh

FANS IN CHINESE CULTURE

TÓM TẮT



ABSTRACT

Là một trong bốn nền văn hoá cổ đại lớn của nhân loại, Trung Hoa có nhiều giá trị văn hoá đặc sắc từ vật thể đến phi vật thể. Cùng với trà, kiếm, rượu, chiếc quạt cũng đã đi vào đời sống tinh thần và vật chất của người Trung Hoa với nhiều ý nghĩa. Quạt vừa là vật dụng thiết thực hữu ích, vừa là đối tượng đề các nghệ sỹ gửi gắm tình cảm và thể hiện sự tinh túy của nghệ thuật truyền thống. Nhìn ở góc độ văn hoá, quạt cũng có thể xem như là một giá trị.

Từ khóa: Chiếc quạt, giá trị văn hoá

China which is one of the four great ancient cultures of mankind has many unique cultural values from tangible to intangible. Along with tea, sword and wine, hand fans have also come into the spiritual and material life of the Chinese with various meanings. Hand fans are both a practical, useful item and a subject for artists to convey their feelings and express the essence of traditional art. Culturally, hand fans can also be seen as a value.

Keywords: Hand fan, cultural value

DẪN NHẬP

Trung Hoa là một trong bốn nền văn hóa cổ đại lớn nhất của nhân loại. Bằng lịch sử hình thành và phát triển rất lâu đời, quốc gia này có rất nhiều những nét văn hóa đặc sắc. Từ tư tưởng, tâm linh, tính cách là các phạm trù thuộc tinh thần cho đến trà, rượu, kiếm tiêu biểu của mặt vật chất, tất cả đều mang nét riêng. Trong dòng chảy phong phú của một nền văn hóa có bề dày này, sẽ thật thiếu sót nếu chúng ta không nhắc đến chiếc quạt. Quạt vừa là một vật dụng hữu ích, vừa là nơi gửi gắm tình cảm và thể hiện những tinh túy của nghệ thuật truyền thống. Xuất phát từ ý nghĩa này, bài viết đi vào tìm hiểu về Chiếc quạt trong văn hóa Trung Hoa và nhìn nhận như một giá trị văn hoá.

1.Đôi nét về sự hình thành và phát triển của chiếc quạt Trung Hoa

Quạt là một vật dụng hữu ích trong đời sống hàng ngày của con người. Nó xuất hiện từ thời cổ đại vào đời Shang cách đây trên 3000 năm [Trần Cao Bội Ngọc 2005:148]. Khởi nguyên của mình, quạt chưa được sử dụng với chức năng làm mát mà chỉ dùng để che nắng, mưa hoặc ngăn gió bụi. Chiếc lọng gắn với với kiệu, xe của các bậc vua chúa, vương hầu

ngày xưa chính là hình dạng sơ khai của quạt. Trong quá trình di chuyển, dưới tác động của gió, tán rộng xoè bao phủ của lọng cũng chuyển động theo, tạo thành một luồng khí làm mát cho người ngồi dưới. Có lẽ đến lúc đó thì người ta mới nhận ra thêm: quạt có thể làm mát. Dần dần, nó được cải tiến và trở thành một sản phẩm độc lập. Những khai quạt khảo cổ học đã cho biết về hình dáng của quạt sau khi được cải tiến từ chiếc lọng ban đầu. Đó là một vật cấu tạo gồm hai bộ phận chính: phần cán dài dùng để cầm và phần mặt đóng dính với cán, làm từ nhiều chất liệu khác nhau. Chỉ cần phe phẩy, đưa lên đưa xuống nhẹ nhàng là đã tạo ra sức gió. Tuy nhiên, quạt đến lúc này cũng chỉ được sử dụng trong giới quý tộc. Đến đời Tống, chúng mới phổ biến rộng rãi. [Trần Cao Bội Ngọc 2005:148].



Hình quạt cán dài trên bình đồng thời Chiến Quốc
[Nguồn: www.cnarts.net]

CULTURE

Khi xã hội ngày càng phát triển, trình độ tư duy của con người ngày một nâng cao, tất yếu sẽ dẫn đến một cuộc “cách mạng” diễn ra trên nhiều lĩnh vực. Chiếc quạt cũng theo đó mà có nhiều thay đổi. Từ bề ngoài đơn giản với cán dài bằng gỗ, mặt quạt làm bằng lụa mỏng hay lông vũ của các loại gia cầm (gà rừng, trĩ...), quạt cũng dần dà phức tạp, đa dạng về hình dáng, chất liệu: dạng xếp, dạng tròn, dùng ngà voi, tre, xương thú, gỗ trầm hương, giấy màu, chạm trổ, cán ngọc, khảm xà cừ..... Các loại quạt này tồn tại theo suốt chiều dài lịch sử cho đến tận ngày nay.

2. Các loại quạt của Trung Hoa

2.1 Quạt tròn

Theo tương truyền, quạt tròn xuất hiện từ thời Hán và có đặc điểm là không xếp lại được. Sự hiện diện của nó được người đời sau biết đến qua các tranh bích họa khắc trên đá ở các ngôi mộ cổ đời Hán.

Ở giai đoạn đầu, quạt là một sản phẩm được làm từ trúc. Sau này, khi kỹ thuật thủ công, kỹ thuật dệt đã có nhiều tiến bộ, trúc dần được thay thế bằng lụa. Và quạt tròn cũng có thêm tên gọi là quạt lụa.

Quạt tròn phân biệt thành hai loại cán dài và cán ngắn. Cán dài được dùng cho tầng lớp nô tỳ hầu hạ chủ nhân, còn cán ngắn chỉ đặc cách sử dụng bởi giới quý tộc. Vì vậy, chiếc quạt đã trở thành vật tượng trưng thân thể, địa vị xã hội của con người.

Quạt đơn thuần lúc đầu chỉ để xua đuổi bớt cái nóng nực do thời tiết gây ra và cũng do chất liệu làm bằng trúc nên nhìn chung, nó rất đơn giản. Chỉ khi quạt lụa ra đời thì nó mới được khoác thêm lớp áo trang trí. Người ta bắt đầu xem quạt là một nghệ thuật, một thú chơi tao nhã của các đẳng cấp cao trong xã hội. Những bức tranh, những câu thơ được vẽ, đề lên mặt quạt. Đó có thể là tranh sơn thủy, thủy mặc, tranh chim chóc, tứ quân tử mai, lan, trúc, cúc đã thu nhỏ hay một bài thơ, một vài câu thơ của cổ nhân hoặc những thi nhân nổi tiếng đương thời. Đời Đường, đời Tống là đỉnh cao phát triển của quạt tròn.



2.2 Quạt xếp

So với quạt tròn thì quạt xếp ra đời muộn hơn. Chúng có mặt ở đời Nguyên. Quạt xếp rất tiện lợi cho người sử dụng. Khi cần, quạt sẽ được mở ra và lúc không có nhu cầu dùng đến nữa, nó có thể xếp lại. Vì đặc điểm này mà từ khi mới xuất hiện, nó được đông đảo người ưa chuộng và dần dần thay thế vị trí của quạt tròn.

Cách làm quạt xếp cũng phức tạp hơn quạt tròn rất nhiều. Nan quạt là những mảnh gỗ hoặc trúc được vuốt mỏng đều đặn, xếp cạnh nhau với số lượng dao động từ 9 đến 20. Mặt quạt với chất liệu chính là giấy được cắt sao cho vừa vặn, khéo léo rồi mới dán lên trên các nan. Một chiếc quạt xếp ra đời đòi hỏi nhiều công phu, sự khéo tay của người thợ hơn so với quạt tròn.

Quạt xếp hình thành ở giai đoạn mà thư pháp, hội họa, thơ ca Trung Hoa đã đạt đến đỉnh cao của sự phát triển, do đó, nó cũng là nơi để các họa gia, nhà thư pháp, thi nhân gửi gắm tình cảm, những sáng tạo nghệ thuật độc đáo của mình.



3. Quạt như một giá trị văn hóa

Đến ngày nay, cho dù sự xuất hiện của quạt chạy bằng máy có tiện ích hơn nhiều nhưng một sự thật hiển nhiên vẫn tồn tại, đó là chiếc quạt tay truyền thống không bị mất đi mà còn mãi với thời gian. Quạt đã trở thành một giá trị văn hóa, một nghệ thuật.

Việc kết hợp với hội họa, thơ ca và thư pháp chỉ trong một vật phẩm gọn nhỏ cũng đã cho thấy tính đặc sắc của nó. Người ta có thể đọc những câu thơ hay, ngắm bút pháp uyển chuyển hoặc thưởng thức bức tranh đẹp và đôi khi lại là sự hoà quyện cả ba trong một. Tất cả những yếu tố đó đều có thể tìm thấy trong một chiếc quạt. Không đơn thuần là vật để làm mát hay món hàng thủ công mỹ nghệ, quạt đã trở thành giá trị văn hóa, nghệ thuật. Có thể nói, có một “văn hóa quạt” độc đáo ở Trung Hoa.

3.1 Văn hóa nhận thức

Người Trung Hoa từ xa xưa đã có ý thức về địa vị, vị thế xã hội của mình. Chính vì vậy, ngay khi sử dụng chiếc quạt như một vật dụng sinh hoạt hàng ngày,

CULTURE

họ cũng đã phân biệt rất rõ ràng. Quạt cán dài chỉ được dùng bởi tầng lớp thấp là những kẻ hầu người hạ trong các dinh, phủ, cung điện. Ngược lại, quạt cán ngắn là đặc quyền sử dụng riêng của giới quý tộc, bậc vua chúa, vương giả.

Trong bức tranh “Hàn Hy tải dạ yến đồ” của Cố Hùng, tác giả đã vẽ nhân vật Hàn Hy Tải ngồi trên ghế, tay cầm quạt cán ngắn. Dưới đất là một bé gái nhỏ với chiếc quạt cán dài đang hầu hạ chủ nhân của mình.



“Hàn Hy Tải dạ yến đồ”
Tranh của Cố Hùng
[Nguồn: www.cnarts.net]

Ở một bức tranh khác như “Trâm hoa nữ sĩ đồ”, chúng ta cũng bắt gặp cảnh một cô gái với chiếc quạt cán dài đang đứng sau hai nữ chủ nhân của mình.



“Trâm hoa nữ sĩ đồ”
Tranh của Châu Phông
[Nguồn: www.cnarts.net]

Ngoài những ví dụ trên, chúng ta cũng có thể gặp rất nhiều hình ảnh những người cùng cầm loại quạt cán dài theo hầu các bậc vua chúa, quý tộc trong các tranh miêu tả về cảnh sống trong cung đình.

Chính vì chiếc quạt tượng trưng cho địa vị xã hội của người sở hữu nó nên những cô gái ra trong gia đình quyền quý lúc nào cũng cầm chiếc quạt trên tay. Hình

ảnh các cô tiểu thư liễu yếu đào tơ với chiếc quạt nhỏ xinh xắn e ấp đã trở nên rất quen thuộc.

Khi quạt được kết hợp cả với thơ ca, hội họa và thư pháp để trở thành một nghệ thuật, một thú tao nhã của người trí thức thì chiếc quạt cũng theo đó trở thành một giá trị. Quạt được dùng làm vật đính ước, định tình giữa nam và nữ. Chẳng có thể là một trang hảo hán hay một kẻ sĩ, nàng là tiểu thư con nhà khuê các, vì một lý do nào đó phải chia ly, trước khi rời xa nhau, họ thường trao tặng chiếc quạt, xem nó là kỷ vật thiêng liêng. Chiếc quạt này được một trong hai người cất giữ cẩn thận và khi gặp lại, họ sẽ mang quạt ra như một minh chứng cho tình cảm sắt son, chung thủy của mình.

Nếu như quạt ở Trung Hoa góp phần định vị địa vị xã hội của con người thì ở Việt Nam, nó không mang ý nghĩa biểu trưng đó. Ta không phân biệt thuộc đẳng cấp nào thì dùng loại quạt gì mà dùng chung cho tất cả. Có chăng, chỉ là nhà bình dân thì chiếc quạt đơn giản bằng tre, trúc còn nhà khá giả thì quạt cầu kỳ hơn với gỗ thorn, dây tua, cần ngọc kèm theo. Tính chất loại hình văn hóa được thể hiện qua hiện tượng này. Văn hóa Trung Hoa gốc du mục coi trọng cá nhân, do đó, vị thế cá nhân rất được chú ý trong xã hội. Ngược lại, văn hóa gốc nông nghiệp lại lấy cộng đồng làm cơ sở cho nên không nhất thiết phải bộc lộ địa vị ở từng người. Thằng Bờm chỉ với cái quạt mo bình thường thôi mà phú ông giàu có nhất làng vẫn muốn gạ đổi bằng ba bò chín trâu, xâu cá mè... để được sử dụng chiếc quạt ấy.

Như vậy, quạt vừa được xem như một giá trị văn hóa đồng thời văn hóa nhận thức về quạt cũng phản ánh phần nào về một trong những đặc điểm của văn hóa Trung Hoa- loại hình văn hóa gốc du mục.

Người Trung Hoa cũng rất sùng bái quạt. Quạt là một món bảo bối được trưng bày ở những nơi trang trọng và họ sẵn sàng bỏ ra một món tiền lớn để được làm chủ sở hữu những chiếc quạt đẹp, thường là tranh quạt kết hợp cả thơ ca, hội họa, thư pháp.



3.2 Văn hóa sử dụng

Quạt với khởi thủy là chiếc lọng để che nắng, mưa, ngăn gió bụi. Sau đó, nó mới được dùng để xua đuổi cái nóng, đem đến sự mát mẻ cho con người. Đây là chức năng chính của vật dụng này. Tuy nhiên, theo thời gian, người Trung Hoa còn gán thêm cho quạt một số chức năng khác.

Các thiếu nữ đài các, con nhà vua chúa, quan lại, quý tộc lúc nào cũng cầm chiếc quạt tay như một vật trang sức kèm theo xinh xắn. Khi ra phố dạo chơi hoặc khi gặp người lạ, để tránh không cho họ nhìn thấy gương mặt của mình, các cô thường đưa quạt lên che mặt. Quạt lúc bấy giờ đã kiêm luôn chức năng bảo vệ. Thậm chí trong những lúc nguy nan, quạt còn có thể dùng để gõ lên đầu hoặc ném vào mặt, vào người làm cho đối thủ lúng túng và đó là thời cơ chớp nhoáng duy nhất để thoát thân. Quạt lúc bấy giờ đã kiêm luôn chức năng bảo vệ.

Bên cạnh đó, quạt cũng trở thành một thứ vũ khí trong tay người học võ. Nhân vật Sở Lưu Hương trong truyện võ hiệp của Cổ Long là một hình ảnh có tính chất minh họa cho tài nghệ, công phu điêu luyện của các đại hiệp thời xưa. Chỉ bằng chiếc quạt xếp kết hợp với việc vận dụng toàn bộ khí lực trong cơ thể vào cánh tay, bàn tay, anh đã đánh thắng rất nhiều đối thủ.

Sau cùng, quạt được tận dụng để đề thơ, vẽ tranh, viết thư pháp. Các họa gia, thi gia, nhà thư pháp rất thích được phóng bút của mình trên mặt quạt.

Tô Đông Pha từng làm phán quan ở Hàng Châu. Trong một lần phải xét xử một chủ cửa hiệu, ông đã nhận ra do người này thật thà nhưng vì vận xấu mà làm ăn thua lỗ chứ không cố tình quỵt nợ. Tô Đông Pha bèn sai anh này đi mua một tá quạt giấy mang về công đường. Sau đó, ông lấy giấy bút vẽ lên những chiếc quạt ấy và bảo người chủ cửa hiệu hãy đem chõ quạt đi bán lấy tiền trang trải nợ nần. Lúc bấy giờ, danh tiếng của Tô Đông Pha đã lan xa khắp nơi, do vậy mà số quạt được bán hết nhanh với giá cao [Lâm Ngữ Đường 2005: 141-142]. Trong câu chuyện này, quạt được tận dụng như một sản phẩm mang lại nguồn kinh tế.

Cũng như trà, rượu hay kiếm, quạt đi vào nghệ thuật thơ ca, văn chương, hội họa.

Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân đề cập đến chi tiết Tôn Ngộ Không ba lần mượn quạt Ba Tiêu của Thiết Phiến công chúa. Và cả ngay trong tên gọi vị phụ nhân của Ngưu Ma Vương, chữ “phiến” cũng có nghĩa là quạt.

Nhà thơ Đỗ Mục đời Đường, trong bài thơ “Thất tịch” có nhắc đến chiếc quạt:

“Ngân chúc thu quang lãnh họa bình
Khinh la tiểu phiến phác lưu huỳnh
Thiên giai dạ sắc lương như thủy
Toạ khán Khiên Ngưu Chức Nữ tinh”

(Tạm dịch ý: Ngọn nến bạc toả ra ánh sáng thu chiếu lên bức bình phong giá lạnh. Chiếc quạt lụa nhỏ mềm xua đuổi những con bướm bướm bay. Trên bầu trời, màu sắc ban đêm mát như nước. Ngồi nhìn sao Khiên Ngưu Chức Nữ)

[Nguồn từ: www.nhanmonquan.net]

Một tác phẩm khác của Tô Đông Pha: “Niệm Nô Kiều”, hình ảnh quạt cũng xuất hiện:

“....Giang sơn như hoạ
Nhất thời đa thiếu hào kiệt
Dao tướng Công Cẩn đương niên
Tiểu Kiều sơ giá liễu
Hùng tư anh phát
Vũ phiến cân luân....”

(tạm dịch ý: Núi sông như vẽ. Một thời ít nhiều hào kiệt. Nhớ Công Cẩn thời đó. Tiểu Kiều khi mới cưới. Anh hùng tư cách, Quạt lông khăn là...)

[Nguồn từ: [nhanmonquan.net](http://www.nhanmonquan.net)]

Quạt là một chi tiết hay xuất hiện trong hội họa Trung Hoa. Hình ảnh quạt có thể tìm thấy trong các bức tranh hoặc tranh được vẽ trực tiếp lên quạt. “Bộ liên đồ” của Diêm Lập Bản đời Đường hay tranh quạt “Lan hoa đồ” của một họa gia đời Thanh ở cuối thế kỷ 19 là một trong những ví dụ tiêu biểu.

Ngoài ra, trên những bức tranh quạt, chúng ta còn bắt gặp nghệ thuật thư pháp Trung Hoa với thần thái riêng, với bút pháp uyển chuyển, mềm mại.



“Lan hoa đồ”

[nguồn: www.voyagesaigon.com]

CULTURE

Tóm lại, từ hoạt động nhận thức cho đến tận dụng đã cho chúng ta thấy được vai trò của chiếc quạt trong văn hóa Trung Hoa. Nó vừa là một vật dụng rất hữu ích trong đời sống, vừa là một giá trị văn hóa tinh thần, nghệ thuật rất độc đáo. Tư tưởng, hay tình cảm, tâm hồn của người Trung Hoa, tất cả đều được ẩn chứa bên trong chiếc quạt.

Hiểu về “văn hóa quạt” cũng có nghĩa là chúng ta sẽ phần nào biết thêm về một nét độc đáo của nghệ thuật và văn hóa Trung Hoa. Kho tàng văn hóa thế giới nói chung, văn hóa Trung Hoa nói riêng sẽ phong phú, đa dạng hơn với sự hiện diện của chiếc quạt - một giá trị vật thể và cả phi vật thể.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Lâm Ngữ Đường (2005)**, *Hội họa Trung Hoa qua lời các vĩ nhân và danh họa*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
2. **Trần Ngọc Thêm (2005)**, *Tập bài giảng Lý luận văn hóa học*
3. **Trần Ngọc Thêm (2004)**, *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Tổng hợp, TP HCM.
4. **Trần Cao Bội Ngọc (2005)**, *Kỷ yếu Hội thảo Trung Quốc với vùng văn hóa chữ Hán*, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, TP HCM

Các trang web:

1. <http://www.cnarts.net>
2. <http://www.chinaunix.net>
3. <http://www.chineseculture.about.com>
4. <http://www.nhanmonquan.net>
5. <http://www.voyagesaigon.com>

NHỮNG GIÁ TRỊ TIÊU BIỂU CỦA DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT RỪNG TRẦN HƯNG ĐẠO HUYỆN NGUYÊN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG

| BÙI CẨM ANH

Email: buicamanh1996@gmail.com

Học viên K13- Ngành Quản lý văn hóa Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

TYPICAL VALUES OF SPECIAL NATIONAL MONUMENTS TRAN HUNG DAO FOREST, NGUYEN BINH DISTRICT, CAO BANG PROVINCE

TÓM TẮT

Rừng Trần Hưng Đạo ở huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt. Với những giá trị tiêu biểu về văn hóa, lịch sử, khoa học rừng Trần Hưng Đạo có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với người dân địa phương và tỉnh Cao Bằng. Sử dụng phương pháp khảo sát, điền dã tác giả đã giới thiệu khái quát về di tích và những giá trị tiêu biểu về văn hóa, lịch sử, khoa học để khẳng định vị trí của rừng Trần Hưng Đạo trong tiến trình phát triển của tỉnh Cao Bằng.

Từ khóa: Giá trị tiêu biểu, di tích cấp quốc gia, rừng Trần Hưng Đạo

ABSTRACT

Tran Hung Dao forest in Nguyen Binh district, Cao Bang province is recognized as a special national relic. With typical values of culture and history, Tran Hung Dao forest science has great significance for local people and Cao Bang province. Using survey and field methods, the author gave an overview of the relic and typical values of culture, history and science to confirm the position of Tran Hung Dao forest in the development process of Vietnam. Cao Bang province.

Keywords: Typical values, national relics, Tran Hung Dao forest

1. Giới thiệu khái quát về di tích

Di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng nằm ở phía Tây Nam và cách thành phố Cao Bằng khoảng 50km, được phân bố trên địa bàn 02 xã: Tam Kim và Hoa Thám, huyện Nguyên Bình. Di tích nằm trong hệ thống các di tích lịch sử cách mạng, lịch sử quân sự Việt Nam. Nơi diễn ra sự kiện thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân ngày 22/12/1944- tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam; Đội gồm 34 chiến sĩ, do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy. Đội vừa mới thành lập đã giành thắng lợi lớn trong trận đánh đồn Phai Khắt ngày 25/12/1944 và đồn Nà Ngần ngày 26/12/1944, mở ra trang sử hào hùng của dân tộc ta và truyền thống “quyết chiến quyết thắng” của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Đồng thời, đây cũng là nơi gắn liền với tên tuổi và hoạt động cách mạng thời kỳ 1941-1945 của Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một thiên tài quân sự, một vị tướng huyền thoại của chiến tranh du kích, chiến tranh Nhân dân. Khu di tích gồm 5 điểm di tích sau:

(1) Cụm di tích Rừng Trần Hưng Đạo

- Khu trung tâm Di tích

Tại sân trung tâm của di tích Rừng Trần Hưng Đạo, vị

trí trung tâm trang trọng nhất là bức phù điêu 34 chiến sĩ trong buổi lễ thành lập. Bức phù điêu được xây dựng năm 2004 nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2004). Bức phù điêu là công trình mỹ thuật hoành tráng, có giá trị như một tượng đài lưu niệm, biểu tượng cao quý, thiêng liêng về sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc.

Bên cạnh bức phù điêu là Đền thờ Đại tướng Võ Nguyên Giáp và 34 chiến sĩ Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. Đền thờ là nơi Nhân dân cả nước và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang thấp nén tâm nhang tri ân, tỏ lòng thành kính trước anh linh Đại tướng Võ Nguyên Giáp và 34 chiến sĩ Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân.

- Địa điểm thành lập Đội

Đây là nơi ghi dấu sự kiện thành lập Đội. Tại địa điểm này hiện nay, đã dựng một nhà bia trung tâm nhằm ghi dấu di tích và thể hiện lòng tôn kính của Nhân dân đối với thế hệ đàn anh của Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Nhà bia trung tâm được xây dựng năm 1994, là một ngôi nhà bia giản dị nhưng uy nghi được dựng lên để

CULTURE

ghi lại những chứng tích hào hùng xưa. Nhà bia được dựng theo kiểu 2 tầng 8 mái, có các cột trụ đỡ mái. Vị trí trung tâm đặt bia ghi dấu sự kiện, bia có 4 mặt. Bia đá màu nâu sẫm, chữ vàng khắc toàn văn bản Chi thị thành lập Đội của Lãnh tụ Hồ Chí Minh; 10 lời thề danh dự do đồng chí Võ Nguyên Giáp đọc trong lễ tuyên thệ (sau này trở thành lời thề danh dự của Quân đội Nhân dân Việt Nam); Lễ thành lập và danh sách 34 chiến sĩ Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân.

- Dãy lán nghỉ và bếp ăn

Dãy nhà nghỉ và bếp ăn của Đội nằm cách nhà bia trung tâm khoảng 30 m, được xây dựng năm 1994, mô phỏng lán trại cũ của Đội. Đối diện lán nghỉ là dãy nhà bếp ăn của Đội. Tại đây, ngay sau buổi lễ thành lập, cả Đội đã tổ chức ăn bữa cơm nhạt không rau, không muối để nêu cao tinh thần quyết tâm chịu đựng gian khổ của người chiến sĩ cách mạng từ Nhân dân mà ra, vì Nhân dân mà chiến đấu.

- Mỏ nước phục vụ nước sinh hoạt

Mỏ nước - nơi các chiến sĩ Đội lấy nước sinh hoạt hàng ngày; mỏ nước hiện nay đã được xây dựng lại.

- Đỉnh Slam Cao

Đỉnh Slam Cao - nơi đồng chí Võ Nguyên Giáp và Ban chỉ huy Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân trực tiếp lên quan sát, đưa ra các phương án đánh đồn Phai Khắt, trận đánh đầu tiên, thắng lợi đầu tiên của Đội ngày 25/12/1944.

Trên đỉnh Slam Cao, hiện nay có đặt đài quan sát. Đài được xây dựng năm 2019 nhân dịp kỉ niệm 75 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2019). Bên cạnh đài quan sát là tấm bia đá ghi dấu sự kiện. Đỉnh Slam Cao còn là khuôn viên dành cho du khách nghỉ chân để tận hưởng không khí trong lành và chiêm ngưỡng vẻ đẹp của những cánh rừng nguyên sinh.

(2) Hang Thắm Khẩu

Hang Thắm Khẩu nằm ở xóm Phai Khắt, xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình. Đây là một hang đá ở lưng chừng núi nằm về phía Tây Bắc làng Phai Khắt. Hang Thắm Khẩu sâu khoảng 03m, dài khoảng 12m. Trong giai đoạn 1941-1944, hang Thắm Khẩu được sử dụng làm trạm liên lạc đưa cơm phục vụ cho các đồng chí hoạt động cách mạng, đặc biệt là nơi tập trung quân của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân vào chiều ngày 24/12/1944, để chuẩn bị đánh đồn Phai Khắt, Nà Ngần.

(3) Đồn Phai Khắt

Đồn Phai Khắt nằm ở vị trí giữa làng Phai Khắt, xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, là nơi chứng kiến trận đầu ra quân của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải

phóng quân ngày 25/12/1944 - chiến thắng đầu tiên của Đội dưới sự tổ chức chỉ đạo của Đảng. Chiến thắng đồn Phai Khắt đã mở màn cho truyền thống “trăm trận trăm thắng” của Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Năm 1994, ngôi nhà được sử dụng làm nhà trưng bày chiến thắng Đồn Phai Khắt. Năm 2014, một số hiện vật trưng bày tại đồn Phai Khắt được đưa lên trưng bày tại Nhà trưng bày của Khu di tích Rừng Trần Hưng Đạo. Năm 2019, được bổ sung trưng bày một số hiện vật để phục dựng lại không gian sinh hoạt của tên đồn trưởng và lính đồn trong đồn Phai Khắt.

Hiện nay, bốn phía xung quanh đồn được dựng lại hàng rào bảo vệ, phía trong khuôn viên được trồng cây cảnh và một số cây ăn quả, phía sau là trạm gác bảo vệ đồn cũng được dựng mô phỏng lại.

(4) Đồn Nà Ngần

Đồn Nà Ngần thuộc xã Cẩm Lý, nay là xã Hoa Thám, huyện Nguyên Bình, cách đồn Phai Khắt khoảng 20km. Đồn Nà Ngần nơi ghi dấu trận đánh thứ 2 giành thắng lợi của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân ngày 26/12/1944. Đồn nằm trên một đồi cao, địa thế hiểm trở, từ ngoài vào phải qua mấy thung lũng. Dịch chọn nhà ông Nông Văn Páo (tức Phó lý Páo), biến thành một đồn lính.

Nhà của Phó lý Páo là một ngôi nhà sàn 3 gian kiên cố nhất trong bản, có mấy lớp hàng rào vây kín xung quanh. Đồn Nà Ngần có 22 lính khổ đỏ, do hai tên sĩ quan người Pháp chỉ huy.

Sau khi ta chiếm đồn, vài tháng sau, ông Phó lý Páo đã chuyển dời hủn ngôi nhà này sang một quả đồi khác. Hiện nay, ngôi nhà cũ không còn, tại địa điểm này đã dựng nhà bia ghi dấu chiến công oanh liệt của Đội.

(5) Di tích Vạ Phá

Di tích Vạ Phá thuộc xóm Bản Um, xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình. Đây là một thung lũng rộng tương đối bằng phẳng ngay chân đồi Slam Khẩu, phía trước có thể nhìn thấy cánh đồng Bản Um và đường vào Khu di tích Rừng Trần Hưng Đạo, phía sau là đồi Slam Khẩu, đường xuống xã Thượng Ân (Ngân Sơn, Bắc Kạn). Là nơi kín đáo, xa dân, với vị trí “tiền khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ”. Tại đây, vào tháng 2/1944, Tổng bộ Việt Minh Cao Bằng đã mở lớp huấn luyện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho toàn tỉnh do các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Lê Thiết Hùng phụ trách. Lớp huấn luyện quân sự là bước chuẩn bị về lực lượng, góp phần tích cực vào việc thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.

Hiện nay, Vạ Phá còn dấu tích lán trại của lớp học

quân sự có diện tích khoảng 150m², chiều dài khoảng 30m, chiều rộng khoảng 5m.

Năm 1993, Khu di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo đã được Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích cấp Quốc gia tại Quyết định số 68/VH-QĐ ngày 29/01/1993. Năm 2013, Khu di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là Di tích Quốc gia đặc biệt tại Quyết định số 2383/QĐ-TTg ngày 09/12/2013. Đây là niềm tự hào của Đảng bộ, Nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng, là sự ghi nhận của Đảng, Nhà nước với những đóng góp của quân và dân Cao Bằng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Những giá trị tiêu biểu của Di tích Quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo

Di tích quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo có nhiều giá trị trong đó tiêu biểu nhất là giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học. Với những giá trị này rừng Trần Hưng Đạo đã được công nhận là Di tích Quốc gia đặc biệt.

*** Giá trị lịch sử**

Khu di tích lịch sử Rừng Trần Hưng có giá trị đặc biệt quan trọng, là một trong những khu di tích có tầm quan trọng trong hệ thống các di tích về lịch sử quân sự cách mạng Việt Nam, gắn liền với cuộc đời và sự nghiệp hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đại tướng Võ Nguyên Giáp thời kỳ 1941 - 1945.

Khu di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo là nơi vinh dự được chứng kiến buổi lễ thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam ngày nay.

Là nơi diễn ra nhiều sự kiện đặc biệt quan trọng liên quan đến vận mệnh của đất nước Việt Nam: Lễ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, đánh thắng hai trận đầu đồn Phai Khắt và Nà Ngần ngày (25 - 26/12/1944), sau này đội phát triển trưởng thành và đã giành được nhiều thắng lợi mang lại độc lập cho dân tộc Việt Nam mà đỉnh cao là kết quả của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thành công, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ngày 02/9/1945.

*** Giá trị văn hóa**

Khu di tích Rừng Trần Hưng Đạo là bảo tàng sống động về không gian và thời gian, lưu trữ những địa danh, hiện vật gắn liền với giai đoạn lịch sử đặc biệt quan trọng, có giá trị lịch sử đặc biệt quan trọng đối với cách mạng Việt Nam; gắn liền với sự nghiệp hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp - người anh cả của lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam.

Là nơi tổ chức nhiều sự kiện sinh hoạt văn hóa vào các ngày lễ lớn của đất nước như ngày 22/12, ngày 30/04 hàng năm; Tổ chức nhiều sự kiện mang ý nghĩa chính trị về công tác giáo dục tư tưởng, truyền thống cách mạng cho các thế hệ người Việt Nam; Về truyền thống đấu tranh giành quyền tự do, độc lập cho Tổ quốc của Quân đội Nhân dân Việt Nam và các đồng chí hoạt động cách mạng, Nhân dân các dân tộc cả nước nói chung và Nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng nói riêng thời kỳ 1941 - 1945. Là nơi tưởng nhớ khắc ghi công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đối với dân tộc. Nơi Nhân dân thể hiện lòng tôn kính, ngưỡng mộ đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, với Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Quân đội Nhân dân Việt Nam thời kỳ 1944 - 1945.

*** Giá trị khoa học**

Khu di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo là nơi có các minh chứng chân thực giúp các nhà nghiên cứu khoa học về lịch sử Đảng, lịch sử dân tộc đến nghiên cứu, học tập và nâng cao trình độ lý luận, chuyên môn thông qua những điểm di tích, những hình ảnh trực quan, và một số tư liệu, tài liệu liên quan còn được lưu giữ và trưng bày tại đây.

Ngoài những giá trị lịch sử, văn hóa quan trọng, Khu di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo còn là thắng cảnh lý tưởng, sơn thủy hữu tình, thời tiết ôn hòa, trong lành. Đồng bào dân tộc nơi đây còn bảo lưu nhiều nét văn hóa truyền thống giàu bản sắc, độc đáo và hấp dẫn. Đây là nơi du khách trong và ngoài nước có thể tham quan, thưởng ngoạn thắng cảnh và du lịch sinh thái, trải nghiệm văn hóa bản địa đầy ý nghĩa.

Kết luận

Bài viết nghiên cứu tìm ra những giá trị tiêu biểu của Di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo đồng thời đánh giá vị trí, vai trò của di tích đối với việc phát triển kinh tế, xã hội của huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Căn cứ vào kết quả nghiên cứu trên các nhà quản lý văn hóa có thể đề xuất giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị của di tích gắn với việc phát triển du lịch của địa phương.

CULTURE

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng (2012), *Thuyết minh tổng hợp Quy hoạch xây dựng, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử rừng Trần Hưng Đạo, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng*, Nxb. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng, Cao Bằng.
2. Tỉnh Ủy Cao Bằng (2021), *Kỷ yếu tọa đàm Đại Tướng Võ Nguyên Giáp với quê hương cội nguồn cách mạng Cao Bằng kỷ niệm 110 năm Ngày sinh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp (25/8/1991-25/8/2021)*, Nxb. Tỉnh ủy Cao Bằng, Cao Bằng.
3. Tỉnh Ủy, Hội đồng nhân dân ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, Viện sử học Việt Nam (2009), *Lịch sử tỉnh Cao Bằng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Tỉnh Ủy, UBND Tỉnh Cao Bằng, *Địa chí Cao Bằng* (2000), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Trang thông tin điện tử Sở thông tin và Truyền thông Cao Bằng, *Truyền thống Văn hóa - Lịch sử Cao Bằng*, (www.sotttt.caobang.gov.vn), (2021).
6. Trịnh Thị Minh Đức, Phạm Thu Hương (2007), *Bảo tồn Di tích lịch sử Văn hóa*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
7. Trương Quốc Bình (2016), *Bảo tồn kho tàng di sản văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
8. UNESCO (1972), *Công ước về bảo vệ Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới*, (nguồn whc.unesco.org).

XÂY DỰNG VĂN HÓA ỨNG XỬ TRONG MÔI TRƯỜNG HỌC ĐƯỜNG CỦA HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

TRẦN THỊ HỒNG HẠNH

Email: havitrans2309@gmail.com

Học viên K11- Ngành Quản lý văn hóa Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương

BUILDING A CULTURE OF BEHAVIOR IN THE SCHOOL ENVIRONMENT AT THE VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY OF AGRICULTURE

TÓM TẮT



ABSTRACT

Học viện Nông nghiệp Việt Nam là một cơ sở đào tạo có bề dày lịch sử lâu đời. Đến nay, Học viện đã đào tạo nhiều ngành nghề và có số lượng giảng viên, sinh viên rất lớn. Bằng phương pháp khảo sát thực tiễn và nghiên cứu tư liệu, tác giả bài viết đã nghiên cứu hoạt động xây dựng văn hóa ứng xử trong môi trường học đường của Học viện để từ đó có đánh giá được thực trạng văn hóa ứng xử của sinh viên và giảng viên hiện nay. Từ đó sẽ góp phần quan trọng vào định hướng các giải pháp nâng cao chất lượng quản lý hoạt động này trong thời gian tới.

Từ khóa: Văn hóa ứng xử, môi trường học đường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Vietnam national university of Agriculture is a training institution with a long history. Up to now, the Academy has trained many professions and has a very large number of lecturers and students. By the method of practical survey and study of documents, the author of the article has studied the activities of building a behavioral culture in the school environment of the Academy to assess the current status of behavioral culture of the Academy. current students and faculty. From there, it will make an important contribution to the orientation of solutions to improve the quality of this activity management in the coming time.

Keywords: Behavioral culture, school environment, Vietnam national university of Agriculture

1. Đặt vấn đề

Học viện Nông nghiệp Việt Nam tiền thân là Trường Đại học Nông Lâm, được thành lập ngày 12/10/1956 theo Nghị định số 53/NĐ-NL của Bộ Nông Lâm, là 1 trong 3 trường đại học đầu tiên của nước “Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” được thành lập sau ngày hoà bình lập lại ở miền Bắc. Khi mới thành lập, Trường trực thuộc Bộ Nông Lâm, có 3 khoa với 4 chuyên ngành đào tạo: Khoa Nông học gồm hai ngành: trồng trọt và cơ khí hóa nông nghiệp; Khoa Chăn nuôi Thú y có ngành Chăn nuôi - Thú y; Khoa Lâm học có ngành Lâm học. Đội ngũ CBGD của trường lúc đó có 27 người.

Ngày 17/6/2015, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 873/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2015 - 2017 với mục tiêu chung là Học viện chủ động khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực để đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, phấn đấu trở thành Đại

học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực theo các chuẩn mực khu vực và quốc tế; đồng thời bảo đảm các đối tượng chính sách, đối tượng thuộc hộ nghèo có cơ hội học tập tại Học viện.

Để thực hiện được mục tiêu trên Học viện đã tiến hành tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng môi trường làm việc và giảng dạy, môi trường học tập cho sinh viên,... trong đó nhấn mạnh đến việc xây dựng văn hóa ứng xử trong môi trường học đường. Vì đây chính là yếu tố góp phần thể hiện một môi trường đại học chuyên nghiệp và có tính hội nhập cao.

2. Nội dung

Văn hóa ứng xử trong môi trường học đường thể hiện thông qua những ứng xử, giao tiếp giữa sinh viên và giáo viên và giữa sinh viên với sinh viên. Cụ thể, đó là văn hóa chào hỏi, thái độ học tập trên lớp, mối quan hệ ứng xử giữa sinh viên với nhau trong môi trường học tập.

CULTURE

Ở nước ta, thuật ngữ văn hóa học đường tuy còn khá mới mẻ nhưng những nội dung của nó thì đã tồn tại từ lâu trong truyền thống học tập của người Việt Nam. Nó biểu hiện ra chính là tinh thần “tôn sư trọng đạo”, “kính thầy yêu bạn”... Ngày nay, những khẩu hiệu như “Tiên học lễ, hậu học văn”, “ng nghiêm túc-đồng cảm-chia sẻ”,... là những thông điệp mang ý nghĩa giáo dục đạo đức, lối sống đang ngày càng phổ biến ở các trường học. Nhìn chung, văn hóa học đường có thể hiểu là hệ thống chuẩn mực, giá trị giúp các cán bộ quản lý nhà trường, các thầy cô và học sinh, sinh viên có cách thức suy nghĩ, tình cảm, hành động tốt đẹp.

Tuy nhiên, theo đánh giá của các chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu vì văn hóa học đường thì ngày nay thực trạng văn hóa ứng xử trong học đường đang tồn tại nhiều vấn đề bất cập.

Sinh viên Việt Nam hiện nay có điều kiện vật chất và tinh thần khá thuận lợi, ngày càng được nâng cao so với sinh viên trước đây. Họ được tiếp cận một cách dễ dàng với nhiều phương tiện giáo dục hiện đại, nhiều kênh thông tin, được học tập, nghiên cứu trong môi trường giáo dục tốt. Trong các môi trường giáo dục này, nhà trường luôn quan tâm đến vấn đề xây dựng môi trường văn hóa, hướng tới giáo dục năng lực con người theo Chân, Thiện, Mỹ. Tuy nhiên, với đặc thù là tuổi trẻ của mình, sinh viên là nhóm xã hội đặc biệt, luôn mang trang mình những hoài bão, khát vọng, muốn thử sức với những cái mới... Chính vì lẽ đó, sinh viên cũng trở thành lực lượng nhạy cảm, dễ biến đổi theo nhiều chiều hướng khác nhau, dễ hấp thu cả những lối sống, văn hóa không phù hợp với truyền thống của dân tộc.

Đối với Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Ban Giám đốc Học viện luôn nhận thức sâu sắc thực trạng vấn đề văn hóa học đường nên luôn chú trọng việc xây dựng văn hóa học đường trong Học viện. Để đánh giá được mức độ xây dựng văn hóa học đường trong Học viện tác giả đã khảo sát 139 sinh viên của Học viện và kết quả thu được như sau:

Bảng 1: Kết quả đánh giá về mức độ quan tâm của Học viện đối với hoạt động xây dựng văn hóa ứng xử cho sinh viên trong môi trường học đường

TT	Mức độ quan tâm của HV đối với hoạt động xây dựng VHUX trong môi trường học đường	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Rất quan tâm	55	39,6
2	Quan tâm	45	32,4
3	Ít quan tâm	35	25,2
4	Không quan tâm	4	2,8
	Tổng	139	100,0

[Nguồn: Tác giả thực hiện]

Từ kết quả trên cho thấy việc xây dựng văn hóa ứng xử trong môi trường học đường được các đối tượng quan tâm rất cao, tỉ lệ không quan tâm chỉ có 2,8%. Để thực hiện được nội dung này ngoài các bộ phận có liên quan thì giảng viên là người đóng vai trò quan trọng trong việc uốn nắn, giám sát sinh viên ứng xử với các đối tượng khác nhau. Chẳng hạn giữa sinh viên với sinh viên cũng cần có cách ứng xử văn minh, lịch sự và tôn trọng nhau. Giữa sinh viên với giảng viên cần có sự tôn trọng, kính lễ và chia sẻ,... Để thực sự có một môi trường học đường có văn hóa, sự phạm và tạo sự thân thiện cho sinh viên, cho cả những đối tượng ngoài học viện đến thăm và làm việc cảm nhận được ban lãnh đạo thực sự coi trọng việc xây dựng văn hóa học đường. Đồng thời việc xây dựng văn hóa học đường tốt cũng chính là góp phần xây dựng thương hiệu cho Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Để đánh giá mức độ hiệu quả của hoạt động xây dựng văn hóa ứng xử trong môi trường học đường, tác giả cũng khảo sát với 139 sinh viên. Câu hỏi được đưa ra là “Đánh giá mức độ hiệu quả của hoạt động xây dựng văn hóa ứng xử trong môi trường học đường của Học viện”, kết quả thu được như sau: 39,6% đánh giá “Rất hiệu quả”, 32,4%% đánh giá “Hiệu quả”, 25,2%% đánh giá “bình thường”, 2,8% đánh giá “không hiệu quả”.

Bảng 2: Kết quả đánh giá về hiệu quả của hoạt động xây dựng văn hóa ứng xử trong môi trường học đường cho sinh viên

TT	Hiệu quả của hoạt động xây dựng VHUX trong môi trường học đường	Số lượng	Tỷ lệ %
1	<u>Rất hiệu quả</u>	55	39,6
2	<u>Hiệu quả</u>	45	32,4
3	<u>Bình thường</u>	35	25,2
4	Không hiệu quả	4	2,8
	Tổng	139	100,0

[Nguồn: Tác giả thực hiện]

Cũng cùng với câu hỏi này, tác giả khảo sát đối với 50 giảng viên trong Học viện và lần lượt thu được kết quả như sau:

Bảng 3: Kết quả đánh giá về hiệu quả của hoạt động xây dựng văn hóa ứng xử trong môi trường học đường

TT	Hiệu quả của hoạt động xây dựng VHUX trong môi trường học đường	Số lượng	Tỷ lệ %
1	<u>Rất hiệu quả</u>	26	52%
2	<u>Hiệu quả</u>	17	34%
3	<u>Bình thường</u>	4	8%
4	Không hiệu quả	3	6%
	Tổng	50	100%

[Nguồn: Tác giả thực hiện]

Như vậy, giảng viên trong học viện đánh giá rất cao việc xây dựng văn hóa ứng xử trong môi trường học đường và chú trọng hoạt động này khi đến trường, lên giảng đường. Giảng viên là nhân tố có vai trò quan trọng quyết định đến nội dung này vì vậy học viện đã luôn nêu cao tinh thần phối hợp của giảng viên trong các cuộc họp giao ban, trong cuộc họp của chi bộ,...

Tác giả có thực hiện một phỏng vấn với một cán bộ quản lý (B) trong Học viện về thực trạng xây dựng văn hóa ứng xử trong Học viện Nông nghiệp Việt Nam trong những năm gần đây ạ?. Ông B có ý kiến như sau:

Trong thời gian qua, Học viện Nông nghiệp đã có nhiều đổi mới trong việc thực hiện quy chế dân chủ trong đó có xây dựng văn hóa ứng xử tại đơn vị. Theo đó, Đảng ủy, Ban Giám đốc đã thường xuyên chỉ đạo các tổ chức đoàn thể ngoài ban hành các quy định còn tổ chức hội thảo, tọa đàm để định hướng việc hình thành lối sống, nếp sống đẹp trong Nhà trường. Trên thực tế từ chiến lược, quy chế tổ chức và hoạt động đến các hướng dẫn cụ thể đều hướng tới xây dựng văn hóa học đường, văn hóa ứng xử, giao tiếp trong môi trường giáo dục dành cho cán bộ, giảng viên và sinh viên. Nội dung này cũng được cụ thể hóa hằng năm tại Kế hoạch công tác của Học viện và được triển khai tới từng đơn vị [PVS, ngày 12/3/2022].

Căn cứ vào các văn bản trên, việc triển khai bước đầu đã đạt được kết quả nhất định trong việc xây dựng lối sống, nếp sống đẹp trong mỗi cán bộ, sinh viên, học viên của học viện. Đã có 05 văn bản hướng dẫn được ban hành, 08 tọa đàm chuyên sâu được tổ chức và hàng loạt các chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo Học viện tại các phiên họp về vấn đề này. Từng giảng đường, phòng học đều có nội quy, quy định cụ thể về việc này. Trong mỗi cuộc họp, giao ban định kỳ và sinh hoạt chi bộ đều có lồng ghép các nội dung này để cùng thảo luận, trao đổi và định hướng thêm. Mặc dù, đã có nhiều thay đổi được tạo ra nhưng những vấn đề trong giao tiếp, trong trao đổi tại mỗi hội nghị của cả cán bộ, giảng viên và sinh viên vẫn còn có lúc, có nơi chưa thật sự chuẩn mực.

Tác giả cũng phỏng vấn trực tiếp đối với A (Bảo vệ ở Học viện) về thái độ ứng xử của sinh viên Học viện. Câu hỏi là: Bác có thể cho biết nhận xét của mình về thái độ ứng xử của sinh viên Học viện Nông nghiệp Việt Nam hiện nay. Câu trả lời của bác A là:

Về cơ bản, những năm gần đây, phần lớn sinh viên Học viện có thái độ ngoan, lễ phép với thầy cô giáo, cũng như các cán bộ, nhân viên trong Học viện. Khi gặp các thầy cô, các em cúi chào khá lễ phép. Tuy nhiên cũng còn nhiều sinh viên chưa có thái độ ứng xử tốt, gặp thầy cô không chào, lảng tránh. Còn có một số em nói tục, chửi bậy trong phạm vi trường học [PVS, ngày 12/3/2022].

Khi tác giả phỏng vấn một giảng viên (C) của Học viện về lối sống và văn hóa học đường của sinh viên Học viện Nông nghiệp Việt Nam trong những năm gần đây? Giảng viên C nhận xét như sau:

Với chủ trương của lãnh đạo Học viện về xây dựng văn hóa ứng xử trong Học viện, chúng tôi luôn nhận thức sâu sắc trách nhiệm của mình trong việc truyền tải tri thức, kỹ năng và đặc biệt là giáo dục văn hóa học đường cho các em sinh viên ngay khi bước chân vào Học viện. Sinh viên Học viện đến từ nhiều miền quê khác nhau, đa phần là nông thôn được hưởng thụ một nền giáo dục cơ bản, chăm chỉ, cần cù và luôn nỗ lực phấn đấu không ngừng trong học tập. Mặc dù các em còn chưa thực sự mạnh dạn trên giảng đường nhưng các phong trào đoàn thể đã giúp các em có cơ hội được gần nhau hơn. Các kết nối thường xuyên được tạo ra từ các hoạt động, sự kiện cụ thể nhân các ngày lễ, các ngày kỷ niệm theo chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện. Sinh viên có Học viện hầu hết đều có lối sống lành mạnh, biết yêu thương, chia sẻ với bạn bè và các khóa với nhau. Các em đều lễ phép, ăn mặc đúng mực trong các giờ lên lớp và các sinh hoạt tập thể của Nhà trường. Ngoài ra, chúng tôi đánh giá các em đã có nhiều thay đổi trưởng thành hơn sau 01 năm vào trường. Đây chính là những kết quả và nỗ lực từ cả 02 phía trong việc xây dựng và tạo ra một môi trường văn hóa tinh thần lành mạnh tại Học viện trong nhiều năm qua [PVS, ngày 12/3/2022].

3. Kết luận

Như vậy, nhìn chung, đối với hoạt động xây dựng văn hóa ứng xử trong môi trường học đường của Học viện đều được đánh giá cơ bản là rất hiệu quả và hiệu quả ở cả 2 đối tượng khảo sát (sinh viên và giảng viên trong Học viện). Điều đó khẳng định tính chất kịp thời, khẩn trương trong việc ban hành các văn bản, quy định về văn hóa học đường, đồng thời cho thấy cách thức tiến hành xây dựng văn hóa học đường của Học viện đang khả quan, thu được kết quả tích cực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương (2004), *Xây dựng môi trường văn hóa một số vấn đề lý luận và thực tiễn*.
2. Ban Bí thư TW Đảng (2010), *Chỉ thị số 46/CT-TW ngày 27/7/2010 về chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội*.
3. Đào Đình Bắc (1988), *"Cơ sở lý luận của vấn đề lý luận, giáo dục môi trường nhân văn theo tinh thần hòa hợp với thiên nhiên"*, **Kỷ yếu Hội thảo khoa học về giáo dục môi trường nhân văn, Cục Môi trường**.
4. Trần Văn Bính (1996), *Văn hóa dân tộc trong thời kỳ mở cửa hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA TẠI TRUNG TÂM VĂN HÓA NGHỆ THUẬT TỈNH KON TUM

PHẠM VĂN HÂN

Email: ngochankontum.dnt@gmail.com

Học viên K12- Ngành Quản lý Văn hóa Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương

SOME SOLUTIONS FOR MANAGEMENT OF CULTURAL ACTIVITIES AT KON TUM PROVINCE's CULTURE ARTS CENTER

TÓM TẮT



ABSTRACT

Đảng và Nhà nước ta luôn coi văn hóa là nền tảng tinh thần, động lực, mục tiêu của CNXH. Việc quản lý nhằm bảo tồn, kế thừa, phát triển những giá trị văn hóa dân tộc là quốc sách hàng đầu được ghi nhận trong các bản hiến pháp. Một trong những lĩnh vực hoạt động phổ biến trong đời sống văn hóa xã hội ở nước ta, có ảnh hưởng mạnh mẽ tới tư tưởng, tình cảm, nhận thức của nhiều người đó là hoạt động nghệ thuật biểu diễn. Sự tác động của khoa học kỹ thuật, công nghệ cao, của quá trình giao lưu văn hóa và hội nhập kinh tế đã đưa nghệ thuật biểu diễn không chỉ trở thành sản phẩm tinh thần đáp ứng nhu cầu của quần chúng mà còn trở thành một bộ phận của kinh tế thị trường phát triển năng động, sáng tạo. Phát triển nghệ thuật biểu diễn đi đúng hướng dân tộc, khoa học, đại chúng chắc chắn không thể thiếu vai trò then chốt của quản lý nhà nước.

Từ khóa: Giải pháp, quản lý văn hóa, hoạt động văn hóa, trung tâm văn hóa

Our Party and State always consider culture as the spiritual foundation, motivation and goal of socialism. The management to preserve, inherit and develop national cultural values is the top national policy recognized in the constitutions. One of the popular activities in the social and cultural life in our country, which has a strong influence on the thoughts, feelings and perceptions of many people is performing arts. The impact of science and technology, high technology, the process of cultural exchange and economic integration has made the performing arts not only become a spiritual product to meet the needs of the masses but also become a part of a dynamic and creative market economy. Developing the performing arts in the right direction of the nation, science and the masses is certainly indispensable for the key role of state management.

Keywords: Solutions, cultural management, cultural activities, cultural centers

1. Khái quát về Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh Kon Tum

Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh Kon Tum (TTVH-NT) được thành lập theo Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 của UBND tỉnh Kon Tum. Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh Kon Tum là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở VH-TT&DL tỉnh, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Trung tâm chịu sự quản lý trực tiếp, toàn diện của Sở VH-TT&DL; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn của Cục Nghệ thuật biểu diễn, Cục Văn hóa cơ sở, Cục điện ảnh. TTVH-NT tỉnh Kon Tum có chức năng phát triển sự nghiệp văn hóa thông tin, điện ảnh; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách,

pháp luật của Nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện. Hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác văn hóa, thông tin, điện ảnh ở cấp huyện, thành phố. Tổ chức và cung ứng các dịch vụ công, đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa thông tin và điện ảnh; nhu cầu tiếp nhận thông tin, nâng cao dân trí, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của nhân dân trên địa bàn.

2. Quản lý hoạt động văn hóa tại Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật

Trong những năm qua, công tác vận động tuyên truyền nhân dân tin tưởng và hưởng ứng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các phong trào, kế hoạch của địa phương luôn được thực hiện thường xuyên, liên tục. Thông qua các hình thức thông tin tuyên truyền đa dạng, người dân được

tham gia vào các hoạt động chính trị của cả nước, đồng thời nhận thức đầy đủ và trách nhiệm, nghĩa vụ công dân. Có thể khẳng định, Trung tâm VHNT tỉnh đã làm tốt vai trò là đơn vị chủ lực trong việc truyền tải thông tin về cơ sở, góp phần quyết định vào sự thành công của cuộc vận động tuyên truyền như: tuyên truyền cổ động trực quan bằng âm thanh, hình ảnh, đội văn nghệ xung kích, chiếu phim lưu động... những nội dung quan trọng cần chuyển tải đến người dân đã được trung tâm thực hiện tốt. Nhiều hoạt động mang tính chất tuyên truyền cổ động và văn nghệ kỷ niệm được người dân biết đến nhiều nhất trong các hoạt động nghiệp vụ của trung tâm. Những nội dung về hoạt động VHNT đưa về cơ sở đều sát với đời sống người dân và được người dân hưởng ứng.

Trung tâm VHNT tỉnh là địa chỉ sinh hoạt, giúp người dân được tham gia vào các hoạt động vui chơi, giải trí mang tính cộng đồng và tương tác cao của người dân trong tỉnh. Trong xã hội hiện đại, con người đang có xu hướng bị đẩy vào những không gian cá nhân để làm việc, nhu cầu hướng tới những sinh hoạt cộng đồng là rất lớn để mỗi người tự cân bằng bản thân. Chính vì lẽ đó, những lớp học, những câu lạc bộ sinh hoạt tại Trung tâm sẽ là cầu nối giao lưu cho những đối tượng tham gia mà đặc biệt ở đây đối tượng là thanh thiếu niên nhi đồng. Thiếu nhi tới đây không chỉ được học tập, phát huy khả năng của bản thân mà còn giao tiếp, vui chơi, chia sẻ, nuôi dưỡng các cảm xúc thích và định hình nhân cách.

Trung tâm tổ chức tốt các buổi giao lưu văn hóa - văn nghệ tạo bầu không khí sôi nổi hăng say lao động trên địa bàn tỉnh. Các hoạt động của Trung tâm đã đáp ứng một phần các nhu cầu hưởng thụ, sáng tạo văn hóa của quần chúng Hưởng thụ và sáng tạo văn hóa là một nhu cầu không thể thiếu được của con người. Tuy vậy không phải là nơi nào, lúc nào con người cũng được thỏa mãn nhu cầu ấy. Là một thiết chế văn hóa tổng hợp, đa năng. Trung tâm VHNT tỉnh cố gắng vận dụng và tìm cách để đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo văn hóa của đông đảo nhân dân một cách có hiệu quả nhất. Để khuyến khích và phát huy khả năng sáng tạo văn hóa của quần chúng, trung tâm đã tổ chức các lớp bồi dưỡng năng khiếu về văn hóa nghệ thuật, tổ chức các hội thi, hội diễn, tổ chức các tổ nhóm, câu lạc bộ theo sở thích. Qua đó, trung tâm không chỉ giúp mọi người thỏa mãn nhu cầu sáng tạo văn hóa của bản thân mà còn phát hiện được những tài năng mới để tiếp tục bồi dưỡng phục vụ phong trào và cho xã hội.

Trung tâm luôn chú trọng xây dựng kế hoạch hoạt động, theo dõi, tham mưu các văn bản quản lý trong lĩnh vực văn hóa, các kế hoạch hoạt động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các tổ chuyên môn. Các kế hoạch được thực hiện kịp thời, chất lượng và hiệu

quả. Tham mưu với Sở VHNT&DL những ý kiến chính xác trong hoạt động tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, công tác điện ảnh. Sở VHNT&DL tham mưu UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản pháp quy, các đề án, kế hoạch khả thi để phát triển ngành văn hóa, đồng thời nhanh chóng triển khai đến các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tầng lớp nhân dân cùng tham gia thực hiện. Từ đó công tác văn hóa trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển biến tích cực và được nhân dân hưởng ứng.

Bên cạnh đó Trung tâm xây dựng được quy chế hoạt động phù hợp với đặc điểm tình hình mới của Trung tâm, tạo ra một bước tiến, có cơ sở khoa học cho quá trình làm việc và phối hợp có hiệu quả giữa các tổ chuyên môn trong Trung tâm cũng như các cơ quan ban ngành trong và ngoài tỉnh. Việc xây dựng các nguồn lực được Ban Giám đốc Trung tâm duy trì và đẩy mạnh qua từng năm, Trung tâm đã tổ chức các lớp huấn luyện nghiệp vụ, tuyên truyền pháp luật cho các cán bộ văn hóa ở các huyện, thành phố. Trong quản lý các hoạt động chuyên môn, Trung tâm đã phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, chỉ đạo tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, điện ảnh sáng tạo ra nhiều sản phẩm văn hóa có giá trị, đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân. Nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp và mọi tầng lớp nhân dân đang dần được nâng cao từ đó ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, đấu tranh ngăn chặn sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại, lai căng.

Công tác kiểm tra, thi đua khen thưởng được Ban Giám đốc quan tâm chú trọng và có sự phối hợp chặt chẽ, được duy trì thực hiện, dần đi vào nề nếp, có tác dụng tích cực ngăn chặn kịp thời những hoạt động vi phạm, động viên nhân dân tham gia các hoạt động văn hóa đúng pháp luật. Có được những kết quả nêu trên, không thể phủ nhận vai trò và công sức của các cán bộ, viên chức của TTVH-NT tỉnh Kon Tum.

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động văn hóa tại Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh Kon Tum

*** Nhóm giải pháp đối với chủ thể quản lý**

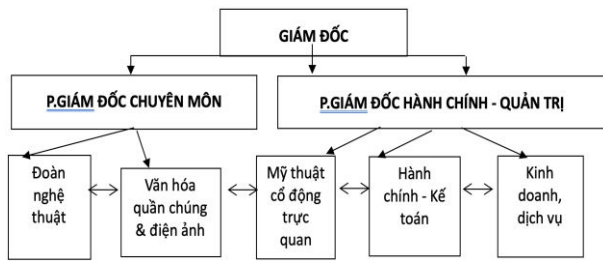
-Tăng cường tuyên truyền giáo dục;

-Nâng cao chất lượng bộ máy tổ chức, xây dựng, đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;

Dựa trên lý thuyết về khoa học quản lý, đồng thời là người trực tiếp công tác tại đơn vị, tác giả mạnh dạn giới thiệu mô hình quản lý như sau:

Sơ đồ 1: Tổ chức bộ máy tại Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh Kon Tum

CULTURE



Mô hình này giúp cho Trung tâm cắt giảm bớt được 02 chức danh Phó Giám đốc phù hợp với tinh thần của chỉ thị 02/2017/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế. Đồng thời với mô hình quản lý mới Phó Giám đốc phụ trách chuyên môn sẽ phụ trách luôn cả 3 phòng chuyên môn đảm bảo tính tương tác giữa các hoạt động của 3 phòng chuyên môn, 01 Phó Giám đốc sẽ phụ trách về công tác hành chính, tài chính và các hoạt động kinh doanh, dịch vụ của Trung tâm.

- Xây dựng nguồn nhân lực ở tất cả các lĩnh vực: Lĩnh vực văn hóa văn nghệ, điện ảnh, Thông tin tuyên truyền: Xây dựng đội ngũ cán bộ nghiệp vụ có đạo đức, chuyên môn giỏi, tư tưởng chính trị vững vàng. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước và tổ chức các hoạt động văn hóa cơ sở cho cán bộ văn hóa, và điện ảnh ở cơ sở.

- Tăng cường cơ chế phối hợp ở trong nội bộ đơn vị và phối hợp với các đơn vị, doanh nghiệp khác: Tăng cường quán triệt, nâng cao nhận thức của các ngành, địa phương, nhất là người đứng đầu về vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ để tạo sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức, từ đó có sự thay đổi trong hành động của mỗi cơ quan, đơn vị, của từng cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh hoạt động xây dựng và ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ. xây dựng quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ để xác định rõ phạm vi, đối tượng điều chỉnh và nhiệm vụ cụ thể của từng cơ quan, đơn vị có liên quan, nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong theo dõi, đôn đốc cũng như xác định trách nhiệm đối với công việc được giao, theo dõi tình hình thực hiện, định kỳ hàng năm đề xuất UBND tỉnh chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm và kịp thời bổ sung, chấn chỉnh nội dung cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn đặt ra.

*.Nhóm giải pháp về nguồn lực

- Tăng cường nguồn lực tài chính: Tăng chi ngân sách cho sự nghiệp văn hóa, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa. Khai thác sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn của tỉnh cấp cho chương trình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh để xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ các hoạt động văn hóa,

đặc biệt các xã thuộc huyện xa trung tâm có mức phát triển chậm.

Thực hiện việc xây dựng đề án tự chủ về kinh phí, nguồn tài chính theo lộ trình, hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Tổ chức quản lý tốt các dịch vụ xã hội hóa các hoạt động, tiến tới tự chủ tài chính để đảm bảo các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ được tổ chức và thực hiện một cách có hiệu quả nhất.

- Tăng cường cơ sở vật chất: Cần có kế hoạch đầu tư xây dựng các hạng mục công trình theo hướng hiện đại, phù hợp với sự phát triển của xã hội và đặc thù của từng địa bàn. Chú trọng đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật như bàn ghế, vật tư loa đài, hệ thống âm thanh, ánh sáng, trang phục, dụng cụ tập luyện chuyên dụng, hệ thống xe tuyên truyền lưu động đáp ứng tốt cho các hoạt động nghiệp vụ chuyên nghiệp

* Nhóm giải pháp về quản lý tổ chức các hoạt động

- Hoàn thiện các văn bản quản lý: Cần rà soát, bổ sung các văn bản như quyết định, quy chế, quy định về cơ chế, chính sách và quản lý các hoạt động văn hóa tại TTVH-NT tỉnh Kon Tum một cách linh hoạt và phù hợp với yêu cầu mới của thiết chế văn hóa cũng như thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ văn hóa của quần chúng nhân dân. Ban hành các quy chế quản lý các hoạt động dịch vụ văn hóa trên địa bàn tỉnh, bảo đảm hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa của tổ chức, cá nhân đúng pháp luật.

- Nâng cao chất lượng hoạt động nghiệp vụ

+ Hoạt động thông tin tuyên truyền

Tăng cường chất lượng thông tin theo hướng nâng cao tính thời sự, tính tư tưởng, tính chiến đấu, tính khoa học và tính thiết thực của các nội dung tuyên truyền. Khắc phục tình trạng nội dung tuyên truyền chung chung, xa rời với thực tế, không sát với đối tượng. Đẩy mạnh thông tin hai chiều theo hướng dân chủ hóa và tăng cường đối thoại. Thông qua trao đổi và thông tin phản hồi để nắm bắt tình hình tư tưởng của đối tượng và dư luận xã hội. Tăng cường số lượng của các hình thức cổ động trực quan, nhất là ở những xã vùng sâu, xã có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống. Thường xuyên đổi mới hình thức phù hợp với nội dung của công tác đối tượng tuyên truyền nhằm đem lại hiệu quả cao nhất trong hoạt động tuyên truyền.

+ Hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng

Định hướng các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng một cách kịp thời và phù hợp với từng giai đoạn, thời kỳ phát triển kinh tế, đặc biệt trong cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhân dân thực hiện quyền được hoạt động sáng tạo và quyền hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật do bản thân và cộng đồng xã hội làm ra. Khuyến khích, tài trợ, khen thưởng đúng mức cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng. Hằng năm hoặc

CULTURE

định kỳ tổ chức lập danh sách đề nghị xét tặng, truy tặng danh hiệu nghệ nhân dân gian, nghệ nhân ưu tú, nghệ sĩ và các hình thức ghi nhận công lao khác cho các cá nhân có đóng góp tài năng, sức lực, tiền của cho phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng gửi lên các cấp lãnh đạo xét duyệt.

- Đẩy mạnh tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng để các câu lạc bộ văn nghệ tham gia các hội thi, hội diễn. Tạo điều kiện để những người có sở thích, năng khiếu về văn hóa, văn nghệ thành lập câu lạc bộ phù hợp với từng lứa tuổi, loại hình nghệ thuật..., góp phần tạo sân chơi bổ ích, phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng trong cộng đồng.

+ Hoạt động điện ảnh

Tăng cường đội chiếu bóng lưu động xung kích phục vụ cơ sở, vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số có hiệu quả, các buổi chiếu đều thu hút đông người xem, nguồn phim chiếu là phim truyện Việt Nam về đề tài cách mạng kháng chiến giải phóng dân tộc phù hợp với thị hiếu và nhu cầu hưởng thụ của đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS.

+ Tổ chức hoạt động của các câu lạc bộ

Tổ chức những buổi tọa đàm, mời các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của CLB về nói chuyện, diễn giảng, trao đổi nghiệp vụ, học hỏi những kinh nghiệm sáng tác. Tổ chức các cuộc thi sáng tác cho hội viên các CLB thơ, văn, âm nhạc, mỹ thuật, Trung tâm cần thiết mời những người có tầm ảnh hưởng lớn trong lĩnh vực chuyên môn làm giám khảo, tạo sự khách quan cũng như đẩy mạnh tính chuyên nghiệp trong hoạt động sáng tác của CLB.

+ Hoạt động dịch vụ

Trước mắt để hoạt động dịch vụ của TTVH-NT tỉnh Kon Tum phát triển mạnh mang lại nguồn thu lớn, cải thiện đời sống của cán bộ nhân viên Trung tâm hơn lúc nào hết cần cử cán bộ Trung tâm tham gia các lớp đào tạo về marketing trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật làm nòng cốt cho việc thành lập bộ phận Marketing của Trung tâm về sau này. Bên cạnh đó, với sự phổ biến của các công cụ mạng xã hội ngày nay, Trung tâm cần nghiên cứu thành lập website riêng và các nền tảng số khác để giới thiệu về Trung tâm, các hoạt động của Trung tâm, các hoạt động dịch vụ của Trung tâm

+ Hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp

Dàn dựng nhiều chương trình nghệ thuật có chất lượng cao, bám sát nhiệm vụ của địa phương, tích cực khai thác, sưu tầm vốn âm nhạc truyền thống các tác phẩm nghệ thuật dân gian của các dân tộc để phát triển và nâng cao đưa vào biểu diễn nghệ thuật

chuyên nghiệp. Trong công tác xây dựng chương trình nghệ thuật chuyên nghiệp cần có nhiều sáng tạo mới góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân. Sưu tầm và giữ gìn bản sắc văn hóa của các dân tộc trong tỉnh, giới thiệu quảng bá bản sắc văn hóa các dân tộc Tây nguyên nói chung và Kon Tum nói riêng đến với nhân dân trong cả nước và bạn bè quốc tế.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thi đua khen thưởng.

Tăng cường phối hợp cùng các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát của Nhà nước, đặc biệt là hoạt động của cơ quan kiểm duyệt, kiểm tra của TTVH-NT tỉnh Kon Tum là một thiết chế văn hóa tổng hợp đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhân dân, các hoạt động văn hóa nghệ thuật có mối quan hệ trực tiếp đến công tác giáo dục, tác động tới đời sống tinh thần của nhân dân. Cấp ủy, Ban Giám đốc Trung tâm cần thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đánh giá kết quả hoạt động văn hóa nghệ thuật và điện ảnh của Trung tâm thông qua các hoạt động, từ đó đề xuất khen thưởng kịp thời đối với những CLB năng khiếu, CLB thể thao, cá nhân, đội văn nghệ có thành tích tốt trong các hoạt động, cần bám sát chỉ đạo của cấp trên, định hướng hoạt động theo chỉ đạo của ngành chủ quản, khuyến khích những cách làm hay, đổi mới sáng tạo, hiệu quả, cụ thể và thiết thực. Công tác thi đua khen thưởng cần được tiến hành công khai, dân chủ và kịp thời để động viên các tập thể, cá nhân. Lấy kết quả thi đua khen thưởng là một trong những tiêu chí để động viên cán bộ xét bổ nhiệm, cử đi đào tạo nâng cao...

Các giải pháp trên đây sẽ giúp ích cho các nhà quản lý nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý văn hóa tại Trung tâm trong thời gian tới, để Trung tâm VH-NT tỉnh Kon Tum xứng đáng là nơi hội tụ và phát triển văn hóa ở Tây Nguyên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Hy, Phan Văn Tú, *Quản lý hoạt động văn hóa*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1998

2. Nguyễn Khoa Điềm (chủ biên) (2001), *Xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÂU LẠC BỘ NGHỆ THUẬT TẠI “BÍCH CÂU ĐẠO QUÁN” – NHỮNG VẤN ĐỀ ĐANG ĐẶT RA

I DƯƠNG THỊ HỒNG HẠNH

Email: duonghanh.1956789@gmail.com

Học viên K11 Quản lý Văn hóa - Trường ĐH Sư phạm Nghệ thuật TW

MANAGEMENT OF ART CLUB ACTIVITIES AT “BICH CAU DAO QUAN” – ISSUES BEING

TÓM TẮT



ABSTRACT

Di tích lịch sử - văn hóa Bích Câu đạo quán nổi tiếng là di tích biểu thị cho một thời thịnh hành của Đạo giáo ở Việt Nam, đã được xếp hạng di tích quốc gia từ năm 1990. Hơn 20 năm nay, Bích Câu đạo quán cũng là địa điểm hoạt động của các câu lạc bộ nghệ thuật, tiêu biểu là CLB ca trù Bích Câu và Thư pháp Việt UNESCO. Các Câu lạc bộ đã thường tổ chức biểu diễn, giới thiệu và truyền dạy nghệ thuật ca trù và thư pháp Việt. Tuy nhiên, trong hoạt động quản lý các CLB trong khuôn khổ di tích có nhiều bất cập sự phối hợp điều hành giữa Ban quản lý di tích với các CLB, sự minh bạch về tài chính, công tác báo cáo hoạt động thường niên... Trên cơ sở phân tích thực trạng quản lý, phát hiện các bất cập, tác giả đề xuất kiến nghị với các cấp quản lý nhằm khắc phục các vấn đề đang đặt ra đối với công tác quản lý các CLB trong không gian Bích Câu đạo quán.

Bich Cau Dao Quan's historical-cultural relic is famous as a relic representing a prevalent period of Taoism in Vietnam, and has been ranked as a national relic since 1990. Along with activities Beliefs, festivals, people, and visits, cultural activities at the relic have become richer with the presence of art clubs in the relic space. Many clubs have chosen the relic as a place to stand and operate for a long time, but the management of the activities of the clubs still has problems and needs to continue to be managed by all levels in shortly near future, so the Bich Cau Dao Quan relic continues to be a sacred, quiet space, a unique cultural address in the heart of the capital.

Keywords: Activities, Clubs, Bich Cau Dao Quan

Từ khóa: Hoạt động, Câu lạc bộ, Bích Câu Đạo Quán

Đặt vấn đề

Bích Câu Đạo quán là một di tích của Đạo giáo Việt Nam nổi tiếng ở Hà Nội, thờ Chân nhân đắc đạo thành tiên. Xưa nơi đây thuộc thôn An Trạch, huyện Vĩnh Thuận, phủ Phụng Thiên, nay là số 14, phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Bích Câu Đạo quán được xây dựng từ cuối thế kỷ XV, đầu thế kỷ XVI đời vua Lê Thánh Tông, là nơi để các đạo sĩ đến luyện phép trường sinh và thờ cúng thần tiên. Đến thời Lê Trung Hưng, Đạo giáo suy thoái, phần lớn các đạo quán dần dần trở thành đền, chùa. Bích Câu Đạo quán là một di tích tiêu biểu minh chứng cho Đạo giáo thần tiên đã tồn tại trong đời sống người dân Thăng Long và cũng là một địa chỉ được nhiều du khách viếng thăm để tìm hiểu một thiên tình sử lãng mạn giữa tiên nữ và người trần. Cùng với biến thiên của lịch sử dân tộc, qua nhiều lần trùng tu, Bích Câu Đạo quán đã được xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa quốc gia vào năm 1990.

Những năm gần đây, Bích Câu Đạo quán còn được biết đến là một địa chỉ văn hóa với nhiều hoạt động văn hóa tiêu biểu lễ hội Bích Câu, triển lãm thư pháp, nơi hoạt động của câu lạc bộ nghệ thuật như hát ca trù, thư pháp... Di tích đã trở thành địa chỉ tham quan, sinh hoạt quy tụ đông đảo người dân và khách du lịch. Cùng với việc quản lý các hoạt động của di tích nói chung, việc quản lý hoạt động của các CLB nghệ thuật với tư cách là một thành tố văn hóa trong không gian di tích cũng trở nên đặc biệt cần thiết.

2. Nội dung

2.1. Thực trạng hoạt động của các Câu lạc bộ nghệ thuật tại Bích Câu đạo quán

Đặt địa điểm trong bối cảnh không gian gắn liền với Đạo giáo, với huyền tích chàng Nho sinh Trần Tú Uyên, của Phật giáo trong Bích Câu đạo quán, các câu lạc bộ nghệ thuật hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực văn hóa truyền thống như âm nhạc và thư pháp.

CULTURE

Về loại hình âm nhạc truyền thống, có các CLB ca trù (nay là Nhà hát ca trù), CLB hát văn, CLB hát chèo, CLB hát xẩm đăng ký sinh hoạt. Bên cạnh đó, để bảo tồn và phát huy nghệ thuật thư pháp, Bích Câu đạo quán cũng là địa điểm đứng chân của các CLB Thư pháp Việt Unesco, Câu lạc bộ thư pháp Thư viên và Câu lạc bộ thư pháp Hán Nôm Quang Trung.

Trong các CLB nói trên, CLB Ca trù và CLB Thư pháp Việt UNESCO là hai đơn vị có thời gian hoạt động lâu dài và quy mô tại Bích câu đạo quán.

a. Tổ chức và hoạt động của CLB Ca trù Bích Câu
CLB Ca trù Bích Câu được hình thành từ năm 1990, do đào nương Lê Thị Bạch Vân, khi ấy là một cán bộ Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội, với niềm đam mê Ca trù đã thuyết phục một số nghệ nhân, người hiểu biết, tâm huyết, hạp và đề xuất sáng kiến thành lập tổ chức nghệ thuật ca trù tự nguyện. Năm 2014, sau khi bà Bạch Vân chuyển sang đình Hàng Bạc, nghệ nhân ưu tú – ca nương Vân Mai (Nguyễn Thị Mai) chính thức tiếp quản địa điểm CLB tại Bích Câu Đạo quán, đổi tên Câu lạc bộ UNESCO Ca trù Hà Nội do bà làm Chủ nhiệm thành Câu lạc bộ Ca trù Bích Câu đạo quán và sau đó thành lập Nhà hát ca trù Bích Câu. Khi xây dựng Nhà hát Ca trù Bích Câu, nghệ nhân ưu tú Vân Mai và các công sự nhằm mục đích “đào tạo và biểu diễn, mong muốn có thể lưu giữ, phát huy và truyền bá bộ môn nghệ thuật âm nhạc độc đáo này của dân tộc đến với đông đảo công chúng”. Trong vai trò Chủ nhiệm câu lạc bộ ca trù, nghệ nhân Vân Mai cùng chồng đã đầu tư trang thiết bị, trang phục biểu diễn, đầu tư cả 1 sân khấu nhỏ trong đền Bích Câu đạo quán ở phố Cát Linh để biểu diễn cho khách nước ngoài và những ai mến mộ loại hình sân khấu này vào tối thứ 7 hàng tuần. Nhà hát có riêng một website catrubichcau.com để giới thiệu, các nghiên cứu phục dựng và thông tin hoạt động, truyền dạy của Nhà hát.

Để thực hiện mục tiêu “lưu giữ, phát huy và truyền bá” bộ môn ca trù, hoạt động của CLB – Nhà hát tập trung duy trì hai hoạt động chính là phục dựng, tổ chức biểu diễn và truyền dạy nghệ thuật ca trù miễn phí cho cộng chúng và học viên tâm huyết với nghệ thuật truyền thống của dân tộc.

Hoạt động biểu diễn ca trù tổ chức đều đặn vào tối thứ 7 hàng tuần, do các ca nương, kép của Nhà hát biểu diễn phục vụ những người yêu loại hình nghệ thuật truyền thống đặc sắc. Không gian diễn xướng ca trù nhỏ, phải là không gian thính phòng. Đặc tính này đã thu hẹp đáng kể khả năng quảng bá đối với công chúng. Tuy nhiên, nếu không tuân thủ nghiêm ngặt điều này thì thứ gọi là “ca trù” mà chúng ta mong muốn bảo tồn không phải là ca trù nữa.

Các lớp truyền dạy hát ca trù được CLB tổ chức vào

sáng chủ nhật hàng tuần, trong hai tiếng (từ 9 – 11h). Lớp học do nghệ nhân ưu tú Vân Mai và nghệ nhân Vân Trúc trực tiếp giảng dạy. Đối tượng học là tất cả các anh chị em yêu thích ca trù, không phân biệt nam nữ, tuổi tác. Các học viên sẽ được đào tạo hát Ca trù và phách, đàn đáy, trống châu. Tại các lớp học, nếu phát hiện những học viên nào có năng khiếu và đam mê, ban chủ nhiệm CLB sẽ tuyển chọn họ vào nhóm tiềm năng đào tạo họ trở thành chuyên nghiệp. Thời gian đào tạo 1 ca nương phải khổ luyện mất 3 đến 5 năm mới có thể hát thành thạo được 1 số làn điệu khó của ca trù. Bởi hát ca trù khó nhất là cách êm hơi, nhả tròn vành rõ chữ và “nẩy hột” đặc trưng của lối hát này... Đây sẽ là những lớp kế cận để thay thế trong tương lai, truyền dạy lại nghệ thuật ca trù cho thế hệ mai sau.

Hoạt động biểu diễn và đào tạo của CLB đều hoàn toàn miễn phí. “Chúng tôi dạy miễn phí cho các học viên, còn các chi phí khác chúng tôi cùng tự lo; và vì lòng yêu nghệ thuật ca trù mà những người trong CLB Bích Câu quyết tâm theo đuổi”, bà Vân Mai tâm sự.

Ngoài ra, để phục vụ cho công tác biểu diễn, giảng dạy, hoạt động phục dựng các làn điệu ca trù, các kiểu cách, lối hát, lối nói đã được CLB quan tâm chú ý. Phần lớn nội dung Website catrubichcau.vn đã đăng tải các tư liệu về Ca trù như: ca trù thể cách, các bản ca trù, chân dung nghệ sĩ, video và album Quách Thị Hồ... chính là kho tư liệu giới thiệu về nghệ thuật ca trù dành cho những người tâm huyết, yêu thích nghệ thuật truyền thống này tìm hiểu và học tập.

Năm 2017, câu lạc bộ ca trù Bích Câu Đạo Quán chính thức gia nhập thành viên của Trung tâm UNESCO phát triển Văn hóa và Thể thao (TUVT), chỉ sau gần 6 năm tham gia, câu lạc bộ của nghệ nhân Vân Mai là một trong những đơn vị tiêu biểu trong số 14 CLB, nhóm ca trù hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội và có đóng góp tích cực nhất cho các phong trào hoạt động... của Trung tâm (TUVT).

b. Tổ chức và hoạt động của CLB Thư pháp Việt Unesco

Cùng chọn Đền Bích Câu, số 14 Cát Linh làm địa điểm hoạt động chính thức là CLB Thư pháp Việt Unesco. CLB Thư pháp Việt Unesco thành lập năm 2016, là đơn vị do Trung tâm Unesco Phát triển Văn hóa và thể thao - thuộc Liên hiệp các hội UNESCO Việt Nam thành lập và bảo trợ pháp lý; là đơn vị thành viên chịu sự quản lý và chỉ đạo trực tiếp của Trung tâm Unesco phát triển văn hóa và thể thao - thuộc Liên hiệp các hội UNESCO Việt Nam. Câu lạc bộ tập hợp những cá nhân nghiên cứu thực hành và tất cả mọi người yêu thích thư pháp chữ Quốc ngữ. Nội dung hoạt động của CLB bao gồm: Tổ chức sinh hoạt

CULTURE

định kỳ, tổ chức dạy viết thư pháp, trưng bày, triển lãm thư pháp tại địa điểm chính (14 Cát Linh) và tại các triển lãm, hội chợ, liên hoan, lễ hội truyền thống, các ngày tết cổ truyền của dân tộc.

Về cơ cấu của CLB, bao gồm các thành phần sau: Ban chủ nhiệm (gồm 1 chủ nhiệm, 3 phó chủ nhiệm và 4 – 6 Ủy viên BCN CLB); Ban cố vấn (bao gồm các nhà nghiên cứu, nhà khoa học, các nghệ sĩ tham gia tư vấn mọi hoạt động của CLB), các hội viên tham gia chính thức (bao gồm những cá nhân sinh hoạt thường kỳ trong các hoạt động của CLB). Ngoài ra, còn có các hội viên cộng tác: bao gồm các hội viên theo sinh hoạt từng giai đoạn và các hội viên cộng tác tại các tỉnh-thành xa Hà Nội. Câu lạc bộ tập hợp những cá nhân nghiên cứu thực hành và tất cả mọi người yêu thích thư pháp chữ Quốc ngữ (là hệ chữ viết chính thức hiện nay của tiếng Việt).

Về nội dung hoạt động, CLB tập trung vào tổ chức các hoạt động dưới đây:

Tổ chức sinh hoạt định kỳ (nội dung, hình thức, thời gian và địa điểm) do CLB quyết định; mở lớp thu nhận học viên tham gia học viết thư pháp Việt thường kỳ 1 buổi/ tuần; thông tin, trao đổi giới thiệu tác phẩm, kinh nghiệm, kỹ năng về viết thư pháp Việt; mở rộng giao lưu, phối hợp hoạt động với các CLB khác và các làng nghề truyền thống để có thể đưa tác phẩm thư pháp Việt ứng dụng vào tác phẩm, sản phẩm của làng nghề truyền thống Việt Nam; liên kết với các ban, ngành, nhất là ngành giáo dục, để tổ chức viết tặng thư pháp cho học sinh, tiến hành triển lãm nhân ngày kỷ niệm, tuyên truyền những nét đẹp văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta qua những tác phẩm thư pháp Việt; tham gia trưng bày, giới thiệu, trình diễn nghệ thuật thư pháp Việt tại các triển lãm, hội chợ, liên hoan, lễ hội truyền thống, ngày kỷ niệm của đất nước, ngày hội Xuân- Tết cổ truyền của dân tộc...

Ngoài hoạt động thường xuyên hai CLB nói trên, còn có CLB Thư pháp Thư viên, CLB Hán Nôm, CLB Thư pháp Quang Trung. Các CLB này cũng được xếp lịch hoạt động theo tuần và mượn địa điểm tại Đền Bích Câu Đạo quán.

Tuy nhiên, khi tham quan thực tế tại các CLB này, học viên tham gia lớp học đều có thu phí. Nhiều ý kiến cho rằng các CLB đặt ở đây đều dưới hình thức thuê địa điểm để hoạt động chứ không đơn thuần là giọt dầu công đức theo hình thức tự nguyện.

c. Công tác quản lý đối với các CLB tại Bích Câu đạo quán

Có thể thấy, tùy theo tôn chỉ, mục đích và nội dung hoạt động theo đặc thù của từng loại hình nghệ thuật, các CLB tại Bích Câu đạo quán có nội dung và

phương thức hoạt động khác nhau. Song, vấn đề quản lý hoạt động của các CLB đặt trong không gian Bích Câu đạo quán lại có điểm chung nhất định, đó là tính tự quản, hoạt động độc lập của các CLB theo nội quy, quy chế hoạt động riêng của mỗi CLB. Ban quản lý di tích Bích Câu đạo quán không can thiệp vào hoạt động của các CLB hoạt động trong khuôn khổ di tích. Qua nội dung hoạt động và công tác quản lý các CLB trong Bích Câu đạo quán có thể thấy, di tích là không gian phù hợp, “khả lý tưởng” cho các các loại hình nghệ thuật truyền thống, tinh hoa của dân tộc duy trì và phát triển. Từ việc hát và truyền dạy ca trù trong không gian mang đậm dấu ấn của “Tiền ông” Tú Uyên cách đây hàng trăm năm, hay truyền dạy, trưng bày nghệ thuật thư pháp làm cho những giá trị tinh hoa, tốt đẹp ngày càng trở nên sống động và thiêng liêng.

Trong bối cảnh đó, bằng niềm đam mê, tâm huyết với nghệ thuật dân tộc, các thành viên của các CLB với cơ chế hoạt động tự quản, gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả với công tác phục dựng, giới thiệu phục vụ công chúng và truyền bá, đào tạo ra các lớp người kế cận, tiếp tục nối tiếp truyền thống trong tương lai.

Tuy nhiên, hoạt động quản lý đối với các CLB trong khuôn khổ di tích còn bất cập. Đó là không tổ chức các cuộc làm việc định kỳ giữa Ban Quản lý di tích với Ban chủ nhiệm của các CLB, việc quản lý các hoạt động của CLB nói trên chủ yếu do ông thủ từ N.Q.H. sắp xếp và quản lý theo thư giới thiệu của các tổ chức gửi về. Việc sắp xếp, quản lý hoạt động theo lịch đăng ký của các CLB do một cá nhân thực hiện thể hiện tính gọn nhẹ, linh hoạt, chủ động của các bên liên quan, song không đảm bảo tính khách quan, khoa học trong công tác quản lý. Do đó Ban quản lý Di tích và các cấp quản lý của Quận Đống Đa chỉ nắm được sơ bộ về hoạt động của các CLB, mà không biết cụ thể để có các biện pháp xử lý khi xảy ra các sự cố trong di tích.

Việc thực hiện công tác báo cáo hoạt động của các CLB hàng năm chỉ được thực hiện bằng miệng lên Ban Quản lý Di tích Bích Câu đạo quán, chưa thực hiện báo cáo bằng văn bản theo đúng quy định trong công tác quản lý. Hiện tại, Ban quản lý Di tích Bích Câu cũng không có trong tay tập hợp các văn bản, nội quy hoạt động của các câu lạc bộ này.

Về phần kinh phí đối với các hội viên, các CLB thông báo mọi hoạt động đều tổ chức miễn phí. Song trên thực tế, khi học viên tham gia các lớp đều có đóng phí. Tất nhiên, việc thu hay không thu phí thành viên là việc nội bộ của các CLB, song kinh phí hoạt động, đóng góp của các CLB với di tích mới là điều đáng bàn. Hiện nay, các CLB trong di tích Bích Câu hoạt động theo nguyên tắc phi lợi nhuận nên thường đóng

góp cho di tích dưới hình thức tự nguyện công đức “giọt dầu nền nhang” góp phần tôn tạo di tích, song trên thực tế, có nhiều ý kiến cho rằng các CLB đặt ở đây đều dưới hình thức thuê địa điểm để hoạt động. Do vậy, số tiền công đức tự nguyện hay thuê địa điểm hàng năm của các CLB là bao nhiêu, hình thức đóng góp như thế nào... cũng chưa được công khai, minh bạch trong công tác quản lý di tích.

Có thể nói, công tác quản lý đối với các CLB nghệ thuật trong di tích Bích Câu còn khá lỏng lẻo, dẫn tới ý thức, trách nhiệm của các CLB và thành viên đối với di tích chưa cao, đồng thời xuất hiện những dư luận không mấy tích cực về công tác quản lý, nhất là vấn đề tài chính.

Nguyên nhân của tình trạng quản lý trên bắt nguồn những thói quen theo kiểu phong tục, lệ làng tồn tại từ hàng trăm năm nay ở các di tích, trong đó có Bích Câu đạo quán. Thêm vào đó là sự chưa sát sao của các cơ quan có trách nhiệm, sự phối hợp giữa cơ quan quản lý của hai bên (Quận Đống Đa và Trung tâm UNESCO) về việc quản lý hoạt động của di tích cũng như các CLB, cũng như công tác tham tra, kiểm tra hoạt động của di tích mới chỉ dừng lại ở hoạt động quản lý di tích nói chung, quản lý lễ hội và hiện trạng của di tích... Quy chế quản lý di tích chưa quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của cá nhân vị thủ từ dẫn tới tình trạng làm việc theo thói quen, công tác báo cáo hoạt động chưa thực hiện một cách nghiêm túc và có hướng dẫn cụ thể.

2.2. Những vấn đề đặt ra trong quản lý hoạt động của các CLB nghệ thuật

Từ thực trạng nói trên cho thấy: tại di tích Bích Câu Đạo quán có rất nhiều các CLB hoạt động độc lập, tự quản trong không gian di tích, có CLB hoạt động thường ngày, có CLB hoạt động theo thời điểm nhất định, song cùng chung một không gian di tích lịch sử - văn hóa Đền Bích Câu đang đặt ra một số vấn đề như sau:

Một là, cần phải có sự điều hành, phối hợp chặt chẽ giữa các CLB nghệ thuật về lịch hoạt động, đối tượng tham gia, khách tham quan... để duy trì hoạt động thực hiện tôn chỉ, mục đích của tổ chức, song phải nâng cao trách nhiệm của các CLB trong việc tôn trọng và bảo vệ không gian văn hóa của di tích Bích Câu đạo quán. Ban quản lý di tích Bích Câu và các CLB cần tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các thành viên, khán giả khi tham gia các hoạt động của CLB về giá trị lịch sử - văn hóa – tín ngưỡng của di tích, hình thành ý thức, giữ gìn, bảo tồn và quảng bá di tích trên cơ sở tôn trọng các giá trị truyền thống, không có các hoạt động xâm phạm di tích trên hai phương diện vật chất và tinh thần.

Hai là, tăng cường sự quản lý minh bạch của tập thể

Ban Quản lý di tích với hoạt động của các CLB trên cơ sở tôn trọng tính độc lập, tự chủ, không can thiệp vào hoạt động của từng CLB, không chỉ thông qua việc quản lý của một cá nhân vị thủ từ như hiện nay, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, thanh tra hoạt động của CLB trong không gian di tích cũng như toàn bộ hoạt động của di tích. Ban Quản lý Di tích cần nắm rõ nội dung, hình thức hoạt động, thành viên của các CLB để có các biện pháp quản lý hoạt động phù hợp với tôn chỉ, mục đích của di tích cũng như các CLB, để có các biện pháp xử lý kịp thời khi xảy ra các sự cố vi phạm đến hoạt động của di tích cũng như của các CLB.

Ba là, cần làm rõ vấn đề tài chính của các CLB hoạt động trên trong không gian di tích đóng góp bằng hình thức nào? Là thuê địa điểm theo hợp đồng – một hình thức kinh doanh, làm kinh tế của Ban Quản lý di tích hay đóng góp tự nguyện tiền giọt dầu công đức của các cá nhân xây dựng nên các CLB vì niềm đam mê với văn hóa dân tộc? Mức đóng góp là bao nhiêu? Trên cơ sở đó, cần tính chi phí điện nước, các loại hình dịch vụ phục vụ CLB và số tiền đóng góp, góp phần tôn tạo di tích. Nếu làm rõ được vấn đề này sẽ tránh được những đồn thổi trong cộng đồng dân cư về hoạt động của Ban Quản lý Di tích nói riêng và vấn đề quản lý tiền công đức tại các địa điểm thờ tự đang nổi cộm hiện nay trong công tác quản lý văn hóa nói chung của Việt Nam.

Bốn là, tiếp tục thực hiện các giải pháp thu hút khách tham quan đến với di tích, nhằm lan tỏa các giá trị của di tích – lịch sử song song với việc gìn giữ, bảo tồn và trả lại sự thanh bình vốn có theo đúng nghĩa của Bích Câu đạo quán từ trước đến nay mang lại.

Năm là, các văn bản quản lý của Bích Câu đạo quán nói chung còn sơ sài, chưa tập hợp các quy định, nội quy, báo cáo tóm tắt hoạt động thường niên của các câu lạc bộ nghệ thuật, trên cơ sở đó hàng năm, Ban Quản lý Di tích cần tổng hợp thành một báo cáo về hoạt động nói chung của di tích lịch sử – văn hóa Bích Câu đạo quán làm căn cứ đánh giá thực trạng di tích và hoạt động tại di tích, để tiếp tục nâng cao hoạt động bảo tồn và quản lý di tích Bích Câu đạo quán ngày càng hiệu quả hơn.

2.3. Một số kiến nghị với các cấp quản lý

Từ thực trạng hoạt động của các CLB và một số vấn đề đặt ra, chúng tôi có một số kiến nghị gửi đến các cấp quản lý của Quận Đống Đa, Ban quản lý di tích Bích Câu đạo quán và các đơn vị có liên quan như sau:

Đối với cán bộ làm công tác quản lý tại di tích, cần rà soát lại trình độ, văn bằng, độ tuổi, sự am hiểu về di tích để phân công công việc đúng người, đúng nhiệm vụ

vụ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao. Sau đó, tiến hành đào tạo, tập huấn các kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực quản lý di tích, tạo điều kiện cho cán bộ theo học các khóa học bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ do huyện, thành phố tổ chức. Cần có chế độ, hỗ trợ nhiều hơn nữa cho những người trực tiếp quản lý di tích nhằm động viên, khuyến khích họ tham gia tích cực vào hoạt động quản lý, có tinh thần tự giác, trách nhiệm cao trong hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị của di tích.

Tăng cường xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý tại Di tích Bích Câu. Trong đó có nội dung đề cập đến quản lý hoạt động của các CLB về tổ chức, nội dung, lịch trình và kinh phí. Hướng dẫn và yêu cầu công tác báo cáo hoạt động thường niên về các mặt hoạt động của di tích cũng như hoạt động của các CLB. Trên cơ sở đó, các cấp quản lý phát hiện và kịp thời xử lý các hành vi vi phạm (nếu có), hoặc những vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý, triển khai tổ chức các hoạt động tại điểm di tích cũng theo đó ít nhiều bị ảnh hưởng.

Việc xây dựng chính sách quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính, trong đó có sự đóng góp của các CLB cần được thực hiện trên nguyên tắc minh bạch, công khai, khoa học và có hiệu quả, nhà nước không nắm giữ nguồn tài chính này nhưng có quyền giám sát các nguồn thu - chi, các BQL di tích phải có chế độ báo cáo thường xuyên cho các cơ quan quản lý về số lượng, mục đích sử dụng kinh phí đóng góp của người dân, cũng như các CLB.

Tăng cường sự phối hợp liên ngành giữa ngành Văn hóa của Hà Nội, quận Đống Đa và Trung tâm UNESCO và các CLB về nghiên cứu, giới thiệu, quảng bá các loại hình nghệ thuật đang duy trì sinh hoạt tại di tích và phổ biến tới đông đảo các đối tượng cùng tham gia thực hành và công tác quản lý hiện nay.

3. Kết luận

Bích Câu đạo quán là không gian thờ tự gắn liền với các truyền thuyết của đạo giáo và phật giáo, từ lâu đã trở thành một điểm nhấn riêng biệt suốt mấy trăm năm của đất kinh kỳ Thăng Long – Hà Nội. Cùng với các hoạt động tín ngưỡng thường ngày và dịp lễ hội Đền Bích câu hàng năm, việc hình thành và hoạt động các CLB nghệ thuật trong không gian Đền Bích Câu trong thời gian qua đã làm phong phú và tôn thêm những giá trị văn hóa truyền thống của bản thân di tích và văn hóa dân tộc. Song, bên cạnh việc quản lý hoạt động của di tích nói chung, quản lý hoạt động của các CLB nghệ thuật với tư cách là một thành tố văn hóa trong không gian di tích đang đặt ra nhiều vấn đề bất cập mà cộng đồng dân cư, du khách và bản thân học viên – trong thời gian nghiên cứu thực địa tại di tích đã nhận thấy. Hy vọng, trong thời gian tới, các

cấp quản lý của thành phố Hà Nội, quận Đống Đa, cộng đồng cư dân và chính Ban Quản lý di tích có những giải pháp khắc phục để công tác quản lý hoạt động tại Di tích Bích Câu đạo quán nói chung ngày càng hiệu quả, tiếp tục phát huy được giá trị của di tích, đồng thời bảo vệ di tích trường tồn với thời gian, là một điểm sáng trong sinh hoạt văn hóa truyền thống của Thủ đô văn hiến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Chí Bền (2010)**, *Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa vật thể Thăng Long, Hà Nội*, Nxb Hà Nội.
2. **Trần Hải (2017)**, *Câu lạc bộ thư pháp Unesco Việt Nam: Nơi gìn giữ nét đẹp văn hóa Việt*, www.sohuutritue.net.vn.
3. **Quốc hội (2009)**, *Luật Di sản văn hóa năm 2001, được sửa đổi bổ sung năm 2009*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. **Hà Văn Hội, Vũ Quang Kết (2006)**, *Du lịch Hà Nội: hướng tới sự phát triển bền vững*, **Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế và Kinh doanh**.
5. **Trần Hoàng Minh (2018)**, *Quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật không chuyên trên địa bàn quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội*, **Luận văn thạc sĩ quản lý văn hóa, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương**.
6. www.catrubichcau.com

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÒA AN, TỈNH CAO BẰNG

I HOÀNG THỊ LỆ

Email: hoanglebttcb@gmail.com

Học viên K13- Ngành Quản lý văn hóa Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương

CURRENT SITUATION OF STATE MANAGEMENT ACTIVITIES ABOUT HISTORY - CULTURAL RITES IN HOA AN DISTRICT, CAO BANG PROVINCE

TÓM TẮT ↔ ABSTRACT

Quản lý di tích lịch sử văn hóa là một vấn đề đang được các địa phương quan tâm sâu sát. Hòa An là một huyện miền núi của tỉnh Cao Bằng, có mật độ di tích lịch sử văn hóa khá dày. Bằng phương pháp khảo sát điền dã và nghiên cứu các văn bản quản lý nhà nước về quản lý di tích, tác giả bài viết đã đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về di tích tại huyện Hòa An trên 5 phương diện. Những đánh giá này có ý nghĩa thực tiễn đối với địa phương tỉnh Cao Bằng, giúp cho các nhà quản lý có cái nhìn toàn diện về quản lý di sản văn hóa và đưa ra những giải pháp thiết thực giúp cho công tác này đạt hiệu quả hơn trong thời gian tới.

Từ khóa: Quản lý, di tích lịch sử văn hóa, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng

Management of historical and cultural relics is an issue that is being closely concerned by localities. Hoa An is a mountainous district of Cao Bang province, with a high density of historical and cultural relics. By method of field survey and study of state management documents on management of monuments, the author of the article has assessed the status of state management of relics in Hoa An district on 5 aspects. These assessments have practical significance for the locality of Cao Bang province, helping managers have a comprehensive view of cultural heritage management and offer practical solutions to make this work more effective in the near future.

Keywords: Management, historical and cultural relics, Hoa An district, Cao Bang province

Đặt vấn đề

Cao Bằng là tỉnh miền núi biên giới, là mảnh đất giàu truyền thống lịch sử văn hóa, giữ vị trí chiến lược quan trọng trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Đây cũng là vùng đất "địa linh nhân kiệt" sản sinh ra những nhân vật văn hóa, danh nhân tài giỏi, những vị tướng anh hùng và những người con ưu tú. Hòa An là huyện nằm ở trung tâm tỉnh Cao Bằng, là vùng đất giàu truyền thống văn hóa, truyền thống yêu nước và truyền thống cách mạng. Đặc biệt Hòa An còn là nơi các triều đại phong kiến Việt Nam đã chọn làm căn cứ, đóng đô ở đây và xây dựng thành lũy, cung điện... là một địa bàn quan trọng của căn cứ địa Cao Bằng, nằm trong vùng công viên địa chất UNESCO non nước Cao Bằng thuộc tuyến du lịch cụm phía Bắc mang tên: "Hành trình về nguồn cội" có nhiều di sản văn hóa và di sản địa chất. Hiện nay, hệ thống di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn huyện Hòa An chiếm số lượng khá lớn với tổng số có 70 di tích, trong đó có 24 di tích đã được Nhà nước xếp hạng (11 di tích cấp quốc gia, 13 di tích xếp hạng cấp tỉnh).

Trong những năm qua, công tác quản lý di tích lịch

sử văn hóa trên địa bàn huyện Hòa An có nhiều chuyển biến tích cực. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý đối với các di tích trên địa bàn huyện còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế. Khảo sát thực trạng quản lý Nhà nước về di tích lịch sử văn hóa (DTLSVH) trên địa bàn huyện Hòa An, để thấy, huyện Hòa An đã thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước (QLNN) về DTLSVH, cụ thể như sau:

Triển khai thực hiện và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về di tích lịch sử - văn hóa

UBND huyện Hòa An đã tiến hành lập quy hoạch tổng thể Khu di tích lịch sử cách mạng Lam Sơn, tỉnh Cao Bằng: trên địa bàn huyện Hòa An và huyện Nguyên Bình; 04 xã: Hoàng Tung, Hồng Việt (huyện Hòa An) và xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

UBND huyện cũng rất quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị DTLSVH, cụ thể: xây dựng Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc thực hiện Nghị quyết 04 - NQ/HU ngày 01/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hòa An khóa XX nhiệm kỳ 2020-2025;

CULTURE

Xây dựng kế hoạch bảo vệ, bảo quản và phát huy giá trị bảo vật quốc gia; Trình Hội đồng nhân dân huyện Quy hoạch sử dụng đất và tôn tạo di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh với ngành xe máy quân đội (địa điểm Nà Roác), di tích Đền Vua Lê, Đền Dê Đổng, hang Ngườm SLư; Kiện toàn thành lập Ban Quản lý DTLSVH và danh lam thắng cảnh cấp huyện.

Bên cạnh đó huyện còn triển khai thực hiện Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 08/12/2008 của UBND tỉnh về ban hành Quy định phân cấp quản lý DTLSVH và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và một số văn bản liên quan; Ban hành Nghị quyết 04 -NQ/HU ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng về phát huy truyền thống quê hương cách mạng và nâng cao giá trị văn hóa dân tộc huyện Hòa An giai đoạn 2020 - 2025.

UBND huyện cũng đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, người dân, học sinh... nâng cao trách nhiệm đối với việc bảo vệ DTLSVH trên địa bàn huyện. Chỉ đạo Ban Quản lý Di tích bảo vệ, gìn giữ và phát huy giá trị di tích, xã tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường tại di tích.

Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về di tích lịch sử-văn hóa

Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên nhân dân về LSVH; truyền thống yêu nước và cách mạng; truyền thống văn hóa và những DSVH đặc sắc của huyện Hòa An.

Cùng với việc lập kế hoạch chỉ đạo hoạt động tuyên truyền giáo dục pháp luật. UBND huyện tiến hành tổ chức các cuộc vận động, tuyên truyền sâu rộng tới quần chúng nhân dân về văn bản liên quan tới hoạt động quản lý, bảo vệ phát huy giá trị di tích. Bên cạnh đó UBND huyện Hòa An chỉ đạo trung tâm truyền thông; Đài phát thanh truyền hình huyện tuyên truyền nội dung, ý nghĩa, giá trị lịch sử của các di tích, tuyên truyền Luật DSVH để nhân dân hiểu biết hơn về giá trị ý nghĩa lịch sử của di tích, nắm rõ hơn về Luật DSVH từ đó giúp người dân hiểu biết về giá trị cũng như nâng cao ý thức trách nhiệm của mình trong việc giữ gìn, bảo vệ, phát huy giá trị di tích trên địa bàn huyện Hòa An. Việc tiến hành tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với các DTLSVH nhằm nâng cao được ý thức trách nhiệm của người dân trong việc bảo vệ, phát huy giá trị di tích. Qua đó người dân hiểu và tự giác tham gia vào công tác bảo vệ, phát huy giá trị di tích.

Tổ chức, chỉ đạo các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử-văn hóa

Công tác bảo vệ, phát huy giá trị di tích trên địa bàn huyện Hòa An hiện nay được các cơ quan quản lý các cấp rất quan tâm thực hiện. Cụ thể, sau khi có Quyết định công nhận các di tích, UBND huyện đã giao cho Phòng Văn hóa và Thông tin phối hợp với UBND các xã nơi có di tích tổ chức Lễ công bố và đón nhận bằng xếp hạng theo đúng quy định. Đồng thời UBND huyện ban hành Quyết định giao di tích cho xã nơi có di tích nhiệm vụ quản lý, bảo vệ, khai thác và phát huy giá trị của di tích. Cụ thể, UBND xã thành lập Ban quản lý di tích cấp xã, chỉ đạo, điều hành chặt chẽ công tác trông coi, bảo vệ, giữ gìn các cơ sở vật chất, di vật, cổ vật, bảo vật tại di tích; yêu cầu theo dõi hiện trạng và kịp thời báo cáo cấp trên khi có hư hỏng, xuống cấp để trùng tu, khắc phục...

Cho đến nay huyện Hoà An đã tiến hành tu bổ, tôn tạo được 06/24 tổng số di tích đã được xếp hạng trên địa bàn huyện và 01 di tích đang được triển khai tu bổ, tôn tạo. Cùng với việc tu bổ, tôn tạo các DTLSVH, huyện Hòa An đã tích cực đẩy mạnh rất nhiều các hoạt động nhằm phát huy giá trị của các DTLSVH. Cụ thể: UBND huyện Hoà An chỉ đạo sự phối hợp giữa Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hòa An với Ban quản lý công viên địa chất (CVĐC) non nước Cao Bằng và các trường học trên địa bàn huyện tổ chức chương trình tuyên truyền di tích trên địa bàn huyện với chủ đề "cùng em khám phá công viên địa chất". Ngoài ra, một số xã trên địa bàn huyện Hòa An đã chủ động phối hợp với các trường học trên địa bàn có di tích tổ chức phong trào "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực". Hoạt động này đã góp phần không nhỏ trong việc giáo dục về truyền thống cách mạng, khơi dậy niềm tự hào dân tộc có ý thức trách nhiệm trong việc học tập và rèn luyện nhân cách của các em học sinh, góp phần xây dựng quê hương, đất nước ngày một giàu đẹp và vững mạnh.

Bên cạnh đó cán bộ văn hóa xã thường tham dự và quan tâm đến các cuộc họp đoàn thể, tổ, xóm, xã, chỉ bộ tổ dân phố để lồng ghép việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích. Từ đó nâng cao được ý thức trách nhiệm của người dân, người dân hiểu sẵn sàng tự nguyện tham gia vào công tác bảo vệ, phát huy giá trị di tích.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực

Huyện Hoà An là một huyện có địa hình phức tạp, dân trí không đồng đều, kinh tế còn nhiều khó khăn, số lượng các di tích được đầu tư để tu bổ, tôn tạo còn chưa được nhiều và bên cạnh kinh phí của địa phương, tỉnh thì còn cần rất nhiều kinh phí từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia và nguồn xã hội hóa. Về nguồn nhân lực hiện nay, trên địa bàn huyện chưa có đủ số lượng cán bộ quản lý văn hóa đúng chuyên môn. Cơ sở vật chất phục vụ trong các di tích còn nghèo nàn, đa số là tự cung tự cấp. Nguồn tài

chính để bảo tồn và phát huy giá trị các di tích chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách nhà nước cấp và kêu gọi xã hội hóa. Nhiều di tích bị xuống cấp nặng nề vẫn chưa được rót vốn tu bổ.

Đến thời điểm hiện tại huyện Hòa An đã tôn tạo, tu bổ được 6 di tích lịch sử văn hóa đó là di tích Đền Vua Lê, di tích Nậm Lìn, xã Hoàng Tung; di tích nhà ông Bế Ích Bông; nhà ông Đàm Nhật Chảnh, đền Dẻ Đoóng, Bia Ma nhai Ngự chế của vua Lê Thái Tổ và Bia Cầu Thủy Bi Ký (năm 1702), xã Hồng Việt; Chủ tịch Hồ Chí Minh với ngành xe - máy quân đội (xã Bạch Đằng).

Tổ chức kiểm tra, giám sát và thi đua khen thưởng

Hoạt động kiểm tra công tác quản lý các di tích DTLSVH trên địa bàn huyện Hòa An luôn được Sở văn hóa TTDL trực tiếp chỉ đạo phòng Văn hóa Thông tin của huyện thực hiện. Cụ thể, huyện đã tiến hành kiểm tra các hoạt động tu bổ tôn tạo, tuyên truyền giáo dục, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa

nhằm phát hiện những sai phạm, những hạn chế như: sửa chữa, làm mới lại sai quy định trong tu bổ, tôn tạo; hoạt động tuyên truyền chưa được tiến hành thường xuyên các hình thức tuyên truyền còn đơn điệu, còn để cho các hiện tượng mê tín dị đoan tồn tại trong lễ hội, hoạt động du lịch chưa đa dạng... thông qua công tác kiểm tra huyện đã có hướng xử lý kịp thời.

Từ kết quả khảo sát trên tác giả bài viết sơ bộ có những nhận xét về công tác quản lý DTLSVH ở huyện Hòa An như sau:

Thứ nhất, để thực hiện tốt công tác quản lý DTLSVH Huyện Hoà An vừa tiếp nhận vừa triển khai các văn bản quản lý của cơ quan quản lý có liên quan cấp trên cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích. Đồng thời ban hành các văn bản quản lý thuộc thẩm quyền trách nhiệm của mình như quy hoạch, kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị DTLSVH...

Bên cạnh việc triển khai và ban hành các văn bản quản lý, huyện cũng đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về DTLSVH. Nhờ vậy cộng đồng dân cư cũng hiểu và thấy được trách nhiệm của mình trong việc tuân thủ pháp luật của Nhà nước.

Hơn nữa, huyện Hòa An cũng đã quan tâm tổ chức và chỉ đạo các hoạt động bảo vệ DSVH, kết quả là đã hoàn thành việc kiểm kê DTLSVH trên địa bàn huyện Hòa An (năm 2021); Tu bổ, tôn tạo được 6 di tích cấp quốc gia; Lấp biển thuyết minh, biển chỉ dẫn cho nhiều di tích ... xây dựng hồ sơ khoa học để xếp hạng các di tích đủ tiêu chí và bước đầu ứng dụng

công nghệ mới trong việc số hoá hồ sơ di tích đã được xếp hạng.

Song song với các hoạt động bảo vệ DTLSVH, huyện cũng đã chú ý tới việc tổ chức và chỉ đạo các hoạt động phát huy giá trị của di tích như: Hàng năm tổ chức các lễ hội tại di tích đền Vua Lê, đền Dẻ Đoóng; Tổ chức các hoạt động du lịch gắn với tuyển tham quan “Hành trình trở về nguồn cội” của công viên địa chất toàn cầu.

Để giúp nhân dân trên địa bàn huyện hiểu biết và có trách nhiệm giữ gìn và bảo vệ DTLSVH huyện Hòa An đã thực hiện tuyên truyền giáo dục thông qua các hình thức như: tổ chức các chương trình tuyên truyền về văn hoá lịch sử của địa phương trong trường học. Đồng thời huyện cũng đã tiến hành công tác quảng bá về di tích trên các phương tiện thông tin đại chúng được thực hiện trên các kênh như báo chí, truyền hình và mạng xã hội.

Kết luận

Huyện Hòa An đạt được một số ưu điểm trên là do UBND huyện đã chủ động ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời. Hầu hết cấp ủy, chính quyền các địa phương trong huyện đã bước đầu nhận thức rõ vai trò của việc phân cấp quản lý di tích và chủ động trong việc bảo tồn, tôn tạo các di tích trên địa bàn được giao quản lý. Với những ưu điểm trên công tác quản lý Nhà nước về DTLSVH ở huyện Hòa An đạt được một số mặt tích cực, góp phần trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích tại địa phương. Với sự chỉ đạo của các cấp chính quyền địa phương và sự chung sức đồng lòng của cộng đồng nhằm bảo tồn, phát huy giá trị DTLSVH trên địa bàn huyện Hòa An chắc chắn sẽ đạt được hiệu quả. Việc thực hiện tốt công tác QLNN về DTLSVH góp phần vào việc giữ gìn giá trị lịch sử, văn hóa, truyền thống của địa phương, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ, đặc biệt là thế hệ trẻ ngày nay đồng thời tạo nên nguồn nội lực to lớn, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Tỉnh Ủy, Hội đồng nhân dân ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, Viện sử học Việt Nam (2009), *Lịch sử tỉnh Cao Bằng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.**
2. **Tỉnh Ủy, UBND Tỉnh Cao Bằng, *Địa chí Cao Bằng* (2000), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.**
3. **Trang thông tin điện tử Sở thông tin và Truyền thông Cao Bằng, *Truyền thống Văn hóa - Lịch sử Cao Bằng*, (www.sotttt.caobang.gov.vn), (2021).**
4. **Trịnh Thị Minh Đức, Phạm Thu Hương (2007), *Bảo tồn Di tích lịch sử Văn hóa*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.**

MỐI LIÊN HỆ GIỮA ÂM NHẠC CUNG ĐÌNH CÁC NƯỚC TRUNG QUỐC, NHẬT BẢN, HÀN QUỐC, VIỆT NAM

I VĂN THỊ MINH HƯƠNG

Email: vmhuongfpt@gmail.com

Nguyên Giám đốc Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh

RELATIONSHIP BETWEEN FAMILY MUSIC OF CHINA, JAPAN, KOREA, VIETNAM

TÓM TẮT ↔ ABSTRACT

Đền Jongmyo (Hàn Quốc) nơi diễn ra các buổi lễ nhạc Aak đã được UNESCO công bố là di sản thế giới vào năm 1995. Nhã nhạc được UNESCO công nhận là Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể nhân loại năm 2003. Gagaku (Nhật Bản) Được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại năm 2009. Việc nghiên cứu và bảo tồn những báu vật này là điều khẩn cấp nhằm bảo vệ, duy trì những tinh hoa âm nhạc của nhân loại đang bị mai một và biến dạng. Gagaku, Aak, Nhã nhạc có nguồn gốc từ Âm nhạc Cung đình Trung quốc (Yayue). Tư tưởng Khổng, Nho với tư tưởng phân biệt giai cấp gay gắt, đề cao tối đa vai trò, địa vị của giới thống trị với các lễ thức cầu kỳ, hoành tráng. Điển hình các nghi lễ cung đình và các cơ quan phục vụ nghi lễ liên quan, được các nước khu vực Đông Á: Việt Nam, Nhật Bản và khu vực bán đảo Triều Tiên tiếp nhận một cách nhanh chóng và tích cực. Các nước này đều có mối liên hệ gần về địa lý, lịch sử và mối giao lưu văn hóa nghệ thuật lâu đời. Tuy nhiên, nhưng khi du nhập và bản địa hóa, cả ba nước: Việt Nam, Nhật Bản, Hàn Quốc đã có những chọn lọc, sáng tạo và thay đổi so với loại hình âm nhạc cung đình mang tính nguyên bản từ Trung Quốc.

Từ khóa: Âm nhạc cung đình, Yayue, Gagaku, Aak, Nhã nhạc, Lễ nhạc Khổng Tử

Jongmyo Temple (Korea) where Aak music ceremonies take place was declared a world heritage site by UNESCO in 1995. Nha nhạc (VietNam) was recognized by UNESCO as a Masterpiece of Oral and Intangible Humanity in 2003. Gagaku (Japan) Recognized by UNESCO as an Intangible Cultural Heritage of Humanity in 2009. It is urgent to research and preserve these treasures in order to protect and maintain the musical quintessence of humanity is being lost and deformed. Gagaku, Aak, Nha Nhạc originated from Chinese Court Music (Yayue). Confucianism and Confucianism with the ideology of harsh class discrimination, maximized the role and status of the ruling class with elaborate and magnificent ceremonies. Typically, court ceremonies and related ceremonial services are quickly and positively received by East Asian countries: Vietnam, Japan and the Korean peninsula. These countries all have close geographical, historical and cultural ties. However, when imported and localized, all three countries: Vietnam, Japan, and Korea have made selections, creations and changes compared to the original court music from China.

Keywords: Court music, Gagaku, Aak, Nha nhạc, Yayue, Confucian rituals music

Thuật ngữ

Khi đề cập đến dòng âm nhạc cung đình các nước khu vực Đông Á: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam, các nhà nghiên cứu âm nhạc truyền thống các nước thường sử dụng các thuật ngữ:

- Trung Quốc: Yayue/Yayueh (雅樂).
- Nhật Bản: Gagaku (雅楽) theo hệ chữ Kanji.
- Hàn Quốc: Aak/AhAk (아악); chữ Hán: (雅樂).
- Việt Nam: Nhã nhạc (theo mẫu tự La tinh); theo chữ Hán – Nôm: (雅樂).

Những thuật ngữ này dù là nguyên bản; của mẫu tự cổ; mẫu tự đã sáng tạo của mỗi quốc gia hoặc mẫu tự

La tinh đều dùng để chỉ loại hình âm nhạc cung đình. Tất cả đều có cùng 1 nguồn gốc, xuất phát từ tiếng Trung Quốc và có cùng ý nghĩa như nhau. Thuật ngữ trên xuất phát từ thời Hán Vũ Đế (156-87 TCN) – Trung Quốc cổ đại khi vua này lập nên Nhạc phủ. Đến thời nhà Đường (618-907) lịch sử Nhã nhạc Trung Quốc mới chính thức xác lập và tạo những ảnh hưởng sâu rộng đối với âm nhạc cung đình các nước lân cận: Việt Nam, Nhật Bản, Bán đảo Triều Tiên. Về ý: Nhã nhạc là loại âm nhạc trang nhã, lịch sự, chỉ sử dụng trong hoàng cung, dành riêng cho hoàng triều. Về nghĩa: Nhã nhạc ghép bởi 2 từ: 雅: lịch sự, trang nhã và 樂: âm nhạc.

Nguồn gốc

Nội hàm ban đầu của danh từ Nhã nhạc được hình thành trên quan điểm xác định vai trò quan trọng của âm nhạc trong đời sống theo thuyết của Khổng Tử. Bước sang giai đoạn nhà Hán, đất nước Trung Hoa bước vào kỷ nguyên phát triển và rất hùng mạnh, nông nghiệp, thủy lợi có nhiều chính sách cô vũ, mở mang nên rất phát đạt, các mối quan hệ xã hội cũng được chú trọng. Lễ-nhạc vẫn là điểm lưu tâm hàng đầu của các triều đại. Nho giáo được nâng lên địa vị quốc giáo vì nho học là thuyết tôn quân và ủng hộ thể chế chính trị trung ương tập quyền. Đặc biệt đến đời nhà Đường (618-907), Trung Quốc càng trở nên hùng mạnh, văn hóa đời nhà Đường đã phát triển đến mức cực thịnh và tác động sâu sắc đến các nước có các mối quan hệ phụ thuộc hoặc giao lưu với Trung Quốc.

Tư tưởng Khổng, Nho với tư tưởng phân biệt giai cấp gay gắt, đề cao tối đa vai trò, địa vị của giới thống trị với các lễ thức cầu kỳ, hoành tráng. Điển hình các nghi lễ cung đình và các cơ quan phục vụ nghi lễ liên quan, được các nước khu vực Đông Á: Việt Nam, Nhật Bản bán đảo Triều Tiên, tiếp nhận một cách nhanh chóng và tích cực.

Âm nhạc cổ đại Trung Quốc

Một số khuynh hướng bảo thủ thời Trung Quốc cổ đại thường khó tiếp nhận các yếu tố âm nhạc từ các nước ngoài. Nhưng từ triều đại Nhà Hán trở đi, xu hướng của đời sống âm nhạc Trung Quốc đã từng bước đón nhận những dòng âm nhạc từ các nước láng giềng Châu Á và cả các nước từ phương Tây xa xôi hơn¹. Cụ thể, họ đã từng bước du nhập nhạc cụ dây gảy (tỳ bà 4 và 5 dây). Cây đàn này đã nhanh chóng trở thành những nhạc cụ ưa thích cho cả độc tấu và hòa tấu. Họ cũng đã chấp nhận nhóm nhạc cụ kéo vĩ (nhị, hồ...), nhạc cụ này đã được du nhập vào Trung Quốc bởi những người xâm lăng Mông Cổ vào thế kỷ thứ 13. Họ cũng đánh giá cao các loại nhạc cụ dây gõ, được du nhập bởi những người Âu châu vào thế kỷ thứ 17 (là một trong những nhân tố ngoại nhập khó chấp nhận nhất đối với văn hóa cổ Trung Quốc). Nền âm nhạc của Trung Quốc từng bước đã có những sự thay đổi trong quan điểm triết học và các phong cách sáng tạo. Tôn giáo và những yếu tố liên quan đến âm nhạc tôn giáo, đặc biệt âm nhạc dân gian, truyền thống của vùng Đông Nam Á cũng được tiếp nhận.

Âm nhạc cổ đại Trung Quốc với những thành tựu vượt bậc, đã chi phối mạnh mẽ các quốc gia láng giềng. Yayue không chỉ ghi dấu ấn đậm trong Nhã nhạc Việt Nam mà đã vượt qua bức tường lớn vào khu vực bán đảo Triều Tiên và cuối cùng đã đến bờ biển Nhật Bản, nơi mà Gagaku, thể loại âm nhạc cung đình của Nhật Bản và Aak âm nhạc cung đình của Hàn Quốc vẫn được xem như là 2 phiên bản cổ đại

của âm nhạc cung đình Trung Quốc còn sót lại đến nay. Những dòng nhạc này đã được bảo tồn gần như nguyên vẹn và được Việt hóa, Nhật hóa, Hàn hóa, thành công theo cách riêng của họ.

Ngày nay, qua những mối liên hệ về nguồn gốc, lịch sử, quá trình phát triển và ảnh hưởng nhau trong hệ thống các nhạc cụ, có thể thấy Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Việt Nam có mối giao lưu, trao đổi về âm nhạc rất chặt chẽ.

Quan điểm về nhạc và lễ trong âm nhạc cung đình

Âm nhạc cung đình các nước phương Đông cổ xưa: Trung Quốc, Ấn Độ, Ả Rập đã có những học thuyết ra đời từ rất sớm và có những diễn giải riêng, mang màu sắc thần bí. Họ giải thích các quy luật của âm thanh âm nhạc theo những biểu tượng của các vật chất trong vũ trụ có ảnh hưởng tới cuộc sống của con người như: Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ... hoặc cho rằng mối quan hệ giữa âm thanh âm nhạc tượng trưng cho mối quan hệ giữa thần thánh với chúng sinh cũng như giữa con người với con người trong xã hội, gia đình.

Có thể xem Khổng Tử (551-479TCN) là một trong những nhà lý luận âm nhạc (Musicologist) đầu tiên của Trung Quốc. Theo ông, âm nhạc biểu hiện cho sự thịnh trị của một quốc gia. Còn Tô Tuân (1009-1066) có công trình “Lục kinh luận” trong đó, Nhạc luận thể hiện quan điểm của ông đối với âm nhạc. Ông cho rằng âm nhạc là sự tiếp tục của lễ, xã hội chỉ có thể ổn định, hòa bình nếu như có lễ. Âm nhạc theo Khổng Tử còn là “tấm gương phản chiếu xã hội”, “một phương tiện trị quốc”.

Thực vậy, âm nhạc cung đình các nước khu vực Đông Á, điển hình với Trung Quốc luôn gắn với lễ. Lễ thường được giải thích là hệ thống kỷ cương, giềng mối, tôn tri, trật tự mà mỗi thành viên trong xã hội phải tuân theo. Tuy nhiên, lễ dù quan trọng như vậy nhưng không thể tạo ra sức mạnh nếu như không có sự hỗ trợ của nhạc. “Khi thánh nhân xây dựng quan hệ vua tôi, cha con, anh em... cần dùng đến lễ, những gì mà lễ không làm nổi thì nhạc sẽ làm nổi, những gì bằng lễ không đạt được thì sẽ đạt được bằng nhạc”². Nhạc một khi đã đi vào lòng người thì bề tôi sẽ hết lòng thờ vua, con sẽ hết lòng phụng sự cha, em sẽ hết lòng quý trọng anh... và do đó lễ sẽ sống trong con tim của mọi người chúng ta”. Không riêng phương Đông, theo các nhà hoạt động xã hội Châu Âu cổ đại âm nhạc chính là một công cụ hữu hiệu trong việc giáo dục thanh niên³.

Lễ nhạc Trung Quốc đời nhà Đường đã tạo cơ sở cho sự phát triển dòng âm nhạc này ở những đời sau và cả đối với các nước trong khu vực chịu ảnh hưởng. Đây còn là giai đoạn hưng thịnh vượt bậc của Phật giáo ở các nước nêu trên. Phật Giáo từ Ấn Độ du nhập đến

ARTS

Triều Tiên và Trung Quốc rồi lan tràn sang các nước khác. Đối với Nhật Bản, Phật giáo có nhiều biến tướng do ảnh hưởng phức tạp của yếu tố lịch sử. Đạo Phật ở Nhật bản vừa pha trộn các yếu tố Thần Đạo (Shinto giáo), Khổng giáo, Ấn giáo bí truyền và cả yếu tố ma thuật. Từ thế kỷ thứ IX trở đi, Phật giáo trở nên phổ biến sâu rộng ở Nhật Bản.

Du nhập và biến đổi

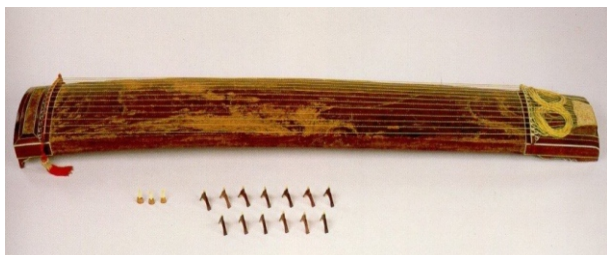
Gagaku Nhật Bản⁴ Gagaku là loại âm nhạc cổ xưa còn sót lại đến tận ngày nay. Gagaku được thành lập ở cung đình gồm: hòa tấu khí nhạc; nhạc múa; những bài hát và âm nhạc cho các nghi lễ thần đạo. Gagaku được du nhập chính thức từ âm nhạc cung đình Trung Quốc (hình thức Yayue) vào khoảng thế kỷ thứ VII (thời nhà Đường) qua con đường Triều Tiên và phát triển, bảo tồn theo cách riêng của mình. Vào giai đoạn này, nền văn hóa Trung Hoa đã có những ảnh hưởng và tác động sâu sắc đến văn hóa khu vực Đông Á cũng như toàn Châu Á nói chung. Gagaku phát triển mạnh vào thời kỳ Heian (794-1185). Gagaku là sự kết hợp trên cơ sở của yếu tố âm nhạc nghi lễ của tôn giáo bản địa (Thần đạo/Shinto giáo) với sự sàng lọc từ âm nhạc cung đình Trung Quốc (Togaku) và âm nhạc theo chân những người di dân đến từ Triều Tiên (Komagaku)⁵. Mặt khác, các nghiên cứu còn tìm thấy cả những yếu tố âm nhạc các vùng Trung Á, Ấn Độ, Đông Nam Á⁶ và cả khu vực Bắc Á nguyên thủy.

Nhắc đến âm nhạc cung đình Nhật Bản không thể không nhắc đến Kangen. Kangen là bộ phận hòa tấu khí nhạc thuần túy thuộc âm nhạc cung đình Nhật Bản, có những quy định nghiêm ngặt, chất lượng nghệ thuật và kỹ thuật diễn tấu cao, hệ thống bài bản và tổ chức dàn nhạc chặt chẽ. Kangen bắt nguồn từ các sinh hoạt mang tính tiêu khiển, giải trí trong cung đình, phục vụ cho tầng lớp hoàng tộc, quý tộc Nhật Bản. Đối với phần lớn các nghệ nhân, nhạc sĩ cung đình Nhật Bản, thuật ngữ Kangen được sử dụng thường hơn là Gagaku. Dàn nhạc Kangen gồm 3 loại nhạc khí hơi: Sho, Ruyteki và Hichiriki; 2 nhạc khí dây: Gaku-shou và Gaku-Biwa; 3 nhạc khí gõ: Kakko (trống nhỏ 2 mặt), Taiko (trống lớn 2 mặt) và Shoko (một loại công nhỏ).

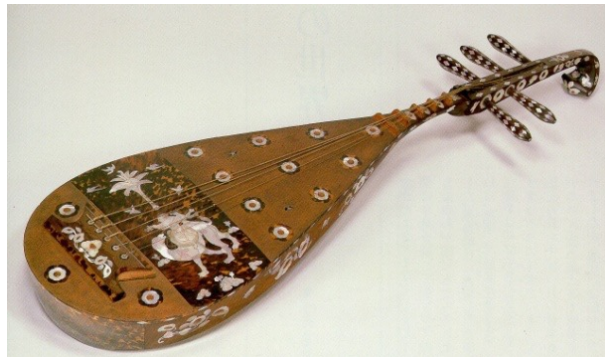
Nhạc cụ trong dàn Kangen

Nhóm dây:

- Gaku-shou



- Gakubiwa



Nhóm nhạc khí hơi

Nhạc khí hơi trong dàn Kangen:

Ryuteki, Hichiriki và Sho



Nhóm gõ:

- Trống Gakudaiko



ARTS

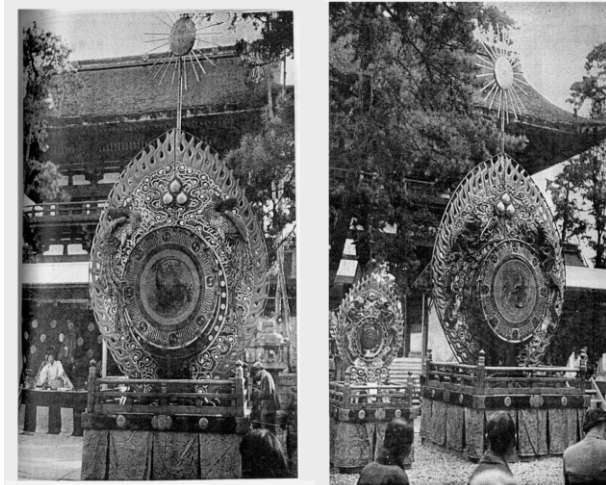
- Kakko:



- Tsurishoko:



Nhạc cụ trong nhạc cung đình Nhật Bản:
- Cặp trống Dadaiko



- Trống Ninadaiko



Nhã Nhạc Việt Nam⁷

Khác với Gagaku và Aak, do bị chi phối bởi hoàn cảnh lịch sử và điều kiện kinh tế, Nhã nhạc không có điều kiện đầu tư và phát triển một cách có hệ thống và liên tục. Nhã nhạc có mầm mống từ thời Lý (thế kỷ XII)⁸, chính thức hiện diện từ thời nhà Trần (thế kỷ XIII), hoạt động quy củ vào triều nhà Lê (thế kỷ XV) và được củng cố, phát triển kéo dài đến cuối thời nhà Nguyễn (1613-1945).

Cũng như 2 khái niệm Gagaku và Kangen, Nhã nhạc Việt Nam ngoài hàm ý chung là Âm nhạc cung đình, còn thường để chỉ một tổ chức dàn nhạc trong cung. Tổ chức dàn nhạc này có tên chính thức là Nhã nhạc vào thời Nguyễn (1802-1945). Âm nhạc cung đình Việt Nam ngoài Nhã nhạc thuộc bộ phận nhạc lễ, còn có các loại hình khác như hát cung đình, Tuồng... còn mang yếu tố dân gian, nặng tính giải trí. Đây là điểm khác biệt so với một số nước. Nhã nhạc ngoài nhiệm vụ chính dành phục vụ cho nhà Vua trong nghi lễ Tế giao, còn đảm nhận cả chức năng về lễ thức trong các buổi yết triều, tiếp đón sứ thần các nước. Quan niệm về Nhã nhạc của các triều vua chúa Việt Nam ảnh hưởng đậm những quan điểm về lễ nhạc của Trung Quốc thông qua tư tưởng Khổng nho. Tuy nhiên, về mặt lịch sử, do sự thay đổi quan điểm của mỗi triều đại, cơ cấu và tổ chức của Nhã nhạc mỗi thời kỳ có những thay đổi đáng kể. Thời nhà Nguyễn các tổ chức âm nhạc mang tính lễ nghi trong cung đình của Việt Nam chịu ảnh hưởng từ các tổ chức âm nhạc triều đình Mãn Thanh (1889-1912) nhưng không sâu đậm như của triều đình nhà Lê (1428-1527) đối với nhà Minh (1368-1644) trước đó.

Sau những năm gián đoạn do chiến tranh liên miên, Nhã nhạc gần như bị quên lãng. Sau 1954, ở miền Nam, Nhã nhạc có một số hoạt động và giao lưu quốc tế ở Nhật Bản và một số nước (những năm 60-70 khi Việt Nam chưa thống nhất). Những năm 90 thế kỷ 20,

ARTS

với những nỗ lực của Bộ Văn hóa; thành phố Huế; Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế và đặc biệt từ những nhà nghiên cứu từ Nhật Bản, Nhã nhạc đã từng bước khôi phục. Ngày nay Nhã nhạc vẫn biểu diễn tại Nhà hát Duyệt Thị Đường cố đô Huế qua 2 tổ chức dàn nhạc: Đại nhạc và Tiểu nhạc.

Cơ cấu tổ chức dàn nhạc trong Nhã nhạc có thay đổi theo từng thời kỳ và tùy thuộc vào quy mô của các lễ. Một số nhạc khí chỉ có mặt ở những lễ lớn (Biên chung, Biên khánh, Chúc, Phụ, Ngũ). Nhiều nhạc khí ngày nay đã thất truyền. Thông thường gồm nhóm hơi: Kèn, sáo ngang, sáo dọc; nhóm dây: Nguyệt, Tì bà, đàn Tam, đàn Nhị, đàn Hồ; nhóm gõ: trống Đại, trống Chiên, Tiểu cổ, Tiểu bông, Phong yêu; Phách, Sinh tiền, Tam âm la.

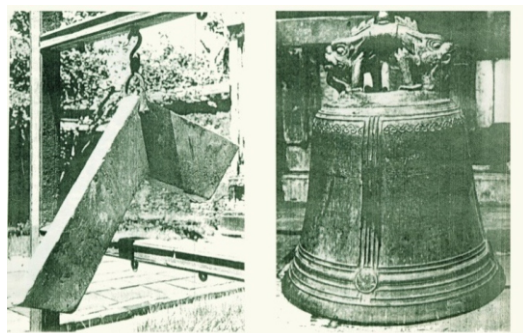
Nhạc khí cung đình Việt Nam
Trống ngường thiên (đã thất truyền):



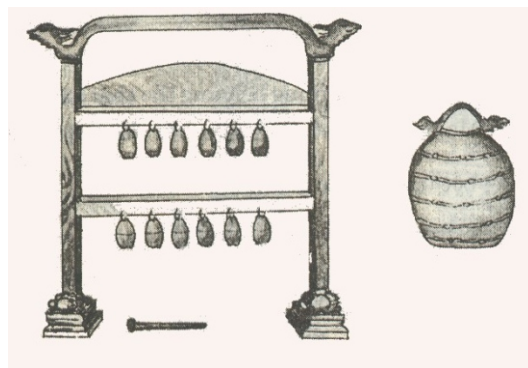
Trống chiến:



Đặc khánh và Bác chung (đã thất truyền)



Biên chung Việt Nam (đã thất truyền):



Thanh la:



Tiểu sa/thanh la nhỏ:



Tiểu bặt:



Chúc (đã thất truyền):



Mỗ:



Song lan



Biến đổi

Từ ý nghĩa ban đầu của tổ chức âm nhạc cung đình mang nặng chức năng phục vụ lễ nghi, khi du nhập vào Việt Nam Nhã nhạc qua nhiều biến đổi và nhiều chặng đường phát triển, hầu như không còn mang tính chất thuần khiết của lễ-Nhạc vốn có ban đầu.

Theo thói quen, khái niệm Nhã nhạc ở Việt Nam hầu hết được hiểu là một tổ chức về dàn nhạc đời nhà Nguyễn (thế kỷ XIX) trong toàn bộ hệ thống âm nhạc cung đình nói chung. Xét về yếu tố thời gian, thật ra thuật ngữ âm nhạc cung đình ở Việt Nam và một số nước không chỉ tồn tại duy nhất loại hình nhạc lễ. Ngoài Nhã nhạc còn một số bộ phận khác thiên về chức năng giải trí, hoặc đệm cho các nhóm hát. Vì vậy, cần xác định: Nhã nhạc chỉ là một trong những loại hình âm nhạc thuộc dòng âm nhạc cung đình. Loại hình âm nhạc này chiếm ưu thế và có vị trí quan trọng đối với âm nhạc Việt Nam thời kỳ phong kiến.

Điểm qua lịch sử Việt Nam, ở một số giai đoạn, khi đề cập đến âm nhạc, thường chỉ tồn tại các cặp khái niệm Quốc nhạc (Nhã nhạc) và tục nhạc. Giai đoạn nhà Lê, vì sự phân định khắc khe của triều đình về “âm nhạc

chính thống” và “âm nhạc dân dã” đã làm cho yếu tố dân gian khó thâm nhập vào cung đình.

Lịch sử hình thành và phát triển của dòng âm nhạc cung đình Việt Nam tuy không có bề dày lịch sử như các dòng cung đình các nước Châu Á khác, nhưng không thể phủ nhận dòng nhạc này đã có những đóng góp đáng kể và có những điểm rất khác biệt. Nhã nhạc Việt Nam là sự hòa quyện chặt chẽ cả ba yếu tố Nhạc, ca và múa. Dù việc phân loại, qui định cho các loại nhạc trong cung theo qui ước vẫn dựa trên cơ sở nhạc khí, nhưng bộ phận ca, múa đặc biệt đối với ca luôn là những thành phần quan trọng không thể thiếu.

Nhìn chung, bên cạnh khái niệm mang tính khái quát về âm nhạc lễ nghi trong cung đình, Gagaku và Nhã nhạc đều có những khái niệm riêng. Trường hợp này cũng tương tự đối với Yayue. Khái niệm hẹp của các dòng nhạc cho dù là Yayue, Gagaku hay Nhã nhạc cũng đều thống nhất ở một điểm: là tổ chức dàn nhạc thuộc hệ thống âm nhạc cung đình. Đặc biệt đối với Aak, thể loại âm nhạc cung đình Hàn Quốc về ý nghĩa có hơi khác. Khi đề cập đến Aak khái niệm hẹp của thuật ngữ chỉ được giới hạn ở loại âm nhạc ở các đền, miếu thờ Đức Không Tử. Ngoài ra, dòng cung đình Hàn Quốc còn có Tangak (Đường nhạc) và Hyangak (Hương nhạc) là loại nhạc bản địa đã tồn tại ở đất nước này từ trước khi những ảnh hưởng từ dòng âm nhạc cung đình Trung hoa đời nhà Đường du nhập vào¹⁰.

Âm nhạc cung đình bán đảo Triều Tiên

Bán đảo Triều Tiên như một cầu nối tự nhiên giữa đất liền với lục địa phía Đông Châu Á và những hòn đảo ngoài khơi, quan trọng nhất là Nhật Bản. Với khu vực biên giới phía Bắc đã chịu ảnh hưởng sâu đậm từ Trung Quốc cũng như các mối quan hệ với quốc gia láng giềng Nhật Bản trong suốt chiều dài lịch sử phát triển, Người dân bán đảo Triều Tiên đã thành công trong việc duy trì các truyền thống độc lập của mình cũng như hấp thu những truyền thống từ bên ngoài và bản địa hóa qua các giai đoạn phát triển của mình. Họ đã chứng minh sự độc lập của mình rất rõ qua âm nhạc. Bên cạnh những tiếp thu từ ảnh hưởng của âm nhạc Trung Quốc, Âm nhạc bán đảo Triều Tiên còn tiếp nhận những yếu tố âm nhạc qua các mối giao lưu, tiếp biến văn hóa đối với khu vực Cận Đông và phương Tây.

Âm nhạc cung đình Triều Tiên – Hàn Quốc được bảo tồn cho đến nay có thể được truy nguồn từ giai đoạn đầu của triều đại Joseon (năm 1392). Hiện tại thể loại nhạc này đang được bảo tồn, quản lý rất chặt chẽ, do các tổ chức chính phủ tài trợ. Tổ chức bảo tồn tiêu biểu hiện nay là Trung tâm biểu diễn nghệ thuật truyền thống Quốc gia Hàn Quốc.

ARTS

Cũng như Gagaku và Nhã Nhạc, Âm nhạc cung đình Hàn Quốc gồm: múa, hát, các dàn nhạc phục vụ lễ nghi. Về mặt âm nhạc thuần túy, có thể phân ra 3 loại: AaK, Dangak và Hyangak. Thể loại liên quan chặt chẽ đến dòng âm nhạc cung đình Trung Quốc thời nhà Đường được gọi là AaK.

AaK là một hình thức du nhập từ âm nhạc nghi lễ cung đình của Trung Quốc. AaK được du nhập vào bán đảo Triều Tiên năm 1116 và rất phổ biến trong một thời gian dài trước khi lụi tàn. AaK được khôi phục và sống lại vào năm 1430, dựa trên việc phục hồi những làn điệu cũ. Về mặt chất lượng, thời kỳ này đã nâng cấp chất lượng âm nhạc thể loại Aak đạt đến một trình độ khá cao.

Dangak cũng là một thể loại nhạc cung đình cổ của bán đảo Triều Tiên. Dangak có nghĩa là "Đường nhạc", được chuyển thể từ âm nhạc đời nhà Đường - Trung Quốc vào giai đoạn Silla thống nhất. Dangak tiếp tục phát triển qua các triều đại Goryeo (918-1392) và Joseon (1392-1910), Dangak biểu diễn đi kèm với điệu múa dangak jeongjae. Dang-ak ngày nay rất ít khi được biểu diễn, hiện chỉ còn sót lại 2 tác phẩm: Nakyangchun và Boheoja.

Hyangak được gọi là "Hương nhạc" là hình thức âm nhạc bản địa duy nhất của nhạc cung đình Triều Tiên còn tồn tại đến ngày nay, dàn nhạc Hyangak thường gồm kèn Piri và các nhạc cụ dây khác. Hyangak có nguồn gốc từ thời Tam Quốc của nước này (57 TCN-668 SCN). Hyangak thường được kết hợp với những điệu dân vũ cổ Triều Tiên là hyangak jeongjae. Vào thời Joseon Hyangak và Dangak dần bị ảnh hưởng qua lại về mặt âm nhạc lẫn nhạc khí.

Bộ phận lễ nhạc của cung đình Triều Tiên đã cố gắng phục hồi đúng theo âm nhạc Trung Quốc tại cung đình Triều Tiên. Việc phục hồi này thuần túy nhằm mục đích vào việc sử dụng trong các lễ nghi. Nhạc tế lễ Khổng giáo Hàn Quốc đậm chất trang nghiêm, quy củ, qua các trình thức lễ, qua việc đầu tư cho trang phục cầu kỳ vương giả theo phong cách cung đình cô, những vật tế lễ của những triều đại vương quyền còn sót lại. Có thể thấy rõ những điều này qua các phần nghi lễ vẫn được thực hiện tại Seoul ngày nay.

Nếu cả 3 dòng nhạc: ya-yue, suye, huywe ở Trung Quốc tiếp tục được duy trì, tiếp nhận, bổ sung, thay đổi trong quá trình phát triển, thì ở Triều Tiên, âm nhạc nghi lễ được lựa chọn để bảo vệ nghiêm ngặt và bảo tồn gần như nguyên trạng. Mặc dù âm nhạc nghi lễ cung đình cổ đại Trung Quốc đã được tiếp nhận và hiện diện tại các nước: Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam, nhưng chỉ có Triều Tiên (cụ thể là Hàn Quốc hiện nay) là nơi lưu giữ, bảo tồn tốt nhất hệ thống các nhạc cụ cung đình, tính chất âm nhạc và các nghi thức

lễ cổ xưa này (Âm nhạc tại các đền thờ Khổng Tử). Người dân Hàn Quốc ngày nay bảo tồn và đã Hàn hóa Aak theo quan điểm thẩm mỹ của riêng họ.

Dàn nhạc Aak hiện nay đã được chuyên môn hóa cao, chỉ được trình diễn trong một số nghi lễ và chương trình nhất định. Đó là lễ cúng tế hai năm một lần nhằm tôn vinh Khổng Tử, được tổ chức vào mỗi mùa xuân và mùa thu tại đền thờ Munmyo. Chương trình lễ và nhạc mục đều đã được rút ngắn hơn, ít phức tạp hơn so với các lễ thức đã sử dụng trong triều đại Choson.

Tuy môi trường xã hội và con người ngày nay đã khác xa so với trước kia, cùng với những sự xô bồ của hoạt động du lịch, chi phối bởi các ống kính, máy quay thường trực, nhưng thực tế, sự tồn tại của Aak tại Hàn Quốc (South of Korea) vẫn được lưu truyền, tồn tại với cuộc sống tín ngưỡng của cộng đồng một cách thực tiễn, nghiêm trang từ thời cổ xưa đến hiện tại. Điều này cho thấy đây là sự bảo tồn đích thực, không phải những việc xây dựng lại nhằm phục vụ cho những mục đích du lịch. Có thể quan sát thái độ của những người tham gia và những thành viên trong các cuộc hành lễ, của những khán giả lớn tuổi, các thân nhân của các gia đình trong giòng họ, việc truyền đạt ý nghĩa quan trọng của những sự kiện này đã cho thấy những đức tin Khổng giáo cuồng nhiệt của thời đại trước của người dân nơi đây.



Dàn nhạc cung đình tại đền thờ Jongmyo jeryeak/
Nguồn: www.han-style.com/english/hankukak/kind01.jsp



Nghi thức rước tổ tiên và Hoàng gia tại đền thờ Jongmyo jeryeak/ Nguồn: en.wikipedia.org/wiki/Jongmyo_jerye



Đàn Haegeum/

Nguồn: (en.wikipedia.org/.../Traditional_Korean_musical_instrument)



Ajaeng trong lễ tế tại đền thờ Khổng Tử /

Nguồn: www.allmusic.com/.../korea-jongmyo-jeryeak-ritual-music.



Taegum/

nguồn: en.wikipedia.org/.../Traditional_Korean_musical_instrument

Taegum¹¹

Các thời kỳ theo lịch đại giữa:

Việt Nam, Nhật Bản, Bán đảo Triều Tiên, Trung Quốc - Đối chiếu với Dương Lịch

Việt Nam	Nhật Bản	Bán đảo Triều Tiên	Trung Quốc	Dương lịch Châu Âu
5000 năm (Trước C.N)				
Hồng Bàng (18 đời Vua Hùng)	Thời Jomon Thời Yayoi	Thời Choson cổ đại (2333-108)	Phục Hy; Thần Nông; Hạ (2070-1600) Thương (1600-1046) Chu (1046-256)	3000 năm (Trước C.N)
Nhà Thục (257-208) Nhà Triệu (207-111)		Thời Samhan Thời Tam quốc (37 TCN-668): <i>Triều Koguryo; Shilla và Paekche</i>	Chu Tân Thủy Hoàng (221-207) Hán (202-280)	250 năm (Trước C.N)
Hai Bà Trưng (40-43)		Thời ba vua/Tam quốc Goguryo (37TCN-668) Baekche (18TCN-660) Shilla (57TCN-668)	Hán Tam Quốc (220-280) (<i>Nguy-Thục-Ngô</i>) Tấn (266-420) Nam-Bắc triều (420-589)	Năm 40 (Sau C.N)
Tiền Lý (544-548)	Thời Asuka - Hậu Yamato (552-710)	Thời ba vua/Tam quốc	Tùy (581-618)	Năm 500
Mai Hắc Đế (722) Bồ Cái Đại Vương (791)	Thời Nara (710-794)	Thời Shilla hợp nhất (668-935)	Nhà Đường (618-907)	Năm 700
	Thời Heian (794-1185)		Ngũ đại - Thập quốc (907-979)	Năm 800
Nhà Ngô (939-967)	Thời Heian	Triều Goryeo - Cao Ly (918-1392)	5 đời Nhà Tống (960-1279)	Năm 900
Nhà Đinh (968-980)	Thời Heian	Triều Goryeo (918-1392)	Nhà Tống	
Nhà Tiền Lê (980-1009)	Thời Heian	Triều Goryeo	Nhà Tống	
Nhà Lý (1010-1225)	Thời Kamakura (1185-1333)	Triều Goryeo	Nhà Tống	Năm 1000
Nhà Trần (1225 -)	Nam-Bắc phân quyền (1333-1392)	Triều Goryeo	Nhà Tống Nhà Nguyên (1285 - 1369)	Năm 1200
Nhà Trần (- 1400)	Thời Muromachi (Ashikara) (1392-1563)	Triều Joseon (1392-1910)	Nhà Minh (1368-1644)	Năm 1300
Nhà Hồ (1400-1407)	Thời Muromachi	Triều Choson	Nhà Minh	Năm 1400
Hậu Trần (1407-1413)	Thời Muromachi	Triều Choson	Nhà Minh	
Nhà Lê (1428-1527) Nhà Mạc (1528-1593) Nhà Mạc-Lê <u>Hay</u> : (Lê-Trịnh) (1583-1588)	Thời Momoyama (1568-1600)	Triều Choson	Nhà Minh	Năm 1500
Nhà Lê (- 1788) Tây Sơn (1788-1802) Nhà Nguyễn (1802-1945)	Thời Edo (1600-1868) Thời Meiji (1868- 1912)	Triều Choson	Nhà Thanh (1636-1912)	Năm 1600

Kết luận

Âm nhạc cung đình chịu tác động trực tiếp từ những quan điểm thẩm mỹ do chính con người của thời đại chi phối. Đồng thời, những tư tưởng đó lại phát sinh từ các yếu tố môi trường, hoàn cảnh sống, văn hóa, xã hội, ý thức, điều kiện lịch sử, kinh tế khác nhau. Điều này đã dẫn đến một số thay đổi hoặc khác biệt trong

ARTS

quá trình du nhập, tiếp cận và biến đổi của dòng nhạc này đối với từng nước. Cụ thể về hệ thống lý thuyết; ngôn ngữ; chất liệu âm nhạc; hình thức, thể loại; nhạc khí, màu âm; kỹ thuật, phong cách diễn tấu, hòa tấu; tổ chức dàn nhạc...

Như vậy, tuy có cùng tên gọi, ý nghĩa và nguồn gốc, nhưng trong quá trình du nhập, âm nhạc cung đình các nước Việt Nam, Nhật Bản, Hàn Quốc đã có những chọn lọc, sáng tạo và thay đổi so với loại hình âm nhạc cung đình mang tính nguyên bản từ Trung Quốc.

CHÚ THÍCH

¹Theo Keith pratt, trang 23, Korean Music – Its history and Its Performance. Faber Music in Association with Jung Eum Sa, , International Fund for the Promotion of Culture, 1987.

²“Những ghi chép về Lê Quý Đôn trong Vân Đài loại ngữ” Phạm Văn Khoái (đăng trong tạp chí Nghiên cứu Nghệ thuật số 10/1996 trang 38)

³Theo “Lịch sử âm nhạc thế giới” Nguyễn Xinh” Nhạc Viện Hà Nội, 1983 (trang 17-18).

⁴Gagaku Được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại năm 2009.

⁵Năm 746 những người từ Bokkai đến Nhật qua con đường Triều Tiên.

⁶Vào năm 736, các giáo sỹ Phật Giáo người Ấn và các giáo sỹ Champa (Đại Việt) đến Nhật lần đầu, họ dạy các tiết mục âm nhạc và múa mang phong cách Ấn Độ và Đông Nam Á tại đền Taian-ji ở Nara và đền Shitenno-ji ở Osaka (theo Masataro Togi, “Gagaku court music and dance” Dịch : Don Deny., London 1971 - trang 125, 126) qua 8 tác phẩm mang phong cách Tenjikugaku (天竺楽) and Rinyūgaku (林邑楽)

⁷Nhã nhạc được UNESCO công nhận là Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể nhân loại năm 2003.

⁸Vào thời này, bên cạnh những nhạc khí đã được sử dụng trong dân gian và cung đình, còn có những nhạc cụ du nhập từ Trung Hoa (đàn Cầm, đàn Nguyệt, Tỳ Bà), nhạc cụ có nguồn gốc Ấn Độ, Trung Á (trống Phong yêu, Mỗ, đàn Hồ).

⁹Là những nhạc khí có trong trong các dàn nhạc cung đình nhà Minh và Nhà Thanh (trung Quốc) và dàn nhạc các đền thờ Khổng Tử của Hàn Quốc (đền Munmyo) vẫn lưu truyền ngày nay

¹⁰Xem : “Korean court music and dance”, Byong Won Lee. Korean National Academy of art.,Seoul,1973 (trang 7-10) và “Korea music” trong : “the new Oxford companion to Music” của Denis Arnold.,Oxford University press 1996.

(trang 1025)

¹¹(nguồn

www.britannica.com/EBchecked/topic/580160/tae gum)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Koizumi & K.Okada, “Gagaku the noble music of Japan”, Institute fur den Wissenschaftlichen Film. Gottingen, 1974.
2. Eta Harich & Schneider, “A history of Japanese Music”, London Oxford Univesity Press 1973.
3. William P.Malm, “Japanese music and musical instruments”, Charles E Tuttle Company, Tokyo, Japan 1959.
4. Kishibe Ghigeo, “The traditional music of Japan”, Ongaku no tomo sha Edition, 1984.
5. Masataro Togi, *Gagaku court music and dance*. Translator: Don Deny., London 1971.
6. Denis Arnold. *The New Oxford companion. volume 1, 2. Oxford university press 1994.*
7. Stanley Sadie, *The New Grove Dictionary of music and musicians. volume 5, 12, 13. Schutz – Spinto, Macmillian Publishers Limited publish, 2001.*
8. Bang-Song Song, *Korean music and instrments*. National classical music institute Seoul republic of Korea, 1987.
9. Byong Won Lee, *Korean Court music and dance. Survey of Korean Arts: Traditional music, Academic of Arts., Seoul 1973.*
10. Kieth Pratt, *Korean music its history and its performance. Faber music in association with Jung Eum Sa., Seoul 1987.*
11. A.J.A.Van, *Chinese music*. New York, Paragon book 1966.
12. Brian Hook, *The Cambridge Encyclopedia of China (361-363).Cambridge university press 1991.*
13. Van Thi Minh Huong, *Gagaku and Nha Nhac*. Thanh Nien Publisher., HCMC 2003.
14. Van Thi Minh Huong, *Oriental Music*. Oriental Publisher., HCMC 2016.

NHẬN DIỆN MỘT SỐ TÍNH ĐỐI THOẠI CỦA ÂM NHẠC CHÈO TRONG VỞ DIỄN QUAN ÂM THỊ KÍNH

I NGUYỄN VĂN ĐIỆP

Email: diep.vn.nguyen@gmail.com

Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội

IDENTIFY SOME DIALOGUES OF CHEO MUSIC IN THE PLAY QUAN AM THI KINH

TÓM TẮT

ABSTRACT

Chèo là sân khấu kể chuyện, nhân vật được diễn tả bằng những ngôn từ văn thơ giàu hình ảnh, giàu âm điệu, vần, luật. Hát là một phương tiện diễn tả mang tính tự sự, lối kể chuyện độc đáo, là nguyên tắc không thể thiếu trong sân khấu chèo truyền thống. Trong diễn chèo, trước khi hát hay có nói (nói vần, nói điệu, nói thơ, nói sử, nói lệch, nói vật, nói hề, nói đếm...). Đó như một sự bắc cầu để vào điệu hát, tạo nên sự uyển chuyển, gần gũi, không gây đột ngột cho người hát, người nghe và cũng tạo nên thẩm mỹ của nhạc chèo. Một trong những thẩm mỹ ấy là tính đối thoại của âm nhạc chèo. Đối thoại cũng có nhiều cung bậc, đối thoại trực tiếp, đối thoại gián tiếp, đối thoại kịch tính, đối thoại thủ thi gửi trao... Nhìn chung tất cả đều hài hòa, uyển chuyển giữa các nhân vật với nhân vật, giữa nhạc cụ với nhạc cụ, đặc biệt giữa nhân vật với dàn nhạc tất cả tạo nên những giá trị vô cùng đặc sắc của nhạc chèo.

Chèo is a story-telling stage, in which characters are described in poetic words which are rich in images, rich in tones, rhymes and rules. Singing is a means of narrative expression, a unique narrative style, and an indispensable principle in the traditional Chèo stage. In Chèo performance, before singing, characters usually have dialogues (in many ways including nói sử, nói lệch, nói vật, nói hề, nói đếm). It is like a bridge to singing, creating a flexibility and closeness, not causing the suddenness to performers and the audience, as well as creating the aesthetics of Chèo music. One of those aesthetics is the dialogue of Chèo music. The dialogue also has many levels: direct, indirect, dramatic, whispering... And they all are harmonious and flexible between characters and characters, between musical instruments with musical instruments, especially between characters and the orchestras.... All of these create extremely unique values of Chèo music.

Keywords: Dialogue of cheo music

Từ khóa: Tính đối thoại của âm nhạc chèo

1. Cấu trúc kịch bản phát huy tính đối thoại trong âm nhạc chèo

Câu chuyện về Quan Âm Thị Kính được viết bằng thể thơ lục bát (truyện thơ), các nghệ nhân xưa đã sáng tạo thành các mảng trò, lưu truyền trong dân gian khắp các tỉnh phía Bắc, để rồi hình thành nên bản diễn Quan Âm Thị Kính trong cả 4 chiếng chèo Đông, Đoài, Nam, Bắc. Đạo diễn, NSND Trần Bảng đã tổng hợp các bản diễn của chèo tứ chiếng, thu hoạch tích trò qua lời kể của các nghệ nhân, đúc kết những kinh nghiệm các lần trước đã dàn dựng vở này trước đó của ông, để rồi Trần Bảng cho ra đời bản diễn cuối cùng của vở Quan Âm Thị Kính do Nhà hát chèo Việt Nam biểu diễn, mà hôm nay chúng ta chứng kiến. Theo Trần Bảng, đây là lần dàn dựng ông

thấy ưng ý nhất.

Trước hết, khi ta đọc kịch bản chèo Quan Âm Thị Kính thấy từ Giáo đầu cho đến lời thoại của dân làng, từ câu nói để của diễn viên đóng vai khán giả cho đến lời hát của nhân vật đều được dệt bằng thơ. “Trung thi hữu nhạc” - đó là lời người xưa khẳng định trong thơ có nhạc. Ngôn ngữ văn chương của vở Quan Âm Thị Kính hầu hết được viết theo các thể thơ. Bởi thế, khi đọc kịch bản văn học thấy giai điệu của nói, giai điệu của hát chất chứa trong văn chương đầy tính nhạc. Nếu xét về góc độ kế thừa kịch bản thì đây là vấn đề đầu tiên mà nghệ thuật chèo cần có và cũng chính yếu tố này đã góp phần quan trọng làm nên bản sắc của chèo.

Sau là, khi so sánh bản diễn Quan Âm Thị Kính do Đạo diễn Trần Bảng dàn dựng với các bản diễn của các đơn vị nghệ thuật khác thấy rằng, bản diễn của Nhà hát chèo Việt Nam rất “thượng tôn âm nhạc”. Các màn, lớp tuân theo tính tự sự (diễn kể) của chèo, điều đó tạo môi trường thuận lợi cho âm nhạc dễ bề sinh sôi, có điều kiện thuận lợi để phô trương tính đối thoại.

Ngay từ màn giáo trò đã xuất hiện tính đối thoại của âm nhạc khi hai anh Hề (Hề môi) ra múa dẫn lối, đề từ đó dàn nhạc có “đất” mà trưng trở màn Thị nhip - một hình thức diễn tấu bằng bộ gõ độc đáo, diễn hình của nghệ thuật sân khấu chèo cổ và chèo truyền thống.

Các “khán giả” do diễn viên đóng vai được đưa lên sân khấu cùng tham gia biểu diễn, khi tương tác với Hề, với thể thức giáo đầu, đã tạo nên tính đối thoại âm nhạc: lúc thì trực tiếp (qua lời nói), lúc lại gián tiếp (qua động tác biểu diễn).

Còn nữa: Mọi thành phần nghệ thuật của diễn viên đều biểu hiện, phản ánh các nguyên tắc cơ bản của chèo cổ, chèo truyền thống: nguyên tắc tự sự, nguyên tắc ước lệ, nguyên tắc chuyển hóa mô hình. Điều đó khiến cho âm nhạc có điều kiện để tương tác trình diễn, các nghệ sĩ diễn viên, nhạc công thỏa sức phô trương những kỹ năng: hát, múa, diễn, nhạc cụ... của mình. Tính đối thoại của âm nhạc càng nhiều, càng nhuần nhuyễn thì chất chèo càng đậm đặc, men chèo càng thơm hương, các thành phần của nghệ thuật càng kết dính, sự thăng hoa của nghệ sĩ càng lớn, chất lượng nghệ thuật chèo lại càng cao.

2. Tính diễn kể và chất thơ tạo đà cho tính đối thoại âm nhạc chèo

Phần lớn các điệu hát trong chèo truyền thống đều có xuyên tâm và lưu không (một đoạn nhạc chen, không có lời, để diễn viên ngắt, nghỉ lấy hơi hoặc múa, diễn). Câu, đoạn nhạc này là sự sáng tạo rất độc đáo, làm nên tính đặc biệt, đặc trưng của nhạc chèo (theo Nhà nghiên cứu Hà Cầu đã minh chứng tiếng trống tập trận của quân nhà Đinh chính là khổ trống lưu không 8 trong chèo ngày nay vẫn thường dùng). Nhân vật có hát, có múa thì mới có tương tác với âm nhạc, từ đó mới sinh ra tính đối thoại của âm nhạc. Và như vậy mới là kịch hát, mới là chèo. Thêm nữa, những chỗ cuối trở đều phải dùng nguyên âm i để luyện, ngân nga... (Hoàng Kiều gọi là câu nhạc ngân đuôi), nhằm tạo sự đủ đầy khi kết trở, cũng tạo cho diễn viên trở tài thẩm mỹ về múa, về diễn... Đó cũng là những yêu cầu cần có về thẩm mỹ thưởng thức khi xem chèo của khán giả muốn được thay đổi giai điệu âm nhạc, được thể hiện phong phú động tác, tâm lý nhân vật...

Qua vở diễn Quan Âm Thị Kính do đạo diễn Trần

Bảng sắp trò, thấy rõ từ người Giáo đầu khi xuất hiện đã dùng hát để kể tóm tắt tích diễn, đến các nhân vật chính hay phụ khi xưng danh ra trò đều sử dụng nói - hát làm phương tiện giới thiệu tích diễn, giới thiệu về chính mình.

Ví dụ một số nhân vật trong vở Quan Âm Thị Kính khi xưng danh ra trò

Khúc Giáo đầu:

Nam mô Phật từ hàng siêu khổ hải
Ngũ phúc chiếu toàn lâm
Mở Phật kinh thấy tích Quan âm
Nhà họ Mãng ở Cao Ly quốc
Nhân duyên sớm kết, sánh với họ Sùng vừa được
ba thu
Vì cất râu nên nổi sóng Ngân hà
Trốn cha mẹ lên chùa Vân Tụ
Thay xiêm áo trá hình nam tử
Ả Thị Mầu đem đặt chuyện vu oan
Ấm con thơ ra mái Tam quan
Nương bóng Phật giải oan thanh kết.

Nhân vật Thiện Sĩ, khi ra trò hát điệu Sử Xuân với tính chất đường hoàng nhưng tươi mới sắc xuân:

Bạch nhật mặc nhàn quã
Thanh xuân bắt tái lai
Quê tôi nay vốn ở Lũng Tài
Tên vốn đặt là Sùng Thiện Sĩ

Thị Mầu khi ra vai, có xưng rằng:

Tôi Thị Mầu con gái Phú ông
Thầy mẹ tôi tôn kính một lòng
Tiền cùng gạo lên chùa tiền cúng

Nhân vật Thị Kính lại hát câu Sử với lời ca sâu sắc, phong thái kín đáo, đoan trang:

Trình lạy cha!
Cha sinh con ra má đào phận gái
Con giữ đạo tam tòng
Nhưng còn e một côi linh thông
Muộn mản chưa nẩy chồi đan quế

Ngược lại, nhân vật Xã Trưởng khi ra trò lại vênh vênh, vảo vảo, tự cao, tự đại:

Tại dân vi tổng lý
Quốc pháp vi công hầu
Ơn dân xã thuận bầu
Tôi đứng đầu hàng xã!

Với Mẹ Đốp chỉ mấy lời đã khẳng định nhân vật rất duyên dáng, hóm hỉnh:

Ấy bước vào tôi ô rằng vậy
Chẳng giầu gì mẹ đình đám là tôi
Nghề ăn nói tôi vào trang đúng mực
Bất phận danh nhi tài túc
Vô chế lệnh nhi dân tòng
Một mình tôi cả xã ngóng trông
Điều phải trái tôi lên trước bảo

Như vậy, mỗi nhân vật ứng với một tính cách, mỗi tính cách nhân vật lại ứng với một thể thơ, lời ca nào đó. Trong chèo, từ nói thường sang nói lối, từ nói lối vào hát, rồi lại từ hát trở về nói thường... luôn là thơ, hay nói đều có vần, có điệu. Thế nên thơ, lời ca có tầm quan trọng bậc nhất trong thoại chèo, có vai trò quyết định đến bản chất của chèo. Nếu lời của nhân vật không phải là thể thơ, không có nhạc điệu thì khi cất lên câu thoại không có nhạc tính, mà không có nhạc tính thì không thể thành giai điệu và sẽ không có sự bắc cầu cho hát. Hậu quả là có hát nhưng không chèo, nghe sống sượng, cưỡng ép. Điều này đã minh chứng rất rõ ràng, nếu kịch bản chèo không giàu chất thơ, ngôn ngữ dân tộc, ... thì tất yếu sẽ không tạo nên cho âm nhạc diễn kể cùng nhân vật, và tính đối thoại âm nhạc không xuất hiện, làm mất đi vẻ đẹp bản sắc rất độc đáo của chèo.

3. Tính đối thoại của âm nhạc khắc sâu tính cách nhân vật

Ta hãy xem hai điệu hát Cầm giá, Bình thảo trong trích đoạn Thị Mầu lên chùa của vở Quan Âm Thị Kính để minh định về tính đối thoại giữa hai nhân vật Thị Mầu và Tiểu Kính Tâm thông qua âm nhạc. Từ đó, phân tích, đánh giá và khẳng định vai trò của âm nhạc (nhạc đàn, nhạc hát) được thể hiện trong trích đoạn này quan trọng như thế nào nhằm khắc sâu tính cách nhân vật? Chính những tính đối thoại của âm nhạc đã góp thêm nét đặc sắc, sự thành công của trích đoạn nổi tiếng Thị Mầu lên chùa mà hôm nay chúng ta chứng kiến.

Trong trích đoạn có nhiều điệu hát được sử dụng như các điệu Nói lệch, Cầm giá, Bình thảo, Nói kinh, Sấp thường (nhạc có lời) và Ba than (nhạc không lời). Tuy nhiên, do thời lượng bài viết, xin chọn hai điệu tiêu biểu nhất của trích đoạn này để phân tích đó là: điệu Cầm giá và điệu Bình thảo.

Điệu hát Cầm giá và Bình Thảo với giai điệu chủ công mang tính chất bay bổng, lãn mạn, tầm cỡ giọng cao, lời ca lúng liếng, cời mở, khoáng đạt... thể hiện sâu sắc tính cách nhân vật Thị Mầu. Tuy nhiên trong trích đoạn chỉ xuất hiện một nét giai điệu nhạc ngắn (một câu nhạc) có tính chất trì tục, nhưng vô cùng đắt giá, đã tạo nên tính đối thoại của âm nhạc, đồng thời cũng khắc sâu tính cách của hai nhân vật nữ chín (Tiểu Kính Tâm) và nữ lệch (Thị Mầu). Cho nên câu nhạc tuy ngắn

Niệm Nam mô A - Di - Đà - Phật
Tôi niệm Nam mô A - Di - Đà - Phật

Nhưng đã có vai trò hết sức quan trọng bởi tiếng âm thanh trì tục của mõ chùa, tiết tấu đều đều, nhịp độ chậm rãi, khoảng âm không nhảy xa mà đi liền bậc, ... kết hợp với lời ca kinh kệ đã tạo nên nét nhạc đắt giá, tạo tính đối thoại tương phản giữa hai nhân vật

Thị Mầu và Tiểu Kính Tâm... cho nên, nét nhạc này không thể thiếu, chính đây đã làm nên tính đối thoại độc đáo của âm nhạc trong trích đoạn Thị Mầu lên chùa.

Cả hai điệu đều được sử dụng ở thể thơ lục bát, như:
Điệu Cầm giá:

Lên chùa từ thuở mười ba
Thấy sư mười bốn, vài già mười lăm
Điệu Bình thảo (Trở 1)

Người đầu đến ở chùa này
Cổ kiêu ba ngón lông mày nét ngang
(Trở 2)

Thầy như táo rụng sân đình
Em như gái dở đi rình của chùa
(Trở 3)

Cau non tiện chụm lòng đào
Trầu têm cánh phượng thiếp trao cho chàng

Sử dụng thể thơ trên, các nghệ nhân- nghệ sĩ đã sáng tạo bằng cách đảo thơ (đảo 4 từ của câu 6 hát trước, sau mới hát cả 6 từ sau) làm nên giai điệu cao vút ở khu âm cao làm chủ đạo, tạo nên tính chất bay bổng, hân hoan, lúng liếng để phù hợp với nhân vật Thị Mầu.

Cùng với nói lối: A Di Đà Phật! Bạch nhà sư trong ấy, cho chú Tiểu ra nhận lễ, để cho tôi con về nào? Và ngược lại, Tiểu Kính Tâm, với chất giọng trầm ấm, phong thái điềm tĩnh, đường hoàng, nét mặt đoan trang, trang phục kín đáo, nói năng từ tốn, hát ở tốc độ chậm rãi, cùng với tiếng mõ chùa (Mõ đại/Mõ cúng) trầm ấm, nâng thông thả trả lời Thị Mầu rằng:

A - Di - Đà - Phật
Chào cô lên chùa!

Hay

Niệm Nam mô A - Di - Đà - Phật
Tôi niệm Nam mô A - Di - Đà - Phật

Lời mời gọi của Thị Mầu, lời trả lời điềm đạm của Tiểu Kính Tâm càng làm cho trích đoạn gây ấn tượng về âm nhạc lên đỉnh điểm, cũng là mâu thuẫn giữa hai nhân vật, tạo nên thế đối nghịch nhau.

Rõ ràng tính đối thoại âm nhạc không những xuất hiện, mà còn rất rõ nét, khẳng định sự góp sức của âm nhạc đã khắc sâu tính cách của hai nhân vật, làm nên sự thành công của trích đoạn này.

Kết luận

Vở Quan Âm Thị Kính do NSND Trần Bảng dàn dựng là một minh chứng về sự thành công tiếp thu những giá trị vốn có từ chèo cổ. Một trong những góp sức của sự thành công đó chính là tính đối thoại âm nhạc của âm nhạc.

ARTS

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Trần Bảng (1999)**, *Khái luận về Chèo*, Viện sân khấu, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh xuất bản, Hà Nội.
2. **Nhiều tác giả (1990)**, *Mấy vấn đề về nghệ thuật chèo*, Viện Sân khấu – SỞ Văn hóa và Thông tin Thái Bình.
3. **Hoàng Kiều (2001)**, *Thanh điệu tiếng Việt và âm nhạc cổ truyền*, Viện âm nhạc, Hà Nội.
4. **Trần Đình Ngôn (2005)**, *Nguyên tắc cơ bản trong nghệ thuật Chèo*, Nxb Sân khấu, Hà Nội.
5. **Trần Việt Ngữ (1970)**, *Âm nhạc trong nghệ thuật chèo*, Viện Sân khấu, Hà Nội
6. **Nguyễn Thị Thanh Phương (2017)**, *Diễn xướng âm nhạc Chèo - truyền thống và biến đổi*, Nxb Sân khấu, Hà Nội.

ĐÁNH GIÁ TÁC PHẨM CHUYÊN SOẠN TỪ CA KHÚC CHO ĐÀN ELECTRONIC KEYBOARD

I MAI THANH BÌNH

Email: pianothanhbinh@gmail.com

Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Việt Bắc

ELECTRONIC KEYBOARD PERFORMANCE WORKS REVIEW

TÓM TẮT



ABSTRACT

Trong lịch sử âm nhạc, nghệ thuật chuyển soạn được các nhạc sĩ ở các thời kỳ cổ điển, lãng mạn, đương đại... phát triển không ngừng, dưới nhiều hình thức và thủ pháp khác nhau. Những sáng tạo trong hình thức, bố cục tác phẩm, đã góp phần làm nên những bước nhảy đột phá trong nghệ thuật chuyển soạn, mang lại một diện mạo, sắc thái mới, thành công và sự nổi tiếng cho tác phẩm âm nhạc.

Song song với tác phẩm nguyên bản thì tác phẩm chuyển soạn cũng giữ một vai trò quan trọng trong đời sống âm nhạc ở các lĩnh vực như: đào tạo, biểu diễn,... Để thuận lợi trong việc đánh giá tác phẩm, tác giả phân loại tác phẩm chuyển soạn thành các nhóm: tác phẩm chuyển soạn cho dàn nhạc; tác phẩm chuyển soạn từ dàn nhạc sang piano và keyboard; tác phẩm chuyển soạn từ ca khúc, làn điệu dân ca giữ nguyên giai điệu của bản gốc; tác phẩm chuyển soạn từ ca khúc, làn điệu dân ca có phát triển.

Từ khóa: Đánh giá, chuyển soạn, ca khúc

In the history of music, the art of composing by musicians in the classical, romantic, and contemporary periods... develops continuously, in many different forms and methods. The creations in form and composition of works have contributed to breakthrough leaps in the art of translation, bringing a new look, nuance, success, and popularity to musical works. In parallel with the original work, the compiled work also plays an important role in the musical life in such fields: training, performance,... In order to facilitate the evaluation of works, works The author classifies compositions into groups: compositions for orchestra; compositions from orchestra to piano and keyboard; works adapted from songs or folk tunes keeping the original melody; Works adapted from songs and folk tunes have developed.

Keywords: Evaluation, composition, song

1. Đánh giá tác phẩm chuyển soạn

1.1. Nhóm tác phẩm chuyển soạn cho dàn nhạc

Ở nhóm tác phẩm chuyển soạn cho dàn nhạc cho thấy hiệu quả âm nhạc có sự thay đổi toàn diện so với tác phẩm gốc về cường độ âm thanh, hòa âm phối khí, tính năng nhạc cụ và cách sử dụng âm sắc... trong tác phẩm. Từ đó tạo cho tác phẩm một phong cách, diện mạo mới. Có thể nói, bằng cách sử dụng dàn nhạc, người nhạc sĩ thỏa sức phát triển mọi ý tưởng của mình với những bút pháp, phong cách và ngôn ngữ âm nhạc khác nhau. Nói cách khác, tác phẩm chuyển soạn, viết cho dàn nhạc có thể khai thác, diễn tả mọi sắc thái, lột tả hết được toàn bộ nội dung, ngôn ngữ âm nhạc, tạo được không gian, chiều sâu, dày về âm thanh cho tác phẩm, khác biệt với việc diễn tấu trên một nhạc cụ. Trên thực tế cho thấy, có những tác phẩm chuyển soạn mang lại hiệu quả hơn tác phẩm gốc, tiêu biểu có các tác phẩm đã được chuyển soạn thành công, sử dụng rộng rãi trên thế giới trong biểu

diễn và trong đào tạo là tổ khúc “Những bức tranh trong phòng triển lãm” viết cho piano của Mussorgsky.

Đây là tác phẩm được chuyển soạn cho dàn nhạc bởi nhiều nhạc sĩ và chính những bản chuyển soạn đã góp phần làm cho tổ khúc này trở nên nổi tiếng hơn. Ban đầu, nhà chỉ huy Mikhail Tushmalov, người Nga, đã chuyển soạn cho dàn nhạc 7/10 bản nhạc trong tổ khúc này. Tiếp theo là nhà chỉ huy Henry Wood, người Anh cũng đã chuyển soạn tổ khúc này vào năm 1915. Tuy nhiên, Henry Wood cũng không chuyển soạn hết các bản trong tổ khúc này mà người đầu tiên chuyển soạn cả mười tác phẩm là nhà soạn nhạc người Slovenian và nghệ sỹ violin Leo Funtek. Tổ khúc này đã được chuyển soạn tổng cộng hơn hai mươi lần. Bản chuyển soạn nổi tiếng nhất của tổ khúc này do nhạc sĩ người Pháp, Maurice Ravel soạn năm 1922.

Ví dụ trích chủ đề bản số 1 trong tổ khúc “Những bức tranh trong phòng triển lãm” viết cho piano của Mussorgsky”



1.2. Nhóm tác phẩm chuyển soạn từ dàn nhạc sang piano và keyboard

Năm 1990, tác giả Carol Barratt đã xuất bản tập sách All the Tunes You've ever wanted to play, Nhà xuất bản Omnibus Press. Công trình dày 304 trang, gồm 134 tác phẩm chuyển soạn lại cho piano/keyboard từ các tác phẩm, chủ đề âm nhạc nổi tiếng của hơn 100 nhà soạn nhạc trên thế giới trong đó có một số bản giao hưởng được tác giả chuyển soạn lại cho piano và keyboard như:

Four Seasons (bốn mùa) sáng tác: Antonio Vivaldi, chuyển soạn sang piano: Carol Barratt. Ở bản chuyển soạn này tác giả đã dịch giọng từ E dur (bản gốc) xuống C dur (bản chuyển soạn), giảm độ khó của tay trái, chủ đề chính được trình bày đầy đủ ở bè trên cùng của tay phải, giúp cho người mới học dễ dàng tiếp cận tác phẩm kinh điển bằng đàn piano và keyboard mà vẫn giữ được tính chất, ngôn ngữ âm nhạc của tác phẩm gốc.

Ví dụ trích chủ đề chương 1: Mùa xuân bản chuyển soạn



Trong tập sách này, tác giả đã giúp cho người học dễ dàng tiếp cận những tác phẩm âm nhạc nổi tiếng của nhiều nhà soạn nhạc bậc thầy trên thế giới ở các thời kỳ bằng cách: giảm độ khó của tác phẩm gốc, dịch chuyển giọng, thay đổi nhịp, giảm hợp âm phần đệm, thay đổi phần đệm và nhiều thủ pháp khác... nhưng vẫn đảm bảo đúng giai điệu, tính chất âm nhạc của tác phẩm gốc.

1.3. Nhóm tác phẩm chuyển soạn từ ca khúc, làn điệu dân ca giữ nguyên giai điệu của bản gốc

Các ca khúc nổi tiếng, các làn điệu dân ca chuyển soạn cho nhạc đàn trong các công trình của các tác giả sau:

Thái Thị Liên (2004), Phương pháp học đàn piano. Giáo trình giảng dạy Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam. Tập 1 có 93 bài, trong đó 14 bài chuyển soạn từ ca khúc, bài dân ca Việt Nam cho piano: Inh Noọng ơi, Em múa hát-Em yêu núi rừng, Khăn quàng đỏ, vui nhi đồng, Lý cây đa, Em là giao liên... tập 2 chia làm 4 phần: Tiểu phẩm và bài phức điệu sơ cấp II, Sonatine và biến tấu, Bài luyện kỹ thuật sơ cấp II và Bài tập piano 4 tay trong đó có 15 bài được chuyển soạn từ ca khúc, bài dân ca sang cho piano: Bắc kim thang, Dân ca Hà Bắc, Em là cô gái dệt, Lý cây bông, Xòe Thái, Tiến lên đoàn viên, Tây Nguyên tươi đẹp... Nguyễn Hữu Tuấn (1996), Tuyển tập tác phẩm Việt Nam cho đàn piano. Giáo trình giảng dạy Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam. Gồm có 28 bài, trong đó chuyển soạn từ ca khúc và dân ca là 22 bài: Lý cây bông, Cò lả, Chú Cuội, Chim vành khuyên, Vũ khúc mùa xuân, Con ngựa ô, Chị Hằng... Ngô Ngọc Thắng (1999), Organ măng non. Tác giả soạn hợp âm tự động tay trái cho giai điệu của một số ca khúc thiếu nhi ở mức độ đơn giản, phù hợp với lứa tuổi nhỏ và người mới học đàn.

Các tác phẩm chuyển soạn trong các công trình, sách, giáo trình của các tác giả trên phần lớn được chuyển soạn hướng giữ nguyên bản giai điệu ở bè tay phải, thêm phần đệm tay trái theo kiểu hợp âm rải và chồng âm...Tuy nhiên, có một số bài giai điệu được chuyển sang bè tay trái, bè tay phải giữ vai trò là phần đệm. Ví dụ trích tác phẩm chuyển soạn “Chim vành khuyên”:



1.4. Nhóm tác phẩm chuyển soạn từ ca khúc, làn điệu dân ca có phát triển

Các tác phẩm chuyển soạn có phát triển: thêm phần mở đầu, phần nối, phần và đặc biệt là phát triển giai điệu theo các khúc biến tấu khác nhau. Đó là các phẩm chuyển soạn trong các công trình:

Lê Vũ, Quang Đạt (1996), Độc tấu trên đàn Organ Keyboard độc tấu. Sách gồm 4 tập, trong mỗi tập đan xen các ca khúc Việt Nam: Trường làng tôi, Tháng năm học trò, Em là bông hồng nhỏ, Điệp khúc mùa xuân, Lý quạ kêu, Suối đàn Trưng... ca khúc nước ngoài: Right here waiting, Within you'll remain, Unchained melody, Petite melody, Tico tico, How can I tell her... các chủ đề, tác phẩm piano: Lettre a Elise, Ballade de four Adeline, Sonatine, Minuet in G, Symphony No.40, The Entertainer... các tác phẩm

được chuyển soạn giữ nguyên bản giai điệu, một số bài có phát triển, biên tấu giai điệu kết hợp hợp âm tự động.

Ví dụ trích phần mở đầu và phần phát triển tác phẩm “Trường làng tôi”, sáng tác Phạm Trọng Cầu, chuyển soạn Bùi Nguyên Đức.

Phần mở đầu:



Phần phát triển:



Tóm lại, qua nghiên cứu các công trình, giáo trình, các tác phẩm chuyển soạn từ piano, ca khúc, làn điệu dân ca cho dàn nhạc, cho các nhạc cụ khác và ngược lại, cụ thể là qua một số tác phẩm tiêu biểu ở ví dụ trên. Chúng tôi thấy, tác phẩm chuyển soạn chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống âm nhạc chuyên nghiệp và không chuyên; đóng góp một phần không nhỏ trong lĩnh vực đào tạo và phổ cập âm nhạc.

Thông qua tác phẩm chuyển soạn, người học nắm được cách sử dụng âm sắc dàn nhạc giao hưởng trong hòa âm phối khí, chuyển soạn; cách sử dụng âm sắc, tiết tấu áp dụng vào rèn luyện kỹ thuật cá nhân trên nhạc cụ nói chung và đàn Electronic Keyboard nói riêng.

2. Đánh giá hình thức tác phẩm

Nghệ thuật chuyển soạn tác phẩm âm nhạc phát triển từ giữa thế kỷ 16, trải qua các thời kỳ lịch sử: cổ điển, lãng mạn, ấn tượng... đến nay đã tạo được chỗ đứng riêng trong đời sống âm nhạc. Đầu tiên phải kể đến là nhờ có sự đóng góp lớn của nhiều nhạc sĩ tiền bối kế thừa tiếp nối và phát triển liên tục với nhiều hình thức và thủ pháp khác nhau: chuyển soạn khí nhạc sang khí nhạc (từ piano sang cho dàn nhạc và ngược lại từ dàn nhạc sang cho piano diễn tấu), chuyển soạn từ dân ca, ca khúc sang khí nhạc: piano, accordeon, guitar, violon... tác phẩm chuyển soạn của các nhạc sĩ tiền bối cho thấy rõ hai khuynh hướng chính: Giữ nguyên bản tác phẩm gốc và phát triển tự do, sử dụng các thủ pháp sáng tác phát triển tạo cho tác phẩm gốc một sắc thái mới.

Chẳng hạn, khi chuyển soạn một tác phẩm viết cho violon hay một nhạc cụ khác sang dàn nhạc diễn tấu,

bộ cục tác phẩm đa số được giữ nguyên ít có sự thay đổi. Chủ yếu sử dụng các thủ pháp sáng tác thêm bè hòa âm, phức điệu... cho các nhạc cụ trong dàn nhạc diễn tấu tạo hiệu quả âm thanh cho tác phẩm. Đối với ca khúc khi chuyển soạn, ngoài việc sử dụng các thủ pháp sáng tác thì bộ cục tác phẩm còn được bổ sung thêm các phần phụ như: mở đầu, dạo giữa và kết...

Qua nghiên cứu và phân tích các tác phẩm chuyển soạn từ ca khúc trong các công trình nghiên cứu, sách, giáo trình... chúng tôi thấy có một số điểm chung về việc sử dụng những thủ pháp trong quá trình chuyển soạn.

+ Chuyển soạn dựa trên hình thức của ca khúc: Hai đoạn đơn hoặc ba đoạn đơn. Khi thực hiện chuyển soạn bổ sung thêm phần mở đầu Intro và phần kết Coda, giữ nguyên giai điệu của ca khúc để chuyển soạn, viết thêm bè cho tay phải và phần đệm bằng hợp âm cho tay trái sử dụng hợp xấp sẵn.

Các tác phẩm chuyển soạn theo hình thức này có kỹ thuật đơn giản, không khai thác hết được kỹ thuật của cây đàn cũng như việc rèn luyện kỹ năng thực hành của người diễn tấu, nhưng lại thuận tiện cho người mới tập trên đàn... có lẽ chính vì lý do đó mà những tác phẩm chuyển soạn theo hình thức này mang tính phổ cập rộng rãi trong công chúng.

+ Chuyển soạn theo hình thức biến tấu với thủ pháp biến đổi cấu trúc các âm hình tiết tấu khác nhau, dựa trên cao độ giai điệu của ca khúc.

Hầu hết các tác phẩm mang tính bác học và có giá trị nghệ thuật cao đều được chuyển soạn ở hình thức biến tấu.

- Các tác phẩm này giữ được nguyên bản giai điệu của ca khúc trong phần trình bày, giới thiệu chủ đề.

- Khai thác được toàn diện tính năng, kỹ thuật của cây đàn cũng như nội dung hình tượng, tính chất âm nhạc với các biến khúc khác nhau.

- Giá trị trong đào tạo: Người học được rèn luyện và nâng cao kỹ thuật cá nhân, xử lý sắc thái tác phẩm, tư duy âm nhạc.

3. Kỹ thuật biểu diễn

Mỗi nhạc cụ có những tính năng, kỹ thuật đặc trưng riêng về cách diễn tấu, nên đòi hỏi cách chuyển soạn cũng khác: cùng là một thủ pháp kỹ thuật nhưng khi diễn tấu trên keyboard, guitar, piano, violon... sẽ có những cách xử lý khác nhau cho phù hợp tính năng của từng nhạc cụ. Chẳng hạn, cùng là kỹ thuật trimono khi xử lý trên violon sẽ khác trên guitar hay Keyboard... Từ đó cho thấy, các tác phẩm chuyển

soạn thành công hầu hết đều khai thác triệt để tính năng của từng loại nhạc cụ, đồng thời cũng phô diễn kỹ thuật của người diễn tấu, thường thấy ở các tác phẩm chuyên soạn phát triển theo hướng tự do: biến tấu, fantasia... với các kỹ thuật biểu diễn: hợp âm, chồng âm quãng 3, quãng 6, quãng 8, các chùm lướt gồm nhiều nốt, Gliss, trill...

Ví dụ các kỹ thuật lướt nốt, trill, quãng 3, quãng 10, 11... trích tác phẩm Rhapsody in Blue của George Gershwin.



4. Hiệu quả của âm thanh khi biểu diễn

Một tác phẩm là ca khúc hay bài dân ca khi chuyển soạn thành công sang môi trường khí sẽ mang một diện mạo mới. Mặc dù chỉ sử dụng phần giai điệu của ca khúc để chuyển soạn song bằng các thủ pháp sáng tác, người chuyển soạn mang đến cho người nghe một chiều sâu và dày về âm thanh của các nhạc cụ trong dàn nhạc: trống, kèn, guitar, violon, piano... khác hẳn so với việc chỉ được trình bày bằng giọng hát. Điều đó cho thấy, sự khác biệt của ca khúc khi được chuyển soạn sang khí nhạc mặc dù không có lời song vẫn đủ sức hấp dẫn, làm thỏa mãn vừa lòng khán giả khi tác phẩm được đầu tư chuyển soạn thành công. Đặc biệt, đối với đàn keyboard là khai thác các tính năng được tích hợp sẵn:

- Chế độ ghi (recorder) gồm 16 track, trong mỗi track này lại có thể tùy biến, thay đổi các nhạc cụ khác nhau... giúp ghi lại hoàn chỉnh tác phẩm chuyển soạn, phối khí dàn nhạc diễn tấu trên đàn keyboard.

- Kết hợp giữa giai điệu và bộ đệm tự động: mang lại hiệu quả như một dàn nhạc đệm; tùy biến diễn tấu tác phẩm thay đổi theo nhiều phong cách khác nhau bằng việc sử dụng các style tích hợp sẵn: ballade, pop, disco, jazz, rock...

- Phần Multipad bổ sung âm thanh, tiếng động tạo hiệu quả sống động khi diễn tấu.

Chuyển soạn và biểu diễn tác phẩm âm nhạc được chuyển soạn từ ca khúc nhằm lưu giữ những tinh hoa, giá trị âm nhạc truyền thống ở môi trường âm thanh của đàn Keyboard. Thông qua việc nghiên cứu, phân tích những tác phẩm âm nhạc của các nhạc sĩ, nghệ sĩ bậc thầy đi trước để làm cơ sở cho quá trình thực hiện chuyển soạn cho một số tác phẩm tiêu biểu nhằm bổ sung cho giáo trình đào tạo của nhà trường, sử dụng

làm tài liệu học cho sinh, sinh viên. Phân tích một số tác phẩm ca khúc của Việt Nam và nước ngoài chuyển soạn cho Keyboard, phân bổ, ứng dụng các tác phẩm chuyển soạn trong chương trình đào tạo và biểu diễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bernd Meier - Nguyễn văn Cường (2015), *Lí luận dạy học hiện đại*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
2. Billy Joel (1993), *Keyboard Book*, Nxb Hal. Laeonard Corporation.
3. Carol Barratt (1990), *Arrange for piano All the Tunes You've ever wanted to play*, Nxb Omnibus Presss.
4. David Smither (1990), *The Country Gospel Piano Songbook*, Nxb McKinney Music, Inc.
5. Ernst Herttrich (1997), *Klaversonaten band II W.A.Mozart*, Nxb G.Henle Verlag München.
6. Fred Bock (1980), *50 Outstanding Piano Arrangements of Hymns and Gospel Songs*, Nxb Fred Bock Music Company.
7. Fred Bock, Jry Rouse, Don Wyrzten, Donna Huff, Ovid Young, Carol Mcmillen (1995), *Arrangerments for piano Solos The Best of Bill and Gloria (Vol. 1-2)*, Nxb Gaither Music Company.
8. Hoàng Long - Hoàng Lân (2005), *Phương pháp dạy học âm nhạc*, Nxb Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng, Hà Nội.
9. Lê Vũ, Quang Đạt (1996), *Tác phẩm Organ độc tấu 1-4*, Nxb Trẻ, Hà Nội.
10. Manfred Schmitz (1986), *Blue & Boogie-Woogie Piano (Jazz Parnaß 4)*, Nxb Veb Deutscher Verlag für Musik Leipzig.
11. Manfred Schmitz (1987), *111 Etüden, Stücke und Studien für Klavier, Band 2 (Jazz Parnaß)*, Nxb VEB Deutscher Verlag für Musik Leipzig.
12. Nguyễn Xuân Tứ (2007), *Đệm đàn*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
13. Nguyễn Xuân Tứ (2007), *Phương pháp dạy và học đàn phím điện tử 1-2*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH TRONG TRANH CỦA HOẠ SĨ LÊ PHỔ VẬN DỤNG VÀO DẠY HỌC MỸ THUẬT TẠI CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

I HOÀNG TIẾN THÀNH

Email: thanhhoangtien96hn@gmail.com

Học viên K7- LL&PPDHBM Mỹ thuật - Trường ĐH Sư phạm Nghệ thuật TW

PLASTIC ART IN PAINTINGS BY THE PAINTER LE PHO, APPLIED IN TEACHING FINE ARTS AT NGUYEN PHONG SAC SECONDARY SCHOOL, HANOI

TÓM TẮT

ABSTRACT

Họa sĩ Lê Phổ từng được học tập dưới mái trường Mỹ thuật Đông Dương, ông là một trong số họa sĩ từng sống và làm việc tại Pháp. Ông cũng là họa sĩ nổi tiếng đóng góp cho sự thành công của nền mỹ thuật Việt Nam hiện đại còn được lưu danh đến ngày nay và mai sau... Mặc dù làm việc và sáng tác tranh ở nước Pháp, nhưng họa sĩ vẫn giữ niềm đam mê trọn vẹn với hội họa của nước nhà với nhiều sáng tác đậm chất truyền thống dân tộc, nhiều chất liệu và thể loại phong phú. Việc giảng dạy môn mỹ thuật cho học sinh nói chung cấp trung học cơ sở nói riêng rất cần vận dụng những thành tựu nghệ thuật của các họa sĩ trong nước là rất cần thiết. Đặc biệt, hướng dẫn học sinh biết vận dụng màu sắc, hình mảng, đậm nhạt, đường nét trên các bài tập thực hành. Nội dung bài viết này đề cập việc áp dụng các yếu tố tạo hình trong tranh của họa sĩ Lê Phổ vào dạy học mỹ thuật tại cấp trung học cơ sở phù hợp với bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

Từ khóa: Dạy học mỹ thuật, họa sĩ, nghệ thuật tạo hình

Painter Le Pho used to study under the roof of Indochina Fine Arts School, he is one of the painters who lived and worked in France. He is also a famous painter who contributed to the success of modern Vietnamese art, which is still known today and in the future... Despite working and composing paintings in France, the artist still holds a full passion for the country's painting with many works imbued with national traditions, with a variety of materials and genres. It is very necessary to teach fine arts to students in general at the lower secondary level in particular, and to apply the artistic achievements of domestic artists. In particular, instruct students to use colors, shapes, bold, and lines on practice exercises. The content of this article refers to the application of visual elements in painter Le Pho's paintings to teaching art at Nguyen Phong Sac junior high school, Hanoi.

Keywords: Teaching fine arts, painters, visual arts

Giới thiệu chung về họa sĩ Lê Phổ

Lê Phổ sinh năm 1907 tại Hà Đông, Hà Nội, năm 1923 khi mười sáu tuổi, Lê Phổ thể hiện tài năng và đam mê dành cho hội họa, đầu tiên là tự học sau đó ông theo học tại một trường dành cho các nghệ sĩ ở Hà Nội. Đó là trường Đào tạo Kỹ nghệ, do Giáo sư Gustave Hieroltzn làm giám đốc và giảng dạy. Hai năm sau đó, chàng trai trẻ Lê Phổ được vinh dự vào học tại trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương do Victor Tardieu (1870-1937) đến từ Pháp làm hiệu trưởng. Như một người hướng dẫn đường đến với nghệ thuật, họa sĩ Victor Tardieu đã giúp ông tạo nền móng cho sự nghiệp nghệ thuật to lớn mà Lê Phổ

thực hiện hơn 70 năm sau đó. Vào năm 1928, Lê Phổ có triển lãm tranh đầu tiên ở Hà Nội trưng bày chung với nhóm những người bạn học của mình tại Trường Mỹ thuật Đông Dương: Mai Thứ (Mai Trung Thứ) - học sinh khóa 1 (1925-1930), Vũ Cao Đàm - học sinh khóa 2 (1926-1931). Năm 1930, Lê Phổ hoàn thành chương trình học năm năm của mình tại Trường Mỹ thuật Đông Dương và là một trong tám họa sĩ thuộc khóa tốt nghiệp đầu tiên. Một năm sau đó, họa sĩ trẻ được nhận cơ hội ra nước ngoài lần đầu khi thầy Victor Tardieu chọn Lê Phổ làm việc dưới vai trò trợ lý của ông tại Triển lãm các nước thuộc địa Quốc tế diễn ra tại Paris năm 1931. Năm 1932, Lê Phổ

ghi danh vào Trường Mỹ thuật Paris và có cơ hội đi du lịch nước Pháp cũng như khắp Châu Âu, chiêm ngưỡng trực tiếp rất nhiều bức họa tuyệt vời của các bậc thầy hội họa thời kỳ Trung Cổ và Phục Hưng của Châu Âu. Vào năm 1933, lúc này đã 26 tuổi, ông quyết định quay lại Việt Nam nơi ông được đề nghị một vị trí giảng dạy tại Trường Mỹ thuật tại Hà Nội. Được lựa chọn là giám đốc nghệ thuật cho khu trưng bày Đông Dương tại Triển lãm Quốc tế Paris năm 1937, Lê Phổ quay trở lại Paris. Năm 1947, Paulette và Lê Phổ kết hôn và xây dựng gia đình tại Paris nơi họ chung sống đến khi ông qua đời vào năm 2001.

Giá trị nghệ thuật trong tranh của họa sĩ Lê Phổ

Nghệ thuật tranh sơn dầu đã được những họa sĩ phương Tây sáng tác và đúc kết từ rất nhiều năm về trước, các họa sĩ thời kỳ đầu của nền nghệ thuật nước nhà đã nghiên cứu sáng tạo vẽ sơn dầu và tiếp thu những kiến thức đã được đúc kết để truyền cảm hứng vào những bức tranh của chính mình. Những họa sĩ thời kỳ ấy đã biết cách vận dụng nhuần nhuyễn tính truyền thống dân tộc vào những phương pháp nghiên cứu của châu Âu. Một sự kết hợp hài hòa giữa văn hóa nghệ thuật phương đông với văn hóa nghệ thuật phương Tây đem tới một luồng gió mới trong sáng tác nghệ thuật hội họa của Việt Nam. Thời kỳ đầu trong sáng tác họa sĩ Lê Phổ luôn gắn bó với chất liệu lụa, là chất liệu truyền thống mà người thầy đầu tiên là ông Victor Tardieu luôn khuyên các học trò của mình theo đuổi. Victor Tardieu là hiệu trưởng đầu tiên thành lập trường cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương tuy là người Pháp nhưng khi giảng dạy cho các học trò ông luôn đề cao tính dân tộc trong sáng tác của các học trò của mình.

Trong số các họa sĩ của khóa 1 trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương như họa sĩ Lê Thị Lựu, Mai Trung Thứ hay Vũ Cao Đàm cũng yêu thích với chất liệu truyền thống này. Các họa sĩ khi định cư sinh sống và phát triển sự nghiệp tại nước ngoài cũng thành danh với chất liệu mộc mạc dân gian đặc trưng châu Á này. Với họa sĩ Lê Phổ có những tác phẩm tranh lụa của ông cho đến nay vẫn là những tranh của họa sĩ Việt Nam có giá bán cao nhất. Như bức “Mẹ con”, “Bức màn tím”, “Hoài cổ hương”... là những tác phẩm có giá bán rất cao trong các phiên đấu giá nghệ thuật của nhà đấu giá Sothebys tại Hồng Kong. Nếu họa sĩ Mai Trung Thứ chịu ảnh hưởng của nghệ thuật hội họa cổ Nhật Bản, thì họa sĩ Lê Phổ trong các tác phẩm thời kỳ đầu mang nặng dấu ấn của hội họa Trung Hoa cổ, màu sắc đơn giản, đơn sắc, bố cục tranh chặt chẽ, mảng hình lớn, không gian nền ít là đặc điểm chính trong tranh của ông thời kỳ này. Sáng tác của họa sĩ Lê Phổ có những ảnh hưởng nhất định của nghệ thuật phương Tây điển hình là hội họa Ấn tượng các tác phẩm tranh lụa của họa sĩ luôn lập kỷ lục về giá ông là người Việt Nam có giá tranh được bán trên 1 triệu

USD đầu tiên. Họa sĩ Lê Phổ là họa sĩ vẽ lụa được biết đến và săn tìm nhiều nhất của những nhà sưu tầm nghệ thuật nước ngoài. Một số tác phẩm của ông mang phong cách nghệ thuật Trung Hoa như những gam màu và bố cục tranh lụa của ông. Với kỹ thuật sử dụng các gam màu sắc đậm, lạnh và nguyên chất, những bức tranh mang phong cách ảnh hưởng tranh đời Tống đã được ông kết hợp một cách nhẹ nhàng và trong trẻo trong đó có thể kể đến một số bức nổi tiếng: “Thiếu phụ ngồi”, “Chim ngói”. Với nét bút tài hoa, lạnh lùng hòa trộn giữa hai phong cách nghệ thuật hội họa Trung Quốc và Ý, họa sĩ đã thay đổi những tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng như: “Mẹ con”, “Thiếu nữ và hoa lan”, “Hai chị em”, “Thiếu nữ và hoa hồng”, “Chải đầu”... Ông đã diễn tả chân thực một diện mạo của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ 20. Hình tượng người phụ nữ trong tranh được ông diễn tả với phong cách gần gũi với châu Âu đó là dáng điệu của những thiên thần với nét bút tài hoa, lãng tử và đài các.

Nhìn cả quá trình sáng tác của họa sĩ Lê Phổ thì đề tài vẽ hoa là đối tượng được ông rất yêu thích, trong tranh tĩnh vật của ông không như những họa sĩ khác là đối tượng trong tranh ngoài hoa thì còn có quả và các đồ vật khác. Tranh ông thể hiện sự yêu thích đặc biệt đối với các loài hoa và hoa luôn là đối tượng chủ đạo. Như chia sẻ từ bà Vaux người vợ của ông thì ở cả hai giai đoạn sáng tác tranh lụa và tranh sơn dầu, ông đều có niềm yêu thích đặc biệt đối với bông hoa, ông yêu những bông hoa và ông luôn cho chúng được xuất hiện trên những bức họa của ông. Khi ông đang say sưa vẽ những bông hoa, bà là người đã chụp lại những khoảnh khắc ấy. Trong giai đoạn sáng tác chất liệu lụa khác hẳn giai đoạn vẽ sơn dầu ông sáng tác rất nhiều tranh tĩnh vật. Tranh tĩnh vật chất liệu lụa của ông với số lượng không thật nhiều nhưng đa dạng màu sắc và biểu cảm. Những tác phẩm này thấy rõ sự ảnh hưởng của hội họa Trung Hoa cổ trong bố cục cũng như màu sắc trong đó.

Ngoài hình tượng hoa thì hình tượng những người phụ nữ cũng thường được có mặt trong các tác phẩm của họa sĩ Lê Phổ: “Ở giai đoạn đầu, người phụ nữ được ông thể hiện thường có khuôn mặt trái xoan, khí chất hiền hậu, e ấp, mỏng manh và ánh sáng tạo hiệu ứng nổi bật cho tranh. Với khí chất duyên dáng, lịch sự, dịu dàng, e ấp người phụ nữ trong tranh của ông đã toát lên được những phẩm chất đó. Với những khung cảnh lãng mạn, ông đã thể hiện một cách xuất sắc với chất liệu tranh lụa. Ở giai đoạn sau, chúng ta có thể thấy được những người phụ nữ trong tranh của ông đã có thêm những cảm giác về sự tự do phóng khoáng qua những cử chỉ và màu sắc trong tranh của ông” (1). Các tác phẩm trong thời điểm này được họa sĩ Lê Phổ thể hiện sự tự do, vượt ra khỏi danh giới với thiên hướng sử dụng kết hợp nhiều màu sắc, ánh sáng

được sử dụng kết hợp tạo ánh sáng mang nét ảnh hưởng bởi trường phái Ấn tượng.

Vận dụng nghệ thuật tạo hình trong tranh của họa sĩ Lê Phổ trong giảng dạy mỹ thuật cấp THCS

Tranh của họa sĩ Lê Phổ với đề tài khá tương đồng với những bài tập của học sinh phổ thông, cụ thể như cấp THCS, nên đây cũng là một gợi ý giúp học sinh tìm hiểu, hiểu hơn về cách bố cục cho một bài tĩnh vật. Người dạy cần nắm được vấn đề để giúp học sinh tạo nên được một bức tranh đẹp có hồn, nhuần nhuyễn về cách xử lý hình khối, tạo không gian của bức tranh hấp dẫn và hiệu quả.

Môn mỹ thuật được giảng dạy tại trường trung học cơ sở với thời gian chủ yếu là để cho học sinh thực hành, trong đó có bài tĩnh vật và bài chân dung cần được cân nhắc lựa chọn. Thực tế học sinh còn nhiều điểm yếu cần khắc phục như còn thụ động, chưa tập trung cho môn mỹ thuật, tìm hiểu phong cách phù hợp với từng cá nhân người học là yếu tố quan trọng để học sinh có thể yêu thích môn học. Trong tranh của họa sĩ Lê Phổ một trong những danh họa có tiếng của Hội họa Việt Nam hiện đại, khi các bạn học sinh được tìm hiểu có thể gây được sự hứng thú qua các tác phẩm của ông để có thêm tình yêu cho chất liệu mình được học. Điều đầu tiên cần giúp người học từ các tác phẩm của họa sĩ là hình thành cách tư duy tìm hiểu cách bố cục đặc trưng của hình mảng và màu sắc, cách họa sĩ sử dụng màu đơn sắc mà không nhầm lẫn, màu sắc phối hợp sao cho hài hòa và tinh tế. Một bài vẽ tranh có bố cục chặt chẽ là phải biết cách sắp xếp hình mảng sao cho hợp lý, cân đối, biết cách khai thác những mảng xung quanh và phân phối một cách hợp lý các hình với nhau trong một tổng thể chặt chẽ.

Kết luận

Họa sĩ Lê Phổ là một trong những bậc thầy của hội họa hiện đại Việt Nam, cùng với những người bạn đồng khóa của mình như họa sĩ Mai Trung Thứ, họa sĩ Lê Thị Lựu hay Vũ Cao Đàm đã đưa tên tuổi của hội họa Việt Nam ra thế giới. Những tác phẩm hội họa của ông đã ảnh hưởng tích cực đến những thế hệ họa sĩ và học sinh phổ thông. Vì vậy, dạy học bộ môn Mỹ thuật đã trở thành vấn đề cấp thiết trong đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay. Để nâng cao kiến thức và hứng thú sáng tạo, chất lượng học tập, phát huy tình yêu thương đất nước, việc vận dụng sáng tạo nghệ thuật tạo hình trong tranh họa sĩ Lê Phổ vào mỗi bài giảng trên lớp là cần thiết. Giúp học sinh hiểu biết và tự hào về nền mỹ thuật Việt Nam hiện đại, ở đó các họa sĩ như Lê Phổ đã có những đóng góp không nhỏ trong công tác giáo dục mỹ thuật hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Navilee Corinne de Menonville (2009), *"Những tác phẩm hội họa Việt Nam"*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. *"Lê Phổ: nghệ sĩ bậc thầy trường phái hậu ấn tượng"*. Sài Gòn Tiếp Thị. 14 Tháng 9 năm 2009. Lưu trữ bản gốc ngày 4 Tháng 8 năm 2012, truy cập 7h ngày 06 tháng 04 năm 2021.
3. *"Họa sĩ Lê Phổ"*. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 18 Tháng 10 năm 2007, truy cập 16h ngày 16 tháng 12 năm 2021.



Lê Phổ - Thiếu nữ choàng khăn (1938), lụa, (59.5 x 48,5 cm)

NHỮNG GIÁ TRỊ TIÊU BIỂU CỦA DI TÍCH QUỐC GIA ĐỀN - CHÙA CHI ĐÔNG, THỊ TRẤN CHI ĐÔNG, HUYỆN MÊ LINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| LÊ THỊ LÝ

Email: lethily2c@gmail.com

Học viên K13 - Ngành Quản lý văn hóa - Trường ĐH Sư phạm Nghệ thuật TW

TYPICAL VALUES OF NATIONAL RITES CHI DONG TEMPLE - PAGODA, CHI DONG TOWN, ME LINH DISTRICT, HANOI CITY

TÓM TẮT ↔ ABSTRACT

Di tích quốc gia Đền, Chùa Chi Đông là một di tích có nhiều giá trị đặc sắc. Bằng phương pháp quan sát, nghiên cứu tư liệu tác giả đã đưa ra ba giá trị cơ bản của di tích này; Đó là giá trị lịch sử, giá trị văn hóa và giá trị kiến trúc nghệ thuật. Việc định vị được các giá trị của di tích này sẽ giúp cho các nhà quản lý văn hóa của thành phố Hà Nội có những giải pháp thiết thực hơn trong việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý di tích đền - chùa Chi Đông trong thời gian tới.

Từ khóa: Giá trị, di tích quốc gia, đền - chùa Chi Đông

National Relic Temple - Chi Dong Pagoda is a relic with many unique values. By the method of observation and research, the author has come up with three basic values of this relic. These are historical values, cultural values, and architectural and artistic values. Locating the values of this relic will help cultural managers of Hanoi city have more practical solutions in improving the efficiency of the management of Chi Dong temple - pagoda relics in the future.

Keywords: Values, national monuments, Chi Dong temple - pagoda

Khu di tích đền - chùa Chi Đông nằm ở tổ dân phố số 2, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Di tích được Nhà nước cấp bằng công nhận di tích lịch sử văn hóa quốc gia theo Quyết định số 2015, ngày 16/12/1993 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin. Trải qua quá trình lịch sử di tích đã mang nhiều giá trị vô cùng đặc sắc và vị trí quan trọng trong đời sống người dân nơi đây.

1. Giá trị lịch sử

Ngay từ những năm đầu công nguyên, khi đất nước rơi vào tay nhà Hán, nhiều thanh niên trai tráng trong làng Chi Đông đã tham gia tích cực vào cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng. Thân phả, ngọc phả và các câu chuyện trong dân gian vẫn còn ghi nhận những đóng góp ấy. Vào thế kỷ X, khi đất nước rơi vào loạn 12 sứ quân, nhân dân Chi Đông đã cùng với thủ lĩnh Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn các sứ quân, góp phần vào sự nghiệp thống nhất quốc gia trong buổi đầu đất nước giành được độc lập sau hàng ngàn năm Bắc thuộc.

Giai đoạn 1930-1945, làng Chi Đông là một cơ sở cách mạng, chiến khu an toàn. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1946-1954), đền, chùa Chi Đông là nơi trú ẩn của cán bộ kháng chiến và dân quân du

kích. Với ý chí chiến đấu kiên cường, bám đất, bám dân, rào làng kháng chiến, chi bộ và nhân dân Chi Đông đã trở thành một điển hình tiêu biểu ở Vĩnh Phúc lúc bấy giờ. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thực hiện khẩu hiệu “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, “Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt”, với tình cảm và trách nhiệm của mình, quân và dân Chi Đông đã huy động sức người, sức của để đóng góp vào thắng lợi chung. Những tháng năm ấy, sân chùa là nơi tập trung giao quân, tiễn đưa lớp lớp thanh niên trong làng, xã, huyện vào Nam chiến đấu. Ngày nay với truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” nhân dân Chi Đông đã xây dựng đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ trên diện tích của ao Xinh, phần trước cổng chùa Chi Đông.

2. Giá trị văn hóa

Các thế hệ người dân Chi Đông luôn ra sức đóng góp công sức mình để xây dựng quê hương, tạo dựng và bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa; giữ gìn những nét đẹp trong văn hóa truyền thống, các nghi lễ tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội, gia phong các dòng họ và các giá trị kiến trúc, nghệ thuật của đền, chùa.

Hàng năm, tại đền, chùa Chi Đông tổ chức hội đấu vật đầu xuân. Đây là một trong những nét văn hóa tiêu biểu của Chi Đông, một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt của nhân dân. Hội vật ở Chi Đông không chỉ là nơi đua tài của người dân trong làng, mà còn thu hút được nhiều đồ vật tài nghệ trong cả nước về thi đấu. Sự phong phú trong hoạt động văn hóa đan xen lẫn yếu tố phong tục, tín ngưỡng đã thể hiện sự sinh động, tính đa dạng trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân Chi Đông. Bản sắc văn hóa cùng những giá trị của di sản văn hóa sẽ góp phần tăng thêm động lực để nhân dân Chi Đông vượt qua khó khăn, thử thách tiếp tục đi lên, xây dựng và phát triển quê hương giàu mạnh.

3. Giá trị tạo hình của nghệ thuật kiến trúc đền, chùa Chi Đông

Đền, chùa Chi Đông đã trải qua nhiều lần tu sửa nên kiến trúc hiện nay mang dấu ấn của thời Nguyễn. Đền có kiến trúc nhỏ, vừa phải, không đồ sộ nhưng đẹp và cổ kính. Mặt trước của đền tạo thành hình chữ “Đinh”, gồm có tiền tế 3 gian, hậu cung 2 gian với tổng diện tích sử dụng là 100m². Nơi đây còn lưu lại nhiều di vật là những tác phẩm nghệ thuật của thời Lê và Nguyễn.

Mặt trước tòa tiền tế gồm có 4 cột trụ vuông và 3 cánh phong được bố trí liên kết thành một tác môn rất đẹp. Cửa chính giữa vào đền xây vòm cuốn, bên trên là cánh phong kiểu tháp hai tầng, có trang trí hình rồng chầu, đỉnh, lư, lọ hoa... Hai bên cửa chính là hai cột trụ có đắp nổi hình hổ phù Long, Ly, Quy, Phượng; đỉnh cột tạo thành hình quả dảnh, thân cột có đôi câu đối gắn bằng sành sứ. Tiếp đến là hai cửa sổ ứng với hai gian bên của đền, trên cửa là hai cánh phong và ngoài cùng là hai cột trụ thấp nhỏ hơn. Thân các cột cũng gắn đôi câu đối.

Tiền tế có kiến trúc chồng diêm 2 tầng 8 mái, kết cấu vì, kèo kiểu chồng bốn, mái tiền tế cao hơn mái hậu cung. Hậu cung của đền có kiến trúc chồng giường giá chiêng nên không gian nội thất của đền rất thoáng. Nội ngoại thất hài hòa, bổ sung hỗ trợ cho nhau tạo nên sự bề thế, khang trang bởi đền đã được tính toán kỹ lưỡng chuẩn mực trong thi công kiến trúc.

Chùa Chi Đông được xây vào thời Hậu Lê, kiến trúc của chùa đồ sộ, khỏe đẹp, gồm chùa chính và nhà tổ. Chùa Chính có tòa tiền đường 9 gian nối liền với 5 gian thượng điện tạo thành hình chữ “Đinh”, mái chùa lợp ngói mũi cò, nền chùa cao hơn sân 50cm có lát gạch. Từ ngoài vào chùa qua hiên rộng 1,6m và bậc cửa gỗ cao 50cm. Chùa được làm bằng các loại gỗ tốt, gia cố lắp ráp chuẩn mực bởi sự tính toán kỹ càng về độ ngắn, dài, cao thấp của 72 cột ở từng vị trí cùng hệ thống các xà ngang dọc. Từng bộ phận kiến trúc ăn nhập với nhau một cách chặt chẽ để khi chùa

được dựng lên là mộng sầm chắt khít; 72 cột và các xà dàn đều thu hút lực đưa về ngọn cột đỡ, 8 mái chùa nặng hàng chục tấn bền vững mấy trăm năm nay. Cả tiền đường và thượng điện đều có mái hai tầng; hai bên tiền đường có hai lầu nên chùa Chi Đông có diện tích rộng; mái rất cao khiến không gian nội thất trở nên thoáng, sáng sủa.

Tiền đường làm theo kiểu chồng diêm 2 tầng 8 mái, hai bên đầu hồi có lầu chuông, gác trống được làm mái nhô ra và cao hơn mái của tiền đường tạo thành 4 mái; giữa hai lớp mái của lầu được trang trí một hình hổ phù lớn. Hình hổ phù được chạm nổi, miệng há cắn chữ “Thọ”, mắt lồi, mũi hếch, râu vểnh, tay giang rộng. Cả hai lầu đều có các đao cong vút rất đẹp. Khoảng ngăn cách giữa tầng trên và dưới của tiền đường được bung ván. Riêng ở mặt trước được trang trí một hàng trần song chạy dọc giữa lớp ván tạo ánh sáng cho chùa. Mặt trong của lớp ván ấy để trơn không trang trí, mặt ngoài được trang trí tạo thành 4 bức chạm hình chữ nhật khá cầu kỳ. Với kỹ thuật chạm nổi và bồi màu, hình trang trí ở đây chủ yếu là đỉnh, lư, lọ hoa, mâm bông, ngũ quả, cuốn thư, bút sách và nhiều hình hoa lá khác. Tất cả các hình trang trí này đan xen nhau tạo thành những bức chạm vui mắt.

Kiến trúc và cách bố trí bên trong Chùa Chi Đông rất hài hòa với vẻ đẹp bên ngoài. Chùa có 20 cột hiên làm nhiệm vụ nâng đỡ mái chùa với hai hàng cột cái thẳng tắp và hệ thống các xà ngang dọc tạo nên bộ khung vững chắc cho chùa. Bốn gian hai bên đầu hồi có lầu chuông, gác trống làm cách nền 3,6m; sàn lầu lát gỗ, xung quanh bung ván hoặc trần song con tiện; bên trong lầu một bên treo chuông, một bên treo trống.

Thượng điện có 5 gian làm theo kiến trúc cột đội cánh xẻ, mái lợp chồng diêm 2 tầng 8 mái. Khoảng cách giữa mái trên với mái dưới cũng bung ván như ở tiền đường.

Nhà Tổ liền kề với hành lang bên trái, phía trước có khoảng sân gạch vuông vắn, bên cạnh là vườn trái cau xum xuê. Nhà Tổ làm cao hơn sân 40cm, gồm 2 tòa tạo thành hình chuỗi vò (tiền tế 5 gian, hậu cung 2 gian), kiến trúc chồng bốn kê truyền, cột xà khỏe khoắn. Các chi tiết ở nhà Tổ không được đục chạm cầu kỳ nhưng ở các bức cốn có khắc nổi hoặc chìm hình lọ hoa, mâm bông, ngũ quả, bầu rượu, túi thơ, nghiên bút. Đây là những tác phẩm nghệ thuật thể hiện bàn tay khéo léo, tài hoa và tinh tế của ông cha ta trong nghệ thuật chế tác, phản ánh những khát vọng về cuộc sống, về tương lai tốt đẹp.

Nghệ thuật điêu khắc ở đền, chùa Chi Đông thể hiện nhiều kỹ thuật chạm trổ tinh tế, đặc biệt là các bức cốn. Tất cả các đầu dư, hống cột đều được bào trơn đánh bóng, riêng dếp hoành kê đệm đòn tay và xà nách

được trang trí hình lá vân mây làm cho đèn, chùa trở lên nhẹ nhàng thanh thoát. Chi tiết chạm trổ ở các bức cốn là hình hình rồng lớn được chạm nổi toàn thân; rồng có mắt lồi, mũi hếch, bờm tóc rậm ngược, thân uốn khúc xếp vảy, đuôi xoắn, chân 4 móng sắc quắp vào cành mào, trông hình rồng rất dữ tợn; điểm xuyết xung quanh hình rồng là các cụm mây; nửa dưới bức chạm chia làm 2 phần tạo thành hai ô chạm, bên phải chạm nổi hình long mã ở tư thế đang phi rất nhanh, đầu giống đầu rồng, dữ tợn, 4 chân choãi rộng, lưng mang yên cương oằn xuống như đang dồn sức nâng đỡ mái đền, bên trái được bố trí lùi sâu vào khoảng 5cm so với bề mặt không gian của toàn bức chạm, tạo ra sự tách biệt riêng rẽ. Các ô này chạm hình phượng, kỹ thuật đục chạm vẫn là chạm nổi, nhưng với đường nét nhỏ li ti. Phượng có 2 cánh xòe rộng hết cỡ, mắt nhỏ tinh anh, mỏ nhọn khoằm, cặp dải lụa buộc nghiêng bút, lưng đang chở một hình tròn rất lớn, bên trong hình tròn lại có chữ thọ khắc nổi. Xung quanh hình phượng là trang trí hoa lá vân mây hoặc chạm hình Long, Ly, Quy, Phượng và rồng châu. Ở góc dưới nơi tiếp giáp 2 cạnh vuông của hình tam giác là một ô chạm hình chữ nhật cũng được bố trí lùi sâu trong mặt phẳng, ô này chạm lưỡng long châu nguyệt. Với kỹ thuật đục thủng, hai hình rồng được thể hiện trông khá dữ tợn, song thân rồng chỉ uốn lượn trong phạm vi diện tích cố định, giữa hai rồng là hình tròn, bên trong hình tròn có khắc chữ “Thọ”. Phần lớn diện tích còn lại ở bức cốn là trang trí hình các con vật quen thuộc. Hình rồng đang uốn khúc mạnh, dáng nhìn nghiêng, mắt lồi mũi hếch, bờm tóc bay tỏa ra dữ tợn, miệng rồng há ngậm ngọc, thân xếp vảy, đuôi xoắn tít. Phía trước hình rồng là hình Ly, đầu giống rồng và cũng được đục bong bật hẳn ra ngoài mặt phẳng hướng tới đầu rồng, hai chân sau của Ly bị lấp bởi thân mình, hai chân trước khụy lưng chở chữ thọ có kích cỡ lớn. Trên cùng giáp mái đền là hình phượng đang bay, cánh xòe rộng, dáng lá lướt, mỏ nhọn khoằm. Góc dưới cùng của bức chạm là một hình rùa đang đi, toàn bộ phần lưng được phơi bày trên mặt phẳng, cổ rùa ngắn, miệng lại ngậm một nhánh lá rất lớn nên trông hình rùa càng thêm chậm chạp ngộ nghĩnh. Đây là một bức chạm được thể hiện thành công; Từng con vật được tạo ra với hình dáng kích cỡ, tư thế phù hợp với bản năng vốn có của chúng và phù hợp với tổng thể không gian của cả bức chạm khiến bức chạm trở lên hoàn hảo.

Mặt bên của bức cốn bên chùa tả cảnh mai điều. Chiếm phần lớn diện tích bức chạm là một cây mai đã già, gốc rễ to xù xì, thân khúc khuỷu, cành hoa lá vươn tỏa ra. Trên cành cây có một con chim đậu đáng vui nhộn. Dưới gốc mai là một hình Ly đang phi nhanh, bên cạnh đó có t hình Phượng được đục thủng và bố trí trong một ô có khung bo với 2 cánh sải rộng. Bức chạm này cho thấy khung cảnh tĩnh mịch, yên ả của một khu rừng. Thông qua đề tài miêu tả khu rừng,

người dân Việt Nam từ ngàn xưa đã luôn ước vọng về một cuộc sống hạnh phúc thanh bình.

Khán thờ ở Đền và Nghi môn ở Chùa đều trang trí hình lưỡng long châu nhật. Giữa bức chạm là hình tròn, xung quanh hình tròn có các vàng sáng tỏa ra, hai bên trang trí hình rồng, phượng đang bay. Kỹ thuật được dùng ở đây đều là đục bong, chạm nổi, đục thủng, đường nét khi sắc nhọn, khi uyển chuyển với từng con vật tưởng chừng chúng luôn hoạt động không ngừng. Mỗi bức chạm mang một nội dung chủ đề cụ thể khác nhau nhưng tựu chung là đề tài về các con vật vũ trụ quen thuộc được sử dụng chính. Ngoài Long, Ly, Quy, Phượng ta còn thấy ở đây có các loài thủy tộc, muôn thú khác bên cạnh là phong cảnh thiên nhiên thơ mộng. Các bức chạm đã thể hiện được sự tài hoa, thông minh, sáng tạo, ước vọng trong cuộc sống của người dân Việt, đồng thời cũng cho thấy bước phát triển của nghệ thuật chạm khắc gỗ cổ.

Kiến trúc đồ sộ và nghệ thuật điêu khắc tuyệt mỹ, chùa Chi Đông còn có hệ thống tượng đẹp, gồm 13 pho tượng được làm bằng gỗ và đất luyện: Ở tiền đường có 4 pho, được sắp xếp theo thứ tự từ trái sang phải là: Tượng Đức Ông, cặp tượng Hộ pháp (Khuyến thiện – Trừng ác), tượng Thánh tạng; Thượng điện có 6 pho được bày theo từng cấp, gồm Di Đà Tam tôn, Quan Âm Nam Hải, Ngọc Hoàng và Thích Ca Cửu Long; Hậu cung nhà Tổ có 3 pho tượng Mẫu (Liễu Hạnh). Mỗi pho tượng là một tác phẩm hoàn hảo với những đường nét chau chuốt đến từng chi tiết kết hợp với kỹ thuật sơn thếp lạnh nghề đã tạo ra những bức tượng sống động như thật.

Kết luận

Có thể nói, kiến trúc và nghệ thuật điêu khắc, tạc tượng, chạm gỗ, trang trí ở đền, chùa Chi Đông đã cho thấy nhiều nét đặc sắc, kỹ thuật tinh tế, thể hiện sự sáng tạo, tài hoa của người dân Việt, là những giá trị quý báu của đất nước nói chung, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Di sản văn hóa (1993), *Hồ sơ di tích đền - chùa Chi Đông*.
2. Nguyễn Thị Doan (1996), *Các học thuyết quản lý*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Nguyễn Đăng Duy, Trịnh Minh Đức (1993), *Bảo tồn di tích lịch sử văn hóa, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội xuất bản, Hà Nội*.
4. Đảng bộ huyện Mê Linh (2020), *Nghị quyết Đại hội đại biểu huyện Mê Linh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*.
5. Đảng bộ thị trấn Chi Đông (2013), *Lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân thị trấn Chi Đông*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

NGHIÊN CỨU NGHỆ THUẬT TRANH HOÀNH TRẮNG MEXICO VẬN DỤNG VÀO GIẢNG DẠY HỌC PHẦN TRANG TRÍ ỨNG DỤNG KHOA SPMT – TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW

I NGUYỄN QUANG HUY

Email: Huynguyen7172@gmail.com

Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

I ĐÀO THỊ THÚY ANH

Email: Thuyanhdao.mt@gmail.com

Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

STUDYING THE ART OF MEMBERSHIP MEXICO APPLICATION IN TEACHING APPLICATION DECORATION SECTION DEPARTMENT OF SPMT – NATIONAL UNIVERSITY OF FINE ARTS EDUCATION

TÓM TẮT

ABSTRACT

Tranh tường là một thể loại tranh hoành tráng trở nên quen thuộc với mọi người trong xã hội, nó xuất hiện nhiều nơi, có mối liên hệ chặt chẽ với cảnh quan môi trường, luôn tạo được giá trị về tuyên truyền, giáo dục, thẩm mỹ gây ấn tượng mạnh mẽ và sâu sắc đến đông đảo người xem. Tranh Tường Hoành tráng Mexico là một trong những phong trào nghệ thuật quan trọng nhất của thế kỷ XX. Những ảnh hưởng của nghệ thuật này không chỉ ở Mexico, mà còn gây được tiếng vang tại nhiều nơi trên thế giới trong đó có Việt Nam. Với mục tiêu đào tạo các nhà giáo tương lai, khoa SPMT trường ĐHSP Nghệ thuật TW luôn tiếp cận nền mỹ thuật Thế giới và triển khai ứng dụng thực tiễn phù hợp ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội mới, bởi vậy học phần Trang trí ứng dụng với một phần nội dung về tranh tường đã được đưa vào giảng dạy là cơ hội để sinh viên ngành SPMT có khả năng tiếp cận nghệ thuật tranh tường Hoành tráng Mexico và vận dụng hiệu quả vào bài tập chuyên ngành hiệu quả.

Từ khóa: Tranh tường, trang trí ứng dụng, vận dụng, ngành

Mural painting is a genre of monumental painting that has become familiar to everyone in society, it appears in many places, has a close connection with the environmental landscape, always creates values for propaganda, education, aesthetics make a strong and sharp impression on a large number of viewers. Mexican Mural is one of the most important technological movements of the twentieth century. The influence of this art is not only in Mexico, but also resonates in many parts of the world including Vietnam. With the goal of training future teachers, the Faculty of SPMT, National University of Arts and Education, is always close to the world fine arts and deploys practical applications suitable to the training industry to meet new social needs, so the course Decorating the application with a part of the mural painting content that has been included in the teaching is an opportunity for SPMT students to have the ability to approach the Mexican monumental mural art and the effective application of the stadium in their professional exercises. efficient industry.

Keywords: Mural, decorative application, transportation, industry

1. Khái quát về sự hình thành và phát triển của nghệ thuật Tranh Hoàng tráng Mexico

Cách mạng Mexico bắt đầu vào năm 1910 với một cuộc nổi dậy chính trị chống lại tổng thống độc tài Porfirio Díaz. Những nhà lãnh đạo cùng với một nhóm trí thức cấp tiến, bao gồm các nghệ sĩ José Guadalupe Posada và Gerardo Murillo, người sau này được biết đến rộng rãi hơn với tên gọi Tiến sĩ Atl. Vào năm 1906, Tiến sĩ Atl đã viết một bản tuyên ngôn bày tỏ mong muốn về một phong trào nghệ thuật mới ở Mexico sẽ nói lên sở thích và thực tế của người dân Mexico. Tài liệu này là tiền thân quan trọng của phong trào Muralist Mexico và được những người quen nghệ thuật của ông, trong đó có nghệ sĩ Diego Rivera, nhìn thấy và ngưỡng mộ. Tiến sĩ Atl thường được ghi nhận là người tạo ra bức tranh tường hoành tráng hiện đại đầu tiên cho Escuela Nacional Preparatoria, công trình xây dựng trường trung học lâu đời nhất của Mexico đã bắt đầu vào năm 1910.

Mexico có truyền thống vẽ tranh tường; Di sản này có từ thời kỳ tiền Tây Ban Nha với một nền văn minh cổ đại gọi là Olmecs, nơi sản sinh ra một số tác phẩm nghệ thuật vẽ sớm nhất được biết đến ở Nam Mỹ. Truyền thống này tiếp tục dưới sự cai trị của người Tây Ban Nha khi các bức tranh tường được sử dụng để giới thiệu cho người dân Mexico những câu chuyện và ý tưởng về Công giáo. Kể từ thời điểm này, vẽ tranh tường đã trở thành một trong những hình thức nghệ thuật thống trị nhất trong văn hóa Mexico.

Điều quan trọng là hầu hết người Mexico vào thời điểm đó đều mù chữ và việc quảng bá thông điệp của chính phủ mới không thể được thực hiện thông qua các phương tiện truyền thống như tờ rơi và báo chí. Thay vào đó, chính phủ truyền đạt nguyên nhân của họ thông qua những bức tranh tường quy mô lớn ở những nơi công cộng mà nhiều người có thể nhìn thấy. Sức hấp dẫn thẩm mỹ của các bức tranh tường cũng sẽ giúp người Mexico thích ứng với chế độ mới bằng cách ảnh hưởng đến cảm giác tự hào và vẻ đẹp văn hóa tổng thể trong cộng đồng nói chung. Các bức tranh tường thường được vẽ với các chủ đề tôn vinh Cách mạng Mexico, gợi nhớ lại di sản thời kỳ sơ khai của Mexico thời kỳ tiền Tây Ban Nha và thúc đẩy lý tưởng của chính phủ mới. Để tạo ra những bức tranh tường này, chính phủ đã thuê một số nghệ sĩ Mexico giỏi nhất thời đó. Một số nghệ sĩ trong số này, bao gồm Diego Rivera, đã có thời gian ở châu Âu trước cuộc cách mạng và rất quen thuộc với phong trào chủ nghĩa hiện thực châu Âu ở nước ngoài, trong đó các nghệ sĩ sử dụng hội họa để thể hiện điều kiện tồi tệ của các tầng lớp lao động bị áp bức. Đây là một ảnh hưởng quan trọng đến phong cách mặc khải của phong trào Muralist Mexico. Họ đã thành lập Liên đoàn Lao động có ảnh hưởng của Công nhân Kỹ

thuật, Họa sĩ và Nhà điêu khắc như một cơ quan, có thể tôn vinh người dân Mexico và đưa những nỗ lực nghệ thuật của họ được nhiều người chú ý hơn.

Diego Rivera, đã là một nghệ sĩ thành danh, được chọn để vẽ bức tranh tường về Sự sáng tạo cho khán phòng của trường. Đây là một tác phẩm chuyển tiếp của Rivera, đã đặt nền móng cho phong trào Muralist Mexico.

Chính phủ cũng ủy quyền cho một số nghệ sĩ Mexico khác vẽ tranh tường cho trường, bao gồm José Clemente Orozco, David Alfaro Siqueiros, Fernando Leal và Jean Charlot. Trong khi Leal và Charlot không được biết đến nhiều, cũng không gây tranh cãi và gây tranh cãi như các họa sĩ nổi tiếng khác nhưng sự tham gia của họ cho thấy Chủ nghĩa Tranh tường Mexico là một phong trào toàn quốc được áp dụng bởi một số nghệ sĩ trước đây đã hoạt động theo nhiều phong cách khác nhau.

Sau thành công của dự án quy mô lớn tại Escuela Nacional Preparatoria, giữa những năm 1920 lại được chứng kiến sự bùng nổ của các tác phẩm tranh tường trên khắp đất nước và các nghệ sĩ tham gia nhanh chóng được quốc tế công nhận về phong cách độc đáo của họ. Các bức tranh tường kết quả được tạo hình theo kiến trúc của không gian được chỉ định, từ chối hình dạng hình chữ nhật thông thường của bức tranh canvas đã thống trị nghệ thuật phương Tây. Họ đã chọn cách vẽ trực tiếp lên tường với chất liệu sơn được lấy cảm hứng từ những bức tranh tường truyền thống của người Mexico bản địa. Đáng chú ý nhất, Diego Rivera đã thực hiện một loạt các bức tranh tường ở Detroit mô tả những người đàn ông làm việc hài hòa với máy móc để tạo ra sự kết hợp tuyệt vời giữa sức lao động của con người và công nghệ đương đại.

Tôn giáo chính của Mexico là Công giáo, được đưa vào như một phần của sự cai trị trước đó của người Tây Ban Nha đối với đất nước. Tuy nhiên, đó là một hình thức Công giáo kết hợp hình ảnh và nghi lễ của các tôn giáo Mexico bản địa. Đối với nhiều nhà Muralists Mexico, bao gồm Diego Rivera và Fernando Leal, sự kết hợp giữa các nghi thức tôn giáo phương Tây và bản địa là điều gì đó đã làm nên bản sắc Mexico độc đáo và họ đã khám phá điều này trong một số tác phẩm của mình.

David Alfaro Siqueiros, José Clemente Orozco và Diego Rivera đã trở thành những nhà lãnh đạo của phong trào vẽ Tranh tường hoành tráng ở Mexico và được quốc tế gọi là "los tres grandes" hoặc "ba người lớn". Rivera là người nổi tiếng nhất trong số những nghệ sĩ này. Ông kết hợp Chủ nghĩa Hiện đại Châu Âu và các yếu tố của Chủ nghĩa Lập thể vào tác phẩm

của mình kết hợp với màu sắc tươi sáng của Mexico để miêu tả nhân dân của mình, và đặc biệt là giai cấp công nhân, là cao quý và vinh quang. Orozco, người đã chiến đấu trong cuộc cách mạng, đã rút ra từ chủ nghĩa biểu hiện châu Âu để khắc họa nỗi thống khổ của nhân loại, sự khủng khiếp của chiến tranh và nỗi sợ hãi về một tương lai phụ thuộc vào công nghệ theo những cách rất đơn giản. Siqueiros còn trẻ và cấp tiến, sử dụng các kỹ thuật và vật liệu tiên bộ trong các bức tranh tường, đôi khi kết hợp tầm nhìn của khoa học và máy móc để truyền đạt sự tiến bộ.

2. Đặc điểm tạo hình của tranh tường hoành tráng Mexico

Thực tế là bức tường đã được ủng hộ của chủ nghĩa bích họa Mexico có nghĩa là di sản đã phát triển không thể bị loại bỏ khỏi chức năng xã hội của nó. Bất kể thực tế là một số bức tranh tường này đã được thực hiện bên trong các tòa nhà công cộng, chúng vẫn tiếp tục là một phần của di sản công cộng và những bức tranh tường nằm trong không gian mở hoặc sử dụng hàng ngày, chẳng hạn như trường học hoặc đại học, trong số những bức tranh khác, vẫn nằm trong phạm vi tiếp cận của những người thường xuyên đến những địa điểm này.

Có ý kiến nhận xét các họa sĩ Mexico xây dựng bố cục và điểm nhìn, đã thể hiện nổi cô đơn một cách đầy dữ dội và trực tiếp. Các tác phẩm khi được họa sĩ vẽ ở cảnh rộng thì ít người hoặc thậm chí không có người. Ngược lại, những bức vẽ cận cảnh thì chủ thể chiếm phần diện tích rất lớn. “Con người” trong những bức họa của tranh hoành tráng Mexico hoặc bị đặt trong sự trùng điệp giữa một không gian đô thị bao la, hoặc nhân vật phải chen chúc nhau dưới sự đè nén của khung hình. tự bản thân bức họa đã là cả một miền không gian sống động.

Hội họa được coi là nghệ thuật không gian. Không gian trong tác phẩm được họa sĩ điều phối qua mối quan hệ mật thiết giữa khối hình, màu sắc, ánh sáng. Sự chuyển động của nét, biến đổi của màu, chuyển động của hình thể, đậm nhạt, sáng tối tạo nên chiều sâu cho không gian trong tác phẩm.

Nếu tỉ lệ là một yếu tố của cái đẹp tĩnh, thì nhịp điệu là yếu tố của cái đẹp động, nó nói lên sự chuyển động, và nói một cách chung hơn, sự sinh động, hay sự sống. Cái đẹp của ngọn núi là cái đẹp tĩnh, cái đẹp của sự vững chãi. Trong khi cái đẹp của cây tre trước gió, là cái đẹp của nhịp điệu.

Sáng tạo với nhiều khoảng không gian của quá khứ, thực tại và tương lai. Hiện thực được gọi lại như một thế giới ảo ảnh, sống động chứa đựng nhiều cảm giác. Xem tranh Viera, ban đầu người thường thức cảm thấy tác phẩm như là sự phối hợp, sắp xếp của các

hình hình học (vuông, tròn, tam giác, chữ nhật...), gợi ra hình ảnh những vật thể được khắc họa rõ ràng, như thể đó là những con người đang tồn tại trong vũ trụ, đem lại những cảm nhận lạ và thú vị từ phía những người thưởng thức.

Mexico là nơi ra đời của một số nền văn minh cổ đại như Maya và Aztec, đó là lý do đất nước này có rất nhiều tàn tích ấn tượng. Kim tự tháp Kukulkan ở Chichen Itza (một địa điểm khảo cổ thời tiền Colombo do người Maya xây dựng) là một trong những công trình nổi tiếng nhất.

Các tác phẩm tranh tường Hoành tráng Mexico với lối kể chuyện mang tính hiện đại gắn liền với đời sống thực, được các tác giả thể hiện bằng những vẻ đẹp của thời đại, những khát vọng và tình yêu cuộc sống con người. Bằng ngôn ngữ của hội họa, mỗi bức tranh như toát lên một không gian đồng hiện, ảo vọng cùng nhiều suy tư, trầm trở được ẩn giấu trong chiều sâu tác phẩm. sắp đặt những gam màu tương phản, làm tăng sức biểu cảm của không gian. Những khối hình cuộn ống, như biểu hiện của sự chật chội, chen chúc, tạo ra thứ không gian ba chiều vừa lập thể vừa trừu tượng cùng với tính chất động. Với thể mạnh của chất liệu, tác giả đã gợi ý cho các tuyến, đường tạo thành những lớp lang của khối và không gian. Vì vậy, người xem như đọc được không gian bên trong và không gian bên ngoài, chúng luôn tương hỗ cho nhau tạo thành khối thống nhất liên kết trong tổng thể bức tranh.

3. Vận dụng nghệ thuật tranh tường Hoành tráng Mexico vào học phần vẽ tranh tường của sinh viên ngành SPMT trường ĐHSP Nghệ thuật TW

Học phần Trang trí ứng dụng trong đó có nhiều học phần thực hành về Tranh tường, tranh cổ động, Quảng cáo.. của khoa SPMT luôn tạo được sự thích thú và cảm hứng sáng tạo nghệ thuật từ các lớp sinh viên, không chỉ trong các bài tập thực hành tại lớp mà còn thể hiện sinh động trên các mảng tường xung quanh nhà trường, góp phần tạo nên vẻ đẹp độc đáo cho ngôi trường thân yêu.

Màu sắc, đường nét, nhịp điệu trong tranh lan tỏa mang tính tượng trưng cao; Tạo ấn tượng mạnh mẽ đến người xem và tiếp thu thông điệp nhanh nhất. Tín hiệu nhấn nhủ trong tranh cần tạo ra những cái nhìn thẩm mỹ tốt, động viên kêu gọi, thúc giục và hành động từ người xem. Mỗi một bức tranh Tường hay tranh cổ động ra đời đều phải đạt được mục đích cụ thể, dứt khoát, tránh những sai lệch, khác biệt chủ ý muốn diễn đạt.

Khi nhìn vào đề tài và thông điệp mà mỗi bức tranh do sinh viên truyền tải, người xem có thể sẽ cảm nhận được ý nghĩa mà tranh tường đem lại co môi trường

và không gian sống hiện đại. Màu sắc khỏe khoắn, đơn giản nhưng rõ ràng, đó là ý nghĩa sâu sắc, thông điệp chính mà người vẽ tranh tường muốn gửi đến người xem.

Với môn Mỹ thuật việc đổi mới phương pháp dạy học chủ động tích cực đáp ứng theo sự phát triển của xã hội hiện đại, chú trọng tới bước cho sinh viên thực hành bài tập theo nhóm, bài tập gắn với thực tế giúp các em được trải nghiệm nhiều hơn là mục tiêu hướng tới trong giai đoạn hiện nay. Thông qua các nét vẽ cô đọng, với các mảng màu đơn giản, nhưng lại có những tiếng nói riêng đồng thời chuyển tải được một cách sâu sắc những ý tưởng và cảm xúc bất tận của người vẽ, với vẻ đẹp mộc mạc dung dị, tạo nên những hiệu quả thị giác thẩm mỹ trong nghệ thuật Tranh Tường.

Trong các tác phẩm tranh Hoành tráng Mexico, việc sắp xếp, tổ chức các mảng, hình, khối, độ đậm nhạt, đường nét cả màu sắc... có ý nghĩa quan trọng để nhấn mạnh trọng tâm và ý đồ thể hiện của tác giả với nội dung cần truyền đạt. Sự thống nhất thể hiện ở các hình ở mảng chính rất cần tạo nên sự chặt chẽ về bố cục, sự sáng tạo trong cách tổ chức sắp xếp trong toàn mảng. Sự tổ chức sắp xếp bao gồm các mảng hình, các mảng đậm nhạt, sáng tối, các mảng đặc, khoảng trống, sự vận động của các hình, khối trong không gian, mật độ của các hệ thống nét và điểm, đặc biệt là chất của các mảng trong tổ chức của toàn hệ thống đó. Khi sắp xếp, tổ chức các mảng lên mặt phẳng tranh, thông thường người vẽ phải xác định mình vẽ trên khung hình loại gì, hình chữ nhật đứng hay nằm ngang, hình vuông hay hình tròn... Bên cạnh đó, anh ta cũng cần phải xác định mình sẽ vẽ tranh theo thể loại tranh thị gì để có phương án bố cục mảng cho hợp lý. Khi tổ chức sắp xếp mảng, rất cần chú ý đến các yếu tố sau: Trước tiên là yếu tố cân đối. Tính cân đối được thể hiện bởi sự cân đối trong các mảng, hình khối, cân đối về đậm nhạt, về đường nét, về chất. Sự cân đối ở đây là sự tổ chức sắp xếp hợp lý về tỷ lệ giữa mảng chính với mảng phụ, giữa các khoảng trống, giữa các hình trong các mảng, giữa hình với hình, về tỷ lệ và cấu trúc của mảng sao cho thuận mắt. Phân bố độ đậm nhạt, màu sắc trong tranh cho nổi bật được nội dung cần diễn tả, đặc biệt là phải có sự liên kết hài hòa trong hệ thống sáng tối của bức tranh. Tổ chức hệ thống nét, hệ thống các điểm trong mảng cho phù hợp với tổng thể.

Trang trí ứng dụng sẽ giúp các bạn sinh viên ngành SPMT nhanh chóng đưa những sơ đồ về cấu trúc đề cương bằng hình ảnh một cách có hệ thống, trình tự của một giai đoạn, một chủ đề giúp học sinh trực quan và dễ dàng so sánh, phân tích; Qua đó ta có thể khắc phục được tính khô khan và trừu tượng của bài tập.

Những bức Tranh tường đại diện cho một thời điểm quan trọng trong phong trào Muralist ở Mexico mà đại diện là những tác phẩm của Rivera lấy những ý tưởng bức họa Ý thời Phục Hưng là nguồn cảm hứng bất tận cho các nghệ sĩ sáng tác và đặc biệt là sinh viên ngành SPMT.

Mặc dù Siqueros có được danh tiếng là người theo chủ nghĩa Mural Mexico, nhưng Rivera là một trong những nghệ sĩ đầu tiên được tiếp cận để trang trí Escuela Nacional Preparatoria, vì sở thích mô tả người dân địa phương Mexico. là những tác phẩm và đề tài giá trị giúp sinh viên nghiên cứu, tìm tòi đề sáng tạo tranh tường theo cách riêng phù hợp môi trường thẩm mỹ mà các em định thể hiện trên các bức tường ở nhiều không gian khác nhau.

Trong quá trình trải nghiệm, thông qua những bài tập sáng tác, nhiều sinh viên của khoa SPMT đã mạnh dạn tìm tòi nhiều cách thể hiện để làm rõ chủ đề của bài tập. Nhiều ý tưởng đa dạng, độc đáo qua phác thảo được đưa ra bộc lộ rõ ý tưởng sáng tạo và năng lực cá nhân cũng như tập thể. Vận dụng và sáng tạo những kiến thức quý báu từ tác phẩm của họa sĩ Siqueros là nguồn cảm hứng của sinh viên Sư phạm Mỹ thuật. Các bạn đã cảm nhận ở họa sĩ tình yêu thương những người lao động chân chính và hơn cả là tình yêu quê hương đất nước, con người, và chính những điều đó đã làm nên sức hút mãnh liệt trong tác phẩm của ông.

Học tập và luôn sáng tạo với bất cứ cái gì, ở bất cứ lĩnh vực nào của thế giới cả vật chất lẫn tinh thần là cách mà những người làm nghệ thuật tạo ra hiệu quả ấn tượng trong bài vẽ của mình với thứ đã có trước với cái hình thành sau giúp thỏa mãn nhu cầu về một sự thay đổi nào đó trong cách suy nghĩ, nhìn nhận sự vật và hiện tượng... Quá trình học tập luôn cần sự suy nghĩ, học hỏi để tìm ra cái hay cái lạ theo ý thích, với cách giải quyết tốt nhất để đạt được hiệu quả cao.

Trước những kiệt tác Tranh tường của các danh họa đi trước đã giúp các thế hệ sinh viên SPMT tìm thấy sự rung động sâu sắc, đó là những kiến thức vô cùng quý giá. Ông đó không chỉ có kiến thức mỹ thuật mà còn thể hiện tinh thần đấu tranh vì lẽ phải vì sự công bằng trong xã hội, và bao trùm đó cũng chính là thể hiện tình yêu thương con người và đồng loại. tình yêu quê hương đất nước sâu đậm. Giá trị nghệ thuật trong tranh Hoành tráng của họa sĩ Mexico được ứng dụng vào học tập các bài tập nghệ thuật trang trí ứng dụng của sinh viên đã có những tác động tốt trong giáo dục thẩm mỹ, góp phần rất lớn cho sự hình thành và phát triển hoạt động sáng tạo, là kết quả của sự năng động nhiệt tình trong học tập của sinh viên cũng như sự động viên khích lệ kịp thời của các thầy cô khoa SPMT, trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

ARTS

Kết luận

Sinh viên Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW là những đối tượng có năng khiếu về nghệ thuật, nhạy cảm với cái đẹp, tinh tế trong cách cảm thụ hiện thực khách quan. Chính các em sẽ là những nhân tố tích cực không ngừng học hỏi tinh hoa của Việt Nam cũng như Thế giới để trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm nghệ thuật có giá trị cho xã hội, cho cộng đồng, để mỹ thuật gần hơn với công chúng. Sinh viên ngành SPMT không chỉ cảm nhận nhận, phát hiện, khám phá mà còn sáng tạo và chiếm lĩnh bản chất thẩm mỹ của các tác phẩm nghệ thuật tranh tường; Bởi vậy, việc nuôi, dưỡng, bồi đắp những xúc cảm nghệ thuật, suy ngẫm và tưởng tượng, "nhập thân" vào thế giới nghệ thuật của tác phẩm nghệ thuật tranh tường cho sinh viên ngành SPMT là công việc cần thiết để sau này các em có khả năng vận dụng tốt kiến thức chuyên môn vào cuộc sống và làm đẹp cho đời, làm đẹp cho xã hội và môi trường giáo dục thẩm mỹ tích cực ở các trường phổ thông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mexicana de Ediciones SA de CV. ISBN 968-32-0222-5.
2. Donahue-Wallace, Kelly. Art and Architecture of Viceregal Latin America, 1521–1821. Albuquerque: University of New Mexico Press 2008.
3. Fernández, Justino (1965). Mexican Art. Mexico D.F.: Spring Books.
4. Frank, Patrick, ed. Readings in Latin American Modern Art. New Haven: Yale University Press 2004.
5. Ramírez, Mari Carmen and Héctor Olea, eds. Inverted Utopias: Avant Garde Art in Latin America. New Haven: Yale University Press 2004.
6. Reyes-Valerio, Constantino. Arte Indocristiano, Escultura y pintura del siglo XVI en México. Mexico City: INAH Consejo Nacional para la Cultura y las Artes 2000.
7. Vargas Lugo, Elisa. Estudio de pintura colonial hispanoamericana. Mexico City: UNAM 1992.
8. Zavala, Adriana. Becoming Modern, Becoming Tradition: Women, Gender and Representation in Mexican Art. State College: Penn State University Press 2010.

ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NGÀNH MỸ THUẬT ỨNG DỤNG

I VÕ VĂN LẠC

Email: lac.vv@vlu.edu.vn

Đại học Văn Lang

ISSUES OF TRAINING ON DOCTORAL LEVEL MAJOR OF APPLIED FINE ARTS

TÓM TẮT

ABSTRACT

Bài báo nghiên cứu thực trạng đội ngũ giảng viên trình độ tiến sĩ, ngành Mỹ thuật ứng dụng trong các Trường Đại học hiện nay. Qua đó, đề xuất các giải pháp xây dựng chương trình đào tạo tiến sĩ, ngành Mỹ thuật ứng dụng cho các cơ sở đào tạo. Nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn hiện nay cho các Trường Đại học và Cao đẳng trên cả nước. Căn cứ cơ sở pháp lý, khoa học và thực tiễn, ... bài báo đã đề xuất những phương hướng tiếp cận và triển khai xây dựng chương trình đào tạo tiến sĩ, ngành Mỹ thuật ứng dụng.

Từ khóa: Đào tạo, tiến sĩ, nguồn nhân lực, mỹ thuật ứng dụng

This article is conducted to research on the current status of lecturers with doctoral degrees, majoring in Applied Fine Arts in universities. Thereby, solutions to develop doctoral and applied arts training programs are proposed for training institutions to meet the current practical needs of universities and colleges across the country. Based on the legal, scientific and practical basis, ... the article has proposed approaches to and implementation of the development of doctoral training programs, major of Applied Fine Arts...

Keywords: Training, doctorat, human resources, applied fine arts

1. Giới thiệu chung về đào tạo Tiến sĩ ngành Mỹ thuật ứng dụng

Đào tạo trình độ tiến sĩ, ngành Mỹ thuật ứng dụng là một bậc học quan trọng trong việc định hướng phát triển chuyên ngành trong hệ thống giáo dục đại học. Việc định hướng phát triển cấp độ đào tạo từ trình độ cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ là một lộ trình giúp người học phát triển tư duy thiết kế, nghiên cứu, thực nghiệm đề án, ... Mỹ thuật ứng dụng là một lĩnh vực thiết kế và khoa học ứng dụng có sự ảnh hưởng tương đối sâu rộng với đời sống xã hội của mỗi quốc gia, dân tộc: từ văn minh, văn hóa đến mối quan hệ giữa mỹ thuật ứng dụng và phát triển kinh tế xã hội, ... Nhưng, thực tế hiện nay, đào tạo trình độ tiến sĩ, ngành Mỹ thuật ứng dụng chưa được quan tâm và giải quyết thấu đáo, nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, góp phần nâng cao trình độ giảng viên, nhà thiết kế, nhà khoa học đang tham gia giảng dạy trình độ đại học và cao đẳng.

Thực tế đặt ra, với số lượng, quy mô, nhu cầu đào tạo, phát triển các Trường Đại học (trên 28 trường) và nhiều Trường Cao đẳng có tham gia đào tạo các ngành nghề khối Mỹ thuật ứng dụng. Theo số liệu thống kê sơ bộ, hằng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp khoảng 10.000 chỉ tiêu cho các Trường Đại học trong cả nước [9]. Như vậy, nếu cộng dồn số lượng cho 4 năm học thì tổng số hiện có khoảng 40.000 sinh

viên đang theo học trên các Trường Đại học khắp cả nước. Với số lượng người học đông đảo như vậy, đòi hỏi nhân lực có trình độ tiến sĩ, đáp ứng theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo là một bài toán khó đối với các cơ sở đào tạo hiện nay. Bên cạnh đó, theo Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT hướng dẫn: Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; Có ít nhất 05 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình đại học [6]. Nhưng, thực tế hiện nay, theo Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ban hành ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, trình độ thạc sĩ khối ngành Mỹ thuật ứng dụng được ban hành các ngành: Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng (8210401), Thiết kế công nghiệp (8210402), Thiết kế đồ họa (8210403), Thiết kế thời trang (8210404), Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh (8210406), Mỹ thuật ứng dụng (8210410), nhưng, ngành Mỹ thuật ứng dụng, trình độ tiến sĩ thì chưa được cấp mã ngành nào để các Trường Đại học triển khai đào tạo [4].

Vấn đề đặt ra, việc thiếu vắng mã ngành đào tạo, trình độ tiến sĩ, ngành Mỹ thuật ứng dụng, đã dẫn đến

EDUCATION

nhiều thiết thời cho người học tại các Trường Đại học và Cao đẳng hiện nay: 1) Không có cơ hội cho các học viên có nhu cầu học tập, nâng cao trình độ – liên thông từ trình độ cử nhân, thạc sĩ đến tiến sĩ; 2) Nhiều giảng viên đang giảng dạy các ngành Mỹ thuật ứng dụng, Thiết kế phải chuyển sang nâng cao trình độ tiến sĩ với các ngành gần; 3) Thiếu vắng đội ngũ giảng viên, nhà khoa học trình độ tiến sĩ đúng chuyên ngành để thực hiện các công trình thực tế về lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng; 4) Các Trường Đại học và Cao đẳng đang đào tạo các ngành Mỹ thuật ứng dụng, Thiết kế luôn ở trong tình trạng thiếu lực lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ đúng chuyên ngành để thực hiện vai trò nòng cốt cho việc đào tạo và nghiên cứu khoa học, ... Đó là những vấn đề cấp thiết hiện nay, cho thấy, vị trí của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Mỹ thuật ứng dụng rất quan trọng trong xu hướng các ngành Mỹ thuật ứng dụng tăng quy mô ngày càng nhiều.

2. Thực trạng nhu cầu nguồn nhân lực trình độ tiến sĩ, ngành Mỹ thuật ứng dụng tại các cơ sở đào tạo cao đẳng và đại học tại Việt Nam hiện nay

Trước nhu cầu của xã hội, các ngành nghề thuộc khối Mỹ thuật ứng dụng được các Trường Đại học và Cao đẳng triển khai đào tạo khắp cả nước. Nhiều cơ sở đào tạo có quy mô đào tạo với số lượng lên đến hơn 5.000, 6.000 sinh viên, ... đòi hỏi các Trường Đại học phải giải quyết khó khăn về bài toán nhân sự có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu hiện nay của người học.

Theo thống kê sơ bộ, hiện nay có khoảng 28 Trường Đại học tham gia đào tạo các ngành thuộc nhóm Mỹ thuật ứng dụng (72104)¹: Trường Đại học Công nghiệp Dệt may Hà Nội, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp, Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Á Châu, Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam, Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội, Trường Đại học FPT (Cơ sở Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố HCM, Cần Thơ), Trường Đại học Hòa Bình, Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM, Trường Đại học Kiến trúc TP.HCM, Trường Đại học Mỹ thuật TP.HCM, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Trường Đại học Công nghệ TP.HCM, Trường Đại học Hoa Sen, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, Trường Đại học Văn Lang, Trường Đại học Văn hóa Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, Trường Đại học Nghệ thuật – Đại học Huế, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, Trường Đại học Duy Tân, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, ... và một số Trường Cao đẳng có tham gia đào tạo các ngành Thiết kế và Mỹ thuật ứng dụng trên toàn quốc.

Theo thống kê sơ bộ, số lượng giảng viên hiện nay có khoảng 967 người đang tham gia đào tạo các ngành Mỹ thuật ứng dụng: Thiết kế đồ họa (7210403), Thiết kế sân khấu, điện ảnh (7210406), Thiết kế thời trang (7210404), Thiết kế công nghiệp (7210402), Mỹ thuật số (Mã ngành thử nghiệm) của 28 trường cơ sở đại học đang tổ chức đào tạo trong cả nước². Trong đó, 75 giảng viên đang có trình độ đại học, 798 giảng viên có trình độ thạc sĩ và 94 giảng viên có trình độ tiến sĩ.



Bảng 1: Biểu đồ thể hiện tỷ lệ giảng viên theo trình độ

Số lượng có trình độ tiến sĩ hiện nay chỉ chiếm 9.72% trên tổng số giảng viên tham gia đào tạo tại các Trường Đại học, điều này, cho thấy chưa đáp ứng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo³.

Nhóm ngành Mỹ thuật ứng dụng trình độ thạc sĩ bao gồm: Thiết kế thời trang (8210404), Thiết kế công nghiệp (8210402), Thiết kế đồ họa (8210403), Mỹ thuật ứng dụng (8210410), Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh (8210406) mặc dù các ngành này đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ từ lâu, nhưng, hiện nay rất ít cơ sở triển khai đào tạo, nên giảng viên muốn nâng cao trình độ đúng chuyên ngành cũng gặp rất khó khăn và buộc phải chuyển sang học các ngành gần.

Với số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ 9.72%, và trong số này, phần nhiều tốt nghiệp từ các ngành gần với nhóm ngành Mỹ thuật ứng dụng. Với quy mô phát triển các ngành Mỹ thuật ứng dụng ngày càng lớn mạnh như hiện nay, đòi hỏi lực lượng giảng viên trình độ tiến sĩ đúng chuyên ngành trở nên cấp thiết và quan trọng để giải quyết bài toán nhân sự cho các cơ sở đào tạo, góp phần định hướng phát triển mảng sau đại học, thạc sĩ và tiến sĩ trong lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng hiện nay.

3. Tổng quan đào tạo trình độ tiến sĩ trong lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng và Thiết kế trong và ngoài nước

3.1 Đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Mỹ thuật ứng dụng và Thiết kế các Trường Đại học trên thế giới

Đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Mỹ thuật ứng dụng và Thiết kế đã trở nên phổ biến đối với các Trường Đại học trên thế giới, ... Một số nước có nền Mỹ thuật ứng dụng và Thiết kế phát triển đã định hướng đào tạo trình độ tiến sĩ ứng dụng trong các trường đại học:

EDUCATION

Phản Lan, Mỹ, Vương Quốc Anh, Estonian, Úc, ... Việc xây dựng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, ngành Mỹ thuật ứng dụng như là bước chuẩn bị kiến thức, đội ngũ chuyên gia, nhà nghiên cứu trong lĩnh vực mỹ thuật ứng dụng, góp phần cho xã hội về nguồn nhân lực có trình độ cao, để tham gia giảng dạy, nghiên cứu trong các Trường Đại học và Viện nghiên cứu, ...

Công trình nghiên cứu của Meredith Davis Đại học Bắc Carolina, Mỹ về chủ đề “Tại sao chúng ta cần nghiên cứu tiến sĩ trong lĩnh vực thiết kế”, tác giả đã chỉ ra những vấn đề tồn tại trong lĩnh vực nghiên cứu tiến sĩ, ngành thiết kế tại Mỹ, sự hạn chế trong chương trình đào tạo, vai trò nghiên cứu thiết kế đối với xã hội hiện nay, việc công bố, hội thảo trong lĩnh vực thiết kế đã trở thành những vấn đề quan trọng trong việc đào tạo trình độ tiến sĩ cho lĩnh vực thiết kế. Công trình đã khẳng định rằng: “Nghiên cứu tiến sĩ trong lĩnh vực thiết kế xác định áp lực tạo ra tri thức do sự dịch chuyển từ mô hình cơ khí, đối tượng làm trung tâm cho thực hành thiết kế đến một đặc điểm của các hệ thống: phát triển và cư xử hữu cơ; kiểm soát chuyển từ nhà thiết kế cho người tiêu dùng hoặc người tham gia; nhấn mạnh tầm quan trọng của cộng đồng; thừa nhận sự hội tụ của phương tiện truyền thông; và yêu cầu làm việc bởi các nhóm liên ngành để giải quyết sự phức tạp của các vấn đề đương đại [15]. Trong đó, yếu tố liên ngành được đặt ra đối với nghiên cứu thiết kế, để giải quyết những vấn đề học thuật hiện nay đối với lĩnh vực thiết kế mà thực tế xã hội đang đối mặt.

Công trình nghiên cứu của tiến sĩ Nithikul Nimkulrat, Đại học Loughborough, Vương Quốc Anh với đề tài “Các vấn đề của tiến sĩ nghệ thuật và thiết kế dựa trên thực tiễn: Quan điểm từ Phản Lan”; công trình đã phân tích vai trò của việc đào tạo tiến sĩ mỹ thuật và thiết kế và những vấn đề cản trở sự phát triển của các tiến sĩ nghệ thuật dựa trên thực tế, bằng cách kiểm tra các hình thức luận án tiến sĩ dựa trên thực tiễn được chấp nhận trong các Trường Đại học Mỹ thuật tại Phản Lan. Một vấn đề chính là các tiến sĩ nghệ thuật và thiết kế dựa trên thực tiễn là lập luận thiếu thuyết phục rằng thực tế như là một hình thức điều tra nghiên cứu để chứng minh cho luận án. Điều này phải được giải quyết để thiết lập các tiến sĩ nghệ thuật và thiết kế dựa trên thực hành trong một bối cảnh học thuật lớn hơn. Công trình đã đi đến kết luận: việc thực hành sáng tạo trong chương trình đào tạo tiến sĩ như là công việc nghiên cứu của một tiến sĩ và được xem như là một hoạt động học thuật quan trọng trong chương trình đào tạo tiến sĩ. Với mô hình này, Phản Lan đã khẳng định phương pháp đào tạo trình độ tiến sĩ các ngành Mỹ thuật ứng dụng và Thiết kế mang tính ứng dụng rất thành công và đóng góp tích cực cho xã hội, qua đó đã đưa ra nhiều định hướng cho

phương pháp nghiên cứu luận án tiến sĩ cho phù hợp tính chuyên ngành chung [24].

Việc xây dựng các hoạt động nghiên cứu dựa trên thực hành sáng tạo được đề cập trong công trình nghiên cứu của Kristina Niedderer, Seymour Roworth-Stokes và Wolverhampton cùng công sự, với công trình nghiên cứu Vai trò và việc sử dụng thực hành sáng tạo trong nghiên cứu và đóng góp của nó cho tri thức, công trình đã chỉ ra thực hành vai trò khác nhau có thể tiến hành nghiên cứu trong phạm vi liên quan đến sự đóng góp của kiến thức. Đề đạt được điều này, công trình đã phân tích và phân loại các thuật ngữ hiện có liên quan đến các vai trò khác nhau của thực tiễn. Công trình xem xét cách thức thực hành có thể được sử dụng trong nghiên cứu theo những cách hợp lệ và chặt chẽ. Do đó, mục đích công trình là cung cấp một cơ sở quan trọng cho sự phát triển hơn nữa của cuộc tranh luận về nghiên cứu trong Mỹ thuật ứng dụng và thiết kế thông qua thực hành sáng tạo.

Để đánh giá chất lượng trong vấn đề đào tạo tiến sĩ thiết kế, tiến sĩ David Durling đại học Staffordshire, Vương quốc Anh đã đưa ra các hướng phát triển về đào tạo tiến sĩ thiết kế tại Vương Quốc Anh, thông qua công trình “Thiết kế ở Vương quốc Anh: một số phản ánh về tiến sĩ mới xuất hiện”, thông qua công trình nghiên cứu, tác giả đã chỉ ra vai trò của đào tạo tiến sĩ ngành thiết kế tại Vương quốc Anh để đem lại vấn đề chất lượng, như quan tâm đến: Sự phát triển các Trường Đại học mới xuất hiện các ngành đào tạo tiến sĩ; Vấn đề phát triển bằng cấp, học vị cao trong lĩnh vực thiết kế; Vấn đề đảm bảo chất lượng cho các Trường Đại học; Đảm bảo chất lượng cấp quốc gia; Sự gia tăng và phát triển nghiên cứu tiến sĩ, ... Những vấn đề đặt ra của công trình nghiên cứu, để thúc đẩy chất lượng đào tạo tiến sĩ ngành thiết kế hiện nay tại Vương quốc Anh. Trên cơ sở nghiên cứu này, cung cấp nguồn tư liệu cho các nhà khoa học một cái nhìn khách quan trong đánh giá chất lượng để xây dựng chương trình đào tạo tiến sĩ về lĩnh vực thiết kế [17].

Hội đồng Giáo dục sau đại học, Vương quốc Anh đã công bố công trình “Học vị tiến sĩ dựa trên thực hành về nghệ thuật sáng tạo, biểu diễn và thiết kế”, công trình đã phân tích các giá trị về tiến sĩ ứng dụng và thực hành về nghệ thuật. Trong đó, lập luận và đánh giá các hoạt động xét học vị tiến sĩ thực hành, các nguyên tắc nền tảng cho tiến sĩ thực hành; Sự đồng thuận nào tồn tại trên các quy định hiện hành về tiến sĩ đối với môn học dựa trên thực hành?; Đặc điểm của một tiến sĩ dựa trên thực hành là gì?; Thời hạn của một công trình tiến sĩ cho công việc thực hành; Chứng minh sự tương đương của các công trình bảo vệ dựa trên thực hành cho học vị tiến sĩ; Tiến sĩ thực hành nghề nghiệp; Vấn đề người hướng dẫn tiến sĩ;

EDUCATION

Hội đồng đánh giá và kiểm tra, ... Dựa trên các nguyên tắc của Hội đồng Giáo dục sau đại học Vương quốc Anh trang bị cho các nhà giáo dục các Trường Đại học có một nguồn tư liệu tổng quan để đối sánh trong xây dựng chương trình đào tạo tiến sĩ, ngành Mỹ thuật ứng dụng [14].

Durling, Friedman và Gutherson thông qua công trình “Tranh luận về tiến sĩ dựa trên thực hành”, bản luận về việc đào tạo tiến sĩ thực hành đối với một số ngành nghệ thuật và biểu diễn, trong đó đã chỉ ra những tồn tại, thách thức vấn đề đào tạo sau đại học đối với lĩnh vực này. Bên cạnh đó, tác giả Durling còn cung cấp các khóa học trong tiến sĩ thiết kế thông qua công trình “Diễn ngôn về nghiên cứu và tiến sĩ thiết kế”, tác giả đã nêu lên những môn học liên quan đến thực hành trong đào tạo tiến sĩ, trong quá trình quan tâm đến đánh giá và đảm bảo chất lượng cho học vị tiến sĩ ứng dụng, qua đó, tác giả đã đề xuất các khung lý thuyết và phương pháp giảng dạy cho phù hợp với mô hình đào tạo tiến sĩ ứng dụng [21].

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, ngành nghệ thuật, thiết kế và kiến trúc được thể hiện qua “Khung đào tạo cho chương trình tiến sĩ ngành Mỹ thuật, Thiết kế và Kiến trúc của đại học Aalt, năm 2020-2022” của đại học Aalt để trình bày đầy đủ các nội dung triển khai đào tạo nghiên cứu sinh trong lĩnh vực mỹ thuật, thiết kế và kiến trúc. Những thông tin cơ bản của khung chương trình đào tạo như: Tên chương trình đào tạo, trình độ đào tạo, ngôn ngữ đào tạo, lĩnh vực nghiên cứu, phạm vi của chương trình đào tạo, thời gian đào tạo; mục tiêu giáo dục và kết quả học tập dự kiến của Chương trình tiến sĩ về Mỹ thuật, Thiết kế và Kiến trúc; cấu trúc chương trình đào tạo; nội dung nghiên cứu: Nghiên cứu các môn học đại cương, Nghiên cứu các học phần chuyên ngành, đề tài tiến sĩ, ... với cấu trúc chương trình đào tạo này, làm cơ sở đối sánh và tham khảo cho các trường đại học.

Viện hàn lâm Nghệ thuật Estonian, nghiên cứu công trình về cấu trúc Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, ngành Nghệ thuật và Thiết kế. Chương trình đã hệ thống cấu trúc chương trình đào tạo: Mục tiêu đào tạo, Chuẩn đầu ra, hệ thống môn học, nguyên tắc đánh giá môn học. Chương trình đào tạo đã thể hiện tính chi tiết và định hướng cho người học kiến thức tổng thể và chuyên sâu trong thực hiện công trình khoa học.

Chương trình đào tạo tiến sĩ, ngành Sáng tạo của Trường Đại học Nghệ thuật, Liên Bang Mỹ: cung cấp tổng quan về chương trình đào tạo cũng như mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình. Chương trình đã cấu trúc hệ thống môn học và thời gian học tập và phương pháp đánh giá. Với sự thiết kế 60 tín chỉ, bao gồm

kiến thức tự chọn và bắt buộc và định hướng đề tài nghiên cứu, chương trình đào tạo đã dựa trên nền tảng của thực hành, sáng tạo nghệ thuật để phát triển hướng nghiên cứu.

Thông qua các công trình nghiên cứu, các mô hình đào tạo của các nước có nền Mỹ thuật ứng dụng và Thiết kế phát triển sẽ là tiền đề cơ bản cho việc định hướng nghiên cứu phát triển chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, ngành Mỹ thuật ứng dụng hiện nay cho các cơ sở đào tạo trong nước.

3.2. Đào tạo trình độ tiến sĩ với các trường đại học trong nước

Tại Việt Nam, việc nghiên cứu triển khai đào tạo trình độ tiến sĩ, ngành Mỹ thuật ứng dụng và Thiết kế chưa được triển khai. Hiện nay, danh mục mã ngành đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Mỹ thuật ứng dụng và Thiết kế chưa được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp mã ngành, hiện nay, duy nhất có hai cơ sở đào tạo trình độ tiến sĩ, chuyên ngành Lịch sử và lý luận mỹ thuật (Mã ngành: 9210101), tại Viện Văn hóa nghệ thuật Việt Nam và Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Với những hạn chế nêu trên, cho nên, dẫn đến nhiều học viên tốt nghiệp từ các ngành Mỹ thuật ứng dụng, Thiết kế muốn nâng cao trình độ, bắt buộc họ phải học nâng cao các ngành gần. Việc chưa có mã ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, ngành Mỹ thuật ứng dụng như hiện nay, dẫn đến nhiều thiệt thòi cho học viên và giảng viên đang học tập và công tác trong lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng.

4. Giáp pháp xây dựng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Mỹ thuật ứng dụng

4.1 Cơ sở pháp lý, khoa học: Căn cứ vào các văn bản pháp lý và cơ sở khoa học và thực tiễn, việc triển khai xây dựng và thiết kế chương trình đào tạo, trình độ tiến sĩ, mã ngành Mỹ thuật ứng dụng là hoàn toàn phù hợp và có tính khả thi cao. Phù hợp cơ sở pháp lý, khoa học và thực tiễn và mô hình đào tạo trình độ cao của quốc tế.

4.1.1 Cơ sở pháp lý: Để có căn cứ pháp lý trong việc xây dựng ngành Mỹ thuật ứng dụng, trình độ tiến sĩ, dựa trên các văn bản pháp lý và các Thông tư hướng dẫn: Luật số 34/2018/QH14 về luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học; Nghị định 99/2019/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giáo dục đại học sửa đổi; Thông tư 25/2017/TT-BGDĐT Ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT chuẩn chương trình đào tạo giáo dục đại học; Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, định chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT, Quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học, Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT, Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

EDUCATION

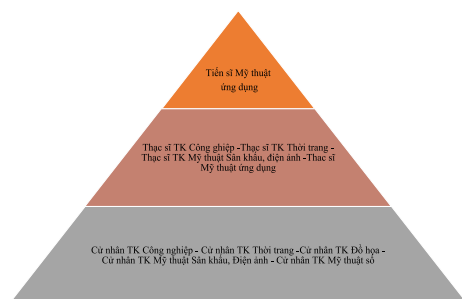
Căn cứ các văn bản pháp lý và Thông tư hướng dẫn, việc xây dựng ngành Mỹ thuật ứng dụng là hoàn toàn có cơ sở pháp lý để xây dựng mã ngành Mỹ thuật ứng dụng, trình độ tiến sĩ dựa trên các ngành đã được ban hành nhóm Mỹ thuật ứng dụng trình độ đại học và thạc sĩ.

Việc triển khai xây dựng mã ngành Mỹ thuật ứng dụng dựa trên năng lực của cơ sở đào tạo: 1) Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu; 2) Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ; 3) Tài nguyên thư viện; 4) Các nguồn lực theo mô hình tài trợ nghiên cứu thiết kế giữa nhà trường và doanh nghiệp; 5) Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo; 6) Khối lượng học tập; 7) Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo; 8) Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập,... [6].

4.1.2 Cơ sở khoa học: Nghiên cứu, xây dựng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, ngành Mỹ thuật ứng dụng theo hướng ứng dụng, nhằm giúp giải quyết cấp bậc đào tạo hiện nay đối với các Trường Đại học trong nước. Trên nền tảng đó, cung cấp kiến thức, phương pháp và thái độ cho người học những kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Thiết kế và Mỹ thuật ứng dụng: Phương pháp luận trong thiết kế, mối quan hệ thiết kế/mỹ thuật ứng dụng với thị trường; xu hướng thiết kế ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ sản phẩm, thiết kế và sự phát triển xã hội trong mọi lĩnh vực: giáo dục, văn hóa, du lịch.

Trình độ cử nhân thiết kế đào tạo các kỹ năng, phương pháp thực hành thiết kế; Trình độ thạc sĩ phát triển tư duy thiết kế, phương pháp luận thiết kế và mối quan hệ thị trường, hành vi khách hàng; Trình độ tiến sĩ – hình thành phương pháp nghiên cứu khoa học, phát triển tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề trong phạm vi Mỹ thuật ứng dụng và dự báo về xu hướng thẩm mỹ trong lĩnh vực thiết kế; Phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn có liên quan đến Mỹ thuật ứng dụng/Thiết kế trong mối quan hệ qua lại giữa kinh tế, giáo dục và văn hóa.

Căn cứ nhóm ngành nghề theo trình độ đào tạo thuộc nhóm ngành Mỹ thuật ứng dụng từ trình độ đại học, thạc sĩ, tác giả bài báo đề xuất mô hình tháp trong nhóm ngành Mỹ thuật để thấy được bức tranh chung trong định hướng nghề nghiệp và cấp bậc đào tạo:



Bảng 2: Mô hình tháp nhóm ngành Mỹ thuật ứng dụng

Từ mô hình tháp được phác thảo trên cho khối ngành Mỹ thuật ứng dụng, thể hiện tính khoa học và thống nhất theo cấp độ đào tạo và cấp bậc tiến sĩ như là đỉnh cao nhằm định hướng tư duy khoa học và phương pháp luận cho ngành.

4.2 Các điều kiện xây dựng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Mỹ thuật ứng dụng

4.2.1 Đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu: Theo Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, điều kiện nhân sự để mở ngành đào tạo tiến sĩ: “Có ít nhất 01 giáo sư hoặc 02 phó giáo sư và 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu. Những ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật, phải có ít nhất 01 giáo sư hoặc 01 phó giáo sư và 02 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên [4]. Như vậy, căn cứ theo yêu cầu nói trên, hiện nay một số cơ sở đào tạo thuộc khối ngành Mỹ thuật ứng dụng có quy mô đào tạo lớn hoàn toàn đáp ứng được. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng là hướng nghiên cứu của các đội ngũ khoa học hiện nay có đáp ứng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra cho chương trình đào tạo ngành Mỹ thuật ứng dụng? Để giải quyết bài toán này, các cơ sở đào tạo cần có chủ trương liên kết giảng viên với các Trường Đại học lớn từ nước ngoài: quy mô đào tạo lớn, thiết bị công nghệ hiện đại, phương pháp nghiên cứu khoa học và công bố tốt, ... để cùng tham gia giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu sinh theo nhiều hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến. Nếu làm được như vậy, sẽ cải thiện phần nào về sự khó khăn về lực lượng giảng viên trình độ cao trong giảng dạy tiến sĩ cho ngành Mỹ thuật ứng dụng hiện nay đối với các cơ sở đào tạo trong nước nếu triển khai đào tạo.

Cơ sở vật chất, cơ sở đào tạo cần có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo [6]. Đối với đào tạo ngành Mỹ thuật ứng dụng, có tính đặc thù riêng biệt, các cơ sở đào tạo cần trang bị cơ sở vật chất cho vấn đề giảng dạy và các phòng thực nghiệm để đội ngũ giảng viên và nghiên cứu sinh triển khai các hướng nghiên cứu một cách thuận lợi: Các cơ sở đào tạo cần trang bị hệ thống phòng Lab chuyên sâu về hệ thống VR/AR -VR (Virtual Reality– thực tế ảo) là một công nghệ hiện đại được tích hợp cho các thiết bị công nghệ, điện tử; AR (Augmented Reality – thực tế ảo tăng cường) là công nghệ mới được tăng cường từ công nghệ VR. Xưởng thực hành – không đơn thuần là nơi để nghiên cứu sinh thiết kế, mà nơi để nghiên cứu triển khai các mô hình demo và mô hình thực tế, nên cần trang bị các thiết bị chế tạo kỹ thuật số các công nghệ chế tạo

kỹ thuật số trong bộ phận thiết kế bao gồm: cắt laser, máy CNC, công nghệ khuôn đúc 3D, công nghệ in 3D, hệ thống các thiết bị liên quan may và thời trang, vật liệu, ... hệ thống studio với trang thiết bị hiện đại để nghiên cứu sinh thực nghiệm các dự án nghiên cứu. Ngoài ra, cơ sở đào tạo cần liên kết với các doanh nghiệp lớn, có dây chuyền sản xuất và triển khai sản xuất sản phẩm để hợp tác và sử dụng hệ thống thiết bị theo từng hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh và có sự hợp tác chuyên gia từ doanh nghiệp giúp cho Nhà trường có các hướng giải quyết thuận tiện hơn trong vấn đề ứng dụng thực tế cho các đề tài.

4.2.2 Tài nguyên thư viện: Để đáp ứng điều kiện đào tạo trình độ tiến sĩ, cơ sở đào tạo cần trang bị hệ thống học liệu bao gồm các giáo trình, công trình chuyên khảo, tài liệu tham khảo bằng giấy và E-book của các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước để làm cơ sở dữ liệu trong nghiên cứu và học tập. Trong đó, tập trung sưu tầm, đầu tư trang bị các công trình giá trị từ các thư viện nổi tiếng trên thế giới, làm cơ sở học liệu quý, giúp cho học viên tiếp cận và nghiên cứu, học tập phương pháp trong nghiên cứu lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng. Bên cạnh đó, cơ sở đào tạo cần trang bị hệ thống quản lý khai thác và phát triển: gồm hệ thống phần mềm ALEPH với tính năng nổi bật là phân hệ quản lý tài liệu theo khóa học cùng các ứng dụng khác như: Primo Central Index, SFX và Metalib của Công ty Ex Libris. Cùng với đó, cơ sở đào tạo cần có chính sách tiếp cận và hỗ trợ giảng viên các tài khoản để truy cập các tạp chí hàng đầu về Thiết kế, Mỹ thuật ứng dụng và giáo dục nghệ thuật: International Journal of Design, International Journal of Vehicle Design, International Journal of Mechanics and Materials in Design, International Journal of Art and Design Education, International Journal of Fashion Design, Technology and Education, International Journal of Design Creativity and Innovation, International Journal of Design Education, ... Đây là nguồn tài nguyên quan trọng để giúp nghiên cứu sinh, giáo sư nghiên cứu và công bố các công trình khoa học. Thư viện là trái tim của Trường Đại học. Vì vậy, mỗi cơ sở đào tạo cần đầu tư ngân sách, và tiếp cận xu hướng thư viện số để kết nối nền tri thức nhân loại một cách dễ dàng và thuận tiện hơn giúp cho việc học và nghiên cứu của học viên và giảng viên được thuận tiện.

4.2.3 Các nguồn lực theo mô hình tài trợ, hợp tác nghiên cứu thiết kế giữa Nhà trường và Doanh nghiệp: Việc Nhà trường gắn liền với Doanh nghiệp là vấn đề quan trọng của mỗi cơ sở đào tạo. Đặc biệt là đào tạo trình độ tiến sĩ, ngành Mỹ thuật ứng dụng theo mô hình ứng dụng, vai trò của doanh nghiệp là vô cùng quan trọng. Nghiên cứu sinh sẽ gắn kết với doanh nghiệp để từ đó giải quyết các bài toán của

thực tế xã hội thông qua sự hợp tác và hỗ trợ từ doanh nghiệp để giúp cho nghiên cứu sinh hoàn thiện các dự án nghiên cứu của mình và có thể ứng dụng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thông qua ký kết hợp tác với doanh nghiệp. Đây là mô hình mà các Trường Đại học trên thế giới đã áp dụng thành công từ lâu, và có ý nghĩa kinh tế và hội là rất lớn, và đem lại nhiều giá trị nhất định cho các ngành nghề mang tính ứng dụng.

4.2.4 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: Theo Thông tư 17/2021/ TT-BGDĐT, chương trình đào tạo phải có chuẩn đầu ra rõ ràng và thiết thực, thể hiện kết quả học tập mà người tốt nghiệp cần đạt được về hiểu biết chung và năng lực cốt lõi ở trình độ đào tạo, những yêu cầu riêng của lĩnh vực, ngành đào tạo; Phải đo lường, đánh giá cấp độ tư duy; Phải nhất quán với mục tiêu của chương trình đào tạo; Phải phù hợp trình độ đào tạo và các năng lực cần thiết tương ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam và phải được cụ thể hóa một cách đầy đủ và rõ nét trong chuẩn đầu ra của các học phần và thành phần trong chương trình đào tạo, và đảm bảo tính liên thông giữa các kiến thức khác nhau, ... [5]

Với những yêu cầu nói trên, chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, ngành Mỹ thuật ứng dụng cần nghiên cứu kỹ và đưa ra các Chuẩn đầu ra phù hợp với ngành nghề về tính ứng dụng và thực tiễn phù hợp xã hội. Trong đó, chú trọng hai nhóm chuẩn đầu ra: 1) Nghiên cứu và công bố quốc tế; 2) Giải quyết đề án mang tính thực tiễn xã hội và phát triển kinh tế thị trường, ... là những vấn đề quan trọng trong xây dựng chương trình đào tạo. Để xây dựng Chuẩn đầu ra cho ngành phù hợp, chương trình nên đối sánh và tham khảo các khung chương trình của các Trường Đại học thế giới đang triển khai đào tạo; Lấy ý kiến các bên liên quan, ... nhằm đưa ra các Chuẩn đầu ra phù hợp và tiệm cận phương pháp đào tạo của các Trường Đại học trên thế giới.

4.2.5. Khối lượng học tập: Theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, Chương trình đào tạo tiến sĩ: 90 tín chỉ với người có trình độ thạc sĩ, 120 tín chỉ với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành. Trong đó, tối thiểu 80% nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ; 20 tín chỉ phân bổ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ thạc sĩ, và tối thiểu 30 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với người tham gia học tập có trình độ đại học. Phân bổ nghiên cứu sinh cần hoàn thành báo cáo 4 chuyên đề và tiểu luận: 1) Tổng quan vấn đề nghiên cứu, 2) Thực trạng vấn đề nghiên cứu, 3) Giải pháp và phát triển vấn đề nghiên cứu; 4) Báo cáo kết quả thực nghiệm và khả năng ứng dụng của vấn đề nghiên cứu.

Kết luận

Để giải quyết vấn đề nhân sự cho đội ngũ giảng viên của các Trường Đại học và Cao đẳng hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nên có chủ trương giao một cơ sở đào tạo uy tín trong lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng có đủ điều kiện đề xuất mã ngành Mỹ thuật ứng dụng, trình độ tiến sĩ (Mã ngành thử nghiệm), trên cơ sở đó, theo lộ trình đào tạo và tiến hành kiểm định chương trình và xin cấp mã ngành chính thức trong danh mục các ngành đào tạo trình độ tiến sĩ. Với những vấn đề được luận giải và phân tích trên, việc đào tạo trình độ tiến sĩ, ngành Mỹ thuật ứng dụng hiện nay là cấp thiết, nên các cơ sở đào tạo khối ngành Mỹ thuật ứng dụng cần phải mạnh dạn và có các giải pháp để triển khai đào tạo trình độ tiến sĩ, ngành Mỹ thuật ứng dụng, góp phần hoàn thiện các cấp bậc đào tạo trong nhóm ngành này, giải quyết bài toán về giảng viên trình độ tiến sĩ cho các Trường Đại học hiện nay.

CHÚ THÍCH

¹Bao gồm những ngành: Thiết kế đồ họa, Thiết kế thời trang, Thiết kế số, Thiết kế công nghiệp, Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh.

²Ngành Thiết kế nội thất thuộc nhóm ngành 5, nên bài báo không đưa vào các ngành thuộc nhóm Mỹ thuật ứng dụng.

³Theo Thông tư số 24/2015/TT-BGDĐT, Quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Luật số 34/2018/QH14 về luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học, ban hành ngày 19 tháng 11 năm 2018.
- [2] Nghị định 99/2019/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giáo dục đại học sửa đổi, ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2019.
- [3] Thông tư số 24/2015/TT-BGDĐT, Quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học, ban hành ngày 23 tháng 09 năm 2015.
- [4] Thông tư 25/2017/TT-BGDĐT, Ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, ban hành ngày 10 tháng 10 năm 2017.
- [5] Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, Chuẩn chương trình đào tạo giáo dục đại học, ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2021.
- [6] Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, Điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, ban hành ngày 18 tháng 01 năm 2022;
- [7] Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT, Quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học, ban hành 06 tháng 06 năm 2022.
- [8] Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT, Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, ban

hành 28 tháng 06 năm 2021.

[9] Nguyễn Hồng Ngọc (2019), Luận bàn về một số vấn đề trong đào tạo Mỹ thuật ứng dụng tại Việt Nam hiện nay- Hội thảo- Tạo đàm Đổi mới chương trình đào tạo Mỹ thuật ứng dụng gắn liền với thực tiễn xã hội, Hiệp hội các Trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam.

[10] Blume, S. and Amsterdamska, O. (1987), Postgraduate Education in the 1980s, OCED.

[11] McGinney, John A. and McDougall, Ron. The Professional Doctorate (Part 1): An Old Qualification in a New University, University of East London.

[12] The Research Training Initiative (1996), Research Perspectives in Art and Design, University of Central England.

[13] UK Council for Graduate Education (1996), Quality and Standards of Postgraduate, Research Degrees, UKCGE.

[14] UK Council for Graduate Education, Practice-based doctorates in the creative and performing arts and design, ISBN 0 9525751 2 4.

[15] Meredith Davis (2008), Why Do We Need Doctoral Study in Design?, Vol.2 No.3, International Journal of Design.

[16] Nardi, B., & Kapetlinin, V. (2006), Acting with technology: Activity theory and interaction design, Cambridge, MA: MIT Press.

[17] David Durling, Design in the UK: some reflections on the emerging PhD, Staffordshire University UK.

[18] Archer, B., D. Durling (2000), Doctoral education in design: foundations for the future, Staffordshire university Press.

[19] Cross, N. (1991), Editorial in Design Studies, Elsevier.

[20] Buchanan, R., Doorden, D., Justice, L. and Margolin, V. (Eds) (1998), Doctoral education in design, in Proceedings of the Ohio Conference, Carnegie Mellon University.

[21] Durling, Friedman and Gutherson. (2015), Debating the Practice – based PhD, International Journal of design sciences and technology, Swinburne University of Technology.

[22] David Durling, Ken Friedman (2003), Guest Editorial Best practices in Ph. D. education in design. Art, Design & Communication in Higher Education, Volume 1, Number 3.

[23] Frayling, C. (1993), Research In Art and Design. Royal College of Art Research Papers, Volume 1 Number 1, London: Royal College of Art.

[24] Nimkulrat, N. (2011), Problems of practice-based Doctorates in Art and Design: a viewpoint from Finland. 2nd International Conference on Professional Doctorates.

RÈN LUYỆN KỸ NĂNG HÁT BÀI HÁT TIẾNG ANH CHO TRẺ 5-6 TUỔI

| NGUYỄN THỊ LÊ

Email: leanh9991@gmail.com
Trường ĐHSP Nghệ thuật TW

| TRƯƠNG HÙNG MINH

Email: hungminh3493@gmail.com
Trường ĐHSP Nghệ thuật TW

TEACHING SINGING SKILLS TO PRACTICE ENGLISH SONGS FOR 5-6-YEAR-OLD CHILDREN

TÓM TẮT

Ở độ tuổi 5 đến 6 tuổi, âm nhạc nói chung, hát nói riêng là hoạt động không thể thiếu. Âm nhạc đưa trẻ vào thế giới của những niềm vui, của tình yêu thiên nhiên, cuộc sống. Qua các giai điệu vui tươi của các bài hát được bé đón nhận nhanh hơn là qua những lời giáo huấn hay mệnh lệnh khô khan. Được học hát, học múa, trẻ hoạt bát nhanh nhẹn, năng động hơn, hồn nhiên hơn. Hiện nay, ở nước ta, trong thời đại hội nhập với thế giới, bên cạnh việc học hát các bài hát tiếng Việt thì nhu cầu học các bài hát tiếng Anh ngày càng tăng, kể cả đối với trẻ em ở lứa tuổi mẫu giáo. Từ lâu, tiếng Anh đã được coi như trở thành ngôn ngữ quốc tế, là ngoại ngữ được nhiều nước lựa chọn để đưa vào chương trình phổ thông. Vai trò của tiếng Anh trong bối cảnh hiện nay rất cần thiết, khi việc giao lưu và tiếp nhận văn hóa ngày càng trở nên mở rộng thì tiếng Anh chính là nền tảng cơ sở vững chắc để các em tiếp nhận các luồng văn hóa mới, tiên bộ.

Từ khóa: Hát, Hát tiếng Anh, Độ tuổi 5 - 6 tuổi

ABSTRACT

At the age of 5 to 6 years old, music in general and singing in particular are indispensable activities. Music brings children into the world of joy, love of nature and life. Children are more receptive to the lessons through the joyful melodies of songs than through dry instructions or commands. Children becomes more agile, more dynamic and more innocent when they are learnt to sing and dance. Currently, in our country, in the era of integration with the world, besides learning to sing Vietnamese songs, the demand for learning English songs is increasing, even for children of preschool age. For a long time, English which has been considered as an international language has been taught as a foreign language in the general curriculum in many countries. The role of English in the current context is very necessary, especially when cultural exchange and integration becomes more and more extensive because English is the solid foundation for children to receive new developed cultural flows.

Keywords: Sing, Sing in English, Age 5 - 6 years old

Đối với trẻ em là người Anh hoặc được sinh ra và lớn lên tại những quốc gia sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính, trẻ thường có lợi thế trong môi trường ngôn ngữ, còn đối với trẻ em là người Việt Nam thì nhiều bài hát đem lại sự khó khăn, bởi nhiều từ, từ dài, khó phát âm... Vì vậy, khi chọn bài hát cần chọn những bài có số lượng từ vừa sức với trẻ.

1. Tiêu chí lựa chọn

Trên cơ sở đặc điểm tâm sinh lý của trẻ 5 - 6 tuổi, cần xây dựng các tiêu chí cụ thể lựa chọn bài hát cho trẻ. Các bài hát được lựa chọn phải đảm bảo một số tiêu chí nhất định về học hát và qua việc học hát nâng cao khả năng tiếng Anh cho trẻ.

Tiêu chí 1: Phù hợp đặc điểm trí nhớ

Trí nhớ của trẻ 5 - 6 tuổi tốt hơn lứa 3 - 4 tuổi nhưng vẫn chưa được nhiều, thường sẽ thiên về hình ảnh nên chỉ chọn những bài hết sức cụ thể và gần gũi với trẻ như về chú gà, gấu, chó, mèo, cảnh thiên nhiên (bông hoa, ngọn gió); về các vật dụng hàng ngày như bàn, ghế, sách; về bố mẹ, người thân... hoặc gần với truyện cổ tích, truyện vui...

Về âm nhạc, bài hát phải có cấu trúc ngắn, giai điệu lặp đi lặp lại để trẻ dễ nhớ.

Tiêu chí 2: Phù hợp âm vực giọng

Giọng hát của trẻ còn non yếu, âm vực chỉ trong

EDUCATION

khoảng 1 quãng 8 nên chỉ chọn những bài có âm vực tương tự. Để trẻ dễ thuộc, dễ hát, bài hát cần có giai điệu đơn giản, ít luyến láy, ít quãng khó...

Tiêu chí 3 : Lời tiếng Anh phải phù hợp đặc điểm lứa tuổi

Dạy bài hát tiếng Anh phải đạt được mục tiêu kép là nâng cao khả năng hát và cả năng lực học tiếng Anh nên bài hát được lựa chọn rất cần chú ý đến yếu tố về lời ca. Với trẻ 5 - 6 tuổi, số lượng từ trong lời ca chỉ cần ít tuy nhiên phải có cả từ mới và từ cũ trẻ đã quen thuộc để trẻ luyện khả năng nhớ từ cũ và biết thêm từ mới. Về phát âm là những từ đơn giản, ít âm tiết, ít có vần cam và vần nói.

Tiêu chí 4: Tạo sự hứng thú

Bài hát phải mang những chủ đề thú vị, có tính chất vui tươi, hồn nhiên, giai điệu hấp dẫn để tạo sự hứng thú ở trẻ. Tiết tấu cần có chu kỳ, sinh động để trẻ có thể nhảy múa. Những bài hát có nội dung về tình cảm của gia đình, bạn bè, thiên nhiên, con vật yêu thích hay những ước mơ và giai điệu rộn ràng, dễ nhảy múa luôn được trẻ đón nhận một cách tự giác và hứng thú.

Tiêu chí 5: Tính phổ biến và tính thời đại

Những bài hát tiếng Anh thường được nhiều người hát hoặc nghe nhiều qua các phương tiện thông tin đại chúng được xem là những bài hát phổ biến. Đưa những bài hát này vào chương trình dạy học sẽ đáp ứng được nhu cầu của trẻ, trẻ sẽ thuộc nhanh hơn, hứng thú hơn. Thêm nữa, các bài hát đang thịnh hành cũng là một tiêu chuẩn cần chú ý bởi trẻ và bố mẹ của trẻ cũng quan tâm đến những bài đang được yêu thích.

2. Lời ca

Trẻ ở độ tuổi từ 5 - 6 tuổi phát âm còn chưa tốt, vốn từ vựng chưa phong phú cả ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. Vì vậy khi học các bài hát tiếng Anh trẻ chủ yếu trẻ bắt chước lại cách phát âm của giáo viên chứ chưa thực sự hiểu ý nghĩa lời ca cũng như phát âm đúng. Chính vì vậy khi dạy trẻ các bài hát tiếng Anh nên chọn các bài hát có ca từ, ý nghĩa gần gũi, dễ hiểu khi dịch sang tiếng Việt, giúp trẻ dễ hình dung, dễ hiểu nội dung bài hát mình đang hát.

Các bài hát được sử dụng dạy học cần có đặc điểm giai điệu và lời ca lặp lại. Các bài hát hầu hết là những bài dân ca và một số ít sáng tác dành cho trẻ em. Nội dung cung cấp cho trẻ vốn từ vựng về hiện tượng, con vật, cách ứng xử với mọi người xung quanh.

Ví dụ như ở bài hát Say I'm sorry (Nói Tôi xin lỗi), tạm dịch lời bài hát: “Khi bạn đụng ai đó ngã xuống. Khi bạn đẩy ai đó xoay vòng. Hãy luôn nói tôi xin lỗi”. Đó là một câu nói dễ dàng. Khi bạn cắt ngang lời một vị khách. Nếu bạn tạo ra một đồng bừa bộn. Hãy

luôn nói tôi xin lỗi. Đó là một câu nói dễ dàng”. Lời của bài hát định hướng hành vi ứng xử cho trẻ khi làm việc sai, có lỗi hãy nói lời xin lỗi và đó là một câu nói dễ dàng. Thông qua lời ca, trẻ có thể dễ dàng hiểu và tiếp thu cách ứng xử trong cuộc sống một cách sống động mà không hề khô khan, thụ động.

Ngoài những bài hát có nội dung định hướng cách ứng xử cho trẻ, còn có những bài hát gần gũi miêu tả con vật, số đếm, màu sắc, cuộc sống gia đình... Như bài Ten little Indian boy (Mười chú bé da đỏ), tạm dịch lời bài hát: “Một, hai, ba chú bé da đỏ. Bốn, năm, sáu chú bé da đỏ. Bảy, tám, chín chú bé da đỏ. Mười chú bé da đỏ”. Bài hát với giai điệu vui nhộn, hình ảnh chú bé da đỏ gây hứng thú cho trẻ khi học, đồng thời giúp trẻ dễ dàng ghi nhớ số đếm từ 1 đến 10, đáp ứng được nhu cầu “Học mà chơi, chơi mà học” của lứa tuổi này.

Việc kết hợp giữa yếu tố lời ca, âm nhạc, cùng với nội dung giáo dục được lồng ghép trong các bài hát tiếng Anh giúp trẻ dễ tiếp thu, nhận thức. Đồng thời là lợi thế giúp giáo viên truyền dạy một cách dễ dàng hơn. Cũng chính vì vậy đòi hỏi giáo viên phải nắm vững và sử dụng linh hoạt phương pháp dạy học trong quá trình dạy học.

3. Rèn luyện kỹ năng phát âm lời bài hát tiếng Anh

Trong quá trình học hát các bài hát tiếng Anh, để trẻ có thể phát âm tốt, rõ lời bài hát, giáo viên cần cho trẻ rèn luyện các kỹ năng phát âm sau đó đưa vào từng bài hát tương ứng, cụ thể để rèn luyện thêm. Bên cạnh đó, để mô tả, hướng dẫn rõ về cách phát âm trong khi hát, trong phần này chúng tôi sử dụng các từ, cụm từ trong cách phân loại theo vị trí phát âm (âm răng môi, âm môi, âm vòm...) giúp trẻ hình dung hơn trong quá trình rèn luyện cách phát âm.

3.1. Phát âm từ riêng lẻ trong bài hát tiếng Anh

Trong cách phát âm tiếng Anh và tiếng Việt có nhiều điểm khác nhau. Để có thể hát đúng, phát âm chính xác, cần phân biệt giữa âm (sounds) và chữ cái (letters). Trong bảng chữ cái tiếng Anh có 26 chữ cái trong đó gồm 5 nguyên âm (vowel) “a, e, o, i, u”; 21 phụ âm (consonants) “b, c, d, f, g, h, j, k, l, m, n, p, q, r, s, t, v, w, x, y, z”. Các chữ cái ghép với nhau theo một nguyên tắc nhất định tạo nên từ. Cần sử dụng bảng chữ cái tiếng Anh để rèn luyện cách phát âm cho trẻ.

Ngoài việc rèn luyện cho trẻ cách phát âm chính xác các chữ cái tạo nên từ trong tiếng Anh, còn cần chú trọng và quan tâm tới năm nguyên âm “a, e, o, i, u”. Với năm nguyên âm này khi thực hiện hát đúng sẽ hỗ trợ giọng hát tạo nên âm thanh tròn và đẹp.

Trong quá trình hát một câu trúc câu tiếng Anh cụ thể, trẻ phải thực hiện nhiều kỹ năng như âm bật, nối âm...

EDUCATION

Tuy nhiên, phát âm các từ riêng lẻ là cơ sở để phát âm đúng khi ghép vào câu hát. Mỗi bài hát đều có một số từ mới, cần chia thành từng nhóm phát âm để luyện tập cho trẻ một cách cụ thể.

Âm bật là âm được tạo ra bằng cách chặn dòng khí và thả lỏng để khí bật ra phát ra âm (âm hai môi, âm răng, âm vòm mềm). Tiếng Anh có các phụ âm bật: p, t, k, b, d, g với các vị trí phát âm khác nhau. Hướng dẫn phát âm các âm bật:

BẢNG PHỤ ÂM BẬT

Âm bật	Mô tả	Ví dụ
Âm hai môi p, b	Hai môi ép lại nhau, sau đó mở bật ra	Bag (Cái túi xách); People (Con người); Blue (Màu xanh dương).
Âm răng t, d	Thân lưỡi được ép vào bờ chân răng, sau đó bật ra	Potato (Củ khoai tây); Door (Cái Cửa).
Âm vòm mềm k, g	Mặt lưng lưỡi ép vào vùng nơi vòm miệng phía trong và bật xuống	Close (Đóng); Gas (Ga); Bike (Xe đạp); Move (Di chuyển).

Âm xát là các âm được tạo ra bằng cách âm được phát ra khi phần giữa hay sau của lưỡi nâng lên chạm. Có ba loại âm xát: răng lưỡi, răng môi, răng vòm, mỗi âm có cách phát âm khác nhau.

Hướng dẫn phát âm các âm xát:

BẢNG PHỤ ÂM XÁT

Âm xát	Mô tả	Ví dụ
Âm xát răng môi /f/, /v/, /θ/	Môi dưới chạm răng trên	Thanks (Cảm ơn); Victory (Sự chiến thắng); Feel (Cảm giác).
Âm xát răng lưỡi /s/, /z/	Lưỡi ở phía trong răng, chóp lưỡi đụng răng hàm dưới, đầu lưỡi đụng răng hàm trên, hơi thoát qua khe lưỡi với răng	Senario (Trường hợp); Science (Khoa học); Box (cái hộp).
Âm xát răng vòm /ʃ/, /ʒ/	Lưỡi xuất phát từ trong vùng sâu hơn so với âm /s/, /z/; khi thoát qua lưỡi đọc theo âm lưỡi như âm /s/ và /z/ nhưng lưỡi thoát rộng hơn	Chef (Bếp trưởng); Machine (Máy móc); Pleasure (Sự hài lòng).

Để rèn luyện khả năng phát âm tiếng Anh cho trẻ, chúng tôi hướng dẫn trẻ luyện phát âm riêng biệt từng từ trước khi đưa cụ thể vào từng bài hát. Để có thể phát âm tiếng Anh được tốt trẻ cần luyện tập các nguyên tắc phát âm mà giáo viên hướng dẫn.

3.2. Nối âm trong lời bài hát

Khi hát các bài hát tiếng Anh để có sự liên kết chặt chẽ giữa các âm của ca từ và tiết tấu âm nhạc, bắt buộc phải sử dụng phương thức nối âm. Đây cũng là một nguyên tắc cơ bản trong phát âm tiếng Anh.

Có bốn nguyên tắc nối âm cơ bản trong tiếng Anh:

1. Nối phụ âm cuối của từ trước với nguyên âm của từ sau
2. Nối phụ âm cuối của từ trước với âm /h/ đầu từ sau
3. Nối giữa phụ âm cuối /t/, /d/, /s/, /z/ của từ trước với

âm /j/ của từ sau.

4. Nối giữa nguyên âm cuối của từ trước với nguyên âm đầu từ sau.

Trong quá trình dạy hát tiếng Anh, giáo viên cần chú ý hướng dẫn trẻ phát âm các từ nối âm, phát âm mẫu cho trẻ nhiều lần. Trong quá trình giảng dạy bằng kinh nghiệm cá nhân tôi nhận thấy trẻ thường bỏ qua các từ nối âm với nhau, đọc rời rạc các từ có nối âm với nhau, nên khi hát tạo sự ngắt quãng không liên mạch các âm của ca từ và tiết tấu âm nhạc. Tuy nhiên không phải câu hát nào hay bài hát nào cũng có và sử dụng bốn nguyên tắc nối âm như trên, tùy vào từng bài cụ thể để áp dụng các nguyên tắc này.

Ví dụ 1:

HOW DO YOU DO

(trích) England folk song



Tạm dịch tiêu đề bài hát: Rất vui được gặp bạn

Nhạc và lời: England folk

Ở ví dụ này khi phát âm nối phụ âm cuối của từ trước với nguyên âm của từ sau “like - it”. Khi phát âm từng từ riêng lẻ: like phát âm /laik/, it phát âm /it/, khi đứng cạnh nhau phát âm nối phụ âm: /lai kit/

Ví dụ 2:

I HAVE TWO HANDS

(trích) England folk song



Tạm dịch tiêu đề bài hát: Tôi có hai bàn tay

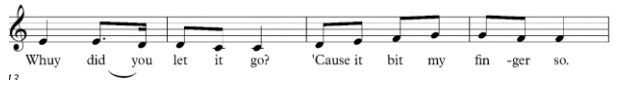
Nhạc và lời: England folk

Ở ví dụ này khi phát âm ta nối phụ âm cuối của từ trước với âm /h/ đầu từ sau “little - hands”. Khi phát âm riêng lẻ: little phát âm /'litl/, hands phát âm /hænds/, khi nối âm: âm /h/ gần như biến mất khi đứng cạnh nhau phát âm /'litlænds/

Ví dụ 3:

ONCE I CAUGHT A FISH ALIVE

(trích) England folk song



Tạm dịch tiêu đề bài hát: Có một lần tôi bắt sống được một chú cá

Nhạc và lời: England folk

Ở ví dụ này khi phát âm ta nối giữa phụ âm cuối

EDUCATION

/t/, /d/, /s/, /z/ của từ trước với âm /j/ của từ sau “did - you”. Khi phát âm riêng lẻ: did phát âm /did/, you phát âm /ju:/, khi đứng cạnh nhau phát âm: /dj/

Ví dụ:4:

YOU SHOULD WAKE UP AT DAWN
(trích) England folk song



Tạm dịch tiêu đề bài hát: Bạn nên thức dậy lúc bình minh

Nhạc và lời: England folk

Ở ví dụ này khi phát âm ta nối giữa nguyên âm cuối của từ trước với nguyên âm đầu từ sau “the - afternoon”. Khi phát âm riêng lẻ: the phát âm /ðə/, afternoon phát âm /,ɑ:ftənu:n/, khi đứng cạnh nhau phát âm /ðəftənoon/.

Đây là bốn nguyên tắc nối âm trong tiếng Anh, khi hướng dẫn trẻ phát âm giáo viên nên chú ý không gây áp lực cho trẻ, bởi khi phát âm tiếng Anh việc nối âm khá khó, nên trẻ cần có thời gian làm quen dần và rèn luyện lâu dài.

Phát âm tiếng Anh là yếu tố trước tiên và quan trọng khi học hát tiếng Anh. Để phát âm tiếng Anh được tốt trẻ cần rèn luyện thường xuyên bằng các phương tiện học tập như internet, băng đĩa, giao tiếp với người bản ngữ.

4. Kết luận

Việc lựa chọn các bài hát phù hợp trong quá trình giảng dạy cần được đặc biệt quan tâm và chú ý. Với những nước mà tiếng Anh là ngôn ngữ chính, tiếng mẹ đẻ nên chưa có nhiều bài chưa thực sự phù hợp với trẻ em Việt Nam. Do các từ mới nhiều, từ dài khó phát âm, khó nhớ với trẻ em khi tiếp xúc với một ngôn ngữ mới. Chính vì vậy chúng tôi đã xây dựng các tiêu chí phù hợp, các tiêu chí này giúp định hướng và lựa chọn các bài hát phù hợp cho trẻ em Việt Nam, giúp trẻ dễ dàng tiếp thu cả về âm nhạc lẫn phát âm tiếng Anh. Từ đó đưa ra những biện pháp cụ thể giúp trẻ 5 - 6 tuổi sửa được những lỗi sai trẻ thường mắc phải khi hát bài hát tiếng Anh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Hòa (2008), *Phát huy tính tích cực nhận thức của trẻ mẫu giáo 5 -6 tuổi*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Tố Mai (2014), *Giáo trình lịch sử âm nhạc thế giới*, Trường đại học sư phạm nghệ thuật trung ương, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Tố Mai (2016), *Bài giảng Lý luận về phương pháp dạy học Thanh nhạc trường ĐHSP Nghệ thuật TW*.
4. Nguyễn Ánh Tuyết (2011), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
5. Đào Trọng Từ, Đỗ Mạnh Thường, Đức Bằng (1984), *Thuật ngữ và ký hiệu âm nhạc*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
6. Jonathan Marks (2007), *English Pronunciation in use*, Cambridge, United Kingdom.
7. Nguyễn Minh Nhật (biên tập), *Super songs for children (2010) tập 1;2;3*, Nxb Trẻ.

MỘT VÀI NÉT VỀ TÁC PHẨM SẮC XUÂN CỦA NHẠC SĨ ĐỖ HỒNG QUÂN

I DƯƠNG VŨ BÌNH MINH

Email: Minhpb89@gmail.com

Trường ĐHSP Nghệ thuật TW

SOME CHARACTERISTICS OF SAC XUAN'S WORD OF MUSIC DO HONG QUAN

TÓM TẮT ↔ ABSTRACT

Nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân là một trong số những nhạc sĩ trưởng thành sau năm 1975, ông hoạt động trên nhiều lĩnh vực (nhạc sĩ, nhạc trưởng, nhà sư phạm) và đặc biệt là lĩnh vực sáng tác khí nhạc. Năm 2007, theo yêu cầu của dàn nhạc châu Á, nhạc sĩ đã sáng tác một tác phẩm có tên Sắc Xuân. Tác giả đã khai thác tính năng phức tạp của đàn bầu và các nhạc cụ mang âm sắc gần giống với các nhạc cụ của dân tộc Việt Nam, để thể hiện chất liệu âm nhạc truyền thống như: Chèo, Nhã nhạc, Quan họ Bắc Ninh, Hát xoan... Khi nghe Sắc Xuân người nghe như lạc trong không khí tươi vui, nô nức của ngày hội mùa xuân. Tác phẩm đã được biểu diễn lần đầu tiên do nghệ sĩ đàn bầu Hoàng Anh Tú biểu diễn với dàn nhạc dân tộc của Singapore.

Từ khóa: Sắc xuân, nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, tác phẩm khí nhạc

Comporser Do Hong Quan is one of the mature Comporser s after 1975, he works in many fields (Comporser s, conductors, pedagogues) and especially in the field of musical composition. In 2007, at the request of the Asian Orchestra, the Comporser composed a piece called Sac Xuan. The author has exploited the complex features of the dan bau and other musical instruments with similar timbres to those of the Vietnamese nation, to express traditional musical materials such as Cheo, Nha Nhac, Quan Ho Bac. Ninh, Xoan singing... When listening to Sac Xuan, people feel lost in the joyful and excited atmosphere of the Spring Festival. The piece was performed for the first time by dan bau artist Hoang Anh Tu with Singapore's national orchestra.

Keywords: *Sac Xuan, Comporser Do Hong Quan, instrument work*

1. Vài nét về tác giả và tác phẩm

1.1. Nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân

Nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân là một trong số những nhạc sĩ trưởng thành sau năm 1975, ông hoạt động trên nhiều lĩnh vực (nhạc sĩ, nhạc trưởng, nhà sư phạm) và đặc biệt là lĩnh vực sáng tác khí nhạc. Ông luôn thể hiện một phong cách sáng tác khác biệt, khẳng định ngôn ngữ riêng của mình. Ông là nhạc sĩ Việt Nam kế thừa tinh hoa của dòng âm nhạc kinh điển bác học, đồng thời kết hợp với những yếu tố mang đậm âm hưởng âm nhạc dân gian để tác phẩm luôn mang bản sắc dân tộc. Những sáng tác của ông thường giàu hình ảnh đưa người nghe chạm đến một cảm nhận chân thực nhất. Nhạc sĩ sáng tác ở nhiều thể loại âm nhạc như lĩnh vực cho thanh nhạc gồm các ca khúc, hợp xướng...lĩnh vực cho khí nhạc gồm giao hưởng, thính phòng với các tiểu phẩm, hoà tấu concerto... hay như hoà tấu các nhạc cụ dân tộc...

1.2. Giới thiệu về tác phẩm Sắc xuân

Năm 2007, theo yêu cầu của dàn nhạc châu Á, nhạc sĩ đã sáng tác một tác phẩm có tên Sắc Xuân. Đây là tác

phẩm có quy mô lớn, thuộc thể loại Concerto cho đàn bầu, mang nhiều màu sắc âm nhạc các vùng miền khác nhau. Tác giả đã khai thác tính năng phức tạp của đàn bầu và các nhạc cụ mang âm sắc gần giống với các nhạc cụ của dân tộc Việt Nam, để thể hiện chất liệu âm nhạc truyền thống như: Chèo, Nhã nhạc, Quan họ Bắc Ninh, Hát xoan... Khi nghe Sắc Xuân người nghe như lạc trong không khí tươi vui, nô nức của ngày hội mùa xuân. Tác phẩm đã được biểu diễn lần đầu tiên do nghệ sĩ đàn bầu Hoàng Anh Tú biểu diễn với dàn nhạc dân tộc của Singapore.

2. Phân tích tác phẩm Sắc xuân

2.1. Cấu trúc tác phẩm

Tác phẩm Sắc xuân được chia thành 6 phần: Phần 1 (Nhịp 1 – 44) – Moderato (vừa phải) được chia thành 3 giai đoạn và kết. Giai đoạn 1(nhịp 1 – 10) là giai đoạn mở đầu, với hai ô nhịp đầu , tác giả khai thác kỹ thuật lấy đàn Pipa (tì bà) tạo nét nhạc mô phỏng âm sắc của đàn violon trong dàn nhạc giao hưởng phương Tây. Giai đoạn 2 (Nhịp 10 - 26) là sự đối đáp giữa nhạc cụ độc tấu - đàn Bầu và bộ đệm sáo - bộ nhị

- bộ Yangqin¹ vs Gaoyin Ruan². Có thể nhận thấy sự tương phản rõ rệt trong các câu nhạc này là về mặt tiết tấu đó là: tiết tấu của đàn bầu là những nốt trường độ ngân dài đan xen với tiết tấu móc đơn đi liền tiếng; bộ nhị (gồm 2 đàn là Gaohu³ và Erhu⁴) có tiết tấu đều đặn; Gaoyin Ruan là nét chạy nhanh xuất hiện thấp thoáng; Bangdi (sáo) đảm nhiệm chơi tiết tấu phức tạp và giai điệu rõ rệt nổi bật. Chính vì vậy, các nét nhạc trên các bè như sự đối đáp, tạo nên sự tương phản đầy ấn tượng cho phần nhạc mở đầu. Giai đoạn 3 (Nhịp 26-30) ban đầu giai điệu cũng như bè đệm chơi trên thang âm của điệu Sơn cung, sau đó chuyển điệu Đô chủ về kết phần một. Kết gồm 4 ô nhịp (Nhịp 40 – 44), xuất hiện ký hiệu báo sự thanh đổi tốc độ Piu mosso (nhanh hơn), đóng vai trò tổng kết phần 1, đưa âm nhạc lên cao trào và chuẩn bị cho phần tiếp theo. Trong giai đoạn kết này, hầu hết các nhạc cụ trong dàn nhạc đều tham gia diễn tấu, bộ sáo như Bangdi, Qudi, Xindi đi đồng âm, đồng tiết tấu và có sự góp mặt của bộ gõ, kết hợp với đó là nhân lệch tạo nên tính hoạt náo.

Phần 2 (Nhịp 45 – 103) – Allegro Moderato (nhanh, vừa phải) tính chất âm nhạc thay đổi so với phần 1, phần nhạc này cũng được chia thành 3 giai đoạn phát triển và đều được phát triển trên thang âm của điệu Rê vũ. Giai đoạn 1 (Nhịp 45 – 67) tiết tấu trong giai điệu của phần này cũng phức tạp hơn, mật độ xuất hiện của bộ sáo (Bangdi, Qudi, Xindi) dày hơn và bộ gõ vẫn liên tục gõ tiết tấu đảo phách mang đến một không khí rộn ràng, tươi vui. Giai đoạn 2 (Nhịp 68 – 88) tất cả các nhạc cụ trong dàn nhạc đều tham gia diễn tấu, hơn thế nữa, các cồng đồng âm, đồng tiết tấu, khiến âm nhạc ở đây được đưa lên cao trào. Giai đoạn 3 (Nhịp 89 – 103), ở đây motif⁵ chủ đề được nhắc lại nhiều lần, nhằm khẳng định chủ đề trước khi chuyển tiếp sang phần nhạc mới.

Phần 3 (Nhịp 104 – 177) được chia thành 3 giai đoạn và kết. Giai đoạn 1 (Nhịp 104 – 120), trong giai đoạn này, hầu hết là đàn bầu độc tấu, cuối nhịp thứ 110, 111 xuất hiện thêm Dagou (trống lớn) chơi tremollo (lấy rền) với âm sắc nhỏ, Nhịp 117 - 121 xuất hiện sáo Bangdi và Qudi cùng Pipa (đàn tỷ bà) tham gia với tần xuất rất ít. Chất liệu âm nhạc đàn bầu chơi mang âm hưởng của làn điệu chèo. Giai đoạn 2 (Nhịp 121 – 151), trong 5 nhịp đầu của giai đoạn này, hai đàn nhị là Gaohu và Erhu chơi giai điệu chính, đàn Bầu vào sau đó (từ nhịp 136). Giai điệu của giai đoạn này được chơi trên điệu Đô cung – điệu thức hay gặp nhiều trong dân ca Bắc bộ, kết hợp với những nốt móc đơn chạy chùm 7, chùm 10 tạo nên sự linh hoạt trong giai điệu. Giai đoạn 3 (Nhịp 152 – 169), vẫn trên nền điệu Đô cung motif chủ đề được họa lại ở các bè khác nhau. Kết (Nhịp 170 – 177), cả dàn nhạc tham gia vào việc diễn tấu, âm hưởng kết dồn dập, tổng hợp lại chất liệu chủ đề của cả phần. Ở phần 3,

tác giả như đang muốn diễn tả một không gian mùa xuân của các vùng miền phía Bắc, một không gian tươi vui, đầm ấm, rộn ràng.

Phần 4 (Nhịp 178 – 210) – Andante (chậm, thông thả) được chia thành 3 giai đoạn. Giai đoạn 1 (Nhịp 178 – 186), giai điệu chính do Bầu diễn tấu xuất hiện biến âm, trên nền đệm của Violoncello và Contrebass, kết hợp với lấy của bè Yangqin. Giai đoạn 2 (Nhịp 187 – 199), nét giai điệu chính của nhạc cụ độc tấu được mô phỏng và phát triển từ giai đoạn trước. Thêm vào đó, Gaoyin, Pipa (đàn tỷ bà) sử dụng kỹ thuật lấy kết hợp Violoncello và Contrebass tham gia vào bè đệm khiến âm nhạc ở đây trở nên giàu “sắc xuân” hơn. Giai đoạn 3 (200 -210), xuất hiện motif của bài dân ca Se chỉ luôn kim, âm hưởng đậm nét Bắc bộ.

Phần 5 (211 – 322) - Allegro Moderato (nhanh, vừa phải) được chia thành 6 giai đoạn. Trong đó, giai đoạn 1 (Nhịp 211- 232) chủ đề xuất hiện sau đó được họa lại ở bè Gaohu và Erhu (Nhị 1 và nhị 2). Giai đoạn 2 (Nhịp 233 – 254) mô phỏng lại tiết tấu của giai đoạn trước. Giai đoạn 3 (Nhịp 255 – 276), chủ đề mới xuất hiện tiết tấu móc giật, tạo nên tính vui nhộn cho giai điệu chủ đề. Giai đoạn 4 (Nhịp 277 – 288) quay lại chất điệu chủ đề 1. Giai đoạn 5 (Nhịp 289 – 315), đàn bầu sử dụng kỹ thuật staccato, thêm vào đó là sắc thái mạnh (ff), cùng với đó là sự góp mặt của tất cả các nhạc cụ trong dàn nhạc, đưa phần nhạc lên đến cao trào, tạo âm hưởng tráng lệ, rực rỡ. Giai đoạn 6 (Nhịp 316 – 322), đây là giai đoạn giải quyết cao trào của phần 5, đến đây chỉ còn duy nhất đàn bầu chơi độc tấu kết hợp với một vài nét lấy nhanh của các bè như Gaoyin, Pipa (tỷ bà) để đưa phần nhạc về kết.

Phần 6 (Nhịp 323 – 365) được chia thành 3 giai đoạn và kết, đây là phần nhạc rất đặc biệt, tác giả khai thác tính năng bộ gõ với những tiết tấu đều đặn, khiến âm nhạc của phần này mang đậm màu sắc Phật giáo. Giai đoạn 1 (Nhịp 323 – 333), đàn bầu không xuất hiện, thay vào đó là tiết tấu móc đơn trì tục ở bè Woodblock (thanh phách), nốt đen ở bè Cymbales và nốt trắng chấm đôi ở bè Dagou (trống lớn). Kết hợp với đó là giai điệu do bè Gaohu (Nhị 1) chơi trên nền điệu Rê vũ. Giai đoạn 2 (Nhịp 334 – 345) bộ gõ vẫn giữ nguyên tiết tấu trì tục như ở giai đoạn trước. Đàn Gaohu (Nhị 1) vẫn chơi giai điệu chính, tuy nhiên ở bè đệm, các bộ nhạc cụ trong dàn nhạc lần lượt được tham gia. Giai đoạn 3 (Nhịp 346 – 365), giai điệu tiếp tục mô phỏng motif chính của chủ đề trên phần độc tấu của đàn bầu cùng dàn nhạc. Kết (365 – 370) đàn bầu tiếp tục chơi giai điệu chính, sử dụng kỹ thuật pizzicato (gảy), các bè khác ngân dài tạo âm hưởng kết rõ rệt.

2.2. Chất liệu xây dựng chủ đề

Chủ đề âm nhạc có thể được coi như là nền tảng chính của sự phát triển trong một tác phẩm âm nhạc. Ở phần này, chúng tôi sẽ đề cập về cách xây dựng và phát triển chủ đề trong các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, để thấy được sự khai thác các chất liệu đề chủ đề một cách phong phú trong các sáng tác của ông.

Từ bao đời nay, những làn điệu dân ca luôn là nơi để gửi gắm những tâm tư, tình cảm và phản ánh sâu sắc nhất đời sống tinh thần của mỗi người dân. Âm hưởng của những điệu dân ca luôn mang nét đặc trưng của mỗi dân tộc và vùng miền. Các bài dân ca vốn đã là những giai điệu đẹp, quen thuộc, gần gũi dễ hiểu đối với người nghe đồng thời cũng là nguồn cảm hứng sáng tạo cho nhiều nhạc sĩ. Chính vì vậy, khi những tác phẩm khí nhạc được các nhạc sĩ khai thác và sáng tạo thông qua các bài dân ca sẽ làm cho những tác phẩm đó trở nên thân thuộc hơn với thính giả.

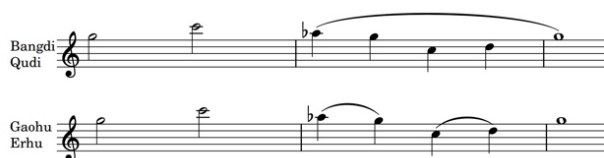
Trong các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, chủ đề âm nhạc cũng được hình thành từ những chất liệu quý báu đó. Ông khai thác bằng cách sử dụng motif từ những làn điệu dân ca mang tính chất như dẫn đề vào một mạch cảm xúc. Có thể thấy rằng, trong Sắc xuân, lấy ý tưởng từ bài Lý ngựa ô - dân ca Nam bộ, tác giả đã xây dựng giai điệu chủ đề biến tấu từ câu "...Anh đưa nàng về dinh" này được xuất hiện ở dạng biến tấu trong giai đoạn 1 của phần 6, ô nhịp 330-331, do bè Gao hu (Nhị 1) diễn tấu., mô phỏng lại giai điệu chủ đề chính của của tác phẩm.

Ví dụ 1: Nhịp 330 - 334 Sắc xuân



Ngoài các làn điệu dân ca Nam bộ, chủ đề trong các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân còn được xây dựng từ âm hưởng hoặc lấy nguyên gốc của dân ca Quan họ Bắc Ninh. Ở tác phẩm Sắc xuân, ô nhịp 200 - 205 thuộc phần 4 của bài, xuất hiện một nét giai điệu tha thiết, được lấy âm hưởng từ bài dân ca Se chỉ luôn kim do 2 sao là Bangdi và Qudi diễn tấu.

Ví dụ 2: nhịp 200 - 205, Sắc xuân



Tác giả còn xây dựng chủ đề dựa trên chất liệu nhã nhạc cung đình Huế. Trong hoà tấu nhạc cung đình Huế, ta thường gặp nhóm liên khúc Lưu thủy kim

tiền, Xuân long phụng hổ. Đây là những bản nhạc lễ thường được chơi trong lúc có lễ dâng hương, dâng rượu, lễ cúng tế trong cung đình hay đám rước ngoài đường... Trong tác phẩm Sắc xuân, từ ô nhịp 170 - 175 đề diễn tả những âm thanh ngày xuân tươi đẹp, vui nhộn, với tiết cổ truyền, tác giả cũng sử dụng âm hưởng của Xuân phụng long hổ để diễn đạt. Giai điệu của điệu này được chơi trên bè Zonghu, trên nền bè đệm của Violoncello và Contrebass, sau đó có bè Gao hu và Erhu (Nhị 1 - Nhị 2) tham gia diễn tấu cùng. Không gian ngày xuân được nhạc sĩ diễn tả rất rõ nét.

Ví dụ 3: 170- 175, Sắc xuân



Nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân trải qua nhiều giai đoạn sáng tác, mỗi tác phẩm khí nhạc của ông đều có cách trình bày về mặt cấu trúc, hình thức, thể loại, ngôn ngữ âm nhạc... Nhưng nét đặc trưng xuyên suốt trong các sáng tác của ông đó là sự chú trọng về cách đổi mới và khai thác đặc tính của âm nhạc dân tộc một cách triệt để, tạo nên giá trị độc đáo đặc trưng cho âm nhạc dân tộc. Thang âm, điệu thức là một yếu tố rất quan trọng để tạo nên tính dân tộc cho tác phẩm. Vì vậy, bên cạnh việc sử dụng những làn điệu dân ca, làn điệu âm nhạc truyền thống, nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cũng vận dụng nhiều thang âm, điệu thức để xây dựng chủ đề. Chất liệu chủ đề của phần 5 (nhịp 277 - 280) trong Sắc xuân tác giả sử dụng thang 5 âm theo điệu Rê Nam (d - f - g - a - c), giai điệu của chủ đề là quãng 2 trưởng kết hợp với quãng 4 đúng. Thêm vào đó, giai điệu chủ đề do đàn bầu chơi kết hợp bộ tạo nên âm hưởng trữ tình, tình cảm.

Ví dụ 4: nhịp 277 - 280, Sắc xuân



Sử dụng các chất liệu từ ca khúc song song với việc khai thác chất liệu truyền thống trong xây dựng chủ đề âm nhạc, Đỗ Hồng Quân còn sử dụng những nét giai điệu hoặc âm hưởng của những ca khúc đương đại. Trong Sắc xuân câu 3 của phần 3, ô nhịp 165-168, chủ đề được xây dựng nét giai điệu mang âm hưởng bài Hành quân xa của nhạc sĩ Huy Du, biến tấu từ câu nhạc "Vai vác nặng ta đã đổ mồ hôi". Kết hợp với đó là chủ đề do đàn bầu diễn tấu cùng các bè đệm mang đến tính chất khoẻ khoắn, đầy sức sống.,

Ví dụ 5: nhịp 165-168, Sắc xuân



3. Kết luận

Tác giả đã sử dụng chất liệu khá phong phú. Đầu tiên phải đề cập đến việc khai thác từ chất liệu âm nhạc dân gian như: dân ca các vùng miền, câu đồng dao trong trò chơi dân gian, các làn điệu chèo hoặc nhạc cung đình Huế (long xuân phụng hỷ, nhã nhạc). Các quãng như quãng bốn, quãng năm – quãng đặc trưng của dân tộc cũng được sử dụng khá phổ biến. Bên cạnh đó, nguồn chất liệu dồi dào được khai thác từ thang âm – điệu thức được xây dựng từ thang 3 – 4 – 5 âm cũng được triển khai khá rộng, dưới nhiều cách thức linh hoạt khác nhau. Đôi lúc, còn có sự kết hợp các điệu thức cùng dạng thức – khác chủ âm. Ngoài ra, tác giả còn lấy chất liệu từ các ca khúc đương đại trên hệ thống điệu thức 12 âm. Sự đan xen này đã mang đến cho các tác phẩm vừa mang đậm nét dân tộc nhưng vẫn có hơi thở của thời đại. Có thể thấy, nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân đã rất linh hoạt trong việc khai thác chất liệu âm nhạc truyền thống để xây dựng chủ đề âm nhạc. Ông đã sử dụng các bài dân ca, có khi lại sử dụng âm hưởng của chèo, nhạc cung đình Huế... thang âm điệu thức của dân tộc cũng được chú trọng và là nguồn chất liệu dồi dào được nhạc sĩ sử dụng. Bên cạnh sử dụng các yếu tố âm nhạc truyền thống, tác giả còn sử dụng âm hưởng hoặc lấy giai điệu của những ca khúc Việt Nam đương đại để tạo nên làn gió mới mà vẫn giàu tính dân tộc.

CHÚ THÍCH

¹Yangqin: Đàn tam thập lục

²Gaoyin Ruan: Cầu tạo giống đàn Tứ cao

³Gaohu: Đàn hồ cao

⁴Erhu: Đàn nhị

⁵Motif: là nhân tố nhỏ nhất của âm nhạc, chứa dạng cao độ và tiết tấu hoàn chỉnh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Willi Apel (1969), *Từ điển âm nhạc của Havard (quyển 3)*, Đại học Havard.

2. Nguyễn Bách (2021), *Từ điển giải thích thuật ngữ âm nhạc*, Nxb tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyễn Thị Minh Châu (2007), *Âm nhạc Việt Nam Tác giả tác phẩm (tập III)*. Hà Nội: Viện âm nhạc.

4. Hồng Đăng, Tân Huyền, Vũ Tự Lân (1997), *Nhạc sĩ Việt Nam hiện đại*, Nxb Hội nhạc sĩ.

5. Nguyễn Đại Đồng (2017), “Đổi mới dạy và học môn lịch sử âm nhạc phương Tây”, *Giáo dục âm nhạc – Music education- Tập 3*, Học viện âm nhạc quốc gia Việt Nam.

6. Marin Goleminop do Tô Hải dịch (1972), *Nghệ thuật phối dàn nhạc*, Nxb Văn hoá

7. Lan Hương (2002), *Các thể loại âm nhạc*, Nxb Văn hoá thông tin

8. Phạm Tú Hương (2010), *Tổng tập âm nhạc Việt Nam tác giả và tác phẩm tập 1*, Nxb văn hoá dân tộc, Viện âm nhạc.

9. Minh Khang (1987), “Vai trò quãng bốn trong âm nhạc”. *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật (2)*

10. Phạm Minh Khang (2005), *Giáo trình hòa thanh*, Nhạc viện Hà Nội

11. M.B Khraprenko (1984), *Sáng tạo nghệ thuật, hiện thực, con người*, Nxb Khoa học xã hội.

12. PGS.TS Vũ Tự Lân (2015), *Từ điển âm nhạc*, Nxb Hà Nội.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LÀNG NGHỀ CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

LUƠNG THỊ HẰNG MY

Email: luonghangmy@gmail.com

Trường ĐHSP Nghệ thuật TW

EXPERIENCING TRADE VILLAGES AS A WAY TO ENHANCE THE QUALITY OF EDUCATING TRADITIONAL CULTURAL VALUES FOR HIGH-SCHOOL STUDENTS IN THE RED RIVER DELTA

TÓM TẮT

ABSTRACT

Giáo dục thông qua hoạt động trải nghiệm là một hình thức tổ chức dạy học tích cực, giúp người học hình thành năng lực tư duy sáng tạo, phát triển nhân cách cho học sinh. Mô hình giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh trung học phổ thông (THPT) thông qua hoạt động trải nghiệm làng nghề đang được nhiều trường THPT quan tâm áp dụng. Đây là các hoạt động giáo dục mà trong đó dưới nhiều hình thức trao đổi nhằm đề cao vai trò của tổ chức, điều khiển của người dạy. Từ đó giúp học sinh được trực tiếp tìm hiểu, quan sát, tham quan, trải nghiệm cùng các sản phẩm làng nghề. Học sinh được thuyết trình, được tham gia tìm hiểu về làng nghề, sản phẩm làng nghề. Từ đó nắm bắt và hiểu được giá trị truyền thống, lịch sử văn hóa của địa phương, của dân tộc một cách hữu ích.

Từ khóa: Chất lượng giáo dục, giá trị văn hóa truyền thống, học sinh Trung học phổ thông; hoạt động trải nghiệm làng nghề

Experiential teaching is a method in which teachers encourage learners to participate in practical experiences. It focuses on the formation of learners' capacity through practice in accordance with the psychological principles to shape and develop students' personality. The model of educating traditional cultural values for high school students through experiencing trade villages refers to organizing educational activities in which the teachers work as organizers and moderators. Students simultaneously can directly learn, observe, visit, try making traditional products, give presentations, take part in contests to learn about villages and their products. Thereby they will grasp and understand the traditional values as well as cultural history of the locality and of the nation.

Keywords: Educating traditional cultural values; high-school students; experiencing traditional trade villages

1. Tầm quan trọng của hoạt động giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh Trung học phổ thông qua hoạt động trải nghiệm làng nghề

Thông qua hoạt động trải nghiệm sẽ giúp học sinh tăng cường hiểu biết, phát triển kỹ năng, định hình các giá trị sống và phát triển tiềm năng bản thân, tiến tới có đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội. Giáo dục thông qua hoạt động trải nghiệm sẽ huy động một cách toàn diện về trí tuệ, cảm xúc, thể chất, kỹ năng và các quan hệ xã hội của bản thân. Đòi hỏi người học phải sáng tạo, tự chủ, phải tích cực tham gia vào việc đặt câu hỏi, tìm tòi, trải nghiệm, tự chịu trách nhiệm, tự giải quyết vấn đề. Giáo dục thông qua hoạt động trải nghiệm đã được đưa vào chương trình giáo dục phổ thông mới và thực tiễn một số hoạt động

trải nghiệm đã khẳng định được ưu thế trong việc nâng cao nhận thức, góp phần giáo dục các giá trị văn hóa, truyền thống của các địa phương cho học sinh.

Mô hình giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh trung học phổ thông thông qua hoạt động trải nghiệm làng nghề được hiểu là tổ chức các hoạt động giáo dục mà trong đó dưới vai trò tổ chức, điều khiển của người dạy, học sinh được trực tiếp tìm hiểu, quan sát, tham quan, được thử làm các sản phẩm làng nghề, được thuyết trình, được tham gia thi tìm hiểu về làng nghề, sản phẩm làng nghề, từ đó nắm bắt và hiểu được giá trị truyền thống, lịch sử văn hóa của địa phương, của dân tộc. Thông qua hoạt động trải nghiệm làng nghề, học sinh được trực tiếp tham gia

EDUCATION

vào các hoạt động tổ chức sản xuất, được tương tác với nghệ nhân, với sản phẩm nghề thủ công; hình thành tri thức về giá trị văn hóa làng nghề, hình thành văn hóa thưởng thức nghệ thuật, nắm được mối liên hệ giữa văn hóa truyền thống và hiện đại, từ đó học sinh có thể vận dụng vào đời sống cá nhân và xã hội. Từ hoạt động trải nghiệm làng nghề, học sinh là người thiết kế, tổ chức và thực hiện các hoạt động, tích cực hóa bản thân, khám phá, điều chỉnh bản thân, phát huy vốn kinh nghiệm cá nhân, biết phát hiện sở trường, năng lực nổi trội của mình, góp phần cùng nhà trường có những định hướng nghề nghiệp phù hợp cho tương lai.

2. Thực trạng hoạt động giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh Trung học phổ thông thông qua hoạt động trải nghiệm làng nghề ở vùng Châu thổ sông Hồng

2.1. Khái quát về làng nghề và đặc điểm học sinh THPT vùng Châu thổ sông Hồng

Châu thổ sông Hồng là trung tâm chính trị, văn hóa, là vùng tập trung nhiều làng nghề nhất trong cả nước. Làng nghề ở vùng Châu thổ sông Hồng có tính điển hình về quy mô, loại hình và đặc thù hoạt động sản xuất ở khu vực; gắn với truyền thống lịch sử và mang đậm các giá trị văn hóa truyền thống của mỗi địa phương, của vùng, miền. Nhiều sản phẩm thủ công đã có lịch sử lâu đời với truyền thống hàng trăm năm như sản phẩm cỏi, mây tre đan, gốm, kim khí, thêu ren, chạm khắc gỗ, chạm khắc đá, giấy thủ công... Sự phát triển của làng nghề trong những năm gần đây có vai trò to lớn, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, xóa đói giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội. Các làng nghề có sự phát triển về trình độ sản xuất, phân công lao động trên cơ sở tận dụng tiềm năng, lợi thế lao động của vùng, đồng thời kết hợp bàn tay khéo léo của nghệ nhân với công cụ cơ giới hóa, áp dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất đã tạo nên những chuyển biến tích cực trong sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của vùng.

Tính đến năm 2021, riêng vùng Châu thổ sông Hồng có 2.447 làng nghề (chiếm 48% trong tổng số 5.096 làng nghề cả nước), trong đó, 875 làng nghề đã được công nhận¹. Trong tổng số làng nghề của toàn vùng, Thành phố Hà Nội là địa phương có nhiều làng nghề nhất, với 1.350 làng nghề và làng có nghề (tăng 70 làng nghề so với năm 2010), chiếm gần 57% tổng số làng nghề của vùng Châu thổ sông Hồng².

Giáo dục vùng Châu thổ sông Hồng chiếm một vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân. Ưu thế lớn của khu vực Châu thổ sông Hồng là nhân lực có trình độ cao, được đào tạo bài bản, tỷ lệ học sinh THPT có điểm thi vào các trường Đại học, Cao đẳng và tỷ lệ sinh viên trên đầu người cao nhất cả nước.

Khu vực này tập trung 140 trường Đại học và Cao đẳng (chiếm 36,26%), bình quân 14 trường đại học/tỉnh (gấp 2 lần mức bình quân cả nước). 100% số tỉnh, thành phố đã hoàn thành phổ cập tiểu học và Trung học cơ sở (THCS) đúng độ tuổi quy định. Số lượng trường THCS và THPT trên địa bàn các tỉnh vùng Châu thổ sông Hồng đáp ứng đủ nhu cầu học tập của học sinh trong vùng (Bảng 1):

Bảng 1: Số lượng trường THCS và THPT vùng Châu thổ sông Hồng năm 2021

TT	Tỉnh/Thành phố	Trường THCS	Trường THPT
1	Hà Nội	621	199
2	Bắc Ninh	134	35
3	Hải Dương	240	55
4	Hải Phòng	181	57
5	Hưng Yên	144	35
6	Thái Bình	106	39
7	Hà Nam	107	22
8	Nam Định	226	57
9	Ninh Bình	134	27

Nguồn: Tổng cục thống kê (2022): Niên giám thống kê 2021, Nxb Thống kê, tr. 777

Số lượng học sinh đang học THCS, THPT rất cao, bên cạnh đó số lượng và chất lượng đội ngũ giáo viên đang giảng dạy đông đảo đã giúp cho chất lượng và trình độ của học sinh trong vùng không ngừng được nâng cao, tình trạng thiếu giáo viên không diễn ra như các địa phương ở các vùng khác trong cả nước (Bảng 2)

Bảng 2: Số lớp THCS, THPT và số lượng giáo viên đang giảng dạy vùng Châu thổ sông Hồng năm 2021

TT	Tỉnh/Thành phố	THCS		THPT	
		Số lớp	Số GV	Số lớp	Số GV
1	Hà Nội	13397	22931	6411	12125
2	Bắc Ninh	2172	4064	1048	2114
3	Hải Dương	3180	5072	1331	2554
4	Hải Phòng	1364	5346	1490	2496
5	Hưng Yên	2088	3597	914	1828
6	Thái Bình	2838	5401	2131	2167
7	Hà Nam	1346	2436	572	1264
8	Nam Định	2994	5630	1367	2850
9	Ninh Bình	1571	2963	708	1615

Nguồn: Tổng cục thống kê (2022): Niên giám thống kê 2021, Nxb Thống kê, tr. 780, 783

Đặc điểm học sinh THPT nói chung, học sinh THPT vùng Châu thổ sông Hồng nói riêng nằm trong độ tuổi vị thành niên và là giai đoạn cuối của tuổi vị thành niên và giai đoạn giữa của tuổi thanh niên. Theo cách xác định phổ biến và được thừa nhận trong tâm lý học, tuổi thanh niên được xác định từ 15 đến 25 tuổi, với hai thời kì: (15 - 19 và 19 - 25). Số lượng học sinh vùng Châu thổ sông Hồng có số lượng đông đảo. Do điều kiện kinh tế phát triển, hơn nữa truyền thống hiếu học và ở cái nôi văn hóa lâu đời của cả nước nên chất lượng học sinh THPT của vùng Châu thổ sông Hồng có chất lượng rất tốt. Khi kinh tế phát triển thì đầu tư cho giáo dục tốt hơn và tất nhiên chất lượng giáo dục được nâng lên. Điều này thể hiện qua số liệu kỳ thi học sinh giỏi toàn quốc 2015, 2016, 2017.

2.2. Thực trạng hoạt động giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh PTTH qua hoạt động trải nghiệm làng nghề ở vùng đồng bằng sông Hồng

Qua thực tiễn cho thấy, hoạt động giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm làng nghề đã phát huy được những giá trị thực tiễn, đồng thời đã phát huy được những mặt tích cực, cụ thể:

Đáp ứng được mục tiêu giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh

Hoạt động trải nghiệm làng nghề đã đáp ứng tốt yêu cầu của việc thực hiện mục tiêu giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh. Điều này được thể hiện qua kết quả đánh giá rất cao của các giáo viên. Cụ thể: cung cấp cho học sinh tri thức về những giá trị văn hóa truyền thống (có tỉ lệ đánh giá 70,2 %) đáp ứng tốt; giúp học sinh có thái độ trân trọng, tự hào với những giá trị văn hóa truyền thống của quê hương (có tỉ lệ đánh giá 61,1%) đáp ứng tốt; hình thành và phát triển thói quen ứng xử phù hợp với các giá trị văn hóa truyền thống trong mỗi cá nhân học sinh (có tỉ lệ đánh giá là 84,6%) đáp ứng tốt.

Hoạt động giáo dục giá trị văn hóa truyền thống thông qua trải nghiệm làng nghề đã xác lập và nâng cao ý thức của học sinh

Theo kết quả nghiên cứu, đối với đối tượng học sinh THPT một số trường trên địa bàn vùng Châu thổ sông Hồng cho thấy, các em đều có ý kiến sau khi tham gia hoạt động trải nghiệm làng nghề, các bạn trong lớp đã có tinh thần đoàn kết hơn, ý thức tự giác học tập, tự giác rèn luyện được nâng cao. Đồng thời, học sinh đã có thái độ quan tâm giúp đỡ bạn bè hơn trong các hoạt động tập thể, đặc biệt, các em đều có ý thức coi trọng lao động (Bảng 3). Đây là những thay đổi rất tích cực của học sinh, điều đó cho thấy tác dụng của hoạt động giáo dục giá trị văn hóa truyền thống thông qua trải nghiệm làng nghề đối với học sinh THPT.

Bảng 3: Đánh giá của học sinh về tác dụng tham gia hoạt động trải nghiệm làng nghề mang lại cho bản thân

Nội dung	Có	Bình thường	Không
Nâng cao tinh đoàn kết	67%	32%	1%
Tự giác học tập	81%	17%	2
Tự giác rèn luyện	83%	13,7%	3,3
Quan tâm, giúp đỡ bạn bè	76%	21.5	2,5
Coi trọng lao động	86%	9.9%	4,1

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

Không chỉ học sinh tự đánh giá về những đức tính mà bản thân thu được sau khi tham gia hoạt động nói trên, mà ngay cả các giáo viên cũng có những đánh

giá hết sức tích cực về ý thức của học sinh sau khi tham gia hoạt động trải nghiệm làng nghề.

Qua đó cho thấy hoạt động giáo dục giá trị văn hóa thông qua trải nghiệm làng nghề đã có tác động hết sức tích cực trong việc nâng cao ý thức của học sinh nói chung và giúp các em thấm thấu các giá trị văn hóa truyền thống hơn. Từ đó, giúp cho các em hình thành nên thói quen hành xử theo các chuẩn mực của hệ giá trị văn hóa truyền thống. Đây là điều cần được phát huy và nhân rộng để mô hình hoạt động này lan tỏa, phát huy tác dụng của mình trong quá trình tổ chức giáo dục của các nhà trường.

Bên cạnh những kết quả tích cực, hiện nay việc giáo dục giá trị văn hóa thông qua hình thức trải nghiệm làng nghề vẫn còn nhiều tồn tại và hạn chế. Qua nghiên cứu, điều tra khảo sát của nhóm nghiên cứu từ thực tiễn của các nhà trường trên địa bàn các tỉnh vùng Châu thổ sông Hồng cho thấy việc xác định mục tiêu, nội dung, chủ đề và hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm làng nghề chưa tốt. Đa số giáo viên có đánh giá về việc xác định mục tiêu cho quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm có tỉ lệ chưa tốt (chiếm 41,2%); xác định nội dung, chủ đề hoạt động có tỉ lệ đánh giá chưa tốt (chiếm 39.1%); xác định hình thức tổ chức hoạt động có tỉ lệ đánh giá chưa tốt (trên 50%). Đây là những khâu đầu tiên và có vai trò quyết định cho cả quá trình tổ chức thực hiện, nhưng qua sự đánh giá của các giáo viên tại các nhà trường đã cho thấy khâu này đang bị xem nhẹ và chưa có sự chuẩn bị kỹ lưỡng.

Việc xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm làng nghề trong các nhà trường hiện nay đang bộc lộ nhiều bất cập. Công tác lập kế hoạch chưa đồng bộ, thống nhất trong kế hoạch hoạt động chung toàn nhà trường, vì thế công tác lập kế hoạch tổ chức cho từng lớp cũng gặp phải khó khăn. Đồng thời kế hoạch phối hợp với các lực lượng bên ngoài cũng gặp những vướng mắc nhất định. Kết quả khảo sát cho thấy, công tác này có tỉ lệ đánh giá bình thường và chưa tốt (chiếm hơn 70%), (Hình 5) chính vì vậy, tính liên thông của kế hoạch không cao, gây không ít khó khăn cho công tác tổ chức thực hiện.

Có thể nói, bất cứ một quá trình hoạt động nào cũng phải được kiểm tra, giám sát chặt chẽ, sau đó phải được đánh giá, tổng kết để nhìn nhận lại những mặt đạt được và hạn chế của nó, từ đó đưa ra những giải pháp khắc phục. Hơn nữa việc đánh giá nhằm tuyên dương những cá nhân điển hình, có đóng góp cho quá trình hoạt động có hiệu quả. Công tác này phải được thực hiện thường xuyên và được tổ chức định kỳ theo tiến trình của kế hoạch thực hiện. Tuy nhiên, theo đánh giá của giáo viên tại các trường ở các địa phương trong vùng mà đề tài nghiên cứu, công tác

EDUCATION

kiểm tra, đánh giá, tổng kết hoạt động trải nghiệm làng nghề chưa được tiến hành thường xuyên, hơn nữa chưa kết hợp cùng các lực lượng bên ngoài để thực hiện công việc này.

Để có căn cứ xác lập các giải pháp tháo gỡ khó khăn, cần phải nghiên cứu tìm ra những nguyên nhân cơ bản, từ đó giải quyết vấn đề một cách triệt để. Theo khảo sát của đề tài, nguyên nhân của những khó khăn gặp phải trong công tác này tập trung trên ba nhóm cơ bản:

Một là, nhóm nguyên nhân về kế hoạch, chương trình và nội dung, chủ đề tổ chức hoạt động trải nghiệm làng nghề. Đây là nguyên nhân dành được sự đồng tình rất cao của các giáo viên đã khảo sát. Tỷ lệ đồng ý rất cao: chưa có kế hoạch thống nhất từ đầu năm học (chiếm 66,7 %) giáo viên đồng ý; chưa có chương trình hoạt động cụ thể: (chiếm 87,7%); nội dung chủ đề hoạt động không rõ ràng: (chiếm 80.1%)³.

Hai là, nhóm nguyên nhân về nguồn lực và thái độ đối với hoạt động trải nghiệm làng nghề. Như đã trình bày, bất cứ tổ chức hoạt động nào đều phải dành nguồn lực nhất định cho nó, không có nguồn lực thực hiện thì hoạt động động đã nắm chắc thất bại đến 80% và sẽ dẫn đi vào hình thức. Từ việc thiếu nguồn lực vật chất sẽ dẫn đến hệ lụy là thái độ của các cấp quản lý không quan tâm sâu sát đến sự việc này. Đây là, hệ quả tất yếu đối với việc tổ chức triển khai công việc trong nền kinh tế thị trường. Theo khảo sát, việc thiếu kinh phí và giáo viên chuyên trách (chiếm đến 91,2%) ý kiến đồng ý; thiếu sự quan tâm của cán bộ quản lý và lực lượng phối hợp (chiếm 63,2%), ý kiến đồng ý, trong khi đó thái độ hào hứng tham gia của học sinh rất cao⁴. Do đó, có thể nói đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân, cần phải có giải pháp đầu tư và khắc phục triệt để.

Ba là, nhóm nguyên nhân về mô hình tổ chức và quy định thực hiện

Hiện nay, chưa có mô hình thực nghiệm nào về tổ chức giáo dục giá trị văn hóa truyền thống thông qua hoạt động trải nghiệm làng nghề hoàn chỉnh để làm khuôn mẫu cho các đơn vị học tập, bên cạnh đó quy định chung làm khung pháp lý cho hoạt động này tại các nhà trường cũng chỉ chung chung, dựa trên quy định chưa cụ thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo về các hoạt động giáo dục trải nghiệm. Theo đó, các giáo viên và nhà trường áp dụng tùy theo điều kiện cụ thể, mặc dù tính linh động cao nhưng rất dễ tùy tiện. Chính vì vậy, khi nảy sinh những tình huống thực tế, các giáo viên và nhà trường đều lúng túng. Đây cũng là nguyên nhân tác động đến hoạt động này.

3. Kết luận

Qua nghiên cứu, khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt

động giáo dục giá trị văn hóa truyền thống qua hoạt động trải nghiệm làng nghề ở các trường THPT thuộc vùng Châu thổ sông Hồng, trên cơ sở phân tích các nguyên nhân tác động đến chất lượng, hiệu quả của hoạt động có thể đưa ra những giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, phải xây dựng quy định thống nhất, cụ thể về hoạt động giáo dục giá trị văn hóa truyền thống thông qua hoạt động trải nghiệm đối với học sinh THPT. Nếu không có quy định sẽ dẫn đến việc mỗi đơn vị, địa phương tùy theo điều kiện cụ thể áp dụng mỗi nơi một kiểu, không theo chương trình chuẩn nào. Ngay cả các nhà trường trong một địa phương cũng thực hiện một cách khác nhau.

Thứ hai, tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên về cách thức tổ chức giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh THPT thông qua hình thức trải nghiệm làng nghề nói riêng và các hoạt động giáo dục thông qua trải nghiệm nói chung. Bởi hiện tại hoạt động này chưa được quan tâm đúng mức dẫn đến việc tổ chức hoạt động chưa mang lại hiệu quả cao.

Thứ ba, tăng cường đầu tư nguồn lực vật chất đầu tư cho hoạt động giáo dục trải nghiệm nói chung và hoạt động trải nghiệm làng nghề nói riêng. Hiện nay, nguồn lực cho hoạt động này trong các nhà trường còn còn rất thiếu, thiếu cả về kinh phí, thời gian và con người. Đây là vấn đề mà hầu hết các nhà trường hiện đang gặp phải, điều đó cũng gây tác động không nhỏ đến việc tổ chức các mô hình hoạt động giáo dục trải nghiệm làng nghề của các nhà trường.

Thứ tư, nhanh chóng xây dựng quy trình và mô hình thực nghiệm để xác định nội dung, chương trình, mục đích cho hoạt động giáo dục giá trị văn hóa truyền thống thông qua hoạt động trải nghiệm làng nghề, từ đó căn cứ cho việc kiểm tra, đánh giá kết quả của hoạt động giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh THPT thông qua hình thức trải nghiệm làng nghề có tiêu chí xác lập cụ thể.

Thứ năm, cần phải quan tâm thiết lập cơ chế phối hợp với các lực lượng bên ngoài tại địa phương trong quá trình giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh THPT thông qua hình thức trải nghiệm làng nghề nhằm mục đích tạo ra những mối quan hệ phối hợp đồng bộ trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục của nhà trường hiệu quả hơn.

Tất cả những giải pháp nói trên phải được thực hiện một cách đồng bộ và phải lồng ghép vào các hoạt động giáo dục chung của toàn trường. Tuy nhiên, hiện tại, các nhà trường cần phát huy tính chủ động linh hoạt của mình để tổ chức hoạt động trải nghiệm làng nghề cho học phù hợp với điều kiện của mình.

EDUCATION

Vấn đề quan trọng nhất là phải xây dựng được mô hình thực nghiệm cho giáo dục giá trị văn hóa truyền thống thông qua hoạt động trải nghiệm làng nghề để làm cơ sở cho việc tổ chức thực hiện.

CHÚ THÍCH

¹Làng nghề được công nhận là một thuật ngữ chung để chỉ những làng nghề được cấp tỉnh và thành phố xét duyệt và ra quyết định công nhận là làng nghề hoặc làng nghề truyền thống. Những làng nghề này phải đạt được những tiêu chí mà Nhà nước quy định. Hàng năm, các tỉnh, thành có các đợt xét công nhận. Những làng được công nhận vừa được hưởng nhiều quyền lợi, nhưng vừa phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định.

²Tổng hợp từ báo cáo của các địa phương vùng ĐBSH

³Kết quả khảo sát của tác giả

⁴Kết quả khảo sát của tác giả

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Tổng cục thống kê (2022):** *Niên giám thống kê 2021*, Nxb Thống kê
2. <https://giaoduc.net.vn/mot-goc-nhin-ve-hoc-sinh-gioi-quoc-gia-nam-2017-post174411.gd>
3. **Đỗ Việt Hùng (2016),** “*Phát triển công nghiệp làng nghề vùng Đồng bằng sông Hồng*”, **Luận án Tiến sỹ, Học viện KHXH.**
4. **Dương Bá Phượng (2001),** *Bảo tồn và phát triển làng nghề trong quá trình công nghiệp hóa*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

VAI TRÒ CỦA ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀO THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐIỆN TỬ CHO HỌC PHẦN CÔNG NGHỆ CẮT MAY TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

ĐẶNG THU HƯƠNG

Email: danghuongexclusive@gmail.com

Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp

THE ROLE OF INFORMATION TECHNOLOGY APPLICATION IN THE DESIGN OF ELECTRONIC LESSONS FOR CUTTING SEWING TECHNOLOGY MODULE AT UNIVERSITY OF INDUSTRIAL ARTS

TÓM TẮT



ABSTRACT

Nội dung bài viết trình bày về ứng dụng công nghệ thông tin vào thiết kế bài giảng điện tử học phần Công nghệ cắt may nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng dạy học của giảng viên và tạo hứng thú học cho sinh viên tại Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp. Việc áp dụng Công nghệ thông tin vào thiết kế bài giảng sẽ tạo sự hấp dẫn về hình ảnh, màu sắc, thông tin đa dạng giúp bài giảng trở nên sinh động hơn. Bài báo sử dụng phương pháp phân tích nhằm chỉ ra những ưu việt khi áp dụng Công nghệ thông tin vào thiết kế bài giảng cho học phần Công nghệ cắt may. Với phương pháp này giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu kiến thức và thúc đẩy khả năng tư duy, sáng tạo trong quá trình học tập.

Từ khóa: Bài giảng điện tử, công nghệ cắt may, hình ảnh minh họa, mỹ thuật, thiết kế thời trang

The content of the article presents the application of information technology to the design of electronic lectures for the course of cutting and sewing technology in order to innovate and improve the teaching quality of teachers and create excitement for students at the University. Studying Industrial Fine Arts. The application of information technology to the lesson design will create attractive images, colors, and diverse information to help the lecture become more vivid. The article uses an analytical method to show the advantages of applying information technology to the design of lectures for the course of cutting and sewing technology. This method helps students easily absorb knowledge and promote thinking and creativity in the learning process.

Keywords: Electronic lectures, sewing technology, illustrations, fine arts, fashion design

1. Khái quát về học phần Công nghệ cắt may tại trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp

Công nghệ cắt may là học phần cung cấp những kiến thức về kỹ thuật cắt may quan trọng trong thiết kế thời trang, nó giúp người học thực hiện được ý tưởng sáng tác một cách hoàn chỉnh. Tuy nhiên đây là môn học thiên về kỹ thuật công nghệ nên có tính chất khô khan, cứng nhắc, bởi những thao tác trong quá trình thực hiện phải chính xác, tỉ mỉ, chính chu và cẩn thận thì mới đạt được hiệu quả. Do đó nó đã trở thành môn học kém hấp dẫn với sinh viên học Mỹ thuật. Chính điều này, tôi đã luôn đặt ra câu hỏi: Làm thế nào để bài giảng về môn Công nghệ cắt may trở nên hấp dẫn với sinh viên và có hứng thú hơn với môn học, để môn học đạt được hiệu quả cao? Đây cũng là câu hỏi mà các giảng viên tổ môn công nghệ trăn trở và tìm phương pháp đổi mới. Phương pháp đang là xu hướng trong ngành giáo dục hiện nay đó là ứng dụng công nghệ thông tin vào thiết kế bài giảng. Phương

pháp này đã được áp dụng cho nhiều cấp học, ngành học, môn học, từ khoa học tự nhiên, xã hội, công nghệ, cho đến nghệ thuật như âm nhạc, mỹ thuật... Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào thiết kế bài giảng điện tử cho học phần Công nghệ cắt may vẫn còn chưa phổ biến. Do đó, trong bài viết này, tôi muốn trình bày về vai trò của việc ứng dụng công nghệ thông tin vào bài giảng: Công nghệ cắt may - Khoa Thiết kế Thời trang, Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp.

2. Vài nét về bài giảng điện tử và vai trò của công nghệ thông tin trong dạy học Công nghệ cắt may

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật đã ảnh hưởng tới tất cả các lĩnh vực của đời sống và xã hội. Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, công nghệ thông tin đã được áp dụng trong các môn học. Tuy nhiên, so với nhu cầu thực tiễn hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục của các trường học còn

rất hạn chế. Chúng ta không phủ nhận những thành tựu mà công nghệ thông tin mang lại, chúng ta hãy tận dụng nó, biến nó thành công cụ hiệu quả cho công việc của mình. Hơn nữa, đối với giáo dục và đào tạo, công nghệ thông tin có tác dụng mạnh mẽ, làm thay đổi phương pháp dạy học, cách tiếp cận, sự thu hút đối với sinh viên. Mặt khác, giáo dục và đào tạo đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy sự phát triển của công nghệ thông tin. Việc giảng dạy bằng bài giảng điện tử có nhiều ưu điểm mang lại hiệu quả cao cho người học; Đối với giảng viên tuy phải đầu tư khá nhiều thời gian và công sức để chuẩn bị một giáo án điện tử nhưng việc dạy học phần Công nghệ may bằng giáo án điện tử giúp giảng viên hạn chế bớt phần thuyết giảng, có thời gian thảo luận và hoạt động nhóm, tăng cường kiểm soát đối với sinh viên. Bài giảng điện tử giúp đa dạng hoá việc cung cấp kiến thức cho sinh viên thông qua các công cụ trình diễn, người giáo viên có thể cung cấp cho sinh viên một khối lượng hình ảnh, bộ sưu tập, các video quá trình thực hiện kỹ thuật cắt, may... liên quan đến nội dung môn học công nghệ may mà sinh viên được học. Nhờ bài giảng điện tử sinh viên gián tiếp tiếp cận công nghệ mới nhất, hiện đại nhất, do đó giờ học trở nên sôi nổi, sinh động hơn mà không nhàm chán.

Tác giả Nguyễn Thị Thanh Xuân cho rằng: Việc ứng dụng Công Nghệ Thông Tin vào dạy học phù hợp với mục tiêu, định hướng trong đổi mới giáo dục ở nước ta hiện nay đã được Đảng ta khẳng định: “Phải đổi mới phương pháp giáo dục đào tạo, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành nếp tư duy sáng tạo của người học. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương pháp hiện đại vào quá trình dạy học”[4].

Tác giả Phạm Văn Danh đã viết: Chỉ thị 58-CT/TW của Bộ Chính Trị đã khẳng định: "...Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác giáo dục và đào tạo ở các cấp học, bậc học, ngành học. Phát triển các hình thức đào tạo từ xa phục vụ cho nhu cầu học tập của toàn xã hội" [3].

Như vậy, từ những khái niệm trên chúng ta hiểu bài giảng điện tử là phương pháp dạy học hiện đại, sáng tạo, đổi mới nhằm giải quyết các vấn đề đổi mới, khắc phục lối truyền thụ một chiều. Kết quả của quá trình dạy học của bài giảng điện tử mang lại giá trị tích cực trong hoạt động giảng dạy và học tập.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin vào thiết kế bài giảng điện tử học phần Công nghệ cắt may

3.1. Khái niệm về bài giảng điện tử

Bài giảng điện tử là bài giảng của giáo viên được thể hiện trên lớp, với hình thức tổ chức nhờ sự hỗ trợ của các thiết bị công nghệ như máy tính, máy chiếu, dạy và học thông qua môi trường internet. Nói cách khác, bài giảng điện tử là một hình thức tổ chức bài giảng

có nội dung rõ ràng, kết hợp với học liệu điện tử phong phú, được tổ chức theo một kết cấu sư phạm, giúp sinh viên đạt được kiến thức, kỹ năng cần thiết. Có thể hiểu bài giảng điện tử là việc ứng dụng công nghệ thông tin vào bài giảng, giúp cho bài giảng sinh động, dễ hiểu và có tính tương tác cao hơn.

3.2. Dạy học bằng bài giảng điện tử

Dạy học bằng bài giảng điện tử là quá trình hoạt động của giảng viên và sinh viên được tiến hành trong suốt giờ học thông qua các tiện ích đa phương tiện như các slide, hình ảnh, trò chơi, hoạt động nhóm...

Dạy học bằng bài giảng điện tử, theo quan điểm cá nhân tôi, nó là một quá trình giảng bài có tổ chức, có định hướng, giúp sinh viên chiếm lĩnh tri thức và kỹ năng nhằm giải quyết mục tiêu đề ra, được thực hiện với sự trợ giúp của các trang trình chiếu trong bài giảng điện tử.

3.3. Vai trò của Công nghệ thông tin trong dạy học Công nghệ cắt may

Đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục là một trong những mục tiêu quan trọng hiện nay của ngành giáo dục. Việc ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đổi mới nội dung, phương pháp dạy học là một công việc lâu dài. Nó đòi hỏi rất nhiều điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính, năng lực của đội ngũ giáo viên. Nhưng thiết nghĩ, với kỹ năng nghiệp vụ sư phạm kết hợp cùng kiến thức tin học cơ bản, các giảng viên hoàn toàn có thể thiết kế được bài giảng điện tử, góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy. Việc áp dụng các bài giảng điện tử vào quá trình giảng dạy học phần Công nghệ cắt may đã kích thích sự ham học hỏi của sinh viên, nâng cao tay nghề của đội ngũ giảng viên và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại các đơn vị trường học. Phương pháp giảng dạy này đã và đang phát huy hiệu quả, giúp sinh viên hiểu và vận dụng những kiến thức học được vào thực tiễn một cách linh động hơn.

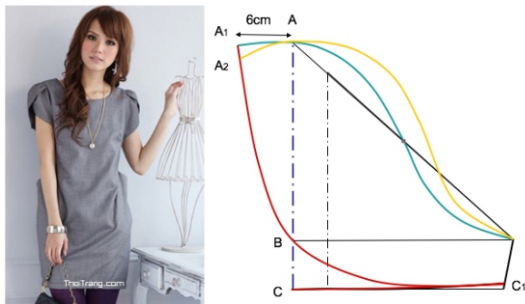
Như bao học phần khác, học phần Công nghệ cắt may là học phần luôn cần thiết sự đổi mới. Trước đây giảng viên chỉ giảng dạy theo phương pháp truyền thống như viết phấn, vẽ tay, do đó chưa tạo được nhiều sự hấp dẫn, dễ nhàm chán, sinh viên chưa thực sự yêu thích môn học. Ngày nay, khi áp dụng Công nghệ thông tin với các phương pháp dạy học hiện đại với bài giảng điện tử đã tạo ra sự phong phú, hấp dẫn hơn cho môn học. Để thiết kế bài giảng học phần Công nghệ may, giảng viên sử dụng hình ảnh cụ thể làm minh họa sinh động, thao diễn các đường nét qua phần mềm ứng dụng, từ đó sinh viên có thời gian quan sát, so sánh đặc điểm khác và giống nhau giữa các kiểu mẫu. Sinh viên có thể làm việc nhóm hiệu quả, trao đổi sôi nổi để cùng nhau đưa ra các ý kiến phong phú.



Hình 1. Minh họa về các kiểu mẫu tay áo vai bông cho bài giảng

Để diễn giải bài giảng cụ thể, rõ ràng giảng viên sử dụng những công cụ vẽ Shapes trong phần mềm Projector và hiệu ứng Animations. Nhờ đó giảng viên dễ dàng sáng tạo đổi mới các phương pháp dạy học, nhằm mục đích thu hút sự hứng thú cho sinh viên. Với các hiệu ứng giảng viên có thể nhấn chuột để di chuyển đường nét phù hợp với nội dung môn học, sử dụng các màu sắc, đường nét khác nhau để phân biệt, dễ dàng nhìn nhận.

Ví dụ về một bài giảng thiết kế tay áo bông:



Hình 2. Trang phục có kiểu tay áo vai bông [Thời trang.com] và Bản vẽ kỹ thuật sử dụng đường nét có màu sắc khác nhau của các chi tiết

Cách sử dụng màu sắc trong bài giảng còn áp dụng phần chữ viết có nội dung khác nhau sẽ tạo sự nhận biết thị giác tốt hơn, giúp sinh viên dễ dàng ghi nhớ nội dung.

Kiểu tay	Hiện tượng	Nguyên nhân	Cách khắc phục
TAY BÔNG CÓ NẾP	- Tay không bông tròn đều	- Dụng bông chưa đủ - Khi may rút rúm không đều	- Cắt đủ độ dụng bông - Rút đều độ rúm
TAY CÁCH HỒNG	- Tay đổ sang hai bên	- Thiết kế chưa đối xứng - Khi may đặt phần giao nhau giữa mang tay thân trước và mang tay thân sau chưa trùng khít sống tay	- Thiết kế đối xứng - Khi may đặt phần giao nhau giữa mang tay thân trước và mang tay thân sau phải trùng khít sống tay
TAY BÔNG BỊ	- Tay bông ít chưa đúng với dáng	- Cắt chưa đủ độ bông	- Cộng thêm độ bông khi thiết kế.

Bảng: Màu sắc tạo dấu hiệu thị giác cho nội dung nhấn mạnh của bài giảng

Qua một vài minh chứng trên có thể phần nào thể hiện được việc ứng dụng công nghệ thông tin sẽ mang lại nhiều thuận lợi cho cả giảng viên và sinh viên trong quá trình dạy - học Công nghệ cắt may.

Về thuận lợi: Giúp giảng viên tương tác tốt với công nghệ thông tin và truyền thông khi giảng bài trên lớp. Khuyến khích sáng tạo và linh hoạt, giảng viên có thể dễ dàng đưa các hình ảnh minh họa, vẽ và giải thích rõ những thông tin đưa ra. Giảng viên có thể lưu và in nội dung bài giảng, chia sẻ bài giảng cho sinh viên làm tài liệu, có thể cùng làm việc nhóm, trao đổi những thông tin, tài liệu, giúp giảm thiểu đáng kể khối lượng công việc. Hơn nữa, ứng dụng công nghệ thông tin còn tạo hứng thú cho giảng viên tìm tài liệu, đổi mới phương pháp sư phạm và sử dụng công nghệ nhiều hơn, khuyến khích nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ.

Không chỉ giảng viên mà sinh viên cũng có được những thuận lợi đáng kể; Nâng cao hứng thú và động lực học tập, khi sinh viên quan sát hình ảnh trang phục đẹp, kết cấu, hình dáng rõ ràng sẽ thu hút được sự tập trung và gây tò mò về phương pháp cắt may tạo ra sản phẩm. Điều đó sẽ tạo cơ hội tốt hơn để sinh viên tham ra và hợp tác nhóm, phát triển kỹ năng học tập và làm việc theo nhóm. Ứng dụng công nghệ thông tin giúp sinh viên năng động, sáng tạo và tự tin hơn khi thuyết trình trước lớp. Các em có thể xử lý, nắm bắt được nhiều thông tin, tiếp nhận được nhiều kiến thức thông qua bài giảng rõ ràng, từ đó giúp sinh viên hiểu được lợi ích mà công nghệ thông tin đem lại, không mất nhiều thời gian chép bài nhờ chức năng lưu và in.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi khi giảng dạy bằng bài giảng điện tử thì vẫn còn những khó khăn nhất định; Để soạn một tiết học bằng bài giảng điện tử, mỗi giảng viên phải mất nhiều thời gian chuẩn bị, nỗ lực trong việc chuẩn bị bài soạn so với phương pháp truyền thống. Giảng viên phải có trình độ chuyên môn vững vàng, có trình độ tốt về công nghệ thông tin và khả năng ứng dụng công nghệ mới vào việc soạn bài giảng. Thiết kế các bài lên lớp sao cho phong phú, sinh động, logic, sáng tạo, phù hợp với nội dung môn học cũng như trình độ nhận thức của sinh viên.

Giảng viên cần được nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng thiết bị trên lớp, có đường truyền internet chất lượng cao, được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy. Hơn nữa giảng viên phải có quá trình nghiên cứu, tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tích lũy kinh nghiệm và tâm huyết. Vì vậy, để có được những tiết học hay với phương pháp dạy học bằng bài giảng điện tử, ngoài sự nỗ lực của giảng viên

EDUCATION

thì cần có sự kết hợp hỗ trợ của nhà trường từ phương diện đầu tư đầy đủ về cơ sở vật chất đến hỗ trợ khen thưởng tạo động lực cho giảng viên.

Kết luận

Hiện nay, đã có nhiều trường học, cơ sở đào tạo được trang bị các hệ thống máy tính hiện đại, có kết nối mạng internet, tạo cơ hội lớn trong việc nghiên cứu tư liệu, nhiều thuận lợi trong việc thiết kế bài giảng điện tử cho các môn học, đặc biệt là học phần Công nghệ cắt may. Các giảng viên có thể tiếp cận phương pháp đào tạo trong lĩnh vực Công nghệ cắt may ngành thời trang của các quốc gia trên thế giới. Trong khi tiếp cận những vấn đề này chúng ta hoàn toàn dễ dàng đưa chúng vào bài giảng điện tử dưới nhiều hình thức khác nhau như video hay hình ảnh mang tính trực quan. Điều này giúp bài giảng của giảng viên có nhiều thông tin mang tính chất đa chiều, thiết thực và tăng tính hấp dẫn, thu hút sinh viên hơn. Như vậy, việc “Ứng dụng công nghệ thông tin vào thiết kế bài giảng điện tử môn Công nghệ cắt may” là hoàn toàn hợp lý, đúng với xu hướng phát triển của xã hội nói chung và trong ngành giáo dục nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Văn Huân**, *Trang điện tử của Sở GD-ĐT Bến Tre*
2. **Hoàng Kiêm (2002)**. “Một số đề nghị đổi mới phương pháp giảng dạy với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin”. **Báo cáo khoa học ĐHQG-HCM**, tháng 11/2002.
3. **Phạm Văn Danh (2019)**, *Trang điện tử của Trường THCS Sài Đồng*,
4. **Nguyễn Thị Thanh Xuân/ Trường CĐSP Quảng Trị**, *Một số ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử*, <https://lop9.com/mot-so-ung-dung-cong-nghe-thong-tin-trong-day-hoc-lich-su->

VAI TRÒ GIÁO DỤC CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ PHỤ HUYNH CÓ CON MẮC CHỨNG TỰ KỶ TẠI TRƯỜNG MẦM NON

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Email: huongtrang8509@gmail.com

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

THE EDUCATIONAL ROLE OF SOCIAL WORKERS IN SUPPORTING PARENTS OF CHILDREN WITH AUTISM AT KINDERGARTEN

TÓM TẮT



ABSTRACT

Ngày nay, hội chứng tự kỷ đang là một vấn đề nóng bỏng trong xã hội và được xem là một trong các dạng rối loạn tâm thần ở trẻ em. Tự kỷ là một dạng bệnh trong nhóm rối loạn phát triển xâm nhập ảnh hưởng đến nhiều mặt trong sự phát triển của trẻ, nó thể hiện bằng sự sút kém nghiêm trọng và lan tỏa các chức năng tâm thần trên các phương diện: Tương tác xã hội kém, ngôn ngữ phát triển chậm và lệch lạc bất thường, hành vi và ứng xử nghèo nàn, định hình, lặp đi lặp lại... Những hội chứng này làm cho trẻ gặp rất nhiều trở ngại, khó khăn giao tiếp, tương tác xã hội. Chính vì vậy, nhân viên công tác xã hội phải thực sự trở thành trung gian, cầu nối hỗ trợ, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp phụ huynh có con mắc hội chứng tự kỷ xử lý tốt những vấn đề thực tiễn đặt ra đối với con em mình.

Nghiên cứu chỉ ra khái niệm trẻ tự kỷ, phân tích những yếu tố tác động và vai trò giáo dục của nhân viên công tác xã hội học đường bao gồm: Vai trò giáo dục kiến thức, kỹ năng; truyền thông về quyền học tập, chăm sóc dinh dưỡng, sức khỏe, tâm lý trước tuổi đến trường; tổ chức tập huấn; vận động cha mẹ trực tiếp tham gia trị liệu cùng trẻ; tham vấn tâm lý cho trẻ và cha mẹ trẻ... đây là những vấn đề rất quan trọng trong quá trình hỗ trợ phụ huynh có con mắc chứng tự kỷ ở trường mầm non của nhân viên công tác xã hội.

Từ khóa: Trường mầm non, trẻ tự kỷ, công tác xã hội, nhân viên công tác xã hội

Today, autism syndrome is a hot issue in society and is considered one of the mental disorders in children. Autism is a disease in a group of intrusive developmental disorders affecting many aspects of a child's development, it is manifested by a severe and pervasive impairment of mental functions in the following aspects: poor social, abnormally slow and deviant language development, poor behavior and behavior, fixed, repetitive... These syndromes cause children to face a lot of obstacles, difficulties in communication, interaction, etc. social work. Therefore, social workers must really become an intermediary, a bridge to support, provide the necessary knowledge and skills to help parents of children with autism handle real problems well set off for their children.

The study points out the concept of autistic children, analyzes the influencing factors and educational roles of school social workers, including: The role of education in knowledge and skills; communication on the right to education, nutrition care, health, and pre-school psychology; Organize training; mobilizing parents to directly participate in therapy with their children; Psychological counseling for children and young parents... these are very important issues in the process of supporting parents of children with autism in preschool by social workers.

Keywords: Kindergarten, autistic children, social workers, social workers

1. Đặt vấn đề

Công tác xã hội trong trường mầm non là một lĩnh vực chuyên biệt của công tác xã hội trong trường học, qua đó nhân viên công tác xã hội làm việc trực tiếp với các đối tượng có các vấn đề xã hội như trẻ và cha mẹ trẻ mầm non, cán bộ quản lý và giáo viên... trong trường mầm non để giúp họ vượt qua những khó khăn và tự tìm ra tiềm năng của mình, cải thiện môi trường sống, học tập và làm việc của các cá nhân, nhóm người trong trường mầm non từ đó hình thành môi trường học tập trong lành và an toàn cho sự phát triển của trẻ mầm non. Tuy nhiên, công tác xã hội đối với trẻ tự kỷ trong trường mầm non khác với công tác xã hội ở các cấp/bậc học khác đó là nhân viên công tác xã hội sẽ phải làm việc với đối tượng trẻ mầm non tự kỷ có độ tuổi từ 3 tháng cho đến 6 tuổi, do đó, khi giải quyết vấn đề của trẻ mầm non, nhân viên công tác xã hội luôn phải làm việc phối hợp và thông qua vai trò của gia đình mà nhất là vai trò của người cha, mẹ hay người giám hộ đối với trẻ. Và luôn có sự phối kết hợp với giáo viên để nhằm đem lại hiệu quả tốt nhất cho sự phát triển về nhân cách của trẻ mầm non.

2. Khái niệm trẻ tự kỷ

Cho đến nay, các nhà khoa học trên thế giới đã đưa ra khá nhiều quan điểm khác nhau về tự kỷ, những định nghĩa này rất phong phú và đa dạng. Trong nghiên cứu này chúng tôi sử dụng khái niệm do Liên Hiệp Quốc đưa ra năm 2008: “Tự kỷ là một dạng khuyết tật phát triển tồn tại suốt cuộc đời, thường xuất hiện trong 3 năm đầu đời. Tự kỷ là do rối loạn thần kinh, gây ảnh hưởng đến chức năng hoạt động của não bộ. Tự kỷ có thể xảy ra ở bất cứ cá nhân nào không phân biệt giới tính, chủng tộc hoặc điều kiện kinh tế - xã hội. Đặc điểm của Tự kỷ là những khiếm khuyết về tương tác xã hội, giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ và có hành vi, sở thích, hoạt động mang tính hạn hẹp, lặp đi lặp lại”. Đây được coi là khái niệm tương đối đầy đủ và được sử dụng phổ biến nhất.

Công tác xã hội trong trường mầm non là một lĩnh vực chuyên biệt của công tác xã hội trong trường học, được thực hành trong trường mầm non nhằm giúp đỡ trẻ và cha mẹ trẻ mầm non, giáo viên, cán bộ quản lý nhà trường tăng cường hoặc phục hồi năng lực thực hiện chức năng xã hội của họ và tạo ra những điều kiện thích hợp để đạt được những mục tiêu trong dạy và học.

3. Những yếu tố tác động đến vai trò giáo dục của nhân viên CTXH trong hỗ trợ phụ huynh có con mắc hội chứng tự kỷ tại trường mầm non

Sự phối hợp của gia đình và nhân viên CTXH – nhân tố trực tiếp ảnh hưởng đến giáo dục hòa nhập trẻ rối loạn phổ tự kỷ

Có thể thấy rằng, bệnh tình của trẻ nặng lên hay giảm

đi phụ thuộc rất nhiều vào cha mẹ, chỉ có sự yêu thương, chăm sóc từ gia đình mới là môi trường tốt nhất giúp con giảm bớt đi gánh nặng bệnh tật. Tuy nhiên, việc chăm sóc cho trẻ tự kỷ là vô cùng khó khăn, vì liên quan đến nhiều vấn đề như tốn kém về kinh tế, đòi hỏi sự kiên trì trong trị liệu và việc cho trẻ học tập ở địa chỉ nào cũng là vấn đề nan giải.

Chính vì thế, sự phối hợp giữa gia đình và nhân viên CTXH được coi là một trong những nhân tố ảnh hưởng lớn nhất tới hiệu quả can thiệp cho trẻ bởi không chỉ có chương trình can thiệp tốt, không chỉ là có một giáo viên viên tốt mà cần hơn thế một tình yêu thương và những tấm lòng, những sự dạy dỗ tự nhiên và cơ bản nhất từ những người cha, người mẹ. Đây mới là những nhân tố quan trọng ảnh hưởng lớn tới hiệu quả can thiệp cho trẻ tự kỷ, vì thế tần suất cũng như cách thức phối hợp của phụ huynh với giáo viên càng nhiều thì hiệu quả can thiệp sẽ nhờ đó mà tăng lên. Ngược lại nếu một bộ phận phụ huynh không thay đổi được nhận thức, không chịu can thiệp và hướng dẫn con tại gia đình, tương tác với con ít, thiếu kiên trì trong việc tìm hiểu và thực hiện các biện pháp can thiệp mà giáo viên hướng dẫn thì hiệu quả can thiệp sẽ thấp hoặc sẽ mất rất nhiều thời gian để can thiệp, bỏ qua mất giai đoạn vàng là bỏ qua thời kì can thiệp tốt nhất cho trẻ.

Nhân viên xã hội cần tác động vào cha mẹ trẻ nhiều hơn là việc sẽ trực tiếp can thiệp với trẻ. Cần phải giúp cha mẹ trẻ hiểu được tầm quan trọng của họ trong việc giáo dục con họ. Cần phải có những kết nối, những biện pháp cụ thể để thực hiện kết nối cha mẹ trẻ với cơ sở can thiệp, và với những bên liên quan ví dụ như trường mầm non hòa nhập hoặc ở môi trường xã hội, với các nhà trị liệu cũng như các bên liên quan để cùng phối hợp can thiệp.

Nhận thức của cha mẹ về chứng tự kỷ

Đó là những hiểu biết, suy nghĩ đánh giá của cha mẹ về: Biểu hiện của chứng tự kỷ; Nguyên nhân của chứng tự kỷ; Dự đoán như thế nào về khả năng phát triển của con mình; Các biện pháp hỗ trợ trẻ tự kỷ như: tiếp thu kinh nghiệm dạy dỗ, cách chăm sóc... Hiểu không rõ về tự kỷ khiến nhiều phụ huynh hoang mang khi vừa thấy vài biểu hiện “lạ lẫm” ở con em mình thì đưa đi khám hết chỗ này đến chỗ nọ, quy chụp cho con với chứng tự kỷ. Hoặc một số khác cho rằng con mình bị tâm thần cứ để ở nhà chăm sóc, khi thấy không ổn họ đưa con họ đến trường chuyên biệt thì đã qua giai đoạn vàng để can thiệp thành công. Muốn dạy được con khuyết tật thì điều quan trọng là cha mẹ phải hiểu được chứng bệnh mà con mình đang mắc phải mới có thể cùng con vượt qua mọi khó khăn đưa con hòa nhập xã hội.

Tình cảm của cha mẹ đối với con có chứng tự kỷ

Sự chấp nhận của cha mẹ đối với con tự kỷ, khi bố mẹ tìm hiểu về chứng tự kỷ của con họ. Họ mong ước có những điều kỳ diệu để tìm ra hướng giải quyết. Họ hân hoan chờ đợi có đứa trẻ để nuôi dạy nó học hành và lớn lên, thay cho điều đó họ phải chấp nhận một sự thật là họ có đứa trẻ không giống như giấc mơ của họ và họ sẽ phải kiên nhẫn đối mặt hàng ngày với thử thách đó. Một vài gia đình từ chối tìm hướng giải quyết hay mơ mộng về một liều thuốc khỏi bệnh ngay tức khắc. Họ nhầm lẫn đứa trẻ này với ...đứa trẻ đặc biệt khác, hy vọng một sự chẩn đoán khác đi. Đó là điều quan trọng để gia đình khắc phục khó khăn và đối mặt với vấn đề, trong khi đó họ vẫn giữ kín trong lòng một hy vọng thầm lặng về tương lai cho những đứa trẻ của họ. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có những bậc cha mẹ không chấp nhận rằng con mình bị tự kỷ mặc dù họ đã đi khám nhiều nơi và được chẩn đoán là con họ đang mắc hội chứng đó. Họ tỏ ra bất hợp tác với các nhà trị liệu, một mực phủ định bệnh của con họ, cáu gắt và giận giữ nếu ai đó nói rằng con họ bị tự kỷ. Chính thái độ này đã làm cho họ gặp nhiều khó khăn trong quá trình chạy chữa cho con, họ không cố gắng, không nhẫn nại, bảo thủ, cực đoan nên không tin vào khả năng tiến bộ của con mình nếu được can thiệp.

Xu hướng hành vi của cha mẹ đối với con có chứng tự kỷ

Khi có con bị tự kỷ, cha mẹ trải qua các cung bậc cảm xúc khác nhau, những cảm xúc tiêu cực lúc con họ mới được định bệnh về lâu dài có thể trở thành nỗi tức giận đối với trẻ. Việc săn sóc một đứa trẻ tự kỷ khiến cha mẹ mệt mỏi, những mâu thuẫn trong gia đình, những kỳ thị ngoài xã hội... tất cả đều khiến cha mẹ có những cảm xúc quá tải và có thể tìm cách xoa dịu nó, tìm một lời giải thích từ cách trách phạt đứa con. Nhưng rồi sau những hành động ấy, họ lại thấy mình có lỗi với đứa con tội nghiệp của mình. Cha mẹ có hành vi đối xử công bằng hay không công bằng giữa các con cái là trẻ tự kỷ và trẻ bình thường. Có trẻ khuyết tật trong gia đình sẽ làm biến đổi sự ganh đua tự nhiên giữa anh chị em khác. Cha mẹ có xu hướng dành nhiều thời gian và sự quan tâm đặc biệt đối với trẻ tự kỷ hơn các anh chị em của trẻ. Điều này khiến những đứa con khác trong gia đình bức tức, ghen tỵ và cho rằng cha mẹ bỏ quên mình. Đây cũng là một trong những khó khăn khiến cha mẹ trẻ tự kỷ rất khó ứng phó.

Tự kỷ không chỉ là bệnh của y khoa mà còn là bệnh về Tâm lý, Giáo dục và Xã hội. Theo sau các triệu chứng lâm sàng là hàng loạt các vấn đề xã hội được đặt ra cho trẻ tự kỷ và gia đình. Khi phát hiện con mình mắc tự kỷ, cha mẹ trẻ tự kỷ có sự chuyển đổi lớn về các trạng thái tâm lý cá nhân; bầu không khí tâm lý trong gia đình; chuyển đổi hoạt động sống của cá nhân; có sự suy tư, xáo trộn trong đời sống tình cảm giữa

vợ/chồng và con cái cũng như các thành viên trong gia đình; các mối quan hệ xã hội. Quá trình chuyển đổi này dẫn đến những tâm trạng nhất định khi các bậc cha mẹ có thể chưa thích nghi, chưa thể chấp nhận được với hoàn cảnh mới này của bản thân và gia đình.

4. Vai trò giáo dục của nhân viên công tác xã hội trong hỗ trợ phụ huynh có con mắc chứng tự kỷ tại trường mầm non

4.1. Trang bị kiến thức, kỹ năng cho phụ huynh và trẻ mầm non mắc hội chứng tự kỷ

Nhân viên công tác xã hội trang bị cho phụ huynh và trẻ mầm non tự kỷ các kiến thức và kỹ năng để có thể nâng cao năng lực tự chăm sóc và bảo vệ mình trong những tình huống nhất định. Trong quá trình làm việc với phụ huynh và trẻ mầm non tự kỷ nhân viên công tác xã hội có thể cung cấp cho họ những kiến thức đặc điểm tâm lý, những biểu hiện cơ bản của trẻ tự kỷ, phát hiện và can thiệp sớm, về quyền mà các em được hưởng theo quy định của pháp luật, từ đó cùng nhà trường và chính gia đình xây dựng các biện pháp để đảm bảo hay bảo vệ các quyền cho trẻ mầm non, về kỹ năng thì ngoài những kỹ năng của ngành công tác xã hội mà nhân viên công tác xã hội phải sử dụng một cách thuần thục, thành thạo thì họ cũng còn phải thực hiện một vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ cho phụ huynh và trẻ mầm non tự kỷ những kỹ năng để họ có thể tự mình vượt qua và giải quyết được những vấn đề mà mình gặp phải, trong đó phải kể đến như; kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ và chăm sóc bản thân...

4.2. Tăng cường truyền thông quyền học tập, chăm sóc dinh dưỡng, sức khỏe, tâm lý trước tuổi đến trường... cho trẻ và cha mẹ trẻ mầm non

Nhân viên công tác xã hội có vai trò truyền đạt, trao đổi, chia sẻ thông tin cho mọi đối tượng trong nhà trường cũng như trong cộng đồng nhất là cho chính trẻ và cha mẹ trẻ mầm non những kiến thức cơ bản về quyền của trẻ em. Giúp trẻ và cha mẹ trẻ mầm non hiểu về các quyền mà trẻ em được hưởng, từ đó nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi trong việc tự bảo vệ mình cũng như trong việc chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ mầm non. Việc truyền đạt, trao đổi, chia sẻ thông tin được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau như: truyền thông (truyền đạt, trao đổi, chia sẻ thông tin) trực tiếp thông qua truyền thông liên cá nhân, truyền thông nhóm nhỏ hoặc truyền thông gián tiếp thông qua các phương tiện kỹ thuật điện tử như: radio, truyền hình, truyền thanh, điện thoại, pa-nô, áp phích để truyền tải thông tin một cách rộng rãi đến trẻ và cha mẹ trẻ mầm non. Hoặc có thể tổ chức các buổi diễn đàn, lồng ghép vào nội dung học tập của trẻ mầm non trên lớp, biên soạn và phát các tài liệu, viết các bài viết để đọc trên loa truyền thông của nhà trường vào những thời gian trẻ mầm non được cha mẹ đưa và đón đến trường và về nhà...

4.3. Tổ chức tập huấn cho phụ huynh có con mắc chứng tự kỷ tại trường mầm non

Một trong những yếu tố quan trọng để phụ huynh có thể có được mối liên hệ chặt chẽ hơn đối với cơ sở can thiệp đó là tổ chức được những lớp tập huấn để trao đổi bồi dưỡng và hướng dẫn phụ huynh một cách cụ thể trong cách tương tác cách dạy con mình tại nhà. Khi những buổi tập huấn được tổ chức người cha, mẹ hoặc người chăm sóc trẻ có thể đến trường học nơi con mình can thiệp trực tiếp được xem các chuyên gia và giáo viên hướng dẫn từng bước một về cách dạy con và cách để hiểu mình hơn trong quá trình tương tác với con. Với đa số các phụ huynh việc được tham gia vào những lớp tập huấn như thế này có vai trò rất quan trọng để họ dạy được con mình.

4.4. Chủ động, tích cực vận động Cha mẹ trực tiếp tham gia trong giờ can thiệp cá nhân

Những giờ can thiệp thông thường phụ huynh sẽ đưa con đến trường và giáo viên chuyên biệt hầu hết đảm nhiệm vai trò cốt yếu và duy nhất trong suốt giờ can thiệp của con tại trường. Tuy nhiên để thực hiện được việc này hiệu quả nhất, cần phải có sự tham gia nhiệt tình của cha mẹ cũng như các giáo viên chuyên biệt. Hầu hết phụ huynh cũng đều có nguyện vọng muốn tham gia can thiệp cùng giáo viên chuyên biệt để họ có thể trực tiếp hướng dẫn và chuyển giao kỹ thuật cho phụ huynh. Phụ huynh sẽ được giáo viên hướng dẫn trực tiếp cùng tham gia dạy con trong giờ can thiệp, qua đó, phụ huynh hiểu hơn về con mình và khả năng của con đồng thời cùng có thể can thiệp dạy con ở nhà thay vì việc phụ thuộc quá nhiều vào giáo viên tại trường mầm non.

4.5. Tham vấn cho trẻ và cha mẹ trẻ mầm non có những khó khăn về tâm lý, tình cảm và khó khăn khác.

Mục đích của các hoạt động tham vấn là nhằm giải tỏa tâm lý cho trẻ và cha mẹ trẻ mầm non trong những trường hợp có khó khăn về tâm lý, tình cảm như: vấn đề nhận thức (tiếp thu chậm, không hiểu các yêu cầu, khó khăn kinh tế...); Vấn đề cảm xúc (buồn bã, stress, tức giận, bướng bỉnh, khó bảo, ngang ngạnh...); Vấn đề hành vi (mất tập trung, khó kiểm soát hành vi, gây hấn...); Vấn đề mối quan hệ (Cha mẹ-con, thầy-trò, bạn bè...) và các vấn đề khác (khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thay đổi trong cơ thể...) hoặc các cú sốc về tâm lý đối với trẻ trong trường hợp mẹ trẻ sinh em bé, người giúp việc mới... và đó là lúc nhân viên công tác xã hội vận dụng mọi kiến thức, kỹ năng tham vấn để trợ giúp trẻ và cha mẹ trẻ mầm non nhằm đáp ứng nhu cầu chính đáng của họ, chẳng hạn, những ngày đầu đến trường có trẻ thì háo hức, thích thú; có trẻ thì khóc không chịu vào lớp đòi theo mẹ về nhà; có trẻ thì im lặng quan sát xung quanh có thể do trẻ sợ, hoặc lạ lẫm với người lạ. Như vậy, để trợ giúp trẻ và cha mẹ trẻ mầm non vượt qua được những khó

khăn về tâm lý cũng như những khó khăn khác nhân viên công tác xã hội đóng nhiều vai trò khác nhau, có lúc nhân viên công tác xã hội đóng vai trò của nhà giáo dục, có lúc đóng vai trò nhà tham vấn hay vai trò người biện hộ hay vận động chính sách.

Kết luận

Vai trò giáo dục của nhân viên công tác xã hội thể hiện thông qua việc vận dụng kiến thức, kỹ năng, nguyên tắc, phương pháp của chuyên biệt của ngành làm việc cụ thể với phụ huynh có con mắc chứng tự kỷ trong trường mầm non. Mỗi thân chủ là một cá thể riêng biệt với những vấn đề khác nhau. Chính vì vậy đòi hỏi Nhân viên công tác xã hội cần mềm dẻo, linh hoạt trong việc áp dụng các kiến thức, kỹ năng khi thực hiện hoạt động can thiệp và trợ giúp. Mục đích của việc trợ giúp là tăng cường hoặc phục hồi chức năng xã hội và tạo những điều kiện thích hợp trong việc dạy và học. Như vậy, dù hoạt động trợ giúp của Nhân viên công tác xã hội đối với đối tượng nào thì cũng đi đến đích cuối cùng là tạo môi trường giáo dục thuận lợi nhất cho trẻ mắc chứng tự kỷ ở trường mầm non. Cố nhiên có thể thấy rằng dù hoạt động trợ giúp đó là gì nhân viên công tác xã hội cũng cần có sự kết nối chặt chẽ với phụ huynh, nắm được những yếu tố tác động và vai trò giáo dục trong hỗ trợ phụ huynh, qua đó giải quyết những vấn đề liên quan một cách hiệu quả nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Huy Cận (2006), *Các quá trình hình thành và phát triển ngôn ngữ trẻ em*, Luận án tiến sĩ ngôn ngữ học.
2. Trịnh Đức Duy (2000), *Dạy học hòa nhập cho trẻ khuyết tật*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Elen Nobohm (2010), *Mười điều trẻ Tự kỷ mong bạn muốn biết*, NXB Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Vũ Thị Bích Hạnh (2007), *Trẻ tự kỷ - Phát hiện sớm và can thiệp sớm*, NXB Y học Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Kim Hiền (2006), *Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ngôn ngữ bậc tiểu học*, NXB Lao động Xã hội, Hà Nội.
6. Ngô Công Hoàn (2011), *Giao tiếp và ứng xử của cô giáo với trẻ em*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
7. Nguyễn Thu Trang, Nguyễn Ngọc Hương & Mitchener, A.S (2014), *Khung chương trình đào tạo Công tác xã hội học đường và chuẩn thực hành công tác xã hội học đường: Giới thiệu mô hình của Mỹ*.
8. Australian Associaton of Social worker (2003), *Practice Standards for social worker, Achieving out comes*, Canberra, AASW.

TRỊ LIỆU NGHỆ THUẬT ĐỐI VỚI TRẺ TỰ KỶ - TIẾP CẬN TỪ GÓC NHÌN CỦA NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH

Email: thanhctxh.nuae@gmail.com

Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương

ART THERAPY FOR CHILDREN WITH AUTISM APPROACHES FROM THE PERSPECTIVE OF SOCIAL WORK

TÓM TẮT

ABSTRACT

Trị liệu nghệ thuật (Art therapy) là một lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần, bằng cách sử dụng quá trình sáng tạo nghệ thuật để cải thiện và nâng cao thể chất, tinh thần và tình cảm của mọi người, ở mọi lứa tuổi. Đặc biệt, đối với trẻ em mắc chứng tự kỷ, liệu pháp nghệ thuật có thể là một cách thức tuyệt vời để mở cửa cho khả năng hòa nhập của trẻ tự kỷ, đây cũng là xu hướng tiếp cận mang lại nhiều khả quan bởi tính đặc thù ngành công tác xã hội hiện nay. Bài viết đề cập đến vai trò trị liệu nghệ thuật, các hình thức và phương pháp trị liệu nghệ thuật cơ bản thông qua hoạt động tranh vẽ của trẻ mắc chứng tự kỷ, từ đó góp phần nâng cao khả năng nhận thức và năng lực hành vi cho trẻ tự kỷ.

Từ khóa: Công tác xã hội, trị liệu nghệ thuật, trẻ tự kỷ

Art therapy is an area of mental health care that uses the creative process of art to improve and enhance the physical, mental and emotional well-being of people, of all ages year old. Especially, for children with autism, art therapy can be a great way to open the door to the integration of children with autism, this is also an approach that brings many positive effects because characteristics of the current social work profession. The article mentions the role of art therapy, basic forms and methods of art therapy through painting activities of children with autism, thereby contributing to improving cognitive ability and competence behavior for children with autism.

Keywords: Social work, art therapy, autistic children

1. Đặt vấn đề

Trị liệu nghệ thuật thực sự là một liệu pháp có ích, đáp ứng được với tất cả mọi đối tượng liệu pháp này được xem như một trong các cách sử dụng sáng tạo nghệ thuật để có thể tiếp cận và đến gần với sức khỏe tâm thần, giúp trẻ bảo vệ tốt tinh thần, thể chất, nâng cao năng lực nhận thức và hành vi. Khi được áp dụng liệu pháp này, trẻ tự kỷ sẽ được sử dụng phân, cọ, bút để thể hiện một bức vẽ, thiết kế một món quà, một tấm thiệp hoặc viết những nét chữ thư pháp, cắt dán giấy,... Đây là cách tốt nhất để trẻ có thể thoải mái thể hiện những cảm xúc, suy nghĩ và những điều tiềm ẩn tận sâu trong tâm trí của mình mà không cần phải diễn đạt quá nhiều qua lời nói.

2. Những vấn đề cơ bản trị liệu nghệ thuật đối với trẻ tự kỷ

2.1. Lợi ích của trị liệu nghệ thuật đối với trẻ mắc chứng tự kỷ

Một là, giúp trẻ biểu đạt cảm xúc không cần dùng lời nói. Không phải lúc nào trẻ cũng có thể bộc lộ cảm

xúc, suy nghĩ của mình thông qua ngôn từ. Có những loại cảm xúc khó nói thành lời và không thể nào diễn đạt hết bằng câu chữ. Đây cũng là lý do vì sao mà trị liệu nghệ thuật lại được xem là một công cụ đóng vai trò quan trọng đối với việc sử dụng và phát triển cảm xúc. Nó có thể được áp dụng cho nhiều trường hợp khác nhau, đặc biệt là trẻ em chưa thể biết cách diễn ra suy nghĩ của mình thông qua lời nói.

Hai là, phát triển tốt kỹ năng đối phó lành mạnh. Theo chia sẻ của các chuyên gia tâm lý thì nghệ thuật có thể giúp trẻ thay đổi tốt các phản ứng của mình đối với những sự kiện xảy ra xung quanh cuộc sống. Việc sử dụng các hình thức nghệ thuật khi trẻ đang phải trải qua một tình huống, cảm xúc đau buồn, tồi tệ sẽ giúp trẻ giải quyết tốt các vấn đề một cách tối ưu nhất.

Ba là, nâng cao sự tự tin và lòng tự trọng. Quá trình sáng tạo nghệ thuật sẽ cho phép bản thân trẻ được lắng nghe tiếng nói của trái tim và hiểu hơn về những điều mà mình mong muốn. Bên cạnh đó, trẻ có thể

thỏa sức sáng tạo và tự do trong chính tác phẩm nghệ thuật mà mình tạo ra. Chính nhờ thế mà bản hiểu rõ hơn về giá trị của bản thân, từ đó gia tăng sự tự tin và nâng cao được lòng tự trọng của chính mình.

Bốn là, khám phá sự sáng tạo và trí tưởng tượng. Trẻ nghĩ rằng mình thực sự không có tài năng và không đủ năng lực để có thể sáng tạo và tưởng tượng ra những điều thú vị, mới mẻ. Tuy nhiên, khi áp dụng tri liệu nghệ thuật, trẻ hoàn toàn có thể khám phá ra những tiềm năng của bản thân mình, bạn có đủ khả năng để sáng tạo nếu bạn thực sự tập trung và dành tâm huyết cho nó.

Năm là, cải thiện kỹ năng vận động. Khi áp dụng liệu pháp nghệ thuật, trẻ cần phải sử dụng cơ thể để bộc lộ những điều mà bản thân mong muốn nhưng không thể nói bằng lời. Trẻ cần phải vận động và có sự phối hợp thể chất tốt để có thể vượt qua được rào cản của bản thân, đạt được mục tiêu nhất định của mình. Chính vì thế mà hình thức trị liệu này cũng rất phù hợp đối với những trẻ đang gặp phải khó khăn về quá trình thực hiện các động tác cơ thể hoặc bị cản trở khi phối hợp chúng với nhau.

Sáu là, nghệ thuật giúp thư giãn, giảm căng thẳng, lo lắng. Khi thực hiện các hoạt động nghệ thuật, trẻ sẽ dồn hết tâm trí để có thể cảm nhận và sáng tạo ra những tác phẩm của riêng mình. Chính nhờ đó mà não bộ bắt đầu được thư giãn, giảm bớt những căng thẳng, lo âu và phiền muộn, mang đến cảm giác thoải mái, vui vẻ và tràn đầy năng lượng. Bên cạnh đó, việc được chìm đắm trong không gian nghệ thuật cũng sẽ giúp trẻ có được một cảm giác an toàn, nhờ đó có thể dễ dàng xua tan những lo lắng, bất an trong cuộc sống.

2.2. Các hình thức trị liệu nghệ thuật cơ bản đối với trẻ mắc chứng tự kỷ

Trị liệu nghệ thuật được tiến hành với đa dạng nhiều hình thức khác nhau. Hầu hết những lĩnh vực nghệ thuật đều có thể áp dụng để trị liệu và khai thác, khám phá cảm xúc, tiềm thức bên trong của trẻ. Cụ thể một số hình thức thường được áp dụng như sau:

Vẽ tranh. Vẽ tranh là hình thức trị liệu nghệ thuật được áp dụng phổ biến nhất hiện nay. Với cách tiếp cận này, trẻ mắc chứng tự kỷ sẽ thoải mái và tự do trong việc sáng tạo ra bất cứ thứ gì mà bản thân mong muốn. Trẻ có thể thỏa sức sáng tạo và thể hiện những hình ảnh, màu sắc mà bản thân yêu thích.

Vẽ tranh chấm Trame: Phương pháp này sẽ sử dụng các loại dụng cụ như bút màu sáp, bút chì hoặc bút bi để vẽ những bức tranh tĩnh vật đơn giản hoặc những khối hình cụ thể. Trẻ sẽ bắt đầu bằng cách vẽ nhẹ bức hình mà mình mong muốn, sau đó dùng bút để chấm liên tục theo hình vẽ đó.

Vẽ tranh doodle art: Dụng cụ thường được sử dụng cho phương pháp này đó là bút bi và bút chì. Trẻ chọn cho mình một bức hình hoặc một chủ đề, nhân vật hay bất cứ thứ gì mà trẻ yêu thích. Bắt đầu vẽ lại điều đó một cách đơn giản nhất để tạo ra những bức hình dí dỏm, đáng yêu.

Tô màu: Đối với những ai muốn hòa mình vào dòng chảy của màu sắc thì có thể lựa chọn việc trị liệu bằng các cuốn sách tô màu dành cho người lớn. Việc tập trung vào các màu sắc, tô từng chi tiết nhỏ sẽ giúp bạn xua tan những mệt mỏi, ưu phiền.

Cắt dán ảnh. Cắt dán ảnh cũng được đánh giá là một trong các hình thức trị liệu nghệ thuật hiệu quả mà nhiều người đã áp dụng thành công. Việc trẻ cần làm đó chính là tìm kiếm và thu thập các bức ảnh, tranh vẽ thể hiện được cảm xúc, mong muốn của bản thân để có thể cắt ghép và sắp xếp chúng lại với nhau, tạo ra một tác phẩm nghệ thuật mang đậm bản sắc riêng của mình.

Nghệ thuật số. Với sự phát triển vượt bậc của công nghệ, thời đại 4.0 hiện nay thì trẻ hoàn toàn có thể ứng dụng tốt các phần mềm tiện ích để phục vụ cho nhu cầu vẽ tranh, cắt ghép ảnh của mình. Nếu đã quen thuộc với bàn phím máy tính, chiếc điện thoại thông minh thì trẻ hoàn toàn có thể tải thêm các ứng dụng như MediBang Paint Pro, Adobe Photoshop, Paint để có thể thỏa sức sáng tạo nghệ thuật.

Dệt may. Thêu thùa may vá cũng được xem là một trong các hình thức trị liệu nghệ thuật hiệu quả. Trẻ có thể sử dụng kim, chỉ, vải để tạo ra những vật dụng, bức tranh, kiểu quần áo mà mình yêu thích. Việc sử dụng vải để tạo ra tác phẩm nghệ thuật sẽ giúp bạn cảm nhận rõ hơn về sự mềm mại, thướt tha mà những trang giấy bút khó có thể mang đến được.

2.3. Một số phương pháp tiến hành trị liệu nghệ thuật đối với trẻ tự kỷ

Các buổi Art therapy có thể được thực hiện trong 60 - 90 phút dưới hình thức cá nhân hoặc hình thức nhóm. Nhà trị liệu và trẻ vẫn có sự trao đổi, chia sẻ thông qua từng hoạt động, từng bước tiến hành để có sự thấu hiểu nhau hơn. Tùy thuộc vào nhu cầu, tình trạng của trẻ mà nhà trị liệu sẽ sắp xếp các hoạt động và hình thức đáp ứng phù hợp để mang lại cảm giác thoải mái, tích cực nhất

Nhà trị liệu có thể yêu cầu trẻ chia sẻ về cảm xúc trước/sau khi hoàn thành tác phẩm; giới thiệu về tác phẩm (Chẳng hạn như chủ đề, ý nghĩa, cách thực hiện như thế nào) và cùng bàn luận về nó. Không gian thực hiện các tác phẩm nghệ thuật cũng được thiết kế phù hợp sao cho người tham gia thực sự thoải mái, thỏa sức phát triển sự sáng tạo theo đúng cảm nhận,

EDUCATION

suy nghĩ mà không bị tác động bởi các yếu tố bên ngoài.

Trẻ không bắt buộc phải hoàn thành 1 tác phẩm trong 1 buổi mà có thể chia thành nhiều phiên. Cũng có những buổi trị liệu mà bạn không cần trực tiếp vẽ, trực tiếp thực hiện các tác phẩm nghệ thuật mà chỉ cần cùng ngồi bàn luận với nhà trị liệu về một hình ảnh hay một tác phẩm nào đó. Tùy theo những thay đổi qua từng buổi trị liệu, chuyên gia sẽ sắp xếp các hoạt động thích hợp để giải quyết tối đa các nút thắt khó gỡ bỏ trong tâm trí trẻ.

Đối với phương pháp vẽ tranh chấm Trame
Dụng cụ: bút chì, bút màu sáp, bút bi, giấy trắng, tranh tĩnh vật đơn giản

Cách vẽ: Trẻ có thể chọn cho mình một trong 3 loại bút trên, sau đó chọn cho mình một bức tranh tĩnh vật hoặc bất kỳ một bức tranh đơn giản nào mà trẻ thích. Hoặc đơn giản chỉ cần vẽ hình khối nếu như trẻ không biết vẽ. Tiếp đến, trẻ hãy cầm bút vẽ nhẹ hình mà trẻ thích, sau đó chấm liên tục theo hình vẽ. Các chấm có sự liên kết với nhau, tập trung tâm trí vào những điểm chấm, cũng như lực của cánh tay khi chấm để tạo độ đậm nhạt cho nét chấm. Khoảng cách của các chấm liên tục và dày đặc sẽ tạo ra điểm tối, còn các nét chấm xa nhau, nhẹ dần sẽ tạo ra điểm sáng cho hình ảnh mà trẻ vẽ.

Đối với phương pháp vẽ tranh doodle art
Với nguyên liệu là những đường nét và màu sắc tối giản, tranh doodle mang lối miêu tả nhân vật dễ thương, được vẽ cách điệu ngẫu hứng hoặc các hoa văn, con chữ. Với doodle art bạn chỉ cần dùng bút bi, bút chì hoặc phấn bảng, vẽ trên bảng, trên sổ hoặc thậm chí trên giấy ăn, vẽ bất cứ thứ gì để tạo nên một tác phẩm. Như cái nhìn của trẻ nhỏ kết hợp với lời minh họa dí dỏm khiến bức tranh toát lên sự vui tươi và hài hước.

Dụng cụ: Bút chì hoặc bút bi, màu, giấy
Cách vẽ: Bạn chọn cho mình một chủ đề hoặc một hình ảnh, nhân vật hoặc bất cứ điều gì mà bạn yêu thích. Vẽ lại hình ảnh một cách đơn giản và nguệch ngoạc với chủ đề vui nhộn, dí dỏm nhất có thể. Sáng tạo thêm lời minh họa đi kèm và tô màu kết thúc bức tranh.

3. Kết luận

Đề chứng tự kỷ có thể được đẩy lùi đòi hỏi mỗi gia đình có con em mắc chứng này kiên nhẫn tìm các biện pháp giáo dục phù hợp. Nghệ thuật, với sức mạnh vô biên của nó, không chỉ nâng đỡ đời sống tinh thần của những người bình thường, mà còn làm thay đổi cuộc đời của người tự kỷ. Đồng thời, đã đến lúc toàn xã hội nói chung, ngành công tác xã hội nói riêng cần dành sự quan tâm nhiều hơn đến trẻ tự kỷ

cũng như các gia đình đang phải vượt qua cảnh ngộ khó khăn khi có trẻ tự kỷ, đem đến tương lai tươi sáng với những trẻ không may mắc phải chứng bệnh này. Để họ có thể hòa nhập cộng đồng, sống, lao động và cống hiến sức mình, không trở thành gánh nặng cho gia đình cũng như toàn xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật bậc tiểu học*, Dự án phát triển giáo viên tiểu học, Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Một số kỹ năng dạy trẻ có hành vi tự kỷ trong lớp học hòa nhập*, Dự án phát triển giáo viên tiểu học, NXB Hà Nội
- [3] Khoa PHCN Bệnh viện Bạch Mai, Hà Nội, Việt Nam, *Giao tiếp với trẻ em*, Tài liệu huấn luyện ngôn ngữ
- [4] Nguyễn Thị Kim Hiền (2009), *Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ngôn ngữ cấp tiểu học*.
- [5] Phạm Thị Mơ (2006), *Đề cương bài giảng Giao tiếp sư phạm trong giáo dục đặc biệt*, ĐHSP Đà Nẵng,
- [6] Võ Nguyễn Tinh Vân và nhóm hỗ trợ Phụ huynh có con khuyết tật & Chậm phát triển (2006), *Tự kỷ và trị liệu (Autism and Treatments A Guide for Parents)*, Tài liệu do nhóm hỗ trợ Phụ huynh có con khuyết tật & Chậm phát triển tại NSW – Úc Châu thực hiện.
- [7] Vũ Thị Bích Hạnh (2007), *Tự kỷ - Phát hiện và can thiệp sớm*, NXB Y học

HIỆN TƯỢNG CA SĨ VIỆT HÁT LỆCH CHUẨN TIẾNG VIỆT VÀ LỜI CA

| TRẦN QUỐC VIỆT

Email: tqviet@daihocthudo.edu.vn
Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

| TRẦN YẾN NHI

Email: 221000550@daihocthudo.edu.vn
Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

THE PHENOMENON MISPRONOUNCE VIETNAMESE AND LYRICS WHILE SINGING OF VIETNAMESE SINGER

TÓM TẮT

ABSTRACT

Hiện tượng ca sĩ hát lệch chuẩn tiếng Việt và lời ca rất phổ biến hiện nay. Hiện tượng này không chỉ có ở các ca sĩ nghiệp dư trong phong trào ca hát quần chúng mà gặp cả ở các ca sĩ chuyên nghiệp. Điều này khiến các nhà quản lý và đồng đạo công chúng yêu ca hát bức xúc và trăn trở làm sao để tháo gỡ, giữ gìn được chất lượng nghệ thuật và sự trong sáng của tiếng Việt trong ca hát.

Bằng phương pháp tổng hợp, phân tích tài liệu online, điền dã tham dự, khảo sát, thực tế, chúng tôi chỉ ra một số lỗi phát âm lệch chuẩn trong ca hát của các ca sĩ, phân tích nguyên nhân và đề xuất biện pháp khắc phục.

Từ khóa: Phát âm tiếng Việt, hát, lệch chuẩn, ca sĩ chuyên nghiệp, ca sĩ nghiệp dư

The phenomenon mispronounce Vietnamese and lyrics while singing of Vietnamese singers is very common nowadays. It is found not only in amateurs singers but also in professional singers. There are many managers and singing lovers wondering how to maintain the standard of Vietnamese in singing. By the method of synthesizing, analyzing online documents, experience and actual survey, we present some problems about singers mispronounce when singing, analyze the causes and propose solutions.

Keywords: Pronounce Vietnamese, singing, lisp, professional singer, amateur singer

Đặt vấn đề

Hiện nay, đất nước ta đang trong thời kỳ hội nhập với khu vực và thế giới. Việc phát triển dựa trên cơ sở bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là tất yếu. Trong các yếu tố tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc, ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng. Vì vậy, việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt nhằm tôn vinh tiếng Việt chuẩn là vấn đề quan trọng. Chính vì vậy, trong lĩnh vực ca hát, ca sĩ Việt phải hát chuẩn tiếng Việt đang là vấn đề được xã hội rất quan tâm. Hiện tượng ca sĩ Việt hát lệch chuẩn tiếng Việt và cả sai lệch lời ca không mới. Tuy nhiên, gần đây hiện tượng này có xu hướng tăng lên và xuất hiện những lệch lạc mới. Đã có một số bài phỏng vấn, bài báo mạng bàn luận về vấn đề này, nhưng nội dung chủ yếu nêu vấn đề, phản ánh hiện tượng [8], mô tả một khía cạnh đơn lẻ [5], [7], hoặc chỉ chú ý tới ca sĩ trẻ mới nổi [6]. Vì vậy, ca sĩ chưa nhận thức được vấn đề của họ, còn công chúng cũng chưa thấy được bản chất, mức độ và sự phổ biến của hiện tượng đến đâu.

Bằng các phương pháp nghiên cứu liên ngành, nghiên cứu lý thuyết và nghiên cứu thực tiễn, bài viết

sẽ khái quát những lỗi phát âm lệch chuẩn tiếng Việt thường gặp trong ca hát của các ca sĩ Việt Nam (chuyên nghiệp và nghiệp dư), nguyên nhân gây ra lỗi và đề xuất một số biện pháp khắc phục, vừa giúp bổ sung kỹ thuật dạy nhà chữ - phát âm - xử lý bài hát trong thanh nhạc, vừa giúp các ca sĩ nhận biết lỗi lệch chuẩn mà tự điều chỉnh, góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong ca hát.

1. Định vị hát chuẩn tiếng Việt và lời ca

1.1. Tiếng Việt chuẩn, hát chuẩn lời ca

Theo PGS, TS. Đào Thị Thanh Lan, khoa Ngôn ngữ học, Trường ĐH KH XH & NV, ĐHQG Hà Nội, tiếng Việt có ngôn ngữ toàn dân và ngôn ngữ địa phương. Ngôn ngữ toàn dân là tiếng Việt chung được sử dụng mang tính phổ thông ở tất cả mọi vùng miền của đất nước. Còn ngôn ngữ địa phương của tiếng Việt (tức phương ngữ tiếng Việt), là tiếng Việt được sử dụng với những đặc điểm riêng của mỗi vùng miền. Các phương ngữ của tiếng Việt có thể khác nhau về cách phát âm, ngữ pháp, từ vựng hoặc cú pháp, nhưng những người nói các phương ngữ tiếng Việt khác nhau vẫn có thể hiểu nhau [3].

EDUCATION

Theo GS. Trần Trí Dõi, khoa Ngôn ngữ học, Trường ĐH KH XH&NV, ĐHQG Hà Nội: Tiếng Việt chuẩn theo đúng nghĩa của nó “phải là tiếng Việt được dùng giảng dạy trong nhà trường, là ngôn ngữ của của người Việt” [4].

Như vậy, tiếng Việt chuẩn và phát âm tiếng Việt chuẩn là: tiếng Việt và phát âm tiếng Việt được dùng giảng dạy trong nhà trường hiện nay. Riêng với các trường hợp có biến thể, chúng tôi căn cứ vào bảng tham khảo về lựa chọn chính tả trong sách giáo khoa tiếng Việt [9], các từ biến thể đều coi là lệch chuẩn.

Trong các tác phẩm thanh nhạc – bao gồm giai điệu nhạc và lời ca, lời ca đã được các nhạc sĩ cân nhắc kỹ lưỡng, đặt ra để thể hiện đúng ý nhạc và đó là bản quyền của tác giả, nên ca sĩ không được tự ý thay đổi lời ca khi hát.

Do đó, có thể xác định, hát chuẩn tiếng Việt là hát đúng tiếng Việt được dùng trong nhà trường và hát chuẩn lời ca là hát chính xác lời ca gốc của bài hát.

Lưu ý, các lỗi lệch chuẩn khác thuộc về kỹ thuật thanh nhạc thuần túy như chênh phô, sai tiết tấu, bẹt tiếng... chúng tôi không đề cập đến trong bài viết này.

1.2. Mối quan hệ giữa lời ca và kỹ thuật nhả chữ trong thanh nhạc với phát âm

a) Vai trò của lời ca trong bài hát

Bài hát là một thể loại tác phẩm thanh nhạc bao gồm nhạc và lời ca (còn gọi là ca từ). Bài hát bao gồm cả những bài hát dân ca truyền thống, lẫn ca khúc trong nhạc mới.

Lời ca chính là sự cụ thể hóa ý nhạc của nhà soạn nhạc bằng ngôn ngữ. Nó dẫn dắt, hướng cho người nghe hiểu rõ hơn ý nhạc. Đặc biệt, trong dân ca truyền thống, thường là các câu ca dao, tục ngữ trong văn học dân gian, mang ý nghĩa rất sâu sắc. Vì vậy, việc phát âm chuẩn xác ca từ khi hát sẽ giúp thể hiện đúng ý nghĩa của tác phẩm thanh nhạc, truyền được chính xác cảm xúc của nhà soạn nhạc (và cả của người diễn) tới người nghe. Nếu phát âm không đúng (lệch chuẩn) sẽ làm méo mó, sai ý nghĩa của tác phẩm, lệch lạc thậm chí cảm thụ của người nghe, thậm chí dẫn khiến người nghe không còn quan tâm tới lời ca mà chỉ chú ý tới giai điệu và các động tác biểu diễn hào nhoáng.

Khi soạn các bài hát, nhà soạn nhạc bao giờ cũng chú ý để thanh điệu của ca từ phù hợp với đường nét giai điệu âm nhạc, sao cho ca sĩ có thể hát rõ lời nhất. Tuy nhiên, cũng có vài trường hợp đặc biệt, do chuyển động của giai điệu theo luật nhạc có những ca từ không đồng bộ, ca sĩ không thể hát rõ lời, buộc phải hát “lơ lớ” nên không coi là lỗi. Ví dụ, bài hát “Tình

ca mùa xuân”, sáng tác của nhạc sĩ Trần Hoàn phổ thơ của nhà thơ Nguyễn Loan, trong câu hát “mùa xuân đã về”, khi hát chữ “đã” ca sĩ buộc phải hát thành “đã” mới khớp với giai điệu. Những trường hợp này cũng thường hay gặp ở các bài hát dân ca được viết lời mới trong phong trào ca hát quần chúng.

b) Thanh nhạc và kỹ thuật nhả chữ trong thanh nhạc

Trong âm nhạc, thanh nhạc là âm nhạc có lời, là nghệ thuật dùng giọng hát và ngôn ngữ của con người kết hợp với giai điệu nhạc, trong đó giọng hát và ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng, để diễn tả tác phẩm âm nhạc.

Thanh nhạc có những kỹ thuật nhằm khai thác tối đa tiềm năng giọng hát con người. Trong các kỹ thuật thanh nhạc, kỹ thuật “nhả chữ” đóng vai trò quan trọng giúp ca sĩ có thể dễ dàng phát âm các ca từ của bài hát một cách chính xác, tròn vành, rõ nét vừa khớp với giai điệu nhạc vừa diễn tả tốt hình tượng âm nhạc và truyền cảm tới người nghe. Kỹ thuật nhả chữ của mỗi dòng nhạc có những nét riêng, nhưng hầu như đều có chung một tiêu chí “tròn vành, rõ chữ”. Để có thể làm được như vậy, ca sĩ phải luyện cách phát âm các nguyên âm thường gặp trong tiếng Việt như a, ê, o, u, i, kết hợp với các phụ âm như n, m, kh... tạo thành các âm mở, âm đóng, âm nẩy... Các yếu tố khác như hơi thở, khẩu hình (hình miệng), vị trí lưỡi, độ mở của hàm, vị trí đặt âm thanh rất quan trọng để có thể nhả ra chữ tròn vành, rõ nét không bị bẹt, bí, mờ, méo... Sự kết hợp các yếu tố trên được sử dụng trong những bài luyện thanh [1].

Sau khi luyện thanh, ca sĩ sẽ vận dụng kỹ thuật đó một cách vừa đủ vào hát những bài hát cụ thể. Như trên đã nói, ca sĩ không được tự ý thay đổi ca từ gốc khi hát. Tuy nhiên, không loại trừ có trường hợp ca từ gốc chưa chuẩn (mà không phải là ý đồ nghệ thuật đặc biệt nào) – do nhạc sĩ chưa nắm vững tiếng Việt chuẩn mà mắc lỗi, nếu ca sĩ phát hiện ra và muốn sửa, cần phải trao đổi với tác giả để thống nhất xử lý về chuẩn trước khi hát bài hát [10].

2. Một số lỗi ca sĩ Việt phát âm khi hát lệch chuẩn tiếng Việt và lời ca

Qua khảo sát thị trường ca nhạc và phong trào ca hát quần chúng cả trong đời thực lẫn mạng xã hội, chúng tôi thấy các ca sĩ chuyên nghiệp và nghiệp dư ở nhiều dòng nhạc như nhạc đỏ, nhạc bolero, nhạc pop, dân ca truyền thống, âm hưởng dân gian... đều có thể mắc một số lỗi phát âm lệch chuẩn tiếng Việt và lời ca khi biểu diễn tác phẩm thanh nhạc.

2.1. Lỗi phát âm ngọng như n-l, x-s, ch-tr...

Hát ngọng là tình trạng phát âm lẫn lộn các chữ với nhau, khiến người xung quanh khó hiểu hoặc hiểu sai ý nghĩa câu hát gốc. Ví dụ một số lỗi hát ngọng

thường gặp là ngọng âm n với âm l. Trong bài hát có những từ như “nói”, “nắng”, “Việt Nam”, “Hà Nội”... hay bị ca sĩ ngọng phát âm khi hát thành “lói”, “lắng”, “Việt Lam”, “Hà Lội”. Trường hợp ngọng âm l với âm n, thường gặp trong các bài hát có những từ như “lúa”, “làng”, “lăng”, “lộc”... bị hát thành “núa”, “nàng”, “năng”, “nộc”... Có những người chỉ mắc tật ngọng này khi nói, hát mà không mắc khi viết. Họ viết đúng nhưng nói, hát lại ngọng thành sai.

Lỗi phát âm ngọng khi hát rất phổ biến ở các ca sĩ nghiệp dư trong phong trào ca hát quần chúng địa phương và trên mạng xã hội. Ca sĩ chuyên nghiệp ít khi mắc lỗi hát ngọng. Họ hầu hết đều đã trải qua những kỳ thi tuyển chọn. Người có tật phát âm ngọng thường bị loại ngay từ đầu.

Các lỗi ngọng x-s, ch-tr... ít bị phản ứng hơn so với lỗi ngọng n-l, bởi phát âm những cặp âm này sự khác biệt không rõ ràng như cặp âm n-l. Tuy nhiên, nghe kỹ sẽ phát hiện ra và người nghe cảm thấy thấy gợn, sạn, kém hay. Chẳng hạn, trong bài hát “Màu hoa đỏ” - sáng tác của nhạc sĩ Thuận Yến, do ca sĩ T.B trình bày có lỗi phát âm ch-tr: Câu hát “mây ngàn hóa bóng cây che” ca sĩ phát âm khi hát thành “mây ngàn hóa bóng cây tre”. Điều đó làm thay đổi ý nghĩa câu hát khiến người nghe hiểu nhầm ý của tác giả.

2.2. Lỗi phát âm tiếng địa phương như miền-miền, chiến-chiến...

Đây là hiện tượng người hát - thường là người địa phương, đang chủ định hát theo tiếng Việt chuẩn và kiểu phát âm tiếng Việt chuẩn, nhưng vô tình - thường do bản năng, xen kẽ những tiếng địa phương hoặc lai kiểu phát âm địa phương vào câu hát (trừ những trường hợp chủ động có ý đồ nghệ thuật).

Lỗi này thường gặp ở các ca sĩ gốc phương ngữ Trung, Nam và một số tiểu vùng của phương ngữ Bắc. Như ở bài hát “Gió về miền xuôi” - sáng tác của nhạc sĩ Anh Việt Thu, do ca sĩ Đ.N - một ca sĩ gốc Nam hát, dù hầu hết các chữ phát âm đúng chuẩn tiếng Việt, nhưng hai chữ “miền” và “chiến” trong lời ca gốc vẫn bị lệch chuẩn thành “miềng” và “chiềng” do ảnh hưởng của phương ngữ tiếng Việt phía Nam. Loại trừ lỗi này ở những trường hợp nhạc sĩ, ca sĩ chủ động đưa phương ngữ hoặc kiểu phát âm địa phương vào nhằm thể hiện một ý đồ nghệ thuật nào đó. Chẳng hạn, bài hát “Cô gái Sài Gòn đi tải đạn” - sáng tác của nhạc sĩ Lưu Nhất Vũ, do tốp ca nữ Quân khu 7 thể hiện bằng phương ngữ tiếng Việt phía Nam Nam không coi là lỗi...

2.3. Lỗi phát âm sai chữ như cày-cây, dạy-dậy, rượu-riệu, chảy-chấy, màu-mầu...

Ngoài hai dạng lệch chuẩn nêu trên, trong thực tế còn

gặp dạng phát âm sai ca từ làm lời ca trở thành vô nghĩa, thậm chí tra từ điển tiếng Việt cũng không có. Hiện tượng này thường xảy ra khi người hát không tôn trọng hát đúng ca từ gốc, mà hát theo thói quen nói lệch chuẩn thường ngày hoặc cố ý tạo chiêu trò...

Dưới đây, để người đọc tiện tra cứu minh chứng, chúng tôi chỉ nêu một vài ví dụ ở các ca sĩ chuyên nghiệp, qua nghiên cứu những video clip ca nhạc của họ được công khai trên mạng xã hội. Các ca từ chuẩn và lệch chuẩn được chúng tôi rút ra từ bảng tham khảo về lựa chọn chính tả trong sách giáo khoa tiếng Việt[9].

- Ca từ gốc là chữ “cày” (đúng chuẩn với nghĩa cày ruộng), ca sĩ hát thành “cây” (lệch chuẩn): Ví dụ câu hát “lái máy cày” bị hát thành “lái máy cây” trong bài hát “Đồng đội” - sáng tác của nhạc sĩ Hoàng Hiệp, do tam ca nam gồm T.T, V.H, Đ.D hát. Từ điển tiếng Việt cũng không có từ nào là “máy cây” mà chỉ có từ “máy cày”.

- Ca từ gốc là chữ “dạy” (đúng chuẩn với nghĩa dạy hát), ca sĩ hát thành “dậy” (lệch chuẩn): Ví dụ câu hát “dạy các em thơ bài hát quê hương” bị hát thành “dậy các em thơ bài hát quê hương” trong bài hát “Vết chân tròn trên cát” - sáng tác của nhạc sĩ Trần Tiến. Nhiều ca sĩ bị mắc lỗi này như M.T, H.Đ, A.T, T.Q.T...

- Ca từ gốc là chữ “rượu” (đúng chuẩn), ca sĩ hát thành “riệu” (lệch chuẩn - không có trong từ điển tiếng Việt): Ví dụ câu hát “vui cùng pháo nổ rượu hồng” bị hát thành “vui cùng pháo nổ riệu hồng” trong bài hát “Câu chuyện đầu năm” - sáng tác của nhạc sĩ Hoài An trong phần trình diễn của các ca sĩ N.Q, L.Q, L.A.L...

- Ca từ gốc là chữ “chảy” (đúng chuẩn với nghĩa nước chảy), ca sĩ hát thành “chấy” (lệch chuẩn): Có bài hát tiêu đề ghi rõ “Chảy đi sông ơi” - một sáng tác của nhạc sĩ Phó Đức Phương, nhưng một số ca sĩ như T.D, L.A.D... vẫn hát những chữ “chấy” trong bài thành “chảy”, hoặc ca sĩ M.T hát lẫn lộn: Ở khổ đầu đúng chữ “chảy”, sang các khổ sau lại sai thành “chấy” - không có trong từ điển tiếng Việt.

- Ca từ gốc là chữ “màu” (đúng chuẩn với nghĩa màu sắc), ca sĩ hát thành “mầu” (lệch chuẩn) là một lỗi khá phổ biến. Chẳng hạn, trong bài hát “Thời hoa đỏ”, một sáng tác của nhạc sĩ Nguyễn Đình Bảng phổ thơ của nhà thơ Thanh Tùng, hàng loạt các ca sĩ tên tuổi như T.B, T.D, P.N, M.L, T.M, V.T.L... đều hát “màu hoa”, “màu mây” lệch chuẩn thành “mầu hoa”, “mầu mây”.

2.4. Hát nổi âm, thêm bớt, thay từ tùy tiện, phát âm hơi hợt thành lệch chuẩn

Hát nối âm, thêm bớt, thay từ tùy tiện hoặc phát âm hơi hợt thường gặp ở các ca sĩ trẻ hiện nay [8]. Họ hát nối âm đuôi chữ trước vào âm đầu chữ sau, tạo thành những chữ có nghĩa khác hoặc vô nghĩa. Ví dụ, chữ “tắm áo ấy” hát thành “tắm máo ấy” trong bài hát “Tắm áo mẹ và năm xưa” - sáng tác của nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý, do ca sĩ P.L trình bày.

Có những ca sĩ khi hát tùy tiện thêm, bớt hoặc thay từ vào lời ca gốc khiến bài hát bị lạc ý nghĩa: “Theo nhà thơ Phan Thị Thanh Nhân, từ “hương đưa” trong bài thơ Hương thầm là hình ảnh có dụng ý riêng. “Hương đưa” là hương thơm có thể lan tỏa trong gió, theo mỗi bước chân người đi. Còn nếu như viết “Cây bưởi sau nhà ngan ngát hương thơm” là chuyện tất nhiên, quá đời bình thường, chẳng còn gì lạ và ý nghĩa.” [7].

Một số ca sĩ phát âm hơi hợt cũng có thể biến ca từ gốc thành những từ vô nghĩa. Có bài báo phản ánh vấn nạn này: “Nghe kỹ phân biệt diễn của một số ca sĩ có thể thấy không ít lời hát dạng như: “Đàn nướng tôi, thon thả giòn đàn bầu... Xin hán về người, đàn nướng ơi, xin hán về mè tổ cuồng ơi...” [5].

2.5. Phát âm méo tiếng

Bên cạnh đó, còn có những dạng phát âm lệch chuẩn đặc thù của ca hát (như méo tiếng) liên quan đến việc ca sĩ khó phát âm chuẩn do phải kết hợp lời ca cho khớp với cao độ, tiết tấu của giai điệu. Cho nên, nếu kỹ thuật thanh nhạc kém hoặc lạm dụng kỹ thuật thanh nhạc, họ sẽ mắc những lỗi này. Đây là lỗi mà khi nói bình thường rất ít thấy nhưng lại hay gặp trong hát.

Những chữ trong lời ca kết thúc không bằng âm tiết mở mà bằng các âm tiết khép hoặc nửa khép, nửa mở sẽ cản trở luồng hơi đi ra khỏi miệng khi hát gây khó khăn cho việc ngân dài, căng khó hơn khi ngân dài ở âm khu cao của giọng hát. Nếu ca sĩ sử dụng tốt kỹ thuật nhả chữ thì có thể xử lý được các chữ này thành kiểu hát âm mở mà vẫn chuẩn tiếng, rõ và đúng lời. Tuy nhiên, một số ca sĩ yếu hoặc lạm dụng kỹ thuật thanh nhạc có thể mắc lỗi phát âm méo, mập mờ thành lệch chuẩn. Chẳng hạn, trong bài hát “Mẹ tôi” – sáng tác của nhạc sĩ Lê Huy, trong câu hát “mẹ là cha mà con mơ tìm thấy”, có ca sĩ ngân chữ “thấy” thành “thớ” (ca sĩ H.T); hoặc trong bài hát “Người con gái sông La” – sáng tác của nhạc sĩ Đoàn Nho, chữ “mất” trong câu hát “nhớ chẳng đôi mắt” bị hát lơ lơ như chữ “mớ” (ca sĩ P.L) ...

3. Nguyên nhân lỗi phát âm lệch chuẩn khi hát của ca sĩ và biện pháp sửa

Một số ca sĩ do thiếu kiến thức về tiếng Việt nên bị mắc lỗi. Theo một nhà báo, nguyên nhân sâu xa là: “Hiện nay, trong các trường nghệ thuật, việc giáo dục văn hóa cho ca sĩ bị coi nhẹ. Những bộ môn như triết

học, mỹ học, lịch sử, cơ sở văn hóa... thường bị những ca sĩ tương lai bỏ qua. Chương trình học cấp ba ở các trường trung cấp nghệ thuật cũng bị lược bỏ để “tạo điều kiện trau dồi chuyên môn và rèn luyện tài năng”. Như vậy, những kiến thức cơ bản để làm “một người bình thường” bị bỏ qua trong khi tài năng vẫn chưa tới đích” [5]. Do đó, giải pháp lâu dài cho vấn đề này là các cơ sở đào tạo nhạc sĩ, ca sĩ cần tăng cường thời lượng học môn Tiếng Việt và văn hóa đại cương trong chương trình đào tạo. Về giải pháp khả thi trước mắt, chúng tôi phân tích các nguyên nhân cụ thể gây nên lỗi phát âm lệch chuẩn của các ca sĩ và gợi ý một số biện pháp sửa sai như sau.

3.1. Nguyên nhân hát ngọng và biện pháp sửa

Tật hát ngọng chủ yếu do ca sĩ khi hát để khẩu hình cứng, đặt vị trí lưỡi sai gây ra, ngoại trừ một số ít người do bị dị tật bẩm sinh cơ quan phát âm. Hát ngọng cũng có thể do hay đùa cợt, cố ý nói ngọng, lâu ngày thành quen. Để chữa hát ngọng (không do dị tật), các ca sĩ cần tập luyện mở khẩu hình mềm mại và đặt vị trí lưỡi cho đúng. Với âm “n” lưỡi để mềm mại, thẳng, đầu lưỡi sát kẽ hai hàm răng cửa. Còn với âm “l”, khẩu hình mở rộng hơn, đầu lưỡi hơi cong lên phía hàm trên. Khi luyện thanh, giáo viên thanh nhạc cần luyện phát âm n-l cho người bị ngọng trước khi vào luyện các mẫu âm và hát bài hát. Lúc hát, người ngọng cần nhớ những chữ có âm n-l để bắt vào cho đúng. Nếu tập luyện như vậy nhiều lần, tập hát với các bài hát trong lời ca có những cặp n-l, ca sĩ có thể hình thành thói quen phát âm chuẩn xác n-l.

Ngoài ra, họ sẽ tránh được ngọng các cặp âm như x-s, ch-tr, kh-h... nếu trước khi hát, giáo viên chú ý luyện đọc chuẩn và phân biệt rõ sự khác nhau giữa các cặp âm đó khi phát âm.

3.2. Nguyên nhân hát tiếng địa phương và biện pháp sửa

Ảnh hưởng của tiếng địa phương rất mạnh, bởi đó là thói quen giao tiếp thường ngày. Hiện nay, việc thông thương giữa các vùng miền diễn ra sôi động, cùng với sự phát triển của hệ thống phương tiện thông tin liên lạc và mạng xã hội, giao lưu giữa các vùng phương ngữ diễn phức tạp. Những tiếng địa phương càng dễ phát tán trong cộng đồng. Chẳng hạn, những người ở quê ra Hà Nội giúp việc có thể ảnh hưởng đến cách phát âm của gia chủ, nhất là các em nhỏ do họ trông coi đang tập nói. Ca sĩ khi hát bản năng, thiếu sự chuẩn bị thường dễ mắc lỗi phát âm kiểu địa phương. Để sửa lỗi này, trước khi hát, ca sĩ cần đọc kỹ lời, luyện phát âm theo tiếng Việt chuẩn thật thành thạo những chữ hay mắc lỗi phát âm địa phương và lường trước những chữ đó khi hát.

3.3. Nguyên nhân hát âm sai nghĩa và biện pháp sửa

Hầu hết những chữ bị các ca sĩ phát âm sai nghĩa khi

hát, chủ yếu do họ chưa nắm rõ quy tắc chính tả tiếng Việt, tự ý thay lời ca gốc mà không phân biệt được nghĩa khác nhau giữa các cặp từ, hoặc do thói quen trong đời thường họ vẫn nói như vậy và mọi người vẫn hiểu ý họ nói gì. Cho nên, những ca sĩ này nghĩ rằng họ đã phát âm đúng khi hát, không làm sai nghĩa câu hát và cũng không phải họ hát tiếng địa phương. Để sửa sai cho những trường hợp này, lúc luyện thanh, giáo viên thanh nhạc cần căn cứ vào bảng tham khảo về lựa chọn chính tả trong sách giáo khoa tiếng Việt [9], kết hợp với phân tích những ví dụ cụ thể, chỉ rõ cho người học về sự khác biệt của những cặp chữ đó ngay khi đọc lời bài hát. Ngoài ra, chúng tôi gợi ý vài cách nêu ví dụ và phân tích việc sử dụng đúng chuẩn tiếng Việt trong thực tế của một số các cặp từ hay bị hát lỗi để người dạy - học thanh nhạc xử lý như sau.

- Chữ “cày” ở tiếng Việt chuẩn thường dùng trong các từ - cụm từ như “cày cuốc”, “cày cấy”, “cày ruộng”, “luống cày”... còn chữ “cây” ở tiếng Việt chuẩn lại dùng trong các từ - cụm từ như “con cây”, “già cây”, “run như cây sậy”...

- Chữ “dạy” ở tiếng Việt chuẩn thường dùng trong các từ - cụm từ như “dạy học”, “dạy dỗ”, “dạy bảo”, “giảng dạy”... còn chữ “đạy” ở tiếng Việt chuẩn lại dùng trong các từ - cụm từ như “ngủ đạy”, “đạy sỏm”, “sỏm đạy”, “đạy sỏm”, “vang đạy”...

- Chữ “rượu” không phát âm thành “riệu”, chữ “chảy” không phát âm thành “chậy” bởi “riệu” và “chậy” đều không có nghĩa và không có trong tiếng Việt nhà trường cũng như trong từ điển tiếng Việt.

- Theo từ điển tiếng Việt, chữ “màu” thường dùng để chỉ màu sắc, độ màu mỡ của đất, các cây hoa màu... Còn chữ “mầu” để chỉ sự huyền bí. Cho nên, nếu hát “màu hoa”, “màu mây” thành “mầu hoa”, “mầu mây” là lệch chuẩn.

Ngoài ra, có những bản beat karaoke (nhạc cho hát karaoke) lời hát bị viết lệch chuẩn do người tạo chưa chuẩn kiến thức tiếng Việt. Vì vậy, nếu ca sĩ không chú ý, khi hát sẽ bị phát âm sai theo những ca từ đó.

3.4. Nguyên nhân phát âm méo, lạc nghĩa gốc và biện pháp sửa

Kỹ thuật thanh nhạc kém hoặc lạm dụng kỹ thuật thanh nhạc cũng có thể làm cho việc phát âm ca từ gặp khó khăn và lệch chuẩn. Ca sĩ nghiệp dư thường mắc lỗi phát âm lệch chuẩn khi hát vì họ không có hoặc yếu kỹ thuật thanh nhạc. Âm thanh phát ra có thể bị mập mờ, méo... Ca sĩ chuyên nghiệp – nhất là những người học kỹ thuật thanh nhạc phương Tây, có thể cũng mắc lỗi phát âm lệch chuẩn khi hát nếu lạm dụng nó. Ca sĩ Thanh Hoa cho biết: “Chúng tôi bị ảnh hưởng khi học trong trường phải cộng minh, dựng âm

thanh... nhưng khi đưa vào tiếng Việt lại thành ra không rõ lời” [6]. Để tránh lỗi này, ca sĩ chỉ nên sử dụng kỹ thuật thanh nhạc vừa đủ cho bài hát mà thôi.

Một số những ca sĩ trẻ vì cố tạo màu sắc riêng, nên hát nổi chữ bừa bãi, thêm bớt, thay từ hoặc phát âm hơi hợt nhằm tạo hiệu quả lạ nhưng lại dẫn tới lệch chuẩn. Theo một nhà báo: “Đây không hẳn là yếu tố bẩm sinh của giọng hát mà có thể những ca sĩ trẻ này đang muốn “quay tay” để chất giọng của mình trở nên khác lạ, nghe “Tây” hơn (?)” [8]. Điều này làm lệch lạc thẩm mỹ thường thức ca hát của một bộ phận công chúng. Đặc biệt, khi trong chỉ một bài hát mà ca sĩ mắc nhiều lỗi phát âm lệch chuẩn, hậu quả sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới giá trị nghệ thuật, tác dụng giáo dục của tác phẩm. Nhạc sĩ Minh Nhiên nhận định: “Mỗi bài hát là công sức, là tâm hồn của người nhạc sĩ đổ vào đó. Mỗi từ được viết ra là cả một sự chọn lọc, nghiền ngẫm để lấy những “từ” đắt nhất, độc nhất và trùng nhất trong từng trường hợp. Nhưng ca sĩ hát sai thì coi như ca khúc ấy chẳng còn giá trị gì” [7]. Vì vậy, các giáo viên thanh nhạc cần hướng dẫn học viên cách xử lý ca từ dựa trên thể mạnh và tổ chất riêng của giọng hát mà vẫn giữ được tròn vành, rõ chữ, chuẩn xác khi phát âm. Ca sĩ phải tôn trọng bản gốc, không được tự ý thêm bớt hay thay lời mà không có sự đồng ý của tác giả.

4. Kết luận và khuyến nghị

Thanh nhạc là món ăn tinh thần phổ thông nhất của công chúng vì nhạc có lời giúp họ dễ dàng cảm thụ được giá trị nghệ thuật của tác phẩm. Sự phổ biến của hiện tượng ca sĩ - chuyên và không chuyên, hát lệch chuẩn tiếng Việt và lời ca vừa làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt, giảm chất lượng nghệ thuật của các tác phẩm âm nhạc, vừa ảnh hưởng xấu tới thị trường ca nhạc hiện nay.

Hiện tượng này không phải mới có gần đây và chỉ trong lứa ca sĩ trẻ mới nổi, nó đã xuất hiện từ lâu, khá phổ biến trong hầu hết các lứa ca sĩ chuyên nghiệp cũng như nghiệp dư. So với ca sĩ gạo cội, ca sĩ trẻ thường mắc thêm một số lỗi mang tính thời đại khi cố gắng tạo dựng phong cách hát mới. Gần đây, lời ca gốc trong ca khúc nhạc trẻ của một số nhạc sĩ trẻ bị từ khi sáng tác cũng mắc nhiều lỗi ngữ pháp, gây khó cho ca sĩ khi chọn bài, khiến hiện tượng hát lệch chuẩn tiếng Việt càng nhiều lên.

Nguyên nhân sâu xa là việc thiếu hụt kiến thức tiếng Việt, cơ sở văn hóa, mỹ học trong chương trình đào tạo của nhà trường từ nhiều năm qua, giao lưu phương ngữ các vùng miền, phương pháp dạy thanh nhạc chưa chú trọng đúng mức việc sửa các lỗi phát âm chuẩn tiếng Việt, xử lý bài hát bừa bãi do ảnh hưởng của ca sĩ nước ngoài hoặc chính các ca sĩ cố ý tạo nên...

EDUCATION

Bên cạnh giải pháp nhà trường tăng cường kiến thức tiếng Việt, văn hóa trong chương trình dạy học, việc thực hiện một số biện pháp trước mắt mà bài viết nêu ra sẽ giúp nhanh chóng nâng cao chất lượng ca hát và thưởng thức âm nhạc, đồng thời góp phần thiết thực vào việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong giai đoạn hiện nay.

Theo các chuyên gia ngôn ngữ, tiếng Việt chuẩn còn nhiều hiện tượng chưa có ý kiến thống nhất, bài viết cũng mới đề cập đến những trường hợp nếu dùng không đúng từ chuẩn sẽ làm sai nghĩa hoặc vô nghĩa câu hát. Chúng tôi mong rằng các nhà khoa học khác sẽ có những nghiên cứu bổ sung giúp các nhạc sĩ, ca sĩ – nhất là lớp nhạc sĩ, ca sĩ trẻ, có thêm tài liệu tham khảo khi đặt lời và hát các ca khúc của họ hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Trung Kiên, 2001, *Giáo trình thanh nhạc*, Viện âm nhạc, Hà Nội.
- [2]. Vương Hữu Lễ, 2015, *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.
- [3]. Bùi Minh Toán, 2010, *Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.
- [4]. Vũ Lụa, 2012, *Chưa có quy định giọng Hà Nội là chuẩn quốc gia*, <https://vietnamnet.vn/chua-co-quy-dinh-giong-ha-noi-la-chuan-quoc-gia-101568.html> Truy cập tháng 4 năm 2023
- [5]. Hà Thủy Nguyên, 2010, *Khi ca sĩ buông câu nhả chữ*, <http://hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Van-hoa/304209/khi-ca-si-buong-cau-nha-chu> Truy cập tháng 4 năm 2023
- [6]. Nguyễn Mạnh Hà, 2022, *Báo động ca sĩ trẻ phát âm sai tiếng Việt*, <https://tienphong.vn/bao-dong-ca-si-tre-phat-am-sai-tieng-viet-post1457286.tpo> Truy cập tháng 4 năm 2023
- [7]. Minh Nga, 2013, <http://hoinhacsi.info/ca-si-hat-sai-loi-ca-khuc> Truy cập tháng 4 năm 2023
- [8]. Trúc Thanh, 2013, *Ca sĩ thời nay không cần hát rõ lời?*, <https://essaha.info/ca-si-thoi-nay-khong-can-hat-ro-loi/> Truy cập tháng 4 năm 2023
- [9]. Nguyễn Văn Khang, 2023, *Bảng tham khảo về lựa chọn chính tả (đối với một số trường hợp thông dụng có các biến thể)*, link <https://ngonngu.net/luachonchinhta/175>, Truy cập tháng 4/2023.
- [10]. Tường Phạm, 2015, link <http://www.bongtram.com/2015/08/ca-tu-nhac-tre-de-dai-cau-tha-tuong-pham.html>, truy cập tháng 4/2023.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀO MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP THỰC HÀNH MỸ THUẬT TRONG DẠY HỌC ONLINE CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

| NGUYỄN THÚY HÀ

Email:nguyenthuyha@spnttw.edu.vn

Trường ĐHSP Nghệ thuật TW

| VŨ VIỆT HOÀNG

Email:vuviethoang0705@gmail.com

Trường ĐHSP Nghệ thuật TW

USING INFORMATION TECHNOLOGY IN TEACHING ONLINE SOME TYPES OF ARTISTIC PRACTICE EXERCISES TO ELEMENTARY STUDENTS

TÓM TẮT

Dạy học mỹ thuật đứng trước đòi hỏi cần phải có những thay đổi, đổi mới từ nội dung, phương pháp cho đến hình thức dạy học nhằm đáp ứng sự phát triển và tình hình thực tiễn của đất nước, xã hội và bắt kịp đà phát triển của thế giới - một thế giới số. Do đó, Dạy học mỹ thuật cũng cần có ứng dụng công nghệ thông tin vào bài học nhằm thích nghi với sự đổi mới trong nội dung, phương pháp và nhất là hình thức dạy học.

Từ khóa: Ứng dụng, Công nghệ thông tin, dạy học mỹ thuật, phần mềm

ABSTRACT

Art teaching is being required to have changes as well as innovations from the teaching contents to the teaching methods to meet the development and practical situation of the country and society and to keep up with the development of the world - a digital world. Therefore, art teaching also needs using information technology in lessons to adapt to the innovation in art education.

Keywords: Application, Information technology, art teaching, software

Thế giới ngày càng phát triển với sự bùng nổ của thế giới số, của những ứng dụng công nghệ thông tin vào mọi mặt của đời sống, chính vì vậy mọi hoạt động của con người trong xã hội hiện đại đều phát triển xoay theo những thay đổi đó. Con người trong xã hội mới không chỉ cần có kiến thức chuyên môn, kiến thức xã hội mà còn là con người có trí tuệ, phẩm chất, nhân cách, thẩm mỹ..

Đứng trước những yêu cầu mới, môn học Mỹ thuật ngày càng được coi trọng, là một trong những yếu tố tạo nên một con người của thế giới mới, của một công dân toàn cầu. Dạy học Mỹ thuật đứng trước đòi hỏi phải thay đổi cho phù hợp với yêu cầu mới, cũng như sự xuất hiện của dịch bệnh Covid-19 khiến mọi hoạt động trong đời sống trở nên khó khăn, bức bối, nhiều hoạt động (trong đó có dạy - học) chuyển sang hình thức online. Nhưng cùng chính từ những yếu tố đó đã thúc đẩy sự phát triển của ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học, đòi hỏi Giáo viên môn mỹ thuật cũng đã có những chuyển mình để phù hợp với thực tiễn và xu hướng học tập mới trong tương lai.

Xuất phát từ thực trạng trên, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học đặc biệt là dạy học online trở nên cấp thiết hơn, chính vì vậy chúng tôi đã tìm hiểu và đưa ra một số dạng bài tập thực hành có ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với hoạt động dạy - học mỹ thuật, nhất là đối với dạy - học mỹ thuật online cho học sinh tiểu học.

Qua thực tế dạy học môn mỹ thuật qua hình thức trực tuyến, chúng tôi nhận thấy: từ giáo viên đến phụ huynh có con đang học Tiểu học đều tỏ ra băn khoăn và lo lắng làm sao để các con thích nghi được với việc học mỹ thuật online. Bởi ở độ tuổi của con, cần có sự chỉ bảo, uốn nắn, hướng dẫn từng nét vẽ, nét màu .. Nếu phải học trực tuyến, tất cả chỉ dừng lại qua lời giảng của cô giáo trên màn hình nhỏ. Bên cạnh khó khăn đó, nhiều thầy cô giáo cho rằng, một trong những việc khó khăn nhất khi dạy online cho học sinh đó là rèn sự tập trung. Chưa kể với hình thức học trực tuyến, giáo viên không thể kiểm soát học sinh có thật sự hiểu bài và làm được đúng theo hướng dẫn hay không. Thao tác của học sinh còn chưa nhanh,

EDUCATION

các lớp nhỏ nhiều bố mẹ ngồi cạnh sốt ruột, có thể hỗ trợ hoặc làm hộ. Một số học sinh chưa được trang bị đồ dùng học tập phù hợp học online, tương tác tổng quan của học sinh còn hạn chế, học sinh thụ động dẫn đến kết quả bài học chưa cao. Mặc dù việc dạy học trực tuyến dần trở nên quen với các trường, thầy cô giáo và học sinh, tất cả mọi người nhưng ai cũng phải học cách để thích nghi trong điều kiện, hoàn cảnh mới. Nhưng việc làm sao để đảm bảo cho việc có thể trang bị được đúng, đủ kiến thức, vừa áp dụng được một số các hình thức học tập, thực hành mới phù hợp với hoàn cảnh là một thử thách với các giáo viên dạy mỹ thuật.

Tuy nhiên bên cạnh những khó khăn, chúng tôi nhận thấy một số thuận lợi như: Học sinh nhận được quan tâm từ phụ huynh, trang bị đầy đủ sách cũng như đồ dùng học tập như (máy tính, điện thoại, Ipad...) cho học sinh, Giáo viên trang bị đầy đủ cơ sở vật chất dạy (máy tính, đường truyền, sách giáo khoa), được tham gia tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn cũng như các hoạt động hỗ trợ dạy học online.

Từ những điều kiện thuận lợi, chúng tôi đã xây dựng số bài tập thực hành có ứng dụng công nghệ thông tin, nhằm nâng cao chất lượng bài học trong công tác dạy - học mỹ thuật online bậc tiểu học.

Để giúp các em học sinh có phần thực hành phù hợp với tình hình hiện tại và xu hướng học tập trong tương lai, chúng tôi mạnh dạn kết hợp và ứng dụng CNTT vào dạy và học môn Mỹ thuật.

Hiện nay các phần mềm vẽ tranh đã phát triển mạnh mẽ, thậm chí còn có sẵn những chương trình hoàn toàn miễn phí, cung cấp công cụ mô phỏng chân thực màu nước, sơn dầu, pastel, màu chì... Từ những phần mềm này chúng ta có thể biến chúng thành công cụ hỗ trợ học sinh trong thực hành môn Mỹ thuật ở một số dạng bài như Vẽ tranh đề tài hay Ký họa.

Chúng tôi đã tìm hiểu và thấy một số phần mềm miễn phí dễ thao tác và có thể tiếp cận được với nhiều đối tượng học sinh cấp bậc tiểu học: Microsoft Paint 3D, Microsoft Fresh Paint, Artweaver Free... Các phần mềm này các em có thể download từ trên mạng về phương tiện học tập (máy tính, điện thoại thông minh, máy tính bảng...)

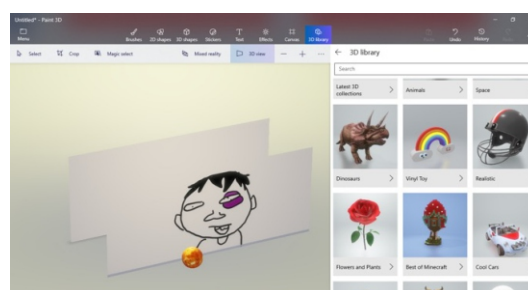
Microsoft Paint 3D

Với phần mềm Microsoft Paint 3D được phát triển dựa trên phiên bản Microsoft Paint cổ điển, do đó chúng có các tính năng như trên bản cổ điển cung cấp lựa chọn vẽ tự do trên mặt phẳng. Tuy nhiên, điều thú vị thực sự xảy ra khi học sinh hay người vẽ click vào nút 3D Objects. Tại đây, học sinh có thể lựa chọn mô hình mình mong muốn (người & động vật...), hoặc

nhập hoặc tự vẽ, rồi biến nó thành một mô hình 3 chiều có thể xoay và xem ở các góc khác nhau.

Sau đó, học sinh có thể chọn hoàn thiện hình dạng (bao gồm matte, gloss, dull metal, polished metal), sơn lên bề mặt và áp dụng hiệu ứng ánh sáng. Trong Microsoft Paint 3D, không có tính năng điều chỉnh độ dày của hiệu ứng 3D để đối tượng trông giống như được tạo bằng Puff Paints nhưng việc trẻ em ở lứa tuổi tiểu học có thể sử dụng Paint 3D để vẽ tranh có hiệu ứng 3 chiều đã là điều quá tuyệt vời, đem lại cho học sinh một trải nghiệm mới thú vị cũng như cách cảm nhận không gian 3 chiều, tạo hình 3D.

Thêm một tính năng đặc biệt của phần mềm này đó chính là thọc sinh có thể lựa chọn mô hình và điều chỉnh độ sâu, sau đó kết hợp lại với nhau thành một khung cảnh tạo nên một bức tranh hoàn chỉnh có nhiều lớp cảnh; Với phần mềm Microsoft Paint 3D các bạn học sinh còn đưa được các hình vẽ của mình vào thế giới thực, kể cả với những nét vẽ nguệch ngoạc, nếu như được kết nối với máy in 3D. Điều này có thể tạo cho học sinh một cảm nhận vô cùng thích thú, cũng như phát triển sự sáng tạo, ứng dụng vào thực tế cho học sinh.

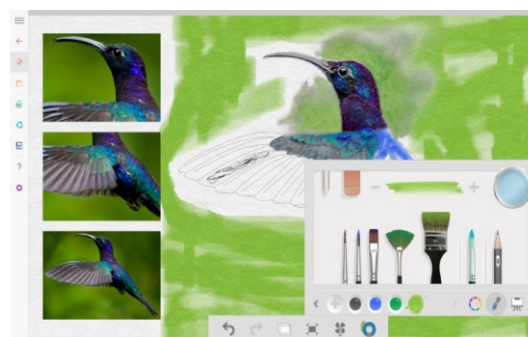


Microsoft Paint 3D - Phần mềm tạo & vẽ đồ họa 3D thân thiện với trẻ em

Nói chung tính năng của Microsoft Paint 3D gồm: Chuyển đổi bản vẽ thành mô hình 3D, lựa chọn hiệu ứng vẽ tranh phong phú, hiệu ứng 3D khá cơ bản...

Bên cạnh Microsoft Paint 3D, chúng ta còn có thể sử dụng phần mềm Microsoft Fresh Paint, đây cũng là một phần mềm được phát triển bởi Microsoft.

Microsoft Fresh Paint



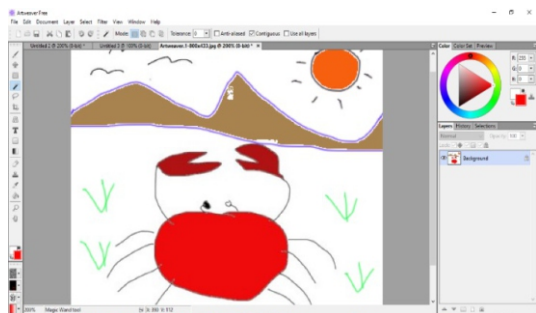
Microsoft Fresh Paint - Ứng dụng thân thiện trẻ em khác của Microsoft

Với mục đích tạo cảm giác vẽ thực như vẽ trên giấy cho người vẽ Fresh Paint được phát triển với các tính năng đơn giản, hiệu quả và dễ sử dụng với trẻ em

Fresh Paint được thiết kế với giao diện theo phong cách skeumorphism, mỗi khi người vẽ nhúng cây bút vẽ ảo vào bảng màu sẽ tạo ra một bảng màu lấp lánh, rất thu hút đối với các bạn nhỏ. Tính năng này còn cho bạn biết màu đang sử dụng và tạo ra một hình nền đẹp mắt. Với mong muốn tạo cảm giác chân thật cho người dùng như đang vẽ thật trên giấy, phần mềm còn cho phép bạn có thể rửa bút lông trong một cốc nước trước khi chọn màu khác (như khi vẽ màu nước thật) hoặc sử dụng ngay lựa chọn màu khác để hòa trộn chúng lại với nhau, tạo nên cảm giác trộn màu, tạo một hòa sắc màu mới.

Fresh Paint có thể mô phỏng màu nước, màu bột và tất cả các loại vật liệu khác, tạo nên sự phong phú, đa dạng trong chất liệu sử dụng, cũng như có thể giúp học sinh tiếp cận với mọi loại chất liệu trong hội họa khi các em chưa có cơ hội tiếp xúc ngoài đời thật. Ngoài ra, Fresh Paint giúp học sinh có thể tương tác với tác phẩm của mình khi vừa hoàn thành xong mà không cần đợi khô như vẽ thông thường, các em còn có thể làm nhòe và hòa trộn màu sắc như trên canvas. Với phần mềm này, học sinh có thể dễ dàng vẽ và vẽ màu theo mong muốn và sự sáng tạo của mình, thậm chí đối với họa sĩ chuyên nghiệp cũng có thể sử dụng phần mềm này để phát huy sáng tạo của mình bên ngoài những chất liệu truyền thống.

Phần mềm thứ ba chúng tôi muốn giới thiệu đó chính là phần mềm Artweaver Free do Boris Eyrych Software phát hành.



Artweaver Free - Công cụ vẽ truyền thống với lựa chọn cọ vẽ phong phú

Artweaver Free được đánh giá là một trong những phần mềm hàng đầu cho phép người dùng sáng tạo những bức tranh kỹ thuật số thực tế đẹp và áp dụng hiệu ứng cọ vẽ siêu chân thực, hoạt động vẽ được thực hiện dễ dàng bằng chuột, bút stylus hay ngay cả trên màn hình cảm ứng của thiết bị.

Ngoài các công cụ vẽ quen thuộc như bút conte, bút thư pháp, bút vẽ mỹ thuật, Artweaver Free còn có đa

dạng các mẫu họa tiết và kiểu bút khác nhau, từ đó người dùng có thể sử dụng chúng để tạo ra những tác phẩm mang tính chất phức tạp nhưng ít tốn công sức nhất. Bên cạnh đó, Artweaver Free cũng hoạt động dựa trên layer. Do đó, học sinh có thể xây dựng kiệt tác theo các lớp khác nhau mà vẫn thay đổi được mọi chi tiết sau đó. Artweaver Free với những tính năng chân thực, dễ tiếp cận được nhiều người sử dụng, kể cả đối với các họa sĩ chuyên nghiệp và người dùng ở mọi lứa tuổi và dễ thao tác đối với lứa tuổi học sinh tiểu học - lứa tuổi thích sáng tạo, tưởng tượng và thích thử nghiệm tất cả kiểu bút vẽ khác nhau.

Với ba phần mềm được giới thiệu ở trên và đưa vào ứng dụng trong thiết kế bài tập thực hành cho học sinh ở một số dạng chủ đề như ký họa, vẽ tranh đề tài... Dựa trên các phần mềm này, học sinh có thể thỏa sức sáng tạo với hoạt động vẽ tranh, sử dụng được các hiệu ứng đơn giản nhưng lại tạo được hiệu quả cao và đem đến cho học sinh sự trải nghiệm mới mẻ cho môn học. Một bức tranh sau khi hoàn thành vẽ nét, điều chỉnh bố cục, học sinh có thể vẽ màu với cách pha màu trên máy, tạo nên vô vàn những sắc độ khác nhau và hơn nữa còn giúp học sinh nhanh chóng chuyển tạo khối, tạo không gian, sử dụng hình ảnh trên hiệu ứng 3D... Thay vì sử dụng các đồ dùng học tập trong môn mỹ thuật như bút chì, tẩy, màu nước, màu sáp, màu chì, giấy, canvas... thì các em học sinh chỉ cần sử dụng thiết bị thông minh (máy tính, điện thoại, máy tính bảng) thì có thể thỏa sức vẽ, trải nghiệm với chiếc bút, bảng màu nhưng lại được thiết kế tạo cảm giác chân thật nhất cho các em. Điều này sẽ mang đến cho học sinh sự hứng thú trong học tập và thỏa sức sáng tạo trong môn học mỹ thuật, bên cạnh những hoạt động dạy - học mỹ thuật mang tính truyền thống không thể thay thế do cần đáp ứng những tính chất đặc thù của bộ môn.

Song hành cùng sự triển của thời đại, ảnh hưởng của đại dịch khiến mọi hoạt động đã có sự chuyển dịch hình thức làm việc, học tập trực tiếp, trực tuyến (online) và kết hợp giữa hai hình thức đó. Công tác dạy - học mỹ thuật ở cấp bậc tiểu học cũng như các bộ môn khác luôn đòi hỏi sự đổi mới, sáng tạo nhằm tạo nên hiệu quả cho giờ dạy và đáp ứng được nhu cầu thực tế. Chính vì vậy, việc ứng dụng Công nghệ thông tin với các phần mềm phù hợp, tiện dụng, thân thiện với học sinh vào trong công tác dạy - học online môn mỹ thuật sẽ đáp ứng được yêu cầu của thời đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Nhung (Chủ biên) (2015), *Tài liệu dạy học Mỹ thuật dành cho giáo viên tiểu học*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
2. Nhiều tác giả (người dịch Trần Ninh Bình) (2020), *Dạy Học Trong Cách Mạng Công Nghiệp Lần Thứ Tư*, NXB Trẻ

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIẢNG DẠY THANH NHẠC CHO NGÀNH SƯ PHẠM ÂM NHẠC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TW

NGUYỄN THỊ THU HẰNG

Email: hangtcspttw@gmail.com

Trường ĐHSP Nghệ thuật TW

ASSESSMENT OF INFORMATION TECHNOLOGY APPLICATION ACTIVITIES IN VOCAL TEACHING FOR MUSIC PEDAGOGY, NATIONAL UNIVERSITY OF ARTS EDUCATION

TÓM TẮT

Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học là một trong những nhân tố góp phần sự phát triển của nền giáo dục 4.0 và là yêu cầu chuyển đổi số trong ngành giáo dục, đào tạo. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy giúp giảng viên sử dụng các phương pháp giảng dạy truyền thống kết hợp các phương pháp giảng dạy tích cực một cách hiệu quả hơn. Trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Âm nhạc của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng về nghệ thuật ca hát và nhiều năng lực khác nhau; đồng thời giảng viên cần sử dụng kết hợp nhiều phương pháp trong suốt một quá trình dạy học, truyền cảm hứng nghệ thuật bằng nhiều phương tiện tới sinh viên. Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình giảng dạy thanh nhạc có nhiều ưu điểm bởi sẽ tạo động lực thúc đẩy sinh viên học tập. Do đó, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành Sư phạm Âm nhạc, đáp ứng cho chương trình giáo dục phổ thông mới và góp phần cho yêu cầu đổi mới giáo dục nghệ thuật hiện nay thì chúng ta cần đánh giá việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy thanh nhạc.

Từ khóa: Đánh giá, Ứng dụng, Công nghệ thông tin, Dạy học, Thanh nhạc

ABSTRACT

Applying information technology in teaching is one of the factors contributing to the development of education 4.0 and is a requirement for digital transformation in the education and training industry. Applying information technology in teaching helps teachers to use traditional teaching methods in combination with active teaching methods more effectively. In the university-level training program in Music Pedagogy of the Central University of Arts Education, equipping students with knowledge and skills in the art of singing and many different capacities; At the same time, teachers need to use a combination of methods throughout a teaching process, to inspire art by many means to students. The application of information technology in vocal teaching has many advantages because it will motivate students to study. Therefore, to improve the training quality of Music Pedagogy, meet the new general education program, and contribute to the current requirements of innovation in art education, we need to evaluate the application of this technology. Information technology in music teaching.

Keywords: Assessment, Application, Information Technology, Teaching, Vocal

1. Cơ sở lý luận về đánh giá hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy bộ môn thanh nhạc

Mỗi hoạt động trong thực tiễn để có hiệu quả thì cần đánh giá và đưa ra các nhận xét, từ đó có thể đưa ra các biện pháp nhằm cải tiến hoạt động này. Vậy khái niệm đánh giá trong dạy học là quá trình thu thập, chỉnh lý thông tin về quá trình giảng dạy; từ đó đưa ra các nhận xét, phán đoán nhằm điều chỉnh quá trình giảng dạy của giảng viên để đạt mục tiêu của quá trình dạy học.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học được hiểu là giảng viên ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động giảng dạy, nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng của Bài giảng của mình. Qua đó, giúp trang bị cho sinh viên những đơn vị kiến thức, kỹ năng, các phương pháp giải quyết vấn đề... cùng với đó tạo động lực cho sinh viên phát triển khả năng tư duy, sáng tạo, phát triển toàn diện các giác quan. Bằng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, giảng viên có thể giúp sinh viên của mình hiểu thêm, sâu hơn và cập nhật về thế giới xung quanh, tự tìm hiểu nhận thức, tri thức của nhân loại được nhiều thông tin mới hơn.

Khi được sử dụng đúng mục đích học tập và mang lại hiệu quả, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học sẽ tác động đến sinh viên tích cực. Chúng trở thành công cụ để khám phá nguồn tri thức nhân loại bất tận, giúp người học tiếp cận những thông tin nhanh chóng và chính xác thông qua nguồn tài nguyên được lưu trữ trên máy tính, internet, mạng xã hội, Youtube hay các website chia sẻ. Ngoài ra, công nghệ thông tin còn tác động tới việc xây dựng kiến thức sáng tạo, sự hiểu biết và giúp biểu thị các ý tưởng của người học.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học nhằm cải tiến nội dung, phương pháp giảng dạy, tránh việc những kiến thức đơn điệu một chiều trong giáo trình, tài liệu và đôi khi là quá tải. Việc ghi chép cũng như ghi bài thụ động của sinh viên cũng sẽ được hạn chế. Qua đó cũng sẽ giúp các sinh viên tích cực hơn trong khi tham gia nghiên cứu bài giảng. Đây chính là điều các giảng viên hướng tới và các bài giảng sẽ ngày càng tích cực và có hứng thú hơn.

Thanh nhạc được định nghĩa là một bộ môn khoa học trừu tượng, chuyên nghiên cứu những âm thanh do bộ máy phát âm của con người tạo ra và đã được âm nhạc hóa. Định nghĩa trên có thể khá trừu tượng và chúng ta có thể sẽ khó hiểu, không hình dung đâu sẽ được gọi là thanh nhạc. Thực chất thanh nhạc nói một cách dễ hiểu là sự kết hợp giữa ngôn ngữ và âm nhạc, yếu tố chủ chốt ở đây là giọng hát của người hát, giọng hát sẽ là nhạc cụ chính của bản nhạc. Do đó,

trong thời kỳ chuyển đổi số việc áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy thanh nhạc hỗ trợ khi giảng viên chỉ dạy theo hướng như làm mẫu, thị phạm, hướng dẫn trực tiếp..., dẫn đến việc sinh viên thời gian đầu học thanh nhạc sẽ khó hình dung ra những kiến thức mang tính trừu tượng, cụ thể như: mô tả cấu tạo của bộ máy phát âm, từ đó xác định được vị trí âm thanh, cách lấy hơi, điều tiết hơi thở, cách phát âm các nguyên âm, nguyên âm kết hợp với phụ âm... những vấn đề đó, giảng viên phải thị phạm, giải thích nhiều lần, nếu kết hợp sử dụng công nghệ thông tin như: sử dụng hình ảnh trực quan, sử dụng nhạc beat, video hướng dẫn thực hành, những video của nhiều ca sĩ thì sinh viên sẽ ghi nhớ tiếp đến mô tả và áp dụng và có thể tự học tập, rèn luyện kỹ năng theo những tình huống giảng viên cung cấp điều này dẫn đến việc học động tự học đạt hiệu quả cao.

Để đạt được kết quả tốt trong giảng dạy thanh nhạc, giảng viên cần sử dụng phương pháp dạy học tích cực; Bởi vì phương pháp dạy học tích cực được coi là phương pháp dạy học mà giảng viên sẽ không đưa ra kết luận cuối cùng mà thay vào đó là việc đưa ra những gợi ý mang tính gợi mở vấn đề để cùng sinh viên thảo luận, tìm ra kết quả cuối cùng. Phương pháp này tập trung vào việc sử dụng tư duy sáng tạo, chủ động, tích cực của sinh viên làm nền tảng và giảng viên chỉ là người hướng dẫn và gợi mở vấn đề. Để có thể áp dụng phương pháp dạy học tích cực vào dạy học đòi hỏi giảng viên phải là người có chuyên môn, kiến thức sâu rộng sự bản lĩnh, nhiệt thành và hoạt động hết mình trong công việc. Thực tiễn các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy nghệ thuật nói chung và giảng dạy thanh nhạc nói riêng đã được giảng viên sử dụng một cách linh hoạt, mang tính đặc thù riêng biệt. Hiện nay có rất nhiều phương pháp dạy học tích cực được các nhà nghiên cứu giáo dục đưa ra nhằm cải thiện khả năng tiếp thu kiến thức đồng thời phát triển kỹ năng toàn diện của sinh viên. Tuy nhiên, để áp dụng hiệu quả các phương pháp, giảng viên cần phân tích bài giảng, chọn ra phương pháp dạy học phù hợp nhất. Sau đây là những hệ thống phương pháp dạy học tích cực phân loại theo hướng tiếp cận nổi bật:

- *Phân loại theo hình thức hoạt động của các chủ thể* trong quá trình dạy học hình thức hoạt động của người dạy có phương pháp thông báo, giải thích, diễn giải, thuyết trình, làm mẫu... Người học có phương pháp luyện tập, thực hành, bắt chước, tự học...

- *Phân loại theo con đường tiếp nhận tri thức*: trong đó giảng viên có phương pháp dùng lời để giải thích, diễn giảng... Phương pháp trực quan như minh họa, trình diễn làm mẫu...

- *Phân loại theo hướng tiếp cận các phương pháp* như: Phương pháp truyền thông, cổ điển, hiện đại,

EDUCATION

tái tạo, khám phá... trong đó giảng viên luôn phát huy tính sáng tạo, tích cực của người học, đó là vấn đề rất cần thiết trong dạy và học âm nhạc

- *Phân loại theo đặc điểm nhận thức của người học:*
dạy học theo các mục tiêu, nhận thức cho từng đối tượng với những phương pháp Thuyết trình hướng tới người học ghi nhớ được nội dung bài giảng, phương pháp Tái tạo (lập lại thao tác theo mẫu) nhằm đến mục tiêu làm cho người học hiểu phù hợp với nội dung học tập mục đích hình thành kỹ năng, kỹ xảo, thuần thục với nội dung dạy học. Người học nhận diện, hiểu rõ vấn đề, hướng tới phát triển thực hiện các thao tác đơn lẻ... để nâng cao tiếp thu được kiến thức của giờ học, giảng viên phải sử dụng phương pháp nêu vấn đề - tình huống giúp người học vận dụng các kỹ năng để giải quyết, khám phá những vấn đề của nội dung bài học.

Trong động dạy học môn học thanh nhạc mang tính đặc thù, giảng viên luôn hướng tới mục tiêu cuối cùng để người học hoàn thiện các tác phẩm thanh nhạc, các tiết mục biểu diễn thanh nhạc. Hoàn thiện về thuộc tính của âm thanh, hình thức, tính chất của tác phẩm, kỹ năng trình diễn tác phẩm và hàng loạt những kỹ thuật (Musical Technique)

Theo phân loại theo tiếp cận trên, một số phương pháp dạy học tích cực cụ thể hóa như sau:

- *Phương pháp dạy học theo nhóm*

Đối với giảng dạy bộ môn thanh nhạc mang tính đặc thù, quy mô lớp từ 02 đến 05 sinh/1 nhóm (hệ sư phạm âm nhạc hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học) viên trên 1 nhóm, một buổi học có thể có 2 đến 5 nhóm học, giảng viên đưa ra mỗi nhóm một chủ đề yêu cầu thảo luận trong một thời gian nhất định, ví dụ như: nhóm sẽ thảo luận về nội dung, cách thể hiện một tác phẩm nhạc Việt Nam; nhạc nước ngoài... Các nhóm sẽ thảo luận vấn đề của mình được giao và trình bày trước lớp những kiến thức cơ bản và rút ra kết luận của nhóm. Giảng viên có thể đặt điều kiện cho mỗi thành viên trong nhóm đều có khả năng trình bày và trả lời câu hỏi của các nhóm khác để ra.

Ưu điểm: Phát huy tinh thần làm việc theo nhóm, giúp sinh viên cải thiện khả năng tự học, sáng tạo, và có trách nhiệm hơn. Ngoài ra còn giúp mỗi thành viên trong nhóm đào sâu hơn kiến thức về vấn đề được giao.

Nhược điểm: Năng lực và số lượng thành viên trong một nhóm khó đồng đều, nếu phần thảo luận nhóm không hiệu quả thì chất lượng buổi học cũng không hiệu quả.

- *Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình*

Với phương pháp này, giảng viên sẽ kể một câu

chuyện bằng âm nhạc, hoặc cho sinh viên xem video, nghe đoạn nhạc, phân đệm cho bài tập của (tác giả Nicola Vaccaj (1790 - 1848); tác giả Conconne (1836); các ca sĩ tiêu biểu cho phong cách âm nhạc Cổ điển thánh phòng: Luciano Pavarotti (1935 - 2007 Italia); Andrea Bocelli (Italia); Sarah Brighman (Berkhamsted Vương quốc Anh); NSND Quốc Hưng, Nghệ sĩ Lan Anh, Nghệ sĩ Đăng Dương (Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam); Phong cách âm nhạc mang âm hưởng dân gian: Nghệ sĩ Anh Thơ, Nghệ sĩ Tân Nhân (Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam...)) phong cách nhạc nhẹ: Celine Deon (Canada); Sam Smith (Anh); Dua Lipa (Anh) Nghệ sĩ Tùng Dương, Nghệ sĩ Thanh Lam; Ca sĩ Hương Tràm; Ca sĩ Hồ Quỳnh Hương... của Việt Nam và thế giới về giai điệu âm thanh. Sau đó đưa ra vấn đề của tình huống và giao nhiệm vụ cho sinh viên thực hành tìm ra cách thức luyện âm và kiến thức, kỹ năng có trong tình huống đó.

Ưu điểm: Đây là một phương pháp tạo hứng thú trong việc động não, nâng cao khả năng tư duy của sinh viên, đặc biệt trong giảng dạy thanh nhạc, phương pháp này mang tính hiệu quả cao, giúp

Nhược điểm: Hình thức tổ chức công kênh cần nhiều thiết bị, đồ dùng phụ trợ, nếu tiết học diễn ra ngắn sẽ không đủ thời gian để vừa đưa ra tình huống, vừa giải quyết vấn đề và đưa ra kết luận.

- *Phương pháp nhập vai*

Trong phương pháp này, giảng viên sẽ đưa ra một hoặc nhiều tình huống là những video, clip của các ca sĩ, nghệ sĩ biểu diễn thanh nhạc, chia lớp thành nhiều nhóm nhập vai và diễn thử các bài hát với những cách xử lý tác phẩm khác nhau của các ca sĩ, nghệ sĩ... Tuy nhiên việc nhập vai diễn theo tình huống là một phần, phần chính là từng nhóm phải đưa ra được kết luận cách xử lý và trình diễn tác phẩm. Cuối cùng giảng viên sẽ đưa ra định hướng về những kết luận đó phần nào đúng và chưa đúng giúp sinh viên hiểu sâu hơn về giá trị của cách điều tiết và sử dụng hơi thở, cách phát âm trên mỗi âm khu của giọng hát, thể hiện sắc thái tình cảm trong mỗi tác phẩm.

Ưu điểm: Giúp buổi học trở nên thú vị, phát huy được năng khiếu tiềm ẩn của mỗi sinh viên. Gắn kết các thành viên trong nhóm và giúp nâng cao khả năng giao tiếp.

Nhược điểm: Thời gian chuẩn bị khá lâu, cần có một kế hoạch rõ ràng. Năng khiếu thành viên của mỗi nhóm dễ bị chênh lệch.

- *Phương pháp tổ chức trò chơi*

Đây là phương pháp lồng ghép trò chơi vào bài học để giải quyết một vấn đề nào đó. Đây được coi là một

EDUCATION

trong những phương pháp dạy học mới giúp tăng sự hứng thú, kích thích sinh viên tìm hiểu vấn đề mạnh mẽ hơn.

Ưu điểm: Không tốn nhiều thời gian của tiết học, tạo không khí sôi động, kích thích sự hiểu thấu, giúp sinh viên tìm tòi kiến thức bài học sâu hơn.

Nhược điểm: Khó kiểm soát sự tham gia đồng đều của sinh viên, có khả năng gây ồn ào, mất kiểm soát về trật tự lớp học.

- Phương pháp dự án

Phương pháp dạy học theo dự án là một hình thức dạy học mà sinh viên được học dưới sự điều khiển và giúp đỡ của các giảng viên, nhưng phải tự giải quyết nhiệm vụ học của mình, nó đòi hỏi sự kết hợp cả về mặt lý thuyết và thực hành. Thông qua quá trình nó sẽ tạo ra những sản phẩm học tập.

Ưu điểm: Phương pháp này là một phương pháp học tập hiện đại kích thích được sinh viên tìm tòi và thực hành kiến thức được học để tạo ra sản phẩm của mình

Nhược điểm: Phương pháp này khi áp dụng sẽ mất nhiều thời gian, để áp dụng phương pháp này giảng viên cần

Đánh giá việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy bộ môn thanh nhạc. Quá trình giảng dạy thanh nhạc để khẳng định có chất lượng hay, chúng ta cần phải đánh giá hiệu quả khi ứng dụng công nghệ thông tin này ra sao. Việc thực hiện có đạt hiệu quả chất lượng hay không? Vậy để thực hiện đánh giá chúng ta cần đánh giá trên các phương diện sau: Một là cần đánh giá hiệu quả của hoạt động giảng dạy của giảng viên thanh nhạc khi sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin; Hai là cần đánh giá hiệu quả tự học tập của sinh viên thanh nhạc xem xét quá trình các em có thể tự tìm tòi những tri thức hay không trên các phương tiện thông tin (Internet, Youtube, ZingMp3...); Ba là cần đánh giá hiệu quả khi áp dụng các hình thức phương pháp dạy học tích cực; Bốn là cần áp dụng chuyển đổi số vào đào tạo và cần có cơ sở vật chất, phương tiện của nhà trường cung cấp cho việc đánh giá hiệu quả này không? Năm là cán bộ, giảng viên có thật sự tâm huyết với phương pháp giảng dạy áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, quá trình đào tạo. Như vậy, hiệu quả của đánh giá việc ứng dụng công nghệ thông tin chính là kết quả sinh viên đạt được mục tiêu năng lực thực hành thanh nhạc thông qua khả năng tự tư duy sáng tạo của người học. Với con đường tự học chính là con đường thành công nhất để sinh viên đạt đến năng lực ngắn nhất và hiệu quả nhất. Để giúp quá trình thành công của sinh viên thanh nhạc cần có những yếu tố tác động từ bên ngoài như đầy đủ cung cấp tài liệu, đoạn nhạc, nhạc

đệm, nguồn dẫn Youtube...

2. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy thanh nhạc cho sinh viên ngành Sư phạm Âm nhạc Trường đại học sư phạm Nghệ thuật TW

Hiện nay, Bộ GD-ĐT đang triển khai mạnh mẽ hoạt động chuyển đổi số trong ngành giáo dục và đào tạo; thực tế đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật; Đặc biệt kể từ khi 2 năm trở lại đây, đại dịch Covid 19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự phát triển về mọi mặt toàn cầu. Công nghệ thông tin cũng khẳng định được vai trò của mình đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học. Học online hay sử dụng giáo án điện tử trở thành phương pháp giảng dạy phổ biến. Tất cả các giảng viên cần chuẩn bị cho mình máy tính riêng, phương tiện nhạc cụ cũng như sử dụng thành thạo các kỹ năng và phần mềm hỗ trợ. Sinh viên cần chuẩn bị những công nghệ thông minh, nhạc cụ để tham gia học, tối thiểu là chiếc smartphone.

Trong thời gian qua, hoạt động dạy học Online với các bậc học nói chung và đặc biệt trong giáo dục nghệ thuật nói riêng, đã đem lại những kết quả ngoài sự mong đợi, đánh dấu một sự kiện trong “Ứng vận biến” của đời sống xã hội, khi có biến cố về dịch bệnh xảy ra, giảng dạy bộ môn thanh nhạc không nằm ngoài kết quả mong đợi đó, cụ thể: khi dạy online trên phần mềm Microsoft Teams; Zoom... giảng viên và sinh viên có sự tiếp cận đặc tả hơn về những vấn đề cần giải quyết trong tiết dạy thanh nhạc đó là quan sát cách phát âm, nhả chữ, kiểm soát khẩu hình hay cách xác định vị trí âm thanh của sinh viên... chia sẻ các bài tập, bản nhạc hiệu quả hơn, giúp sinh viên tập theo nhạc đệm bằng Piano hay dùng nhạc Beat để hoàn thành các tác phẩm thanh nhạc thuận lợi hơn.. Tuy nhiên, các hoạt động dạy học thanh nhạc online gặp một số khó khăn:

Thứ nhất, Hoạt động dạy học thanh nhạc yêu cầu sinh viên cần thực hành trực tiếp với sự hướng dẫn của giảng viên. Với âm thanh mang tính chính xác về cao độ, âm sắc, cách đặt âm thanh cho đúng vị trí... khi giảng dạy Online sẽ khá hạn chế do trường truyền mạng và do hiệu ứng, tần số của âm thanh khi người dạy và người học tương tác.

Thứ hai, cơ sở vật chất đáp ứng với việc học thanh nhạc yêu cầu đảm bảo đầy đủ hơn so với một số ngành khác, cụ thể không gian phòng học, các trang thiết bị cần có để sinh viên có thể thực hành quá trình học tập của mình.

Thứ ba, một ngành học thường mang yếu tố về năng khiếu; do đó cần có các chính sách đãi ngộ cho giảng viên giảng dạy là không thể thiếu.

Hiện nay, việc áp dụng công nghệ thông tin trong

đào tạo không chỉ là chủ trương của ngành giáo dục và đào tạo, mà nó còn yêu cầu cần thiết để đáp ứng với giảng dạy; Bởi nếu chúng ta không đổi mới sẽ đáp ứng với nhu cầu của sinh viên hiện nay. Sinh viên ngày nay hàng ngày luôn tiếp xúc và sử dụng công nghệ thông tin. Vậy chúng ta sử dụng thì đánh giá hiệu quả để đưa ra các biện pháp giải quyết những điểm còn khó khăn.

3. Biện pháp đánh giá ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy bộ môn thanh nhạc cho ngành Đại học Sư phạm Âm nhạc

Như trong phần thực trạng đã chỉ ra những khó khăn khi ứng dụng CNTT trong giảng dạy; vậy để đánh giá hoạt động ứng dụng này, chúng ta cần phải thực hiện một số biện pháp sau:

Một là, Nâng cao nhận thức đối với cán bộ QLGD, giảng viên giảng dạy thanh nhạc về cần đánh giá các hoạt động tốt các hoạt động giảng dạy của giảng viên thanh nhạc, cùng với đó đánh giá ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy bộ môn thanh nhạc.

Hai là, Xây dựng các tiêu chí đánh giá hiệu quả khi ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy bộ môn thanh nhạc dựa trên các yếu tố hiệu quả giảng dạy, học tập. Kiến thức kỹ năng của mỗi sinh viên thanh nhạc sau khi thực hiện nhiệm vụ của mình. Đánh giá kết quả học tập khi cá thể phối hợp với học tập nhóm. Đánh giá sự kết hợp giữa giảng viên và sinh viên thông qua giảng dạy thanh nhạc sư phạm

Ba là, đối với bất kỳ hoạt động nào thì vai trò hoạt động tổng kết rút kinh nghiệm vô cùng quan trọng, nhất là trong công tác đánh giá kết quả. Hoạt động này đòi hỏi cán bộ quản lý và giảng viên cần nhìn nhận rõ ưu điểm, nhược điểm; từ đó có biện pháp khắc phục nhược điểm.

Bốn là, Sử dụng phương pháp dạy học tích cực là một việc làm vô cùng cần thiết đối với yêu cầu đổi mới giáo dục âm nhạc hiện nay. Tuy nhiên, nếu giảng viên sử dụng các phương pháp dạy học tích cực tốt mà không có sự tạo điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường cho hoạt động này thì hoạt động tự học của sinh viên là vấn đề rất khó khăn.

Năm là, tăng cường chính sách đãi ngộ cho giảng viên hoạt động tích cực áp dụng phương pháp này; bởi quá trình giảng dạy của giảng viên rất vất vả thông qua vai trò người huấn luyện, đạo diễn ... phát huy hết khả năng sáng tạo của người học. Do đó, nhà trường cần tạo chính sách đãi ngộ thông qua kinh phí và vật chất, thời gian cho giảng viên.

Kết luận

Đánh giá hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin

trong giảng dạy bộ môn thanh nhạc là một điều cần thiết hiện nay; bởi tính đặc thù của môn học âm nhạc thông qua sự nhận thức chủ yếu phát huy cao năng khiếu của mỗi sinh viên. Trong bài viết này là nghiên cứu của tác giả đưa ra một số những quan niệm, biện pháp ... nhằm giải quyết tốt những vấn đề về đánh giá ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy bộ môn thanh nhạc. Như vậy, để làm tốt chúng ta cần có những bước đi đúng đắn hiệu quả nhằm góp phần đẩy mạnh yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục, đào tạo Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Lăng Bình (chủ biên) - Đỗ Hương Trà (2022), *Dạy và học tích cực - Một số phương pháp dạy và kĩ thuật dạy học*, NXB Đại Học Sư Phạm, Hà Nội
2. Nguyễn Đức Chính – Trần Hữu Hoan (đồng chủ biên) (2020), *Quản trị phát triển chương trình giáo dục nhà trường*, NXB Giáo dục Việt Nam
3. Trường Đại Học Sư Phạm Hà Nội(2016), *Dạy Học Tích Hợp Phát Triển Năng Lực Học Sinh*, NXB Đại Học Sư Phạm, Hà Nội
4. Đặng Bá Lãm (2003), *Kiểm tra, đánh giá trong dạy - học đại học*, NXB Giáo dục.
5. Lưu Khánh Linh (2020), *Đánh giá kết quả học tập học phần theo chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đảm bảo sự liên kết các thành tố của quá trình dạy học*, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt kỳ 1 tháng 5/2020.
6. Nguyễn Thành Nhân (2014), *Đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo hướng tiếp cận năng lực*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Concone (1836), *Fifty Lesson For Medium Voice - Vocal*. Schirmer's Library of Musical Classics.
8. Nguyễn Trung Kiên (1998), *Phương pháp sư phạm thanh nhạc*, Nhạc viện Hà Nội.

THẺ LÊ GỬI BÀI

2

1

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TẠP CHÍ

Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật là đơn vị trực thuộc Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép xuất bản báo chí toàn quốc. Tạp chí được Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước công nhận trong danh sách các Tạp chí được tính điểm công trình khoa học quy đổi. Đây là tạp chí công bố những công trình nghiên cứu gốc, bài tổng quan, bài bình luận, bài giới thiệu tác phẩm, tài liệu và những tin tức, nhân vật, sự kiện liên quan đến tất cả các khía cạnh trong lĩnh vực nghiên cứu văn hóa nghệ thuật, giáo dục học, văn học.

Tạp chí xuất bản: 04 số/năm
Thời gian dự kiến xuất bản: Tháng 3, tháng 6, tháng 9, tháng 12

Ngôn ngữ xuất bản: Tiếng Việt (có tóm tắt bằng tiếng Anh).

2. QUY ĐỊNH CHUNG

■ Bài gửi đăng là bài chưa được gửi hay đăng trên bất kỳ một tạp chí trong nước và quốc tế nào khác.

■ Bài đăng gửi tới Tòa soạn gồm 01 bản in và 01 bản điện tử. Bài báo được trình bày trên hệ soạn thảo Microsoft Word, bảng mã Unicode, font chữ Times New Roman. Bài báo tối thiểu trên 2000 từ và không quá 4000 từ, có hình, ảnh, bảng, biểu, tài liệu tham khảo.

■ Cấu trúc bài báo:

- Tên bài báo: cần ngắn gọn nhưng thể hiện nội dung chính của bài báo.

- Tóm tắt: được trình bày dưới dạng một đoạn văn ngắn gọn (không quá 250 từ), thể hiện tầm quan trọng, mục đích nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, những kết quả và kết luận chủ yếu của bài báo. Dưới mục tóm tắt tiếng Việt có phần “từ khóa”, dưới mục tóm tắt tiếng Anh có “Key words” tối thiểu 3 từ/cụm từ

- Nội dung bài báo được trình bày theo trình tự sau:

+ Đặt vấn đề: tóm tắt tình hình nghiên cứu, tính thời sự, cấp thiết, xác định mục tiêu, phương pháp nghiên cứu;

+ Giải quyết vấn đề: giải quyết vấn đề nghiên cứu bằng những lập luận chặt chẽ, có cơ sở khoa học. Các số liệu, kết quả thu được phải biện luận rõ ràng, chính xác, chỉ rõ nguồn trích dẫn; Các hình, ảnh, bảng, biểu cần được đánh số thứ tự, trình bày rõ ràng.

+ Kết luận: khẳng định lại những kết quả nghiên cứu rút ra từ công trình này và nêu các đề xuất.

- Danh mục tài liệu tham khảo: Phần tài liệu tham khảo chỉ dẫn những tài liệu liên quan đến bài viết và được đánh số đặt trong ngoặc vuông theo quy cách như sau:

+ Đối với các tài liệu là sách, luận văn, báo cáo: Tên tác giả hoặc cơ quan ban hành, năm xuất bản, tên sách (Luận văn, báo cáo), nhà xuất bản (Nxb).

+ Đối với tài liệu là bài báo: Tên tác giả, năm xuất bản, “Tên bài báo”, tên tạp chí, số tạp chí, số trang (Từ trang... đến trang...), tên tòa soạn.

Tác giả gửi 1 bản in giấy và 1 bản điện tử (qua email, USB hay đĩa CD) của bản thảo bài báo tới Thư ký của Tạp chí. Ngay sau khi bài báo được chấp nhận đăng, tác giả ký vào Bản cam kết đăng bài trên Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật.

Ban biên tập chỉ nhận những bài đã định dạng rõ ràng, hình vẽ rõ nét (chất lượng cao), theo đúng quy định của tòa soạn. Nếu bài không được đăng, Ban biên tập không trả lại bản thảo.

Cuối bài ghi rõ: họ và tên, địa chỉ, số điện thoại, e-mail để tòa soạn liên lạc.

Địa chỉ: Tạp chí Giáo dục Nghệ Thuật, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Số 18, Ngõ 55, Đường Trần Phú, Quận Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 6 251 6417

E-mail: bbt.tapchi@spnttw.edu.vn





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 18, Ngõ 55, Đường Trần Phú, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội * Website: www.spnttw.edu.vn * Tel: (84) 024.38544468



TRÌNH ĐỘ CHUYÊN SÂU

VIỆC LÀM TỐT - LƯƠNG CAO

**BẰNG TỐT NGHIỆP
DANH GIÁ**

KIẾN THỨC THỰC TẾ

KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM

TƯ VẤN TUYỂN SINH

ĐIỆN THOẠI: 0243.8547301 * HOTLINE: 0947 39 22 29

